

Giải Nghĩa
KINH THÁNH

Phúc Âm Mác

Warren W.
Wiersbe

Giải Nghĩa
KINH THÁNH

Phúc Âm Mác

Warren W.
Wiersbe

VĂN PHẨM NGUỒN SỐNG

Phuc Am Mac

Vietnamese Edition

Copyright 2015 Voice Media

info@VM1.global

Web home: www.VM1.global

All rights reserved. No part of the publication may be reproduced, distributed or transmitted in any form or by any means, including photocopying, recording, or other electronic, or mechanical methods, without the prior written permission of the publisher, except in the case of brief quotations embodied in critical reviews and certain other noncommercial uses permitted by copyright law. For permission requests, email the publisher, addressed “Attention: Permission Coordinator,” at the address above.

This publication **may not be sold, and is for free distribution** only.

LỜI GIỚI THIỆU

Phúc Âm Mác trình bày Chúa Cứu Thế Giê-xu như là “Người Đầy Tớ Đau Khổ” của Đức Chúa Trời, đến trần gian không phải để được phục vụ nhưng để phục vụ đến nỗi cuối cùng kết thúc cuộc đời phục vụ bằng sự hy sinh trên thập tự giá. *Phúc Âm Mác* chú trọng đến việc làm của Chúa Giê-xu hơn là lời giảng dạy của Ngài. Qua *Phúc Âm Mác*, chúng ta thấy một Chúa Cứu Thế luôn bận rộn trong công tác phục vụ nhằm đáp ứng nhu cầu thể xác lẫn tâm linh của mọi hạng người.

Tập giải nghĩa *Phúc Âm Mác* nằm trong bộ giải nghĩa Kinh Thánh “Be Series” của Tiến sĩ Warren W. Wiersbe, một giáo sư Kinh Thánh nổi tiếng hiện nay. Qua từng chương của *Phúc Âm Mác*, Warren W. Wiersbe không những làm nổi bật cuộc đời Chúa Cứu Thế Giê-xu như là gương mẫu cho chúng ta trong công tác phục vụ, nhưng còn khích lệ mỗi chúng ta trở nên những đầy tớ nhiệt thành phục vụ Chúa và tha nhân.

Được phép của nhà xuất bản SP Publications, Inc., Cook Communications Ministries, Văn Phẩm Nguồn Sống sẽ lần lượt dịch, hiệu đính và ấn hành trọn bộ giải nghĩa Kinh Thánh Tân Cựu Ước này để đáp ứng nhu cầu học hỏi Lời Chúa của các tột con cái Chúa. Chúng tôi ước ao được sự đón nhận và đóng góp ý kiến của tất cả quý vị.

Văn Phẩm Nguồn Sống
Tháng 1, 2000

MỤC LỤC

1. Đầy Tớ Của Đức Chúa Trời Hiện Ở Đây!	5
(Mác 1)	
2. Điều Người Đầy Tớ Ban Cho Bạn	21
(Mác 2:1—3:12)	
3. Người Đầy Tớ, Đoàn Dân Đông Và Vương Quốc	37
(Mác 3:13—4:34)	
4. Người Đầy Tớ Chiến Thắng	53
(Mác 4:35—5:43)	
5. Ai Sẽ Tin Cây Người Đầy Tớ Của Đức Chúa Trời	69
(Mác 6:1-56)	
6. Người Đầy Tớ Giảng Dạy	84
(Mác 7:1—8:26)	
7. Những Bí Mật Của Người Đầy Tớ	101
(Mác 8:27—9:50)	
8. Những Nghịch Lý Trong Lời Dạy Của Người Đầy Tớ	118
(Mác 10:1-53)	
9. Đầy Tớ Tại Giê-ru-sa-lem	135
(Mác 11:1—12:44)	
10. Người Đầy Tớ Tiết Lộ Tương Lai	154
(Mác 13:1-37)	
11. Người Đầy Tớ Chịu Khổ	168
(Mác 14:1—15:20)	
12. Người Đầy Tớ Hoàn Tất Công Tác	187
(Mác 15:21—16:20)	

DÀN BÀI PHÚC ÂM MÁC

Chủ đề: Chúa Cứu Thế Giê-xu, Người Đầy Tớ
Câu gốc: *Mác 10:45*

I. GIỚI THIỆU NGƯỜI ĐẦY TỚ - 1:1 - 13

II. CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI ĐẦY TỚ TẠI GA-LI-LÊ - 1:14 - 9:50

- A. Thời Kỳ Công Khai, 1:14 - 6:29
- B. Thời Kỳ Lánh Mặt, 6:30 - 9:32
- C. Thời Kỳ Hoàn Tất, 9:33 - 50

III. HÀNH TRÌNH CỦA NGƯỜI ĐẦY TỚ ĐẾN GIÊ-RU-SA-LEM - 10

IV. CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI ĐẦY TỚ TẠI GIÊ-RU-SA-LEM - 11 - 16

- A. Dạy Dỗ Công Khai Và Tranh Luận, 11:1 - 12:44
- B. Dạy Dỗ Các Môn Đệ Và Chức Vụ, 13:1 - 14:31
- C. Bị Bắt, Xử Án, Và Bị Đóng Đinh, 14:32 - 15:47
- D. Phục Sinh Và Thăng Thiên, 16

Đầy Tớ Đức Chúa Trời Hiện Ở Đây!

Mác 1

Tiến sĩ Paul S. Rees đã nói “Phúc Âm không phải là một sự bàn cãi hay tranh luận mà là một sự công bố!”

Mác đã nhanh chóng công bố ngay trong lời mở đầu sách Phúc Âm của ông. Ma-thi-ơ, chủ yếu viết cho người Do Thái, đã mở đầu bằng một gia phả. Ông đã chứng minh cho độc giả của mình rằng Chúa Giê-xu Christ quả thực là người thừa kế hợp pháp ngôi vua của Đa-vít. Lu-ca tập trung vào chức vụ đầy cảm thông của Chúa Giê-xu như là Con Người, nên ông dành những chương đầu của sách Phúc Âm Lu-ca để ký thuật lại sự giáng sinh của Đấng Christ. Lu-ca nhấn mạnh đến nhân tính của Đấng Christ, vì ông biết rằng các độc giả người Hy Lạp sẽ đồng cảm với Hài nhi Giê-xu Toàn Hảo sau này lớn lên thành Con Người Toàn Hảo.

Phúc Âm Giăng bắt đầu bằng một lời phát biểu về cõi đời đời! Tại sao vậy? Vì Giăng viết để chứng minh với cả thế gian rằng Giê-xu Christ người Na-xa-rét chính là Con Đức Chúa Trời (Giăng 20:31). Chủ đề của Phúc Âm Giăng là thần tính của Đấng Christ, nhưng mục đích của sách Giăng là khích lệ độc giả của ông tin vào Đấng Christ này và nhận được sự sống đời đời.

Còn Phúc Âm Mác có chủ đích gì? Mác được viết cho người La Mã với chủ đề Giê-xu Christ, Người Đầy Tớ. Nếu chúng ta

6 / Mác

phải chọn một “câu gốc” trong sách Phúc Âm này, thì đó là *Mác* 10:45— “Vì Con người đã đến không phải để người ta hầu việc mình, nhưng để hầu việc người ta và phó sự sống mình làm giá chuộc cho nhiều người.”

Sự kiện Mác viết sách này nhằm đối tượng người La Mã giúp chúng ta hiểu được văn phong và phương pháp của ông. Điểm nhấn mạnh trong Phúc Âm này là *sự hoạt động*. Mác miêu tả hình ảnh Chúa Giê-xu luôn bận rộn. Ngài đi từ nơi này sang nơi khác, cung ứng nhu cầu thuộc thể lẫn thuộc linh cho đủ mọi hạng người. Một trong những từ Mác ưa thích nhất là “tức thì.” Ông dùng từ này bốn mươi mốt lần. Mác không ký thuật lại nhiều bài giảng của Chúa vì ông nhấn mạnh đến những việc Chúa Giê-xu làm hơn là những lời Ngài phán. Ông diễn tả Chúa Giê-xu như Đầy Tớ của Đức Chúa Trời, được sai đến để hầu việc những người đang đau khổ và để chết vì tội lỗi của thế gian. Mác không giải thích cho chúng ta điều gì về sự giáng sinh của Chúa Giê-xu, cũng không ghi lại gia phả của Ngài, là điều không cần thiết đối với một đầy tớ.

Trong chương mở đầu này, Mác chia xẻ ba sự kiện quan trọng về Người Đầy Tớ của Đức Chúa Trời.

1. Bản Thân Người Đầy Tớ

Mác 1:1-11

¹ Đầu Tin Lành của Đức Chúa Jêsus Christ, là Con Đức Chúa Trời. ² Như đã chép trong sách tiên tri Ê-sai rằng:

Nầy, ta sai sứ ta đến trước mặt người,
Người sẽ dọn đường cho người

³ Có tiếng kêu trong đồng vắng rằng:

Hãy dọn đường Chúa,
Ban bằng các nẻo Ngài;

⁴ Giảng đả tội, trong đồng vắng vừa làm vừa giảng phép báp-têm ăn năn, cho được tha tội. ⁵ Cả xứ Giu-đê và hết thủy dân sự thành Giê-ru-sa-lem đều đến cùng người, xưng tội mình và chịu người làm phép báp-têm dưới sông Giô-đanh. ⁶ Giảng mặc áo lông lạc đà, buộc dây lưng da ngang hông; ăn những châu chấu và mật ong rừng. ⁷ Người giảng dạy rằng: Có Đấng quyền phép hơn

Đầy Tớ Đức Chúa Trời Hiện Ở Đây! / 7

ta đến sau ta; ta không đáng cúi xuống mở dây giày Ngài. ⁸ Ta làm phép báp-têm cho các người bằng nước; nhưng Ngài sẽ làm phép báp-têm cho các người bằng Đức Thánh Linh.

⁹ Vả, trong những ngày đó, Đức Chúa Jêsus đến từ Na-xa-rét là thành xứ Ga-li-lê, và chịu Giăng làm phép báp-têm dưới sông Giô-đanh. ¹⁰ Vừa khi lên khỏi nước, Ngài thấy các tầng trời mở ra, và Đức Thánh Linh ngự xuống trên mình Ngài như chim bồ câu. ¹¹ Lại có tiếng từ trên trời phán rằng: Người là Con yêu dấu của ta, đẹp lòng ta mọi đường.

Làm thế nào Mác nhận biết người Đầy Tớ này? Ông ghi lại những lời chứng của vài chứng nhân đáng tin cậy để quả quyết với chúng ta rằng Chúa Giê-xu chính là Đấng như lời Ngài tự nhận.

Giăng Mác, tác giả của sách này, là nhân chứng đầu tiên (c.1) và ông mạnh mẽ xác quyết rằng Chúa Giê-xu Christ chính là Con Đức Chúa Trời. Có thể là Mác đã tận mắt chứng kiến một số trong các sự kiện mà ông ghi chép lại. Ông sống tại thành Giê-ru-sa-lem với mẹ là Ma-ri; và nhà họ là nơi nhóm lại của các tín hữu trong thành (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 12:1-9). Vài học giả tin rằng Mác chính là chàng trai trẻ được mô tả trong *Mác* 14:51-52. Vì Phi-e-rơ đã gọi Mác là “con tôi” (*I Phi-e-rơ* 5:13), nên có thể chính Phi-e-rơ là người đã dẫn dắt Mác tin nhận Chúa Giê-xu Christ. Theo truyền thuyết của Hội Thánh thì Mác là “thông dịch viên của Phi-e-rơ,” vì vậy sách Phúc Âm Mác phản ánh những kinh nghiệm và lời chứng cá nhân của Si-môn Phi-e-rơ.

Từ *Phúc Âm* chỉ có nghĩa là “tin tức tốt lành.” Đối với người La Mã, đối tượng mà Mác đặc biệt hướng đến, thì “tin lành” có nghĩa là “tin mừng về vị hoàng đế.” “Phúc Âm của Chúa Giê-xu Christ” là Tin Mừng loan báo Con Đức Chúa Trời đã đến thế gian và chịu chết vì cơ tội lỗi chúng ta. Tin Mừng đó là tội lỗi chúng ta có thể được tha thứ, chúng ta có thể thuộc về gia đình của Đức Chúa Trời và một ngày nào đó chúng ta sẽ sống với Ngài trên thiên đàng. Đó là lời công bố về sự đắc thắng tội lỗi, sự chết, và âm phủ (*ICô-rinh-tô* 15:1-8, 51-52; *Ga-la-ti* 1:1-9).

Lời chứng thứ nhì là lời chứng của các đấng tiên tri (Mác 1:2-3). Mác đã trích dẫn hai lời tiên tri trong Cựu Ước, *Ma-thi-ơ* 3:1 và *Ê-sai* 40:3 (xin cũng xem *Xuất Ê-díp-tô* Ký 23:20). Những từ *sứ giả* hay *tiếng kêu* chỉ về Giăng Báp-tít, vị tiên tri Đức Chúa Trời sai đến để dọn đường cho Con Ngài (*Ma-thi-ơ* 3:1-17; *Lu-ca* 3:1-18; *Giăng* 1:19-34). Vào thời xưa, trước khi một vị vua thăm viếng một nơi nào, một sứ giả được sai đi trước để dọn đường. Việc dọn đường gồm cả việc sửa lại đường sá cũng như sửa soạn dân chúng. Giăng Báp-tít đã dọn đường cho Chúa Giê-xu bằng cách kêu gọi dân chúng ăn năn. Ê-sai và Ma-la-chi cũng lên tiếng tuyên bố rằng Chúa Cứu Thế Giê-xu chính là Giê-hô-va Đức Chúa Trời.

Giăng Báp-tít là nhân chứng kế tiếp (*Mác* 1:4-8), người mà Chúa Giê-xu gọi là kẻ lớn hơn hết trong các đấng tiên tri (*Ma-thi-ơ* 11:1-15). Qua cách phục sức, cách sống, và sứ điệp về sự ăn năn, Giăng giống hệt như với tiên tri Ê-li (*II Các Vua* 1:8; *Ma-thi-ơ* 4:5; *Ma-thi-ơ* 17:10-13 và lưu ý thêm *Lu-ca* 1:13-17). “Đồng vắng” nơi Giăng thi hành chức vụ là một vùng đất hoang gồ ghề dọc theo bờ phía tây của Biển Chết. Giăng dạy dỗ dân chúng rằng họ đang ở trong một “đồng vắng thuộc linh” còn đáng sợ hơn vùng đồng vắng mà tổ phụ họ đã cực khổ trải qua suốt bốn mươi năm. Giăng kêu gọi dân chúng lia bỏ đồng vắng thuộc linh đó, tin cậy lãnh tụ họ là “Giô-suê” (hình bóng về Chúa Giê-xu), để bước vào hưởng lấy cơ nghiệp dành cho mình.

Giăng đã cần trọng tôn cao Chúa Giê-xu chứ không tự tôn mình lên (xin xem *Giăng* 3:25-30). Giăng làm phép báp-têm bằng nước cho những kẻ có tội ăn năn, nhưng “Đấng đến sau” ông sẽ làm phép báp-têm cho họ bằng Đức Thánh Linh (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 1:4-5). Điều này không có nghĩa là phép báp-têm của Giăng không được thừa nhận (xin xem *Ma-thi-ơ* 21:23-27), hay phép báp-têm bằng Đức Thánh Linh một ngày nào đó sẽ thay thế cho phép báp-têm bằng nước (xin xem *Ma-thi-ơ* 28:19-20). Đúng hơn, sứ điệp và phép báp-têm của Giăng là *sự chuẩn bị* để mọi người có thể sẵn sàng gặp gỡ và tin nhận Đấng

Đầy Tớ Đức Chúa Trời Hiện Ở Đây! / 9

Mét-si-a, tức Chúa Giê-xu Christ. Các sứ đồ của Chúa chắc chắn đã được Giăng làm phép báp-têm cho mình (xin xem *Giăng* 4:1-2 và *Công Vụ Các Sứ Đồ* 1:21-26).

Đức Chúa Cha và *Đức Thánh Linh* là những chứng nhân sau cùng của Mác để giúp nhận diện Người Đầy Tớ của Đức Chúa Trời (*Mác* 1:9-11). Vừa khi Chúa Giê-xu chịu phép báp-têm, Đức Thánh Linh ngự xuống trên mình Ngài như chim bồ câu, và Đức Chúa Cha từ trời phán và xác chứng Chúa Giê-xu là Con yêu dấu của Ngài. Những người có mặt ở đó không nghe được tiếng phán hay nhìn thấy chim bồ câu, nhưng Chúa Giê-xu và Giăng đã tận mắt chứng kiến và tận tai nghe thấy (xin xem *Giăng* 1:29-34). Từ *yêu dấu* không chỉ bày tỏ lòng yêu thương, mà còn mang ý nghĩa là “Đấng duy nhất.” Lời tuyên bố từ trời của Đức Chúa Cha khiến chúng ta liên tưởng đến *Thi Thiên* 2:7; và *Ê-sai* 42:1.

Bạn nên lưu ý những câu này trong sách Phúc Âm Mác đề cập đến Đức Chúa Giê-xu Christ là Con Đức Chúa Trời – *Mác* 1:1, 11; 3:11; 5:7; 9:7; 12:1-11; 13:32; 14:61-62; và 15:39. Mác không viết về bất kỳ người đầy tớ Do Thái bình thường nào. Ông viết sách Phúc Âm này về chính Con Đức Chúa Trời Đấng đã từ trời đến để chịu chết vì tội lỗi của thế gian.

Thật vậy, Chúa Giê-xu là Đầy Tớ – nhưng Ngài là một Đầy Tớ lạ lùng nhất. Chính người Đầy Tớ là người dọn đường cho những người khác và loan báo sự đến của họ. Nhưng *những người khác* đã dọn đường cho Chúa Giê-xu và loan báo rằng Ngài đã đến! Ngay cả các từng trời cũng chú ý đến Ngài! Người Đầy Tớ này quả là Con Đức Chúa Trời.

2. Thẩm Quyền Của Người Đầy Tớ

Mác 1:12-28

¹² Tức thì Đức Thánh Linh giục Ngài đến nơi đồng vắng. ¹³ Ngài ở nơi đồng vắng chịu quỷ Sa-tan cám dỗ bốn mươi ngày, ở chung với thú rừng, và có thiên sứ hầu việc Ngài.

¹⁴ Sau khi Giăng bị tù, Đức Chúa Jê-sus đến xứ Ga-li-lê, giảng Tin Lành của Đức Chúa Trời, ¹⁵ mà rằng: Kỳ đã trọn, nước Đức Chúa Trời đã đến gần; các người hãy ăn năn và tin đạo Tin Lành.

¹⁶ Ngài đi dọc theo mé biển Ga-li-lê, thấy Si-môn với Anh-rê, em người, đương thả lưới dưới biển; vì hai người vốn làm nghề chài. ¹⁷ Đức Chúa Jê-sus bèn phán cùng họ rằng: Hãy theo ta, và ta sẽ khiến các người trở nên tay đánh lưới người. ¹⁸ Tức thì hai người bỏ chài lưới mà theo Ngài. ¹⁹ Đi một đôi xa xa, Ngài thấy Gia-cơ, con Xê-bê-đê, với em là Giăng, đương vá lưới trong thuyền. ²⁰ Ngài liền kêu hai người; thì họ để Xê-bê-đê, cha mình, ở lại trong thuyền với mấy người làm thuê, mà theo Ngài.

²¹ Kế đó, đi đến thành Ca-bê-na-um; nhằm ngày Sa-bát, tức thì Đức Chúa Jê-sus vào nhà hội, khởi dạy dỗ tại đó. ²² Chúng đều cảm động về sự dạy dỗ của Ngài, vì Ngài dạy như có quyền phép, chớ chẳng phải như các thầy thông giáo đâu.

²³ Vả, cũng một lúc ấy, trong nhà hội có người bị tà ma ám, ²⁴ kêu lên rằng: Hỡi Jê-sus, người Na-xa-rét, chúng tôi với Ngài có sự gì chằng? Ngài đến để diệt chúng tôi sao? Tôi biết Ngài là ai: Là Đấng Thánh của Đức Chúa Trời. ²⁵ Nhưng Đức Chúa Jê-sus nghiêm trách nó rằng: Hãy nín đi, ra khỏi người này!

²⁶ Tà ma bèn vật mạnh người ấy, cất tiếng kêu lớn, và ra khỏi người. ²⁷ Ai nấy đều lấy làm lạ, đến nỗi hỏi nhau rằng: Cái gì vậy? Sự dạy mới sao! Người này lấy quyền phép sai khiến đến tà ma, mà nó cũng phải vâng lời! ²⁸ Danh tiếng Đức Chúa Jê-sus tức thì đồn ra khắp cả miền xung quanh xứ Ga-li-lê.

Chúng ta trông mong một người đầy tớ phải *phục tùng thẩm quyền* và phải *nhận* các mệnh lệnh, nhưng Đầy Tớ của Đức Chúa Trời lại *nắm giữ* thẩm quyền và *ban bố* các mệnh lệnh – cả đối với ma quỷ – và các mệnh lệnh của Ngài đều được tuân hành. Trong phần này, Mác mô tả ba quang cảnh bày tỏ thẩm quyền của Chúa như là Đầy Tớ của Đức Chúa Trời.

Thứ nhất – Chúa chịu cám dỗ (Mác 1:12-13). Mác không giải thích đầy đủ việc Chúa Giê-xu bị cám dỗ như Ma-thi-ơ (Ma-thi-ơ 4:1-11) và Lu-ca (Lu-ca 4:1-13) và Giăng thì thêm vào một số chi tiết sống động mà những tác giả khác bỏ qua. Đức Thánh Linh “giục Ngài” vào đồng vắng. Đây là một từ mạnh mẽ mà Mác dùng mười một lần để mô tả việc đuổi quỷ. Trong bản văn *New American* từ này là *thúc ép, bắt buộc* (impelled) và trong bản văn *New International* từ này là *sai phái* (sent). Điều này không ám chỉ là Chúa không muốn hay sợ

phải đối diện với Sa-tan. Đúng hơn, đó là cách Mác dùng để diễn tả tính chất mạnh mẽ của kinh nghiệm mà Chúa đã trải qua. Đầy Tớ của Đức Chúa Trời không hề có thời gian để tận hưởng sự vinh quang của tiếng phán từ trời hay sự hiện diện của Đức Thánh Linh như chim bồ câu từ trời ngự xuống. Ngài có một trọng trách phải thi hành và Ngài lập tức lên đường thực hiện trọng trách đó.

Bằng hình thức ngắn gọn, súc tích, Mác giới thiệu với chúng ta hai hình ảnh tượng trưng. Bốn mươi ngày trong đồng vắng của Chúa nhắc chúng ta nhớ đến bốn mươi năm trong đồng vắng của dân Y-sơ-ra-ên. Dân Y-sơ-ra-ên đã thất bại khi bị thử nghiệm, nhưng Chúa chúng ta đã đắc thắng vẻ vang. Sau khi chiến thắng kẻ thù, Chúa Giê-xu giờ đây có thể đi ra kêu gọi một dân mới là kẻ sẽ vào hưởng cơ nghiệp thuộc linh dành cho mình. Vì tên *Giê-xu* là dạng thức Hy Lạp của từ “Giô-suê,” nên chúng ta có thể thấy được sự tương đương ở đây.

Hình ảnh thứ nhì là hình ảnh của “A-đam sau hết” (*I Cô-rinh-tô* 15:45). A-đam thứ nhất đã bị thử nghiệm trong một khu vườn xinh đẹp và đã thất bại; nhưng Chúa Giê-xu thì bị cám dỗ trong một đồng vắng đầy hiểm nguy và đã đắc thắng. A-đam đã đánh mất “quyền quản trị” trên muôn loài vì cơ tội lỗi mình (*Sáng Thế Ký* 1:28; *Thi Thiên* 8:1-9), nhưng trong Đấng Christ, quyền cai trị ấy đã được phục hồi cho tất cả những ai tin cậy nơi Ngài (*Hê-bơ-rơ* 2:6-8). Chúa Giê-xu Christ đã ở chung với các thú rừng và chúng chẳng hề làm hại Ngài. Ngài đã bày tỏ trước về thời kỳ hòa bình và công chính trong tương lai, khi Chúa sẽ trở lại và thiết lập vương quốc Ngài (*Ê-sai* 11:9; 35:9). Quả thật, Ngài là một Đầy Tớ có thẩm quyền!

Thứ Hai – Việc giảng dạy của Ngài (Mác 1:14-22). Nếu đã từng có người nào giảng dạy chân lý của Đức Chúa Trời với thẩm quyền, thì đó chính Chúa Giê-xu Christ (xin xem *Ma-thi-ơ* 7:28-29). Người ta đã từng nói rằng các thầy thông giáo giảng dạy dựa vào các thẩm quyền nhưng Chúa Giê-xu thì dạy dỗ với thẩm quyền. Mác không ký thuật sự khởi đầu chức vụ của Chúa

chúng ta tại đây, vì Ngài đã thi hành chức vụ tại nhiều nơi khác (Giăng 1:35-4:4). Ông đang cho chúng ta biết lý do tại sao Chúa Giê-xu lại rời xứ Giu-đê và đi đến xứ Ga-li-lê. Vua Hê-rốt đã bắt giữ Giăng Báp-tít, và vì thế Chúa Giê-xu phải lánh sang chỗ khác. Nhân cuộc hành trình này Chúa Giê-xu đã trò chuyện với người đàn bà Sa-ma-ri (Giăng 4:1-45).

Sứ điệp của Chúa chúng ta là Phúc Âm của Nước Đức Chúa Trời, hay “Phúc Âm của Đức Chúa Trời” như một số bản Kinh Thánh ghi lại. Chắc chắn phần lớn người Do Thái đã hiểu câu “Nước Đức Chúa Trời” hàm ý một “cuộc cách mạng chính trị,” nhưng Chúa Giê-xu không hề có ý như vậy. Vương quốc của Chúa là sự ngự trị của Ngài trong đời sống của con dân Ngài; đó là một vương quốc thuộc linh chứ không phải một tổ chức chính trị. Cách duy nhất để bước vào Nước Đức Chúa Trời là tin nhận Tin Mừng này và được sinh lại (Giăng 3:1-7).

Phúc Âm này được gọi là “Phúc Âm của Đức Chúa Trời” vì nó đến từ Đức Chúa Trời và đem chúng ta đến với Đức Chúa Trời. Đó là “Phúc Âm của Nước Đức Chúa Trời” vì đức tin nơi Đấng Christ đem bạn vào trong Nước của Ngài. Đó là “Phúc Âm của Chúa Giê-xu Christ” vì Ngài là trung tâm của Phúc Âm ấy. Nếu không có cuộc đời của Chúa Giê-xu, sự chết, và sự phục sinh của Ngài thì sẽ không có Tin Mừng này. Phao-lô gọi đó là “Phúc Âm của ân sủng Đức Chúa Trời” (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 20:24) vì sự cứu rỗi không thể nào tách rời khỏi ân sủng được (*Ê-phê-sô* 2:8, 9). Chỉ có một Phúc Âm (Ga-la-ti 1:1-9), và Phúc Âm này xoay quanh những gì Chúa Giê-xu đã thực hiện cho chúng ta trên thập tự giá (*ICô-rinh-tô* 15:1-11).

Chúa Giê-xu Christ đã rao giảng rằng mọi người phải ăn năn (thay đổi tâm trí mình) và có đức tin (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 20:21). Chỉ có sự ăn năn thôi thì không đủ để cứu chúng ta, cho dù là Đức Chúa Trời luôn mong đợi những kẻ tin Ngài xoay khỏi tội lỗi mình. Chúng ta cũng phải đặt đức tin tích cực nơi Chúa Giê-xu Christ và tin lời hứa về sự cứu rỗi của Ngài. Sự ăn năn mà không có đức tin có thể trở thành sự hối hận mà thôi, và sự hối

hận có thể làm hủy hoại những người đang mang gánh nặng tội lỗi trong lòng (II Cô-rinh-tô 7:8-10; Ma-thi-ơ 27:3-5).

Vì Chúa Giê-xu giảng dạy với thẩm quyền, nên Ngài có thể kêu gọi một số người từ bỏ nghề mình đang làm và trở thành môn đệ Ngài. Ngoài Ngài ra, ai là người có thể khiến cho bốn ngư phủ ngưng công việc đánh cá và thách thức họ bỏ lưới mà đi theo mình? Vài tháng trước đó, Chúa Giê-xu đã gặp Phi-e-rơ, Anh-rê, Gia-cơ và Giăng; và họ đã đến tin nhận Ngài (xin xem *Giăng* 1:35-49). Sự kêu gọi ban đầu này không phải để họ đến với đức tin và sự cứu rỗi nhưng để họ trở thành môn đệ Ngài. Sự kiện Xê-bê-đê thuê những người làm công cho thấy rằng việc chài lưới của ông tiến triển tốt đẹp và ông là một người giàu có. Điều đó cũng xác quyết với chúng ta rằng Gia-cơ và Giăng không bất hiểu đối với cha mình khi họ đáp lại sự kêu gọi của Đấng Christ. Với sự phụ giúp của những người làm thuê, Xê-bê-đê vẫn có thể trông nom công việc chài lưới.

Chúa Giê-xu đã không phát minh ra thành ngữ “tay đánh lưới người.” Vào thời đó, đây là một lối nói thông dụng để chỉ về các triết gia và các giáo sư khác, những người “thu hút được sự chú ý của người khác” qua việc giảng dạy và sự thuyết phục của họ. Họ “mắc mồi vào lưới câu” bằng những sự giảng dạy của mình và “bắt lấy” các môn đệ. Có thể có đến bảy người trong số các môn đệ của Chúa chúng ta làm nghề chài lưới (*Giăng* 21:1-3). Chắc chắn những phẩm chất tốt đẹp của những ngư phủ giỏi – sự can đảm, khả năng làm việc chung với nhau, tính nhẫn nại, nghị lực, sức chịu đựng, lòng trung thực, và sự bền bỉ – sẽ giúp họ thành công trong chức vụ đầy khó khăn của việc chinh phục những linh hồn hư mất. Những ngư phủ lão luyện chắc chắn không thể nào trở thành những kẻ bỏ cuộc hoặc những người hay phàn nàn được!

Chúa Giê-xu không chỉ giảng dạy ngoài trời mà cả trong các nhà hội nữa. Các nhà hội của người Do Thái phát triển trong thời gian họ bị lưu đày tại Ba-by-lôn sau khi đền thờ đã bị phá hủy. Bất cứ nơi nào có mười người nam Do Thái từ mười hai

tuổi trở lên thì đều có thể tổ chức một nhà hội. Nhà hội không phải là một nơi để dâng của lễ – điều đó được thực hiện ở đền thờ – mà là nơi để đọc Thánh Kinh, cầu nguyện và thờ phượng Đức Chúa Trời. Các buổi lễ không do các thầy tế lễ, mà do những tín hữu bình thường, hướng dẫn; và sự phục vụ trong nhà hội được giám sát bởi một hội đồng trưởng lão do một “người cai nhà hội” đứng đầu (Mác 5:22). Theo lệ thường thì có thể mời các ra-bi lưu động ghé lại đọc Thánh Kinh và dạy dỗ, điều này giải thích vì sao Chúa Giê-xu lại có quyền tự do giảng dạy trong các nhà hội như vậy. Sứ đồ Phao-lô cũng đã tận dụng đặc quyền này (Công Vụ Các Sứ Đồ 13:14-16; 14:1; 27:1-4).

Chúa chúng ta đã thiết lập cơ sở tại Ca-bê-na-um, có lẽ trong hoặc gần nhà của Phi-e-rơ và Anh-rê (Mác 1:29). Ngày nay, ta có thể thấy những tàn tích của một nhà hội tại Ca-bê-na-um khi đến thăm Xứ Thánh, nhưng đó không phải là nơi mà Chúa Giê-xu đã thờ phượng. Dân chúng nhóm lại thờ phượng vào ngày Sa-bát cũng như vào các ngày Thứ Hai và Thứ Năm. Là một người Do Thái trung tín, Chúa Giê-xu đã tôn trọng ngày Sa-bát qua việc đi đến nhà hội; và khi Chúa Giê-xu dạy dỗ Lời Đức Chúa Trời, dân chúng lấy làm kinh ngạc trước thẩm quyền của Ngài.

Khi đọc sách *Phúc Âm Mác* bạn sẽ khám phá là ông rất thích thú khi ghi lại những sự hưởng ứng đầy xúc động của dân chúng. Đám đông nhóm họp trong nhà hội “kinh ngạc” trước sự dạy dỗ của Chúa và “lấy làm lạ” trước quyền năng chữa bệnh của Ngài (c. 27, cũng hãy lưu ý Mác 2:12; 5:20, 42; 6:2, 51; 7:37; 10:26; 11:18). Thậm chí bạn cũng thấy Mác ký thuật lại sự kinh ngạc của Chúa trước sự vô tín của dân chúng tại Na-xa-rét (6:6). Lời ký thuật này không đơn điệu chút nào hết.

Thứ Ba – Mệnh lệnh của Chúa (Mác 1:23-28). Chúng ta tự hỏi không biết người đàn ông này đã từng tham dự bao nhiêu buổi thờ phượng ở nhà hội mà không hề để lộ ra rằng mình bị quỷ ám. Phải chờ đến sự hiện diện của Con Đức Chúa Trời mới khiến ma quỷ lộ diện; và Chúa Giê-xu không chỉ vạch mặt ma

quỉ, nhưng Ngài còn cấm nó không được nói gì về bản thân của Ngài và truyền cho nó phải ra khỏi người đang bị nó ám. Đấng Christ không muốn cũng không cần sự trợ giúp của Sa-tan và đồng bọn nó nói cho dân chúng biết Ngài là ai (xin xem *Công Vụ Các Sứ Đồ* 16:16-24).

Ma quỉ chắc hẳn biết rõ Chúa Giê-xu là ai (xin xem *Công Vụ Các Sứ Đồ* 19:13-17) và biết rõ nó chẳng dính dáng gì với Ngài. Việc ma quỉ dùng đại từ số nhiều cho thấy rằng nó gắn bó chặt chẽ vô cùng với người mà nó đang ám. Ma quỉ nhận ra cách rõ ràng nhân tính của Đấng Christ (“Jésus, người Na-xa-rét”) cũng như thần tính của Ngài (“Đấng Thánh của Đức Chúa Trời”). Nó cũng bộc lộ nỗi sợ hãi kinh khiếp là Chúa Giê-xu có thể đoán phạt nó và đui nó xuống địa ngục. Có nhiều người ngày nay cũng giống như người bị quỉ ám này: trong buổi thờ phượng vẫn có thể cho mọi người biết Chúa Giê-xu là ai, và thậm chí cũng run sợ sự phán xét – thế nhưng vẫn hư mất! (Xin xem *Gia-cơ* 2:19).

“Hãy nín đi!” theo nghĩa đen có nghĩa là “Hãy câm miệng đi!” Chúa Giê-xu cũng phán lời này khi quở bão phải lặng yên (*Mác* 4:39). Ma quỉ cố gắng tấn công gây náo động lẫn chót, nhưng rồi nó phải vâng phục uy quyền của Đầy Tớ Đức Chúa Trời và ra khỏi người nó đang ám. Những người trong nhà hội kinh ngạc và sợ hãi. Họ nhận biết rằng một điều gì đó thật mới lạ vừa xảy ra – một giáo lý mới và một quyền năng mới. *Lời nói và việc làm* của Chúa chúng ta phải luôn đi đôi nhau (*Giăng* 3:2). Người ta tiếp tục bàn về hai điều đó, và danh tiếng Chúa Giê-xu bắt đầu được đồn ra khắp nơi. Chúa chúng ta không khuyến khích tình trạng phấn khởi này của dân chúng vì e ngại nó sẽ gây nên rắc rối với cả người Do Thái lẫn người La Mã. Người Do Thái sẽ muốn đi theo Ngài chỉ vì năng quyền chữa bệnh của Ngài, và người La Mã sẽ cho rằng Ngài là một người Do Thái nổi lên lật đổ chính quyền. Đây là lý do tại sao Chúa thường bảo dân chúng giữ yên lặng (*Mác* 1:44; 3:12; 5:43; 7:36-37; 8:26, 30; 9:9). Việc người ta không giữ yên lặng đã tạo

nhiều khó khăn cho Ngài

3. Lòng Thương Xót Của Người Đầy Tở

Mác 1: 29-45

²⁹ Vừa ở nhà hội ra, Chúa và môn đồ đi với Gia-cơ cùng Giăng vào nhà Si-môn và Anh-rê. ³⁰ Vả, bà gia Si-môn đương nằm trên giường, đau rét; tức thì chúng thưa với Ngài về chuyện người. ³¹ Ngài bèn lại gần, cầm tay người đỡ dậy; bệnh rét dứt đi, và người bắt tay hầu hạ.

³² Đến chiều, mặt trời đã lặn, người ta đem mọi kẻ bệnh và kẻ bị quỷ ám đến cùng Ngài. ³³ Cả thành nhóm lại trước cửa. ³⁴ Ngài chữa lành nhiều kẻ đau các thứ bệnh, và đuổi nhiều quỷ, chẳng cho phép các quỷ nói ra, vì chúng nó biết Ngài.

³⁵ Sáng hôm sau, trời còn mờ mờ, Ngài chờ dậy, bước ra, đi vào nơi vắng vẻ, và cầu nguyện tại đó. ³⁶ Si-môn cùng đồng bạn đi tìm Ngài. ³⁷ Khi kiếm được thì thưa rằng: Hết thấy đương tìm thấy. ³⁸ Ngài phán: Chúng ta hãy đi nơi khác, trong những làng xung quanh đây, để ta cũng giảng đạo ở đó nữa; vì ấy là cốt tại việc đó mà ta đã đến. ³⁹ Ngài trải khắp xứ Ga-li-lê, giảng dạy trong các nhà hội và đuổi quỷ.

⁴⁰ Có một người phung đến cùng Ngài, quì xuống cầu xin rằng: Nếu Chúa khứng, có thể khiến tôi sạch được. ⁴¹ Đức Chúa Jêsus động lòng thương xót, giơ tay sờ người, mà phán rằng: Ta khứng, hãy sạch đi. ⁴² Liền khi đó, phung lặn mất, người trở nên sạch. ⁴³ Tức thì Đức Chúa Jêsus cho người ra, lấy giọng nghiêm phán rằng: ⁴⁴ Hãy giữ, chớ tỏ điều đó cùng ai; song khá đi tỏ mình cùng thầy tế lễ, và vì người được sạch, hãy dâng của lễ theo như Môi-se dạy, để điều đó làm chứng cho họ. ⁴⁵ Nhưng người ấy đi, đồn việc đó ra, tới đâu cũng thuật chuyện, đến nỗi Đức Chúa Jêsus không vào thành cách rõ ràng được nữa; song Ngài ở ngoài, tại nơi vắng vẻ; và người ta từ bốn phương đều đến cùng Ngài.

Hai phép lạ chữa bệnh được mô tả trong phần này đều bày tỏ sự thương xót của Đấng Christ đối với những ai đang cần đến Ngài. Thật vậy, lòng yêu thương của Chúa Giê-xu dành cho những người cùng khốn thật lớn lao, đến nỗi Ngài đã cứu giúp đông đảo quần chúng sau khi ngày Sa-bát đã qua, là lúc họ không còn bị xem là phạm luật pháp thánh vì đến xin Ngài cứu giúp nữa. Điều này cho thấy Đầy Tở của Đức Chúa Trời luôn sẵn sàng đáp ứng nhu cầu của đủ mọi hạng người, kể cả những kẻ bị quỷ ám và những người bị bệnh phung; và Ngài

cứu giúp tất cả mọi người với lòng yêu thương thấm thiết.

Chúa Giê-xu cùng bốn môn đệ rời khỏi nhà hội và đến nhà của Phi-e-rơ và Anh-rê để dùng bữa trong ngày Sa-bát. Có lẽ Phi-e-rơ hơi lấy làm tiếc vì vợ ông phải chăm sóc cho người mẹ đang bệnh và không thể tiếp đón họ như thường lệ. Chúng ta không biết về các môn đệ khác, nhưng chúng ta biết rõ là Phi-e-rơ đã lập gia đình (1:30).

Phi-e-rơ và Anh-rê không những mời các bạn là Gia-cơ và Giăng về nhà với mình sau buổi thờ phượng, nhưng họ cũng mời cả Chúa nữa. Đó là một gương tốt cho chúng ta noi theo: đừng bỏ Chúa Giê-xu lại tại nhà thờ – hãy mời Ngài về nhà với bạn và để Ngài cùng chia sẻ những phước hạnh cũng như những gánh nặng của bạn. Thật là một đặc ân cho Phi-e-rơ và gia đình ông khi có chính Con Đức Chúa Trời đến viếng thăm mái nhà khiêm tốn của mình. Ngay lúc này, Vị Khách trở nên Chủ nhân, giống như một ngày kia Người Hành Khách trên thuyền của Phi-e-rơ sẽ trở thành vị Thuyền Trưởng vậy (*Lu-ca* 5:1-11).

Bởi đức tin, các môn đệ kể cho Chúa Giê-xu về người mẹ đang bệnh này, hẳn nhiên là trông mong Ngài chữa lành cho bà. Và đó chính là điều Ngài đã làm! Cơn sốt lập tức rời khỏi bà và bà có thể vào bếp để dọn bữa ăn trong ngày Sa-bát. Nếu bạn đã từng bị sốt cao thì hẳn bạn biết được nó đau nhức và khó chịu dường nào. Bạn cũng biết rằng sau khi cơn sốt dứt, bạn cần có thời gian để lấy lại sức. Nhưng trong trường hợp này thì không như thế! Bà đã có thể phục vụ Chúa ngay tức khắc. Và sự phục vụ Chúa chẳng phải là một trong những cách tốt nhất để cảm tạ Ngài về tất cả những gì Ngài đã làm cho chúng ta sao?

Kết quả của phép lạ này ra sao? Đến cuối ngày Sa-bát khi mặt trời đã lặn, cả thành họp lại trước cửa nhà Phi-e-rơ! Họ đem tới những kẻ đau ốm và Chúa (chắc hẳn là đã rất mệt) chữa lành cho tất cả mọi người. Động từ Hy Lạp cho thấy là họ “cứ tiếp tục đem” những kẻ bệnh đến với Ngài, thế nên chắc hẳn là trễ lắm Ngài mới được nghỉ ngơi. Xin lưu ý trong *Mác* 1:32 sự khác biệt rõ rệt giữa những kẻ đau và những người bị quỷ ám. Sa-tan

có thể gây ra sự đau đớn về thể xác, nhưng không phải mọi bệnh tật đều do quyền lực của ma quỷ gây ra.

Dù đi nghỉ rất trễ nhưng điều đó vẫn không ngăn Chúa Giê-xu dậy sớm để tương giao với Cha Ngài vào sáng sớm hôm sau như đã định. Xin hãy đọc *Ê-sai* 50:4 để thấy sự miêu tả có tính cách tiên tri về Đầy Tớ công bình của Đức Chúa Trời khi Ngài gặp gỡ Chúa Giê-hô-va mỗi buổi sớm mai. Thật là một gương mẫu để chúng ta noi theo! Không có gì phải ngạc nhiên khi Chúa Giê-xu có uy quyền và quyền phép như thế khi đời sống cầu nguyện của Ngài được tuân giữ rất là nghiêm nhặt (xin xem *Mác* 9:28-29; 6:46; 14:32-38).

Tuy nhiên, đoàn dân đông lại muốn gặp Chúa Giê-xu, không phải để nghe Lời Ngài phán dạy, mà là để kinh nghiệm sự chữa lành của Ngài cũng như xem Ngài làm phép lạ. Phi-e-rơ rất ngạc nhiên vì Chúa Giê-xu không nhanh chóng đến gặp đoàn dân đông nhưng thay vào đó Ngài lại đi sang các thành khác để rao giảng Phúc Âm. Phi-e-rơ không nhận ra rằng đoàn dân đông rất hời hợt, vô tín, và không hề khao khát Lời Đức Chúa Trời. Chúa Giê-xu phán rằng đối với Ngài việc rao giảng Phúc Âm ở những nơi khác quan trọng hơn là ở lại đó để chữa lành những kẻ đau. Ngài không cho phép sự hoan hô của dân chúng làm thay đổi những ưu tiên mà Ngài phải thực hiện.

Có lẽ chúng ta có thể hiểu được mối quan tâm của Chúa đối với một phụ nữ bị sốt nặng, nhưng việc Ngài gặp gỡ và rờ một người phung thì dường như vượt quá khả năng hiểu biết của chúng ta. Những người phung phải giữ một khoảng cách với mọi người và phải báo cho mọi người biết rằng mình đang đến gần, để những người khác không bị lây ô uế (*Lê-vi Ký* 13:45-46). Người phung này biết rằng Chúa Giê-xu có khả năng chữa lành cho mình, nhưng ông ta không dám chắc là liệu Chúa có sẵn lòng chữa cho anh ta chăng. Những tội nhân hư mất ngày nay cũng có nỗi lo âu không cần thiết này, vì Đức Chúa Trời đã bày tỏ rất rõ rằng Ngài không muốn cho tội nhân phải hư mất (*II Phi-e-rơ* 3:9) và Ngài muốn tất cả mọi người đều được cứu (*I Ti-*

mô-thê 2:4).

Khi đọc “những sự khám nghiệm” đối với bệnh phung mô tả trong *Lê-vi Ký 13:1-59*, bạn có thể thấy được căn bệnh này giống một bức tranh mô tả tội lỗi ra sao. Giống như tội lỗi, bệnh phung ăn sâu xuống dưới da (c. 3); nó lan rộng (c. 5-8); nó làm cho ô ứ và phải cách ly (cc. 44-46). Bất cứ ai chưa hề tin nhận Đấng Christ thì hình hài tâm linh của họ còn ô ứ hơn cả thân thể ô ứ của người phung nữa.

Chúa Giê-xu đã động lòng thương xót người này (xin lưu ý *Mác 6:34; 8:2; 9:22*) và chữa lành cho ông ta. Ngài chữa lành bằng cách giơ tay rờ người phung và bởi lời phán của Ngài. Chắc hẳn đây là lần đầu tiên sau một thời gian dài người phung này cảm nhận được một cử chỉ đầy yêu thương như thế. Cũng như cơn sốt, bệnh phung lặn mất ngay tức thì!

Vì một số nguyên do đã nêu trên, Chúa Giê-xu cấm người này không được nói cho ai biết. Ông ta phải đến gặp các thầy tế lễ và làm theo những lời chỉ dạy ghi trong *Lê-vi Ký 14:1-57* để có thể được công bố là đã được sạch và được tiếp nhận lại vào đời sống tôn giáo và xã hội của cộng đồng. Tuy nhiên, người này đã không vâng theo các mệnh lệnh của Chúa. Chúa Giê-xu bảo ông phải im lặng, thế nhưng ông lại đi kể cho mọi người. Chúa Giê-xu ra lệnh cho chúng ta phải rao báo cho mọi người – và chúng ta lại lặng im! Đoàn dân đông đến xin Chúa Giê-xu cứu giúp đã gây ra một rắc rối nghiêm trọng cho Ngài và có lẽ đã ngăn trở Ngài không thể giảng dạy Lời Đức Chúa Trời như Ngài dự định (*Mác 1:38*).

Nghi thức mô tả trong *Lê-vi Ký 14:1-57* trình bày một bức tranh tuyệt đẹp tiêu biểu cho công tác cứu chuộc. Hai con chim tượng trưng cho hai khía cạnh khác nhau trong chức vụ của Chúa chúng ta: sự nhập thể và sự chết của Ngài (con chim bị đặt trong chậu và rồi bị giết đi), và sự phục sinh cùng sự thăng thiên của Ngài (con chim bị nhúng trong máu và rồi được thả ra). Máu được bôi lên tai phải (Lời của Đức Chúa Trời), ngón cái tay phải (công việc của Đức Chúa Trời), và ngón cái chân

phải (đường lối của Đức Chúa Trời) của người được sạch. Kế đó dầu được bôi lên trên máu, tiêu biểu cho Thánh Linh của Đức Chúa Trời. Đức Thánh Linh không thể nào ngự trên thân xác con người cho đến khi huyết Chúa Giê-xu đã đổ lên trên họ.

Chúng ta cần phải học biết một số bài học thuộc linh quan trọng qua chương này. Trước tiên, nếu Con Đức Chúa Trời đã đến như một kẻ tội tở, thì việc trở nên một tội tở là sự kêu gọi cao trọng nhất. Chúng ta chỉ có thể ngày càng trở nên giống Chúa Giê-xu hơn khi chúng ta đang phục vụ người khác. Kế đến, Đức Chúa Trời san sẻ uy quyền của Ngài cho các tội tở Ngài. Chỉ những người *phục dưới* uy quyền mới có quyền *thực thi* uy quyền. Cuối cùng, nếu bạn có ý định trở thành một tội tở, hãy chắc chắn là mình có lòng hay thương xót; vì khi người ta đến xin bạn giúp đỡ, họ ít khi hỏi xem bạn có sẵn sàng giúp đỡ chưa!

Tuy nhiên, thật là một đặc ân lớn khi được làm một tội tở đầy lòng thương xót của Đức Chúa Trời, noi theo dấu chân Chúa Giê-xu Christ để đáp ứng nhu cầu của những người quanh mình.

Điều Người Đầy Tớ Ban Cho Bạn

Mác 2:1-3:12

Tin tức về một giáo sư có khả năng làm nhiều phép lạ lan truyền đến Ca-bê-na-um rất nhanh chóng. Bất cứ nơi nào Chúa chúng ta đi đến thì đoàn dân đông cũng tụ tập theo. Họ muốn nhìn thấy Ngài chữa lành những người bệnh và đuổi quỷ. Giá như họ quan tâm đến sứ điệp của Phúc Âm, thì những đoàn dân đông này rất có thể đã là một sự khích lệ lớn lao cho Chúa Giê-xu; nhưng Ngài biết rằng phần lớn họ có suy nghĩ rất hời hợt và mù lòa đối với nhu cầu của chính mình. Nhiều lúc Chúa thấy việc rời khỏi thành thị và đi vào nơi đồng vắng để cầu nguyện là điều cần thiết (*Lu-ca 5:15-16*). Mỗi tô-tớ của Đức Chúa Trời cần phải noi theo gương Ngài và biệt riêng thì giờ để gặp gỡ Đức Chúa Cha và cầu nguyện với Ngài hầu cho tâm linh được tươi mới và nhận được sức sống mới từ Ngài.

Bây giờ là lúc Chúa Giê-xu bày tỏ với mọi người về chức vụ của Ngài. Ngài đã đến không phải chỉ để chữa lành những người bệnh và những kẻ bị tà ma ám. Những phép lạ đó thật diệu kỳ, nhưng còn có điều lớn lao hơn họ cần phải nắm bắt – đó là họ có thể vào hưởng Nước của Đức Chúa Trời! Họ cần phải hiểu được những bài học thuộc linh phía sau những phép lạ thuộc thể mà Ngài đang thực hiện.

của vị giáo sư mới mẻ này, vì đời sống tôn giáo của cả dân tộc đều thuộc quyền giám sát của họ (*Phục Truyền Luật Lệ Ký* 13:1-18). Nhưng lẽ ra họ nên đến với đầu óc và tấm lòng cởi mở, tìm kiếm chân lý, thay vì với đầu óc phê phán, cố tìm cho được những hiện tượng dị giáo để bắt bớ. Một số thái độ tiêu cực từng hiển hiện trong xứ Giu-đê (*Giăng* 4:1-4) giờ đây đã lan tràn sang xứ Ga-li-lê, và đây là khởi điểm của sự chống đối công khai mà cuối cùng dẫn đến việc bắt bớ và giết hại Chúa chúng ta. Hiện giờ Ngài thật nổi tiếng đến độ những nhà lãnh đạo Do Thái không dám làm ra vẻ không biết đến Ngài. Trên thực tế, chắc hẳn họ đã đến nơi nhóm họp rất sớm, vì họ có mặt ngay lúc mọi việc diễn ra! Hoặc cũng có thể Chúa Giê-xu đã ân cần dành cho họ những chỗ ngồi ngay hàng đầu.

Khi Chúa Giê-xu nhìn thấu suốt bên trong lòng những nhà lãnh đạo Do Thái, Ngài thấy thái độ phê phán trong lòng họ và biết rằng họ đang cáo buộc Ngài về tội lộng ngôn. Chỉ một mình Đức Chúa Trời mới có thể tha tội; thế nhưng Chúa Giê-xu lại vừa mới phán với người bại rằng tội lỗi của ông đã được tha. Như vậy Chúa Giê-xu đang tự nhận mình chính là Đức Chúa Trời!

Vài phút sau, Ngài đã chứng minh chính Ngài là Đức Chúa Trời qua việc đọc được những tư tưởng trong lòng họ và nói cho họ biết điều đó (xin xem *Giăng* 2:25; *Hê-bơ-rơ* 3:13). Vì cố họ muốn “lý luận” về những việc xảy ra, Ngài nêu vấn đề để họ suy xét: Điều nào dễ hơn, chữa lành cho người bại hay bảo với người ấy rằng tội lỗi người đã được tha? Hiển nhiên, việc nói rằng, “Tội lỗi người đã được tha!” dễ dàng hơn vì không ai có thể chứng minh là sự tha thứ có thật sự diễn ra hay không. Do đó, để hỗ trợ cho lời phán của Ngài, Chúa Giê-xu lập tức chữa lành người bại và bảo ông trở về nhà. Việc chữa lành thân thể của người bại chỉ là một hình ảnh minh họa và sự biểu hiện của việc chữa lành tâm linh người ấy (*Thi Thiên* 103:3). Các thầy tế lễ và những người Pha-ri-si, hẳn nhiên, không thể nào chữa lành cho người bại hay tha tội cho người ấy được; vì thế họ bị

rơi vào bẫy do chính mình giăng ra cũng như bị những ý tưởng của chính mình lên án.

Chúa Giê-xu khẳng định thần tính của Ngài không chỉ qua việc tha thứ tội lỗi của người bại và chữa lành thân thể ông, nhưng còn qua việc dùng danh xưng “Con Người” để nói về chính mình Ngài. Danh xưng này được dùng mười bốn lần trong sách *Phúc Âm Mác*. (Có hai lần trước khi Phi-e-rơ xưng Chúa là Đấng Christ :2 :10, 28; và 12 lần từ khi Phi-e-rơ nhận ra Đấng Christ :8:29; 8:31,38; 9:9,12,31; 10:33,45; 13:26; 14:21,41,61). Đây rõ ràng là một danh xưng của Đấng Mết-si-a (*Đa-ni-ên* 7:13-14) và người Do Thái cũng đã hiểu danh xưng này theo cách đó. Chúa Giê-xu dùng danh xưng này khoảng tám mươi lần trong các sách *Phúc Âm*.

Giả sử những nhà lãnh đạo tôn giáo đã mở lòng mình ra với chân lý ngày hôm đó thì họ đã có thể học được điều gì? Trước tiên, họ đã có thể học biết rằng tội lỗi giống như bệnh tật và sự tha thứ giống như việc sức khỏe bạn được phục hồi trở lại. Đây không phải là một chân lý mới mẻ, vì Thánh Kinh Cựu Ước cũng đã nói đến điều này (*Ê-sai* 1:5-6,16-20; *Thi Thiên* 103:3) nhưng giờ đây họ đã được tận mắt chứng kiến chân lý ấy. Họ cũng đã có thể học biết rằng Chúa Giê-xu Christ ở Na-xa-rét quả thực là Đấng Christ có thẩm quyền tha thứ tội – và tội lỗi của chính họ đã có thể được tha! Họ đã bỏ lỡ một cơ hội quý biết bao khi đến dự buổi thờ phượng với một tinh thần phê phán thay vì với một tấm lòng biết ăn năn!

2. Sự Ứng Nghiệm Trọn Vẹn

Mác 2:13-22

¹³ Bấy giờ, Đức Chúa Jêsus lại trở về phía mé biển; cả dân chúng đến cùng Ngài, rồi Ngài dạy dỗ họ. ¹⁴ Ngài vừa đi qua thấy Lê-vi, con A-phê, đương ngồi tại sở thu thuế, thì phán cùng người rằng: Hãy theo ta. Người đứng dậy theo Ngài.

¹⁵ Đức Chúa Jêsus đương ngồi ăn tại nhà Lê-vi, có nhiều người thu thuế và kẻ có tội đồng bàn với Ngài và môn đồ Ngài; vì trong bọn đó có nhiều kẻ theo Ngài

rồi. ¹⁶ Các thầy thông giáo thuộc phe Pha-ri-si thấy Ngài ăn với bọn thu thuế và kẻ phạm tội, thì nói với môn đồ Ngài rằng: Người cùng ăn với kẻ thu thuế và kẻ có tội sao! ¹⁷ Đức Chúa Jê-sus nghe vậy, bèn phán cùng họ rằng: Chẳng phải kẻ mạnh khỏe cần thầy thuốc đâu, nhưng là kẻ có bệnh; ta chẳng phải đến gọi người công bình, nhưng gọi kẻ có tội.

¹⁸ Và, môn đồ của Giăng và người Pha-ri-si đều kiêng ăn. Có người đến thưa cùng Đức Chúa Jê-sus rằng: Bởi cớ nào môn đồ của Giăng và môn đồ của người Pha-ri-si đều kiêng ăn, còn môn đồ của thầy không kiêng ăn? ¹⁹ Đức Chúa Jê-sus phán rằng: Bạn hữu của chàng rể có kiêng ăn được trong khi chàng rể còn ở cùng mình chăng? Hễ chàng rể còn ở với họ đến chừng nào, thì họ không thể kiêng ăn được đến chừng nấy. ²⁰ Song tới kỳ chàng rể phải đem đi khỏi họ, trong ngày đó họ sẽ kiêng ăn. ²¹ Không ai vá miếng nỉ mới vào cái áo cũ; nếu vậy thì miếng nỉ mới chẳng rách áo cũ, mà đàng rách thành xấu thêm. ²² Cũng không ai đổ rượu mới vào bầu da cũ; nếu vậy, rượu làm vỡ bầu, rượu mất và bầu cũng chẳng còn.

Chẳng bao lâu mọi người đều thấy rõ Chúa Giê-xu hết sức quan tâm đến những người bị xã hội Do Thái ruồng bỏ. Thậm chí Ngài còn kêu gọi một người thu thuế làm môn đệ của Ngài nữa! Chúng ta không biết rằng Lê-vi có phải là một người không lương thiện không, thông thường thì những người thu thuế đều là hạng người xấu; nhưng sự kiện ông làm việc cho Vua Hê-rốt và người La Mã đã đủ để khiến ông bị ghét bỏ giữa vòng những người Do Thái trung thành. Tuy nhiên, khi Chúa Giê-xu kêu gọi ông, Lê-vi đáp lời ngay. Ông đứng dậy và đi theo Chúa Giê-xu, bất chấp việc ông biết rằng La Mã sẽ không bao giờ cho ông trở lại nghề thu thuế của mình. Ông đoạn tuyệt với quá khứ (“Và ông bỏ hết mọi sự lại phía sau” – *Lu-ca* 5:28; bản văn NASB), nhận lãnh một tên mới (“Ma-thi-ơ, quà tặng của Đức Chúa Trời”), và hăng hái mời một số bạn bè vốn cũng là “kẻ có tội” giống như ông đến gặp gỡ Chúa Giê-xu. Họ là người Do Thái giống như ông, không tuân giữ Luật Pháp hay tỏ vẻ quan tâm nhiều đến lãnh vực tôn giáo. Đó chính là hạng người mà Chúa Giê-xu muốn đến gần.

Đĩ nhiên, những kẻ chỉ trích Chúa cũng đã có mặt ở đó; nhưng Chúa lại dùng lời chất vấn của họ để dạy dỗ những người

khách dự tiệc về chính Ngài và công tác thuộc linh Ngài sẽ thực hiện. Ngài giải thích sứ mạng của mình qua việc dùng ba hình ảnh so sánh thật thú vị.

Người thầy thuốc (Mác 2:16-17). Chúa Giê-xu không xem những người này là “những kẻ bỏ đi,” ngay cả khi họ đã bị những nhà lãnh đạo tôn giáo dứt phép thông công. Bạn bè của Ma-thi-ơ là *những bệnh nhân* cần đến thầy thuốc, và Chúa Giê-xu chính là vị thầy thuốc ấy. Chúng ta đã thấy rằng tội lỗi có thể được so sánh với bệnh tật và sự tha thứ được ví như việc sức khỏe bạn được phục hồi. Giờ đây chúng ta thấy Chúa chúng ta có thể được ví sánh như một vị thầy thuốc: Ngài đến với chúng ta khi chúng ta cần Ngài; Ngài chẩn đoán thật chính xác; Ngài chữa trị tận gốc rễ; và Ngài *chẳng cần thu y phí!* Thật là một vị thầy thuốc diệu kỳ!

Nhưng có ba loại “bệnh nhân” mà Chúa Giê-xu không thể nào chữa lành căn bệnh tội lỗi của họ: (1) những người không biết về Ngài; (2) những người biết về Ngài nhưng lại không chịu tin cậy Ngài; và (3) những người không thừa nhận rằng mình cần Ngài. Các thầy tế lễ và những người Pha-ri-si thuộc hạng người thứ ba đó, cũng như tất cả những tội nhân cậy vào sức của chính mình. Nếu chúng ta không thừa nhận mình là người có tội, đáng phải chịu sự đoán phạt của Đức Chúa Trời thì chúng ta không thể nào được cứu. Chúa Giê-xu chỉ cứu vớt kẻ có tội mà thôi (Lu-ca 19:10).

Vào thời Chúa Giê-xu, cũng như vào thời của các đấng tiên tri, có những kẻ tự nhận có thể đem đến sự chữa lành về tâm linh cho dân chúng, nhưng phương cách chữa trị của họ thật vô hiệu. Giê-rê-mi đã quở trách các thầy tế lễ và các tiên tri giả trong thời của ông vì họ là những thầy thuốc vô ích chỉ đem lại hy vọng giả dối cho dân tộc. “Chúng nó rịt vít thương cho con gái dân ta cách sơ sài, nói rằng: Bình an, bình an! mà không bình an chi hết” (Giê-rê-mi 6:14; 8:11). Họ dùng những loại thuốc sơ sài để chữa trị những triệu chứng bên ngoài chứ không đi sâu vào vấn đề chính yếu – đó là tấm lòng tội lỗi của con

người (*Giê-rê-mi* 17:9). Chúng ta phải thận trọng đối với những thầy thuốc vô ích như thế trong thời đại ngày nay.

Chàng rể (*Mác* 2:18-20). Trong khi lời chất vấn đầu tiên họ nêu lên liên quan đến hạng người Chúa Giê-xu đang giao tiếp thì sự chất vấn thứ nhì của họ nêu lên vấn đề tại sao Chúa Giê-xu vui vẻ ngồi ăn đồng bàn với những người này. Đối với họ, cách xử sự của Ngài dường như không thích hợp. Giảng Báp-tít là một người khổ hạnh, phần nào sống theo lối ẩn dật; còn Chúa Giê-xu lại chấp nhận những lời mời đến dùng bữa, chơi đùa với trẻ con, và ưa thích những cuộc hội họp giao du với đủ mọi hạng người (*Ma-thi-ơ* 11:16-19). Chắc hẳn các môn đệ của Giảng có phần cảm thấy chướng tai gai mắt khi nhìn thấy Chúa Giê-xu cùng ăn uống với bọn người xấu. Các môn đệ sùng kính của những người Pha-ri-si (xin xem *Ma-thi-ơ* 23:15) vội vàng nhập bọn với họ để bày tỏ sự bất mãn của mình.

Chúa Giê-xu đã từng bày tỏ rõ ràng rằng Ngài đến để biến cải những kẻ có tội, chứ không phải để khen ngợi những kẻ cậy sự công bình riêng. Giờ đây Ngài phán với họ rằng Ngài đến để đem lại sự vui mừng, chứ không phải sự buồn rầu. Bởi các thầy tế lễ và những người Pha-ri-si bắt người ta phải tuân giữ luật pháp quá nghiêm nhặt nên tôn giáo của người Do Thái đã trở nên một gánh nặng. Những người nghèo khổ bị đè nặng bởi những luật lệ và phép tắc mà họ không thể nào làm theo được (xin xem *Ma-thi-ơ* 23:4). “Cuộc sống không thể được coi như một lễ tang!” Chúa Giê-xu phán cùng họ như thế. “Đức Chúa Trời muốn cuộc sống là một bữa tiệc cưới! Ta là Chàng Rể và những người này là những vị khách mời dự tiệc cưới của Ta. Những người khách dự tiệc cưới không được phép vui mừng sao?”

Người Do Thái hiểu rằng hôn nhân là một trong những hình ảnh được dùng trong Cựu Ước làm biểu tượng cho mối quan hệ giữa dân Y-sơ-ra-ên với Đức Chúa Trời. Họ đã “kết hôn với Đức Giê-hô-va” và họ chỉ thuộc về Ngài (*Ê-sai* 54:5; *Giê-rê-mi* 31:32). Khi dân chúng quay sang thờ lạy các thần ngoại bang,

như đã thường làm, họ đã phạm tội “tà dâm thuộc linh.” Họ không chung thủy với Chúa mình, và họ phải bị sửa phạt. Chủ đề chính của sách Ô-sê là sự yêu thương của Đức Chúa Trời đối với người vợ tà dâm của Ngài và lòng Ngài mong muốn phục hồi dân tộc Y-sơ-ra-ên để họ lại được hưởng ân huệ của Ngài lần nữa.

Giăng Báp-tít đã tuyên bố rằng Chúa Giê-xu là Chàng Rể (Giăng 3:29), và Chúa chúng ta đã thực hiện phép lạ đầu tiên của Ngài tại một bữa tiệc cưới đầy vui mừng (Giăng 2:1-11). Giờ đây Ngài lại đang mời gọi mọi người đến dự tiệc cưới! Việc trở thành một Cơ Đốc nhân không khác gì việc bước vào mối quan hệ trong hôn nhân (xin xem Rô-ma 7:4 – “anh em được thuộc về (kết hôn với) người khác . . .”). Hai người không bước vào hôn nhân chỉ vì quen biết nhau, hay vì có những cảm xúc mạnh mẽ về nhau. Để kết hôn, họ còn phải có nhiều cam kết với nhau và bày tỏ cho mọi người biết sự cam kết này. Trong hầu hết các xã hội, người nam và người nữ công khai xác nhận sự cam kết này khi mỗi người đều nói, “Tôi xin hứa!”

Sự cứu rỗi khỏi tội lỗi bao gồm nhiều điều hơn là việc một người biết về Đấng Christ, hay ngay cả việc có “những cảm nghĩ tốt đẹp” đối với Đấng Christ. Sự cứu rỗi đến khi tội nhân cam kết với Chúa Giê-xu Christ và nói rằng, “Con xin hứa!” Sau đó người tín hữu lập tức hưởng được những sự vui mừng của mối quan hệ hôn nhân thuộc linh này: người ấy được mang tên Ngài; được chia sẻ sự giàu có và quyền phép của Ngài; được nếm trải sự yêu thương và bảo bọc của Ngài; và một ngày kia được sống trong nhà vinh hiển của Ngài trên thiên đàng. Khi bạn “kết hôn với Đấng Christ,” cuộc sống bạn trở nên một tiệc cưới đầy vui mừng, bất chấp những thử thách và khó khăn có thể xảy ra.

Câu 20 là một ngụ ý nói về sự chết, sự phục sinh, và sự thăng thiên của Chúa. Không chắc là các môn đệ của Chúa, vào buổi đầu đi theo Ngài, có thể hiểu được những điều Ngài muốn nói. Tuy nhiên, Chúa Giê-xu không ám chỉ rằng sự vắng

mặt của Ngài trên đất này sẽ có nghĩa là những kẻ theo Ngài sẽ phải thay thế tiệc cưới bằng một lễ tang! Ngài chỉ đang vạch ra rằng việc thịnh thoảng kiêng ăn sẽ thích hợp vào một thời điểm trong tương lai, còn buổi tiệc đầy vui mừng đó cần phải là kinh nghiệm bình thường của những kẻ tin theo Ngài.

Chiếc Áo Và Bầu Da Đựng Rượu (Mác 2:21-22). Chúa Giê-xu đã dạy chúng ta hai bài học quan trọng về chức vụ của Ngài: (1) Ngài đến để cứu những kẻ có tội, chứ không phải để kêu gọi những kẻ cậy công bình riêng; và (2) Ngài đến để đem lại sự vui mừng chứ không phải sự buồn rầu. Bài học thứ ba là: Ngài đến để đem lại cái mới, chứ không phải để chắp vá cái cũ.

Những nhà lãnh đạo tôn giáo cảm kích trước sự giảng dạy của Chúa, và có lẽ họ sẽ lấy làm vui sướng áp dụng một số ý tưởng của Ngài vào truyền thống tôn giáo của riêng họ. Họ đang hy vọng một kiểu thỏa hiệp nào đó sẽ giữ lại những điều tốt đẹp nhất trong Do Thái giáo của người Pha-ri-si và những điều tốt đẹp nhất trong những gì Đấng Christ đã dạy dỗ. Nhưng Chúa Giê-xu phán rõ rằng phương cách ấy là một việc làm thiếu khôn ngoan. Nó sẽ giống như việc xé những miếng vá từ một chiếc áo mới chưa co giãn rồi đem khâu vào một chiếc áo đã cũ. Bạn sẽ làm hư chiếc áo mới; và khi đem giặt chiếc áo cũ, những miếng vá sẽ co rút lại, kéo rách toạt ra, làm hư cả chiếc áo đó nữa (xin lưu ý *Lu-ca* 5:36-39). Hoặc là, nó sẽ giống như việc đổ rượu mới chưa lên men vào những bầu da cũ đã bỏ, khi rượu bắt đầu lên men và sủi bọt, bầu da cũ sẽ bị vỡ ra – và bạn sẽ mất cả rượu lẫn bầu.

Chúa Giê-xu đến để mở ra những điều mới mẻ, chứ không phải để liên hiệp với những điều cũ kỹ. Cơ cấu của Luật Pháp Môi-se đang suy tàn, già cỗi, và gần tiêu mất (*Hê-bơ-rơ* 8:13). Chúa Giê-xu sẽ thiết lập một giao ước mới trong huyết Ngài (*Lu-ca* 22:19-20). Luật pháp sẽ được viết trên tấm lòng của con người, chứ không phải trên bảng đá (*Hê-bơ-rơ* 10:15-18; *II Cô-rinh-tô* 3:1-3) và sự ngự trị của Đức Thánh Linh sẽ giúp con dân Đức Chúa Trời có thể làm trọn sự công bình của Luật Pháp (*Rô-*

ma 8:1-4).

Với hình ảnh này, Chúa Giê-xu bác bỏ một lần nữa cả tư tưởng phổ biến của một hình thức “tôn giáo toàn cầu” có tính cách thỏa hiệp. Những nhà lãnh đạo đầy thiện chí nhưng lại mù lòa thuộc linh đã gợi ý là chúng ta nên lấy “những điều tốt đẹp nhất” từ mỗi tôn giáo, kết hợp với những điều “tốt đẹp nhất” trong niềm tin Cơ Đốc, và từ đó tạo ra một đức tin tổng hợp có thể chấp nhận được đối với mọi người. Nhưng niềm tin Cơ Đốc mang đặc điểm *độc nhất vô nhị*, vì nó không chấp nhận bất cứ niềm tin nào khác là ngang hàng với nó hay trở vượt hơn nó. “Chẳng có sự cứu rỗi trong Đấng nào khác; vì ở dưới trời, chẳng có danh nào khác ban cho loài người, để chúng ta phải nhờ đó mà được cứu” (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 4:12).

Sự cứu rỗi không phải là việc vá vúi một phần của đời sống con người; đó là một chiếc áo choàng công bình mới mẻ nguyên vẹn (*Ê-sai* 61:10; *II Cô-rinh-tô* 5:21). Đời sống Cơ Đốc không phải là một sự pha trộn giữa cái cũ và cái mới nhưng là một sự làm trọn cái cũ trong cái mới. Có hai cách để hủy phá một vật: bạn có thể đập nó vỡ tan; hoặc bạn có thể để nó tự hủy. Chẳng hạn như, chúng ta có thể dùng búa đập vỡ một quả sồi, hoặc chúng ta có thể trồng nó và để nó mọc lên thành một cây sồi. Trong cả hai trường hợp, sự hủy phá quả sồi đều đã được hoàn tất; nhưng trong trường hợp thứ hai, quả sồi đã tự hủy đi.

Chúa Giê-xu đã làm trọn những lời tiên tri, những kiểu mẫu, và những đòi hỏi của Luật Pháp Môi-se. Luật pháp đã chấm dứt tại đồi Gô-gô-tha khi tế lễ trọn vẹn đã một lần được dâng lên vì cơ tội lỗi của cả thế gian (*Hê-bơ-rơ* 8:1-10:39). Khi bạn tin nơi Chúa Giê-xu, bạn trở nên một phần của sự dựng nên mới (*II Cô-rinh-tô* 5:17), và bạn sẽ luôn có những kinh nghiệm mới mẻ về ân sủng và sự vinh hiển của Ngài. Thật đáng thương thay cho những ai cứ nắm giữ truyền thống tôn giáo đã chết trong khi họ có thể nhận lãnh chân lý thuộc linh sống động. Tại sao lại cứ ấp ủ những điều có ý nghĩa hình bóng trong khi những điều hiện thực đã đến? (*Hê-bơ-rơ* 10:1tt). Trong Chúa Giê-xu

Christ tất cả những lời hứa của Đức Chúa Trời đã được hoàn tất (II Cô-rinh-tô 1:20).

3. Sự Tự Do

Mác 2:23-28; 3:1-12

²³ Nhằm ngày Sa-bát, Đức Chúa Jê-sus đi qua đồng lúa mì; đang đi đường, môn đồ Ngài bắt bông lúa mì. ²⁴ Các người Pha-ri-si bèn nói cùng Ngài rằng: Coi kìa, sao môn đồ thầy làm điều không nên làm trong ngày Sa-bát? ²⁵ Ngài đáp rằng: Các người chưa đọc đến sự vua Đa-vít làm trong khi vua cùng những người đi theo bị túng đói hay sao? ²⁶ Thế nào trong đời A-bi-a-tha làm thầy cả thượng phẩm, vua ấy vào đền Đức Chúa Trời, ăn bánh bày ra, lại cũng cho những người đi theo ăn nữa, dầu bánh ấy chỉ những thầy tế lễ mới được phép ăn thôi? ²⁷ Đoạn, Ngài lại phán: Vì loài người mà lập ngày Sa-bát, chớ chẳng phải vì ngày Sa-bát mà dựng nên loài người. ²⁸ Vậy thì Con người cũng làm chủ ngày Sa-bát.

3

¹ Lần khác, Đức Chúa Jê-sus vào nhà hội, ở đó có một người nam teo bàn tay. ² Chúng rình xem thử Ngài có chữa người đó trong ngày Sa-bát chăng, đặng cáo Ngài. ³ Ngài phán cùng người teo tay rằng: Hãy dậy, đứng chính giữa đây. ⁴ Rồi Ngài hỏi họ rằng: Trong ngày Sa-bát, nên làm việc lành hay việc dữ, cứu người hay giết người? Nhưng họ đều nín lặng. ⁵ Bấy giờ, Ngài lấy mắt liếc họ, vừa giận vừa buồn vì lòng họ cứng cõi, rồi phán cùng người nam rằng: Hãy giơ tay ra. Người giơ ra, thì tay được lành. ⁶ Các người Pha-ri-si đi ra, tức thì bàn luận với phe Hê-rốt nghịch cùng Ngài, đặng giết Ngài đi.

⁷ Đức Chúa Jê-sus cùng môn đồ Ngài lánh ra nơi bờ biển, có đoàn dân đông lắm từ xứ Ga-li-lê đến theo Ngài. Từ xứ Giu-đê, ⁸ thành Giê-ru-sa-lem, xứ Y-đu-mê, xứ bên kia sông Giô-đanh, miền xung quanh thành Ty-rơ và thành Si-đôn cũng vậy, dân đông lắm, nghe nói mọi việc Ngài làm, thì đều đến cùng Ngài. ⁹ Bởi cơ dân đông, nên Ngài biểu môn đồ sắm cho mình một chiếc thuyền nhỏ sẵn sàng, đặng cho khỏi bị chúng lấn ép Ngài quá. ¹⁰ Vì Ngài đã chữa lành nhiều kẻ bệnh, nên nổi ai nấy có bệnh chi cũng đều áp đến gần để rờ Ngài. ¹¹ Khi tà ma thấy Ngài, bèn sắp mình xuống nơi chân Ngài, mà kêu lên rằng: Thầy là Con Đức Chúa Trời! ¹² Song Ngài nghiêm cấm chúng nó chớ tỏ cho ai biết mình.

Ngày Sa-bát được người Do Thái tuân giữ như một định chế thiêng liêng. Đức Chúa Trời ban cho dân tộc Y-sơ-ra-ên ngày Sa-bát sau khi họ ra khỏi xứ Ai Cập (Ê-xê-ki-ên 20:12; Xuất Ê-

díp-tô Ký 20:8-11) và đó là một dấu hiệu đặc biệt giữa dân Y-sơ-ra-ên và Đức Giê-hô-va (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 31:13-17). Trong Thánh Kinh không nơi nào ghi lại rằng Đức Chúa Trời đã từng ban ngày Sa-bát cho bất cứ dân tộc nào khác. Vì thế, khi Chúa Giê-xu bắt đầu công khai vi phạm những truyền thống của ngày Sa-bát, điều đó giống như việc tuyên chiến chống lại cả hệ thống tôn giáo. Ngài bắt đầu chiến dịch của Ngài bằng việc chữa lành một người bị bệnh đã ba mươi tám năm (*Giăng* 5:1-47), và làm các công việc tiếp theo như đã được ghi lại trong phần này.

Theo truyền thống của người Do Thái có ba mươi chín công việc bị nghiêm cấm trong ngày Sa-bát. Môi-se đã cấm làm việc vào ngày Sa-bát, nhưng ông không nêu ra nhiều chi tiết (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 20:10). Trong ngày Sa-bát không được phép nổi lửa trong nhà để nấu ăn (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 35:3), lượm củi (*Dân Số Ký* 15:32tt), khiêng gánh nặng (*Giê-rê-mi* 17:21tt), hay buôn bán (*Nê-hê-mi* 10:31; 13:15, 19). Nhưng truyền thống của người Do Thái lại đi sâu vào những chi tiết nhỏ nhặt và thậm chí quy định quãng đường mà dân chúng được phép đi trong ngày Sa-bát (200 cu-bít, tức khoảng 91m5, dựa vào *Giô-suê* 3:4). Tóm lại, ngày Sa-bát đã trở thành một cái ách nặng nề, một biểu tượng của sự bó buộc tôn giáo đầy phiền toái đã trói buộc cả dân tộc.

Sau khi chữa lành người bại tại ao Bê-tết-đa, hành động “coi thường ngày Sa-bát” kế tiếp của Chúa chúng ta là đi qua đồng lúa mì vào ngày Sa-bát và cho phép các môn đệ Ngài bứt bông lúa mì, vò ra để ăn. Không có gì là vi phạm luật khi một người đang đói hái một ít trái cây hay bứt bông lúa mì của kẻ lân cận mình ăn, miễn là người ấy đừng bỏ đầy giỏ mình hay đặt lưới hái vào đồng lúa của người khác (*Phục Truyền Luật Lệ Ký* 23:24-25). Tuy nhiên, đó không phải là điều khiến những người Pha-ri-si khó chịu. Điều khiến họ khó chịu chính là sự kiện các môn đệ đã làm việc vào ngày Sa-bát!

Khi bạn đọc sách Ma-thi-ơ ký thuật sự kiện này, bạn nhận

thấy là Chúa Giê-xu nêu lên ba lý lẽ để bênh vực cho các môn đệ của Ngài: điều vua Đa-vít đã làm (*Mác* 12:3-4), điều các thầy tế lễ làm (cc. 5-6), và điều tiên tri Ô-sê đã nói (cc. 7-8). Các độc giả La Mã của Mác sẽ không quan tâm đến các đấng tiên tri và các thầy tế lễ của người Do Thái, vì thế Mác tập trung vào vua Đa-vít – người mà những người La Mã sẽ nhận biết như một vị anh hùng và một vị vua vĩ đại. Lý lẽ nêu lên thật hợp lý: nếu vua cùng những kẻ tùy tùng đang đói được phép ăn bánh thánh nơi đền thờ (*I Sa-mu-ên* 21:1-6), thì việc Chúa của ngày Sa-bát cho phép các môn đệ Ngài ăn bông lúa mì nơi đồng lúa của Ngài là điều phải lẽ. Vua Đa-vít đã phạm một luật định rõ ràng do Môi-se đề ra, vì bánh trần thiết dành riêng cho các thầy tế lễ mà thôi (*Lê-vi Ký* 24:5-9); nhưng điều các môn đệ đã vi phạm chỉ là một truyền thống do con người đặt ra. Đức Chúa Trời chắc hẳn quan tâm đến việc đáp ứng nhu cầu của con người hơn là việc bảo vệ truyền thống tôn giáo. Những người Pha-ri-si đã khiến cho những ưu tiên của họ bị đảo lộn.

Chúa Giê-xu có nhầm lẫn không khi Ngài nhắc đến A-bia-tha là thầy cả thượng phẩm? Dựa theo *I Sa-mu-ên* 21:1-15; thì A-bi-mê-léc, cha của A-bia-tha (*I Sa-mu-ên* 22:20) mới là thầy cả thượng phẩm; vì thế câu nói của Chúa chúng ta có vẻ là một sự trái ngược. Không phải vậy. Có thể là cả cha lẫn con mỗi người đều có hai tên (*I Sử-ký* 18:16 và 24:6; *I Sa-mu-ên* 22:20; và *II Sa-mu-ên* 8:17). Cũng có thể là Chúa dùng tên gọi “A-bia-tha” để ám chỉ đoạn *Kinh Thánh* trong Cựu Ước về A-bia-tha hơn là nói về chính ông. Đây là cách người Do Thái nhận ra các phần của Lời Thánh Kinh vì các bản Kinh Thánh viết tay của họ không có phân ra đoạn và câu như trong Kinh Thánh chúng ta đang dùng ngày nay (xin xem *Mác* 12:26).

Cũng trong ngày Sa-bát đó, Chúa Giê-xu đi vào nhà hội để thờ phượng; và trong lúc ở đó, Ngài đã cố tình chữa lành một người teo tay. Hẳn nhiên là Ngài đợi đến ngày hôm sau, nhưng một lần nữa Ngài muốn thách thức với những truyền thống tuân giữ luật pháp của người Pha-ri-si. Lần này những người Pha-ri-

si (*Lu-ca* 6:7) đang trông mong Ngài chữa bệnh, vì thế họ cố mở to đôi mắt nhìn xem Ngài hành động. Câu hỏi của Chúa chúng ta trong *Mác* 3:4 không hề nhận được sự đáp lời từ phía những kẻ chống đối Ngài. Việc dữ luôn diễn ra mỗi ngày, kể cả ngày Sa-bát, vậy tại sao việc lành lại không được phép thi thố y như thế? Sự chết luôn hành động, vậy tại sao ta lại không luôn luôn giữ lấy sự sống.

Chúa Giê-xu có thể nhìn thấy “sự cứng cõi của lòng họ,” và tội lỗi của họ khiến Ngài nổi giận. Chúa không bao giờ giận dữ với những kẻ thù thuế và những người có tội, nhưng Ngài đã bày tỏ sự tức giận đối với những người Pha-ri-si cậy sự công bình riêng (*Ma-thi-ơ* 23:1-39). Họ thà bảo vệ những truyền thống của mình hơn là nhìn thấy một người bệnh được chữa lành! Người teo tay, hẳn nhiên, không biết nhiều về mối xung đột thuộc linh này. Ông ta chỉ vâng theo lời phán của Chúa, gơ bàn tay mình ra, và lập tức được chữa lành.

Những người Pha-ri-si vô cùng căm tức trước những điều Chúa Giê-xu đã làm, đến nỗi họ đã liên kết với những người thuộc phe Hê-rốt và bắt đầu lập mưu bắt Chúa Giê-xu và giết hại Ngài. Những người thuộc phe Hê-rốt không phải là một đảng phái tôn giáo; họ là một nhóm người Do Thái đồng tình với vua Hê-rốt và ủng hộ sự cai trị của vua. Phần lớn người Do Thái khinh miệt Hê-rốt và miễn cưỡng thi hành các luật lệ của ông; vì thế thật ngạc nhiên khi những người Pha-ri-si, vốn là những người Do Thái nghiêm ngặt, lại kết thân với những phần tử chính trị không trung thành này. Nhưng chỉ với mục đích chống Chúa Giê-xu hai nhóm người này xích lại gần nhau.

Để đối phó với sự chống đối có liên kết này, Chúa Giê-xu chỉ lánh đi khỏi nơi đó; nhưng Ngài không thể nào ngăn cản việc những đoàn dân đông đi theo Ngài. Những đoàn dân này gây nguy hiểm cho mục đích của Ngài, hẳn nhiên, vì họ không được thôi thúc bởi nhu cầu tâm linh; và những bậc cầm quyền có thể cáo Ngài về tội lãnh đạo dân chúng nổi loạn chống lại người La Mã. Thế nhưng Chúa Giê-xu vẫn tiếp đón mọi người,

chữa lành những kẻ đau và giải phóng những người bị quỷ ám. Một lần nữa, Ngài cấm các quỷ không được tiết lộ Ngài là ai (Mác 1:23-26).

Giờ đây Chúa chúng ta đã tiến đến một bước ngoặt trong chức vụ của Ngài. Những đoàn dân đông đảo đang đi theo Ngài, nhưng mối quan tâm của họ không phải là những điều thuộc linh. Các nhà lãnh đạo tôn giáo thì muốn tiêu diệt Ngài, và ngay cả một số bạn bè của Hê-rốt cũng đang có âm mưu đó. Việc làm kế tiếp của Ngài sẽ là dành trọn một đêm trong sự cầu nguyện (Lu-ca 6:12), lựa chọn mười hai người làm sứ đồ để giúp đỡ Ngài, và giảng một bài – đó là Bài Giảng Trên Núi – giải nghĩa về nền tảng thuộc linh của Nước Ngài.

Ngài ban cho họ sự tha thứ, sự thực hiện trọn vẹn những lời hứa của Đức Chúa Trời, và sự tự do; nhưng họ từ chối sự ban cho của Ngài.

Bạn đã nhận lãnh sự ban cho của Chúa chưa?

Người Đầy Tớ, Đoàn Dân Đông, Và Vương Quốc

Mác 3:13-4:34

Đến nơi nào, Người Đầy Tớ của Đức Chúa Trời cũng luôn bị vây bởi những đoàn dân đông đầy kích động (*Mác 3:7-9, 20, 32; 4:1*). Nếu Chúa Giê-xu là một “người nổi danh” chứ không phải một tội tở, thì rất có thể Ngài đã chu cấp cho đoàn dân đông và cố làm vừa lòng họ (xin xem *Ma-thi-ơ 11:7-15*). Thay vì thế, Ngài đã rút lui khỏi đoàn dân đông và bắt đầu dạy dỗ đặc biệt cho các môn đệ Ngài. Chúa Giê-xu biết rằng phần lớn những người chen lấn để đến gần Ngài đều hời hợt và giả dối, nhưng các môn đệ Ngài lại không biết điều này. Lo ngại rằng họ chỉ chú ý đến việc nuôi nấng và chữa bệnh, Chúa Giê-xu đã phải dạy dỗ những môn đệ này chân lý về những đoàn dân đông và vương quốc của Ngài. Trong phần này, chúng ta thấy ba phản ứng của Chúa trước áp lực của quần chúng.

1. Ngài Lập Một Dân Mới

Mác 3: 13-19

¹³ Kế đó, Đức Chúa Jêsus lên trên núi, đòi những người Ngài muốn, thì những người ấy đến kẻ Ngài. ¹⁴ Ngài bèn lập mười hai người, gọi là sứ đồ, để ở cùng

Ngài và sai đi giảng đạo, ¹⁵ lại ban cho quyền phép đuổi quỷ. ¹⁶ Này là mười hai sứ đồ Ngài đã lập: Si-môn, Ngài đặt tên là Phi-e-rơ; ¹⁷ Gia-cơ con Xê-bê-đê, và Giăng em Gia-cơ, Ngài lại đặt tên hai người là Bô-a-nê-t, nghĩa là con trai của sấm sét; ¹⁸ Anh-rê, Phi-líp, Ba-thê-lê-my, Ma-thi-ơ, Thô-ma, Gia-cơ con A-phê, Tha-đê, Si-môn người Ca-na-an, ¹⁹ và Giu-đa Ích-ca-ri-ốt, chính tên này đã phản Ngài.

Con số các môn đệ thật ý nghĩa vì có mười hai chi phái trong dân tộc Y-sơ-ra-ên. Trong *Sáng Thế Ký*, Đức Chúa Trời đã bắt đầu với mười hai con trai của Gia-cốp, và trong *Xuất Ê-díp-tô Ký*, Ngài lập họ thành một dân tộc hùng mạnh. Y-sơ-ra-ên được chọn để đưa Đấng Mết-si-a vào trong thế gian hầu cho qua Ngài tất cả mọi dân tộc trên đất có thể được phước (*Sáng Thế Ký* 12:1-3). Tuy nhiên, dân tộc Y-sơ-ra-ên giờ đây đã sa bại về tâm linh và sẵn sàng khước từ chính Đấng Mết-si-a của mình. Đức Chúa Trời đã phải lập “một dân thánh, một dân riêng (được chuộc mua)” (*I Phi-e-rơ* 2:9) và mười hai sứ đồ là nhân tố của dân tộc “thuộc linh” mới này (*Ma-thi-ơ* 21:43).

Chúa Giê-xu dành trọn đêm để cầu nguyện trước khi chọn lựa mười hai người (*Lu-ca* 6:12). Khi Ngài chọn họ, Ngài hướng đến ba mục đích: (1) huấn luyện họ bằng cách đích thân Ngài nêu gương cho họ và dạy dỗ họ, (2) sai họ đi ra rao giảng Phúc Âm, và (3) ban cho họ quyền phép để chữa bệnh và đuổi quỷ. (Xin xem *Mác* 1:14-15, 38-39; 6:7-13). Mười hai người này do đó sẽ có thể tiếp tục công tác của Ngài khi Ngài trở về với Đức Chúa Cha, và họ cũng sẽ huấn luyện những người khác để chăm lo công việc Chúa nối tiếp họ (*II Ti-mô-thê* 2:2).

Trong Tân Ước, bạn sẽ tìm thấy ba danh sách khác kể tên mười hai môn đệ: *Ma-thi-ơ* 10:2-4; *Lu-ca* 6:14-16; và *Công Vụ Các Sứ Đồ* 1:13. Lu-ca cho chúng ta biết rằng Chúa Giê-xu ban cho họ danh hiệu đặc biệt là các “sứ đồ.” Một môn đệ là một người học bằng cách thực hành; từ tương đương hiện đại của chúng ta có thể là “một người học việc.” Một “sứ đồ” là một người được sai đi phục vụ chính thức với một sự ủy thác. Chúa Giê-xu có nhiều môn đệ nhưng chỉ có mười hai sứ đồ, là các

“đại sứ” đặc biệt của Ngài.

Khi so sánh các danh sách này, bạn sẽ thấy hình như các tên được sắp xếp từng đôi một: Phi-e-rơ và Anh-rê; Gia-cơ và Giăng; Phi-líp và Ba-thê-lê-my (hay Na-tha-na-ên *Giăng* 1:45) Thô-ma và Ma-thi-ơ (tức Lê-vi); Gia-cơ, con A-phê, và Tha-đê (hay Giu-đa, con của Gia-cơ, chứ không phải Ích-ca-ri-ốt! *Giăng* 14:22); Si-môn Xê-lốt và Giu-đa Ích-ca-ri-ốt. Vì Chúa Giê-xu sai các sứ đồ Ngài đi ra từng đôi một nên đây là cách hợp lý để kể tên họ ra (*Mác* 6:7).

Tên của Si-môn được đổi lại là Phi-e-rơ, nghĩa là “đá” (*Giăng* 1:40-42) và tên của Lê-vi được đổi là Ma-thi-ơ, “quà tặng của Đức Chúa Trời.” Gia-cơ và Giăng được ban cho biệt hiệu là “Bô-a-net – con trai của sấm sét.” Chúng ta thường nghĩ đến Giăng như vị sứ đồ của tình yêu thương, nhưng chắc hẳn là ông đã không bắt đầu với danh hiệu như thế, cả anh ông là Gia-cơ cũng vậy (*Mác* 9:38-41; và 10:35-39; *Lu-ca* 9:54-55). Thật khích lệ khi nhìn thấy điều Chúa Giê-xu đã làm với một nhóm người tạp nhạp không chút khả năng để có thể làm người phục vụ Chúa. Vì thế, vẫn còn có hy vọng cho chúng ta!

Mác định nghĩa từ Hy Bá Lai *Bô-a-net* vì ông viết cho các độc giả La Mã. Trong sách Phúc Âm Mác, bạn sẽ tìm thấy một số “chú thích đặc biệt dành cho các dân ngoại” này (*Mác* 5:41; 7:11,34; 11:9; 14:36; 15:22, 34). Từ *người Ca-na-an* trong 3:18 không liên quan gì đến nguồn gốc dân tộc hay chủng tộc. Đó là từ Hy Bá Lai *cananaean*, ra từ một từ ngữ có nghĩa là “tha thiết bảo vệ, nhiệt thành.” Những người Xê-lốt là một nhóm người Do Thái quá khích được tổ chức để lật đổ đế quốc La Mã; và họ dùng mọi phương tiện có thể có được, kể cả việc giết người, để đẩy mạnh chính nghĩa của mình. Sử gia Josephus gọi họ là “những tay dao găm.” Thật thú vị khi biết được Si-môn Xê-lốt đã phản ứng thế nào trong lần đầu tiên ông gặp gỡ Ma-thi-ơ, nguyên là một tay sai của chính quyền La Mã.

Nếu bạn tham khảo bốn sách Phúc Âm song song nhau, bạn sẽ thấy là giữa các câu 19 và 20, Chúa Giê-xu giảng Bài Giảng

Trên Núi (*Ma-thi-ơ* 5:1-7:29) và tham dự vào những sự kiện được mô tả trong *Lu-ca* 7:1-8:3. Sách *Phúc Âm Mác* không ghi lại bài giảng nổi tiếng ấy vì ông nhấn mạnh vào những việc Chúa Giê-xu làm hơn là những điều Chúa Giê-xu giảng dạy.

2. Ngài Thiết Lập Một Gia Đình Mới

Mác 3:20-21, 31-35

²⁰ Đức Chúa Jê-sus cùng môn đồ vào trong một cái nhà; đoàn dân lại nhóm họp tại đó, đến nỗi Ngài và môn đồ không ăn được. ²¹ Những bạn hữu Ngài nghe vậy, bèn đến để cầm giữ Ngài; vì người ta nói Ngài đã mất trí khôn.

³¹ Mẹ và anh em Ngài đến, đứng ngoài sai kêu Ngài. Đoàn dân vẫn ngồi chung quanh Ngài. ³² Có kẻ thưa rằng: Này, mẹ và anh em thầy ở ngoài kia, đương tìm thầy. ³³ Song Ngài phán cùng họ rằng: Ai là mẹ ta, ai là anh em ta? ³⁴ Ngài lại đưa mắt liếc những kẻ ngồi chung quanh mình mà phán rằng: Kia là mẹ ta và anh em ta! ³⁵ Ai làm theo ý muốn Đức Chúa Trời, nấy là anh em, chị em, và mẹ ta vậy.

Những bạn hữu của Chúa Giê-xu quả quyết rằng Ngài bị rối trí, và có thể bị loạn trí nữa! Những đoàn dân đông đảo mà họ thấy đang đi theo Ngài, và những lời tường thuật đầy kinh ngạc mà họ nghe về Ngài, khiến họ tin rằng Ngài đang rất cần được giúp đỡ. Ngài hoàn toàn không sống một cuộc đời bình thường, vì thế các bạn hữu của Ngài đã đến Ca-bê-na-um để “canh chừng Ngài.” Kế đó mẹ và “các anh em” Ngài (*Mác* 6:3) phải trải qua ba mươi dặm đường từ Na-xa-rét đến để nài khuyên Ngài về nhà và nghỉ ngơi, nhưng ngay cả họ cũng không thể đến gần Ngài được. Đây là chỗ duy nhất trong sách *Phúc Âm Mác* bà Ma-ri được nhắc đến, và sự cố gắng của bà đã không có kết quả.

Lịch sử cho thấy rằng các tội tở của Đức Chúa Trời thường bị những người cùng thời đánh giá sai, và thường bị gia đình mình hiểu lầm. D.L. Moody được nhiều người ở Chicago gọi là “Moody Điên,” và cả đến vị Đại Sứ đồ Phao-lô cũng bị coi là điên cuồng (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 26:24-25). Emily Dickenson đã viết:

Càng rõ dại thì lại càng thánh thiện
Đối với người biết suy nghĩ sâu xa.
Còn những ai biết tìm kiếm lẽ thật
thì bị người đời cho là điên cuồng, ngu ngốc.
Đó là thói thường ở đời.

Thuận theo thế gian thì được xem là người bình thường.
Nhược bằng chống đối, thì bị xem là thành phần nguy hiểm,
và sẽ đương đầu với khổ ải, gian lao.

Không có gì sai quấy đối với gia đình khi Chúa Giê-xu vẫn cứ ở trong nhà mà không tìm cách gặp những người thân. Ngài biết rằng động cơ của họ là đúng đắn nhưng mục đích của họ lại hoàn toàn sai. Nếu Chúa Giê-xu đã nhượng bộ gia đình, thì rất có thể Ngài đã làm lợi cho chính kẻ chống đối Ngài. Những nhà lãnh đạo tôn giáo rất có thể đã nói, “Hãy xem kìa, Ngài đồng lòng với gia đình Ngài – Ngài cần được giúp đỡ! Đừng xem Giê-xu người Na-xa-rét là quá quan trọng.” Thay vì chịu thua, Ngài đã dùng cơn khủng hoảng này như một cơ hội để dạy họ một bài học thuộc linh: gia đình của Ngài là tập hợp tất cả những ai làm theo ý muốn của Đức Chúa Trời. Những người anh em cùng mẹ của Chúa chúng ta cũng không tin Ngài (*Giăng* 7:1-5) và Chúa Giê-xu cảm thấy gần gũi với những người thân thuộc và những kẻ có tội có lòng tin nơi Ngài hơn là đối với Gia-cơ, Giô-sê, Giu-đa, và Si-môn.

Chúa không ám chỉ rằng những kẻ tin Ngài phải thờ ơ hoặc bỏ mặc gia đình mình để phục vụ Đức Chúa Trời, nhưng Ngài chỉ muốn nói rằng họ cần đặt ý chỉ Đức Chúa Trời lên trên tất cả mọi điều khác trong đời sống mình. Lòng chúng ta yêu mến Đức Chúa Trời cần phải thật lớn lao đến nỗi tình yêu thương của chúng ta dành cho gia đình sẽ có vẻ như là sự ghét bỏ trong cách so sánh (*Lu-ca* 14:26). Đương nhiên ý muốn của Đức Chúa Trời là chúng ta phải chăm sóc cho gia đình mình và chu cấp cho họ (xin xem *I Ti-mô-thê* 5:8), nhưng chúng ta không được để cho ngay cả những người thân yêu nhất của mình tác động, khiến chúng ta xa khỏi ý muốn của Đức Chúa Trời. Khi xem

xét tầm quan trọng của gia đình trong xã hội Do Thái, bạn có thể hình dung được những lời dạy dỗ của Đấng Christ là cấp tiến biết bao đối với những kẻ nghe Ngài.

Một người bước vào gia đình của Đức Chúa Trời bằng cách nào? Bởi sự tái sinh, một sự sinh lại tâm linh từ trên cao (*Giăng* 3:1-7; *I Phi-e-rơ* 1:22-25). Khi tội nhân tin nhận Chúa Giê-xu Christ làm Cứu Chúa mình, người ấy kinh nghiệm sự tái sinh mới mẻ này và bước vào gia đình của Đức Chúa Trời. Người ấy được phú cho bản tính thiên thượng của Đức Chúa Trời (*II Phi-e-rơ* 1:3-4) và có thể gọi Đức Chúa Trời là “Cha” (*Rô-ma* 8:15-16). Sự sinh lại thuộc linh này không phải là một điều mà chúng ta tự mình tạo ra được, cũng không ai có thể phân phát cho chúng ta (*Giăng* 1:11-13). Đó là việc làm đầy ân sủng của Đức Chúa Trời; tất cả mọi điều chúng ta có thể làm là tin và nhận lãnh mà thôi (*Ê-phê-sô* 2:8-9).

3. Ngài Công Bố Một Vương Quốc Mới

Mác 3:22-30; và 4:1-34

²² Có các thầy thông giáo ở thành Giê-ru-sa-lem xuống, nói rằng: Người bị quỷ Bê-ên-xê-bun ám, và nhờ phép chúa quỷ mà trừ quỷ. ²³ Song Đức Chúa Jê-sus kêu họ đến, dùng lời thí dụ mà phán rằng: Sao quỷ Sa-tan đuổi được quỷ Sa-tan? ²⁴ Nếu một nước tự chia nhau, thì nước ấy không thể còn được; ²⁵ Lại nếu một nhà tự chia nhau, thì nhà ấy không thể còn được. ²⁶ Vậy, nếu quỷ Sa-tan tự đẩy lên nghịch cùng mình, tất nó bị chia xé ra, không thể còn được; song nó đã gần đến cùng rồi. ²⁷ Chẳng ai có thể vào nhà một người mạnh sức cướp lấy của người, mà trước hết không trói người lại; phải trói người lại, rồi mới cướp nhà người được. ²⁸ Quả thật, ta nói cùng các ngươi, mọi tội lỗi sẽ tha cho con cái loài người, và hết thảy những lời phạm thượng họ sẽ nói ra cũng vậy; ²⁹ nhưng ai nói phạm đến Đức Thánh Linh thì chẳng hề được tha, phải mắc tội đời đời. ³⁰ Ngài phán như vậy, vì họ nói rằng: Người bị tà ma ám.

4

¹ Đức Chúa Jê-sus lại khởi sự giảng dạy nơi bờ biển; có một đoàn dân đông lắm nhóm lại xung quanh Ngài, Ngài bước lên trong một chiếc thuyền và ngồi đó, còn cả đoàn dân thì ở trên đất nơi mé biển. ² Ngài lấy thí dụ dạy dỗ họ nhiều điều, và trong khi dạy, Ngài phán rằng:

³ Hãy nghe. Có người gieo giống đi ra đặng gieo. ⁴ Khi đương gieo, một phần

Người Đầy Tở, Đoàn Dân Đông, Và Vương Quốc / 43

giống rơi dọc đường, chim đến ăn hết. ⁵ Một phần khác rơi nhằm nơi đất đá sỏi, chỉ có ít đất thịt, tức thì mọc lên, vì bị lấp không sâu; ⁶ nhưng khi mặt trời đã mọc, thì bị đốt, và bởi không có rễ, nên phải héo. ⁷ Một phần khác rơi nhằm bụi gai; gai mọc rậm lên làm cho nghẹt ngòi, và không kết quả. ⁸ Một phần khác nữa rơi nhằm nơi đất tốt, thì kết quả, lớn lên và nảy nở ra; một hạt ra ba chục, hạt khác sáu chục, hạt khác một trăm. ⁹ Ngài lại phán rằng: Ai có tai mà nghe, hãy nghe!

¹⁰ Khi Đức Chúa Jêsus ở một mình, những kẻ xung quanh Ngài cùng mười hai sứ đồ hỏi Ngài về các lời thí dụ. ¹¹ Ngài phán rằng: Sự mầu nhiệm của nước Đức Chúa Trời đã tỏ ra cho các người; nhưng về phần người ngoài, thì dùng cách thí dụ để dạy mọi sự, ¹² hầu cho họ xem thì xem mà không thấy, nghe thì nghe mà không hiểu; e họ hối cải mà được tha tội chăng.

¹³ Đoạn, Ngài phán rằng: Các người không hiểu thí dụ ấy sao? Vậy thì thế nào hiểu mọi thí dụ được? ¹⁴ Người gieo giống ấy là gieo đạo. ¹⁵ Những kẻ ở dọc đường là kẻ đã chịu đạo gieo nơi mình; nhưng vừa mới nghe đạo, tức thì quỷ Satan đến, cướp lấy đạo đã gieo trong lòng họ đi. ¹⁶ Cũng vậy, những người chịu giống gieo nơi đất đá sỏi, là những kẻ nghe đạo, liền vui mừng chịu lấy; ¹⁷ song vì trong lòng họ không có rễ, chỉ tạm thời mà thôi, nên nổi gặp khi vì cố đạo mà xảy ra sự cực khổ, bất bớ, thì liền vấp phạm. ¹⁸ Còn những kẻ chịu giống gieo nơi bụi gai, là kẻ đã nghe đạo; ¹⁹ song sự lo lắng về đời này, sự mê đắm về giàu sang, và các sự tham muốn khác thấu vào lòng họ, làm cho nghẹt ngòi đạo, và trở nên không trái. ²⁰ Nhưng, những người chịu giống gieo vào nơi đất tốt, là kẻ nghe đạo, chịu lấy và kết quả, một hạt ra ba chục, hạt khác sáu chục, hạt khác một trăm.

²¹ Ngài lại phán cùng họ rằng: Có ai đem đèn để dưới cái thùng hoặc dưới cái giường chăng? Há chẳng phải để trên chân đèn sao? ²² Vì chẳng có điều chi kín mà không phải lộ ra, chẳng có điều chi giấu mà không phải rõ ràng. ²³ Nếu ai có tai mà nghe, hãy nghe!

²⁴ Ngài lại phán rằng: Hãy cẩn thận về điều mình nghe. Người ta sẽ đong cho các người bằng lường các người đã đong cho, và thêm vào đó nữa. ²⁵ Vì sẽ ban thêm cho kẻ nào có; nhưng kẻ nào không có, sẽ bị cất lấy điều mình đã có.

²⁶ Ngài lại phán rằng: Nước Đức Chúa Trời cũng như một người vãi giống xuống đất; ²⁷ người ngủ hay dậy, đêm và ngày, giống cứ nảy chồi mọc lên, mà người không biết thế nào. ²⁸ Vì đất tự sanh ra hoa lợi: Ban đầu là cây, kế đến bông, đoạn bông kết thành hạt. ²⁹ Khi hạt đã chín, người ta liền tra lưỡi hái vào, vì mùa gặt đã đến.

³⁰ Ngài lại phán rằng: Chúng ta sánh nước Đức Chúa Trời với chi, hay lấy thí dụ nào mà tỏ ra? ³¹ Nước ấy giống như một hạt cải: Khi người ta gieo, nó nhỏ hơn hết các hạt giống trên đất; ³² song khi gieo rồi, nó mọc lên, trở nên lớn hơn mọi thứ rau, và nứt ra thành lớn, đến nỗi chim trời núp dưới bóng nó được.

³³ Ấy bởi nhiều lời thí dụ như cách ấy mà Ngài giảng đạo cho họ, tùy theo sức

Nói cách khác, người này vừa muốn bước đi trong “đường rộng” cũng vừa muốn đi “đường hẹp” (*Ma-thi-ơ* 7:13-14) điều không thể nào thực hiện được.

Tấm lòng kết quả (*Mác* 4:8,20) mô tả người tín hữu thật, vì bông trái – tức một đời sống được biến đổi – là bằng chứng của sự cứu rỗi thật (*II Cô-rinh-tô* 5:17; *Ga-la-ti* 5:19-23). Ba tấm lòng kia không kết quả, vì thế chúng ta có thể kết luận rằng đó là tấm lòng của những người chưa hề được tái sinh. Không phải mọi tín hữu thật đều kết quả như nhau; nhưng đời sống của mọi Cơ Đốc nhân chân thật đều bày tỏ một chứng cứ nào đó về bông trái thuộc linh.

Ba tấm lòng không kết quả này đều bị tác động bởi ba kẻ thù khác nhau: tấm lòng cứng cổ – chính ma quỷ cướp đi hạt giống gieo ra; tấm lòng cạn cợt – bị đánh lừa bởi những cảm xúc tôn giáo; tấm lòng ghét ngòi- thể gian lẫn át khiến không thể đâm hoa kết trái được. Đây là ba kẻ thù lớn của Cơ Đốc nhân: thể gian, xác thịt, và ma quỷ (*Ê-phê-sô* 2:1-3).

Ngọn đèn (*Mác* 4:21-25). Trong ẩn dụ này, Chúa chúng ta đã dùng một vật thông dụng (một ngọn đèn) trong một bối cảnh quen thuộc (một ngôi nhà). Ngọn đèn là một cái đĩa bằng đất sét đổ đầy dầu, với một cái bấc nhúng trong dầu. Để tỏa ra ánh sáng, ngọn đèn phải được đốt lên, dầu cạn thì châm thêm. Nếu ngọn đèn không được thấp sáng, hoặc nếu nó bị che khuất đi, nó sẽ không đem lại ích lợi gì cho căn nhà đó.

Các sứ đồ cũng giống như ngọn đèn ấy: họ được kêu gọi để tỏa sự sáng của Đức Chúa Trời ra và bày tỏ chân lý của Ngài. Nhưng họ không thể nào “chiếu sáng ra” nếu trước tiên họ không “nhận lãnh vào”; do đó, chúng ta có lời cảnh cáo trong các câu 24-25. Càng nghe Lời Đức Chúa Trời, chúng ta càng có thể san sẻ lời ấy với những người khác hữu hiệu hơn. Chính lúc chúng ta cho rằng mình đã biết tất cả, thì những điều chúng ta cho rằng mình đã biết sẽ bị cất đi khỏi chúng ta. Chúng ta phải cẩn thận về điều mình nghe (c. 24) cũng như cẩn thận về cách mình nghe (*Lu-ca* 8:18). Những điều thuộc linh chúng ta nghe

biết phải được san sẻ lại cho những người khác ở một mức độ nào đó. Thật không khôn ngoan nếu cố gắng che giấu sai lầm vì một ngày kia Đức Chúa Trời sẽ khiến cho tất cả mọi sự tỏ lộ rõ ràng.

Hạt Giống Mọc Lên (Mác 4:26-34). Ấn dụ đầu tiên nhắc nhở chúng ta rằng chúng ta không thể nào làm cho hạt giống mọc lên. Thực ra, thậm chí chúng ta không thể nào giải thích được nó mọc lên *như thế nào*. Việc hạt giống mọc lên và mùa màng phát triển là một điều mầu nhiệm. Để làm một nông gia cần phải có nhiều đức tin, và phải thật nhẫn nại nữa. Trong ấn dụ về Người Gieo Giống và các Loại Đất, Chúa ám chỉ rằng phần lớn hạt giống được gieo ra sẽ rơi vào đất không kết quả. Thực tế này có thể khiến cho những người phục vụ Chúa nản lòng; vì thế, trong ấn dụ này, Ngài đoán chắc một lần nữa với họ “nếu chúng ta không nản chí thì đến kỳ chúng ta sẽ gặt” (*Ga-la-ti 6:9*);

Ấn dụ thứ hai đem đến cho các môn đệ lời cảnh cáo lẫn sự khích lệ. Sự khích lệ đó là, từ những sự khởi đầu rất nhỏ bé, Nước Trời cuối cùng sẽ lớn lên về quy mô lẫn về ảnh hưởng. Trong khi một hạt cải không phải là hạt giống nhỏ nhất trên thế giới, có lẽ nó là hạt giống nhỏ nhất mà những người Do Thái trồng trong vườn của họ. Nó dùng để diễn tả một vật gì thật nhỏ bé. Chúa chúng ta bắt đầu với mười hai sứ đồ. Sau đó, có đến khoảng 500 tín hữu (*I Cô-rinh-tô 15:6*). Phi-e-rơ chinh phục được 3.000 người vào lễ Ngũ Tuần và trong suốt sách Công Vụ Các Sứ Đồ, con số đó đều đặn tăng lên (*Công Vụ Các Sứ Đồ 4:4; 5:14; 6:1, 7*). Bất chấp tội lỗi và những sự yếu đuối của Hội Thánh, sứ điệp của Phúc Âm đã được đem đến các quốc gia khác; và một ngày kia, các thánh đồ từ mọi quốc gia sẽ thờ phượng trước ngai Ngài (*Khải Thị 5:9*).

Nhưng việc hạt giống mọc lên chỉ là một phần của câu chuyện; chúng ta cũng phải giải thích rõ những con chim trời trên các cành. Trong ấn dụ về Người Gieo Giống và Các Loại Giống, các chim trời tượng trưng cho Sa-tan, là kẻ cướp hạt

giống đi (Mác 4:15). Nếu chúng ta nghiêm chỉnh giải thích ẩn dụ, thì chúng ta phải lưu ý rằng cả hai ẩn dụ đều được dạy vào cùng một ngày. Sự phát triển của Nước Trời sẽ không đem đến kết quả là sự trở lại đạo của thế giới. Thực ra, một số sự phát triển sẽ tạo cơ hội cho Sa-tan xen vào và hành động! Đã từng có Giu-đa trong vòng các môn đệ, và A-na-nia cùng Sa-phi-ra trong vòng các tín hữu tại Hội Thánh Giê-ru-sa-lem (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 5:1-11). Si-môn, vốn làm nghề phù phép, là một thành viên của Hội Thánh tại Sa-ma-ri (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 8:1-24), và những kẻ giúp việc của Sa-tan đã dám tràn vào Hội Thánh Cô-rinh-tô (*II Cô-rinh-tô* 11:13-15). Lưới càng rộng bao nhiêu, thì khả năng đánh bắt cả cá tốt lẫn cá xấu càng nhiều bấy nhiêu (*Ma-thi-ơ* 13:47-50).

Bởi đức tin nơi Đấng Christ Giê-xu, chúng ta trở nên những công dân của Nước Trời, con cái trong gia đình Đức Chúa Trời, và thần dân của Vua trên muôn vua, Chúa trên các chúa. Thật là một đặc ân khi nhận biết Chúa Giê-xu Christ!

Người Đầy Tở Chiến Thắng

Mác 4:35 -5:43

Chúa Giê-xu Christ, Đầy Tở của Đức Chúa Trời là Người Chủ của mọi tình huống và Đấng Chiến Thắng mọi kẻ thù. Nếu chúng ta tin cậy Ngài và vâng theo mệnh lệnh của Ngài, chúng ta không bao giờ sợ hãi điều gì. *Chiến thắng* là chủ đề chính nối kết phần Kinh Thánh thật dài này lại với nhau. Mác ký thuật lại bốn phép lạ mà Chúa Giê-xu đã thực hiện, và mỗi phép lạ công bố một kẻ thù đã bị đánh bại, ngay cả cho chúng ta ngày nay.

1. Chiến Thắng Hiểm Nguy

Mác 4: 35-41

³⁵ Đến chiều ngày ấy, Ngài phán cùng môn đồ rằng: Chúng ta hãy qua bờ bên kia. ³⁶ Khi cho dân chúng tan về rồi, Đức Chúa Jêsus cứ ở trong thuyền, và môn đồ đưa Ngài đi; cũng có các thuyền khác cùng đi nữa. ³⁷ Và, có cơn bão lớn nổi lên, sóng tạt vào thuyền, đến nỗi gần đầy nước; ³⁸ nhưng Ngài đương ở đằng sau lái, dựa gối mà ngủ. Môn đồ thức Ngài dậy mà thưa rằng: Thầy ôi, thầy không lo chúng ta chết sao? ³⁹ Ngài bèn thức dậy, quở gió và phán cùng biển rằng: Hãy êm đi, lặng đi! Gió liền dứt và đều yên lặng như tờ. ⁴⁰ Đoạn, Ngài phán cùng môn đồ rằng: Sao các người sợ? Chưa có đức tin sao? ⁴¹ Môn đồ kinh hãi lắm, nói với nhau rằng: Vậy thì người nầy là ai, mà gió và biển cũng đều vâng lệnh người?

“Đến chiều ngày ấy” ám chỉ ngày mà Chúa Giê-xu đã dạy “các ẩn dụ về Nước Trời.” Ngài đã từng dạy dỗ các môn đệ về Lời Đức Chúa Trời và giờ đây Ngài sẽ dành cho họ một cuộc thử nghiệm thực tiễn để xem họ đã thực sự tiếp thu được bao nhiêu. Rốt lại, việc nghe Lời Đức Chúa Trời nhằm đem lại đức tin (Rô-ma 10:17) và đức tin phải luôn được thử nghiệm. Quả là không đủ nếu chúng ta chỉ học một bài học hoặc có thể nhắc lại một lời giảng dạy nào đó. Chúng ta còn phải có khả năng thực hành bài học ấy bởi đức tin, và đó là lý do vì sao Đức Chúa Trời cho phép những sự thử thách xảy đến với đời sống chúng ta.

Chúa Giê-xu có biết là cơn bão sẽ đến không? Dĩ nhiên, Ngài biết! Cơn bão là một phần của chương trình ngày hôm ấy. Nó sẽ giúp các môn đệ hiểu một bài học mà thậm chí họ không biết mình cần phải học: Chúa Giê-xu có thể được tin cậy trong những cơn bão tố của cuộc đời. Nhiều người cho rằng những cơn bão tố chỉ xảy đến với đời sống khi họ không vâng lời Đức Chúa Trời, nhưng không phải luôn luôn là như vậy. Giô-na lâm vào một cơn bão vì cố sự không vâng lời của ông, nhưng các môn đệ gặp bão vì cố họ *vâng theo lời* của Chúa.

Biển Ga-li-lê nằm ở vị trí địa lý thường có các cơn bão dữ dội bất ngờ. Khi băng qua chính vùng biển này một buổi chiều mùa hạ nọ, tôi đã hỏi một hướng dẫn viên du lịch người Do Thái là bản thân anh đã bao giờ gặp một cơn bão như thế chưa. “Có chứ!” anh đáp, hai tay giơ lên trời và lắc đầu. “Và tôi không hề mong muốn bị rơi vào một trận bão như thế một lần nữa!”

Cơn bão mô tả ở đây chắc hẳn là rất dữ dội vì đã khiến cho các ngư phủ lão luyện như các môn đệ phải khiếp sợ. Có ít nhất ba lý do chính đáng cho biết lẽ ra không người nào ở trên thuyền nên bối rối sợ hãi, cho dù tình huống lúc đó có vẻ đáng sợ lắm.

Trước hết, họ có lời hứa của Ngài là họ sẽ qua bờ bên kia (Mác 4:35). Ngài luôn ban cho quyền phép để thực hiện các mệnh lệnh của Ngài và không gì có thể ngăn cản Ngài thực hiện chương trình Ngài đã vạch ra. Ngài không hứa hẹn một cuộc hành trình dễ dàng, nhưng Ngài đã hứa chắc chắn họ sẽ

đến nơi an toàn.

Thứ nhì, chính Chúa ở với họ, vì thế có gì phải sợ hãi? Họ đã từng chứng kiến quyền phép Ngài qua các phép lạ Ngài làm, vì vậy lẽ ra họ phải có lòng tin cậy trọn vẹn rằng Ngài có thể giúp họ vượt qua mọi khó nguy. Vì một lý do nào đó, các môn đệ chưa hiểu được rằng Ngài thực sự làm chủ mọi tình huống.

Cuối cùng, họ đã có thể nhìn thấy là Chúa Giê-xu hoàn toàn bình an, kể cả giữa cơn bão tố. Chỉ sự kiện này lẽ ra đã đủ để khích lệ họ. Chúa Giê-xu đang làm theo ý muốn Đức Chúa Trời và biết rằng Đức Chúa Cha sẽ quan phòng Ngài, vì vậy Ngài đã chợp mắt ngủ. Giô-na đã ngủ suốt cơn bão vì ông có một ý thức sai trật về sự an toàn, mặc dù ông đang chạy trốn khỏi Đức Chúa Trời. Chúa Giê-xu đã ngủ giữa cơn bão tố vì Ngài thật sự an ninh trong ý chỉ của Đức Chúa Trời. “Hỡi Đức Giê-hô-va, tôi sẽ nằm và ngủ bình an; vì chỉ một mình Ngài làm cho tôi được ở yên ổn” (Thi Thiên 4:8).

Lắm khi trong những thử thách của đời sống, chúng ta hành động giống như các môn đệ yếu đức tin và kêu thét lên, “Thầy ôi, thầy không lo chúng ta chết sao? (thầy không quan tâm sao?)” Hẳn nhiên, Ngài lo chứ! Ngài đã thức dậy và quở cơn bão và ngay lập tức gió bão liền yên lặng như tờ. Nhưng Chúa Giê-xu không dừng lại với việc khiến cho sức mạnh thiên nhiên phải lặng yên, vì mối hiểm nguy lớn nhất không phải là sóng to gió lớn mà là sự vô tín trong lòng các môn đệ. Những nan đề lớn lao nhất của chúng ta là ở trong chúng ta, chứ không phải chung quanh chúng ta. Điều này giải thích vì sao Chúa Giê-xu đã nhẹ nhàng quở trách họ và gọi họ là “những kẻ ít đức tin.” Họ đã từng nghe Ngài dạy dỗ Lời Đức Chúa Trời và thậm chí đã từng chứng kiến Ngài làm phép lạ, thế nhưng họ vẫn không có đức tin. Chính sự vô tín của họ đã khiến họ sợ hãi, và nỗi sợ hãi đã khiến họ nghi ngờ liệu Chúa Giê-xu có lo nổi cho họ chẳng. Chúng ta phải cẩn thận kéo lòng mình thành ra “lòng dữ và chẳng tin” (Hê-bơ-rơ 3:12).

Đây chỉ là một trong nhiều bài học Chúa Giê-xu dạy dỗ các

môn đệ Ngài trong vùng biển Ga-li-lê quen thuộc, và mỗi bài học sẽ bày tỏ một chân lý mới mẻ diệu kỳ nào đó về Cứu Chúa Giê-xu. Họ đã biết rằng Ngài có quyền tha tội, đuổi quỷ, và chữa bệnh. Giờ đây họ khám phá rằng Ngài cũng có quyền trên gió và biển. Điều này có nghĩa là họ không có lý do gì để lại sợ hãi nữa, vì Chúa của họ luôn làm chủ mọi tình huống.

2. Chiến Thắng Ma Quỷ

Mác 5: 1-20

¹ Đức Chúa Jê-sus cùng môn đồ qua đến bờ biển bên kia, trong miền Giê-ra-sê.

² Ngài mới ở trên thuyền bước xuống, tức thì có một người bị tà ma ám từ nơi mồ mả đi ra đến trước mặt Ngài. ³ Người thường ở nơi mồ mả, dẫu dùng xiềng sắt cũng chẳng ai cột trói được nữa; ⁴ vì nhiều lần người bị cùm chân hoặc bị xiềng, rồi bẻ xiềng tháo cùm, không ai có sức trị được. ⁵ Người cứ ở nơi mồ mả và trên núi, ngày đêm kêu la và lấy đá đánh bầm mình. ⁶ Người thấy Đức Chúa Jê-sus ở đằng xa, chạy lại sấp mình xuống trước mặt Ngài, ⁷ mà kêu lớn rằng: Hỡi Đức Chúa Jê-sus, Con Đức Chúa Trời rất cao, tôi với Ngài có sự gì chăng? Tôi nhân danh Đức Chúa Trời mà khẩn cầu Ngài, xin đừng làm khổ tôi. ⁸ Vì Đức Chúa Jê-sus vừa phán cùng nó rằng: Hỡi tà ma, phải ra khỏi người này. ⁹ Ngài lại hỏi rằng: Mấy tên gì? Thưa rằng: Tên tôi là Quân đội; vì chúng tôi đông. ¹⁰ Nó lại van xin Ngài đừng đuổi chúng nó ra khỏi miền đó.

¹¹ Vả, chỗ đó, tại trên núi, có một bầy heo đông đương ăn. ¹² Các quỷ cầu xin Ngài rằng: Xin khiến chúng tôi đến với bầy heo ấy, để chúng tôi nhập vào chúng nó. Đức Chúa Jê-sus cho phép. ¹³ Các tà ma ra khỏi người đó, bèn nhập vào bầy heo, bầy heo từ trên vực cao vọt dậm đầu xuống biển. Có độ hai ngàn con heo chết chìm cả dưới biển. ¹⁴ Những kẻ chăn heo trốn, đồn tin nầy ra khắp trong thành và trong nhà quê; ¹⁵ dân sự đổ ra đặng xem điều đã xảy đến.

Vậy, chúng đến cùng Đức Chúa Jê-sus, thấy người đã bị nhiều quỷ ám đang ngồi, mặc quần áo, trí khôn bình tĩnh, thì sợ hãi lắm. ¹⁶ Những người đã thấy việc đó, thuật cho họ nghe chuyện đã xảy đến cho kẻ bị quỷ ám và bầy heo. ¹⁷ Chúng bèn xin Ngài ra khỏi địa phận mình. ¹⁸ Lúc Ngài đương bước vào thuyền, người trước đã bị quỷ ám xin ở lại với Ngài. ¹⁹ Nhưng Đức Chúa Jê-sus không cho, phán rằng: Hãy về nhà ngươi, nơi bạn hữu ngươi, mà thuật lại cho họ điều lớn lao thể nào Chúa đã làm cho ngươi, và Ngài đã thương xót ngươi cách nào. ²⁰ Vậy, người đi, đồn ra trong xứ Đê-ca-bô-lơ những điều lớn lao thể nào mà Đức Chúa Jê-sus đã làm cho mình; ai nấy đều lấy làm lạ.

Khi Chúa Giê-xu và các môn đệ đến bờ bên kia, họ gặp hai

người bị quỷ ám, một trong hai người ấy đặc biệt to tiếng (xin xem *Ma-thi-ơ* 8:28). Toàn thể cảnh tượng này có vẻ xa lạ đối với chúng ta là những người sống trong cái gọi là “nền văn minh hiện đại,” nhưng không xa lạ với nhiều khu vực truyền giáo. Trên thực tế, một số giáo sư Kinh Thánh tin rằng việc bị quỷ ám đang càng trở nên phổ biến hơn trong “xã hội hiện đại” ngày nay.

Chúng ta thấy trong cảnh tượng này ba sức mạnh khác nhau đang hành động: Sa-tan, xã hội, và Đấng Christ. Cũng ba sức mạnh này hiện vẫn đang hành động trong thế giới chúng ta, cố tìm cách khống chế đời sống của con người.

Trước tiên, chúng ta nhìn thấy những điều Sa-tan có thể làm cho con người. Sa-tan là một tên trộm cướp nhắm mục đích cuối cùng là hủy diệt (*Giăng* 10:10 và xin xem *Khải Thị* 9:11). Chúng ta không được cho biết là các quỷ đã nhập vào hai người này và điều khiển họ ra sao, nhưng có thể đó là kết quả của việc họ nhượng bộ đối với tội lỗi. Ma quỷ là “các tà linh” và có thể dễ dàng chiếm một chỗ đứng trong đời sống của những kẻ miệt mài trong những việc làm đầy tội lỗi.

Vì cố họ đã khuất phục trước Sa-tan, là tên trộm cướp, hai người này đánh mất mọi thứ! Họ đánh mất tổ ấm của mình và mối giao hảo trong gia đình cùng bạn hữu. Họ đánh mất nhân cách của mình khi trần truồng chạy quanh nơi mờ mịt. Họ đánh mất sự tự chủ và sống như những con thú hoang, gào thét, tự rạch mình máu, và khiến đồng loại khiếp sợ. Họ đánh mất sự bình an và mục đích sống của mình, và rất có thể họ sẽ cứ ở mãi trong cảnh khốn cùng tuyệt vọng ấy nếu Chúa Giê-xu đã không đến qua một cơn bão tố để giải cứu họ.

Đừng bao giờ đánh giá thấp quyền lực hủy diệt của Sa-tan. Nó là kẻ thù của chúng ta và sẽ tìm cách hủy diệt tất cả chúng ta. Giống như một con sư tử đang gầm rống, nó tìm cách để cắn xé chúng ta (*I Phi-e-rơ* 5:8-9). Chính Sa-tan là kẻ đang hành động trong đời sống của những người vô tín, khiến họ trở nên “những con cái bạn nghịch” (*Ê-phê-sô* 2:1-3). Hai người trong

phần mộ miền Giê-ra-sê chắc hẳn là những thí dụ đặc biệt về những điều Sa-tan có thể làm cho con người, nhưng những gì họ biểu lộ đủ để khiến chúng ta muốn chống cự lại Sa-tan và không muốn dính dáng gì đến nó cả.

Sức mạnh thứ hai đang hành động trên hai người này là *xã hội*, nhưng xã hội không thể nào làm gì được. Hầu như tất cả những gì xã hội có thể làm cho những người bị quỷ ám là cô lập họ, canh chừng họ và, nếu cần, trói họ lại (*Lu-ca* 8:29). Thường thì những người này đã bị xiềng lại, nhưng ma quỷ đã ban cho họ sức mạnh để bẻ gãy xích xiềng. Ngay đến những nỗ lực để chế ngự những người này cũng đã thất bại. Với tất cả những thành tựu khoa học diệu kỳ của nó, xã hội vẫn không thể đương đầu với những vấn đề do Sa-tan và tội lỗi gây ra. Chúng ta cảm tạ Đức Chúa Trời vì xã hội đã thực sự giúp đỡ phần nào trong việc kiểm chế và bảo vệ nhưng chúng ta phải thừa nhận rằng xã hội không thể giải quyết những vấn đề này và giải phóng những nạn nhân bị Sa-tan khủng bố cách lâu dài và thường xuyên được.

Điều này đưa chúng ta đến với sức mạnh thứ ba, quyền năng của *Đấng Christ*. Chúa Giê-xu Christ đã làm gì cho hai người này? Trước tiên, Ngài đã ân cần đến với họ bằng tình yêu thương, và thậm chí đã vượt qua cơn bão tố để làm điều đó. Một số người cho rằng chính cơn bão có thể ra từ Sa-tan, vì Chúa Giê-xu đã dùng những lời để quở biển lặng yên tương tự như những lời Ngài đã dùng để đuổi quỷ (so sánh *Mác* 1:25 và 4:39). Có lẽ Sa-tan đang cố gắng tiêu diệt Chúa Giê-xu, hay ít ra ngăn cản Ngài không đến được với những người đang cần đến Ngài. Nhưng không điều gì có thể ngăn cản Chúa đến vùng nghĩa địa đó và giải phóng hai người này.

Chúa Giê-xu không chỉ đến với họ, mà Ngài còn nói cùng họ và cho phép họ nói với Ngài. Dân cư trong vùng đó tránh xa hai người bị quỷ ám, nhưng Chúa Giê-xu đối xử với họ bằng tình yêu thương và tôn trọng. Ngài đã đến để tìm và cứu kẻ bị hư mất (*Lu-ca* 19:10).

Điều thú vị đáng lưu ý là, khi ma quỷ nói qua người đàn ông, chúng xưng ra những gì chúng thật sự tin. Ma quỷ có đức tin và thậm chí run sợ vì cố những gì chúng tin (*Gia-cơ* 2:19) nhưng đức tin cũng như sự sợ hãi của chúng không thể nào cứu chúng được. Ma quỷ tin rằng Chúa Giê-xu là Con Đức Chúa Trời và Ngài có quyền trên chúng. Chúng tin vào sự thực hữu của sự phán xét và một ngày kia chúng sẽ bị quăng vào địa ngục (xin xem *Ma-thi-ơ* 8:29). Điều chúng tin vượt hơn cả điều nhiều người sùng đạo ngày nay tin nữa!

Không nơi nào Kinh Thánh giải thích về tâm sinh lý của việc bị quỷ ám. Người nói chuyện với Chúa Giê-xu đang ở dưới sự kiểm soát của *một quân đoàn* ma quỷ, (một quân đoàn La Mã có thể lên đến 6.000 người!). Thật khủng khiếp khi nghĩ đến những nỗi kinh hãi người đàn ông này phải trải qua cả ngày lẫn đêm khi hàng ngàn tà linh quấy nhiễu người ấy. Chắc hẳn là người bị quỷ ám kia cũng kinh nghiệm sự đau đớn dành cho mình y như vậy.

Sa-tan cố tìm cách tiêu diệt hai người này, nhưng Chúa Giê-xu đã đến để giải phóng họ. Bởi năng quyền của Lời Ngài, Ngài đã đuổi ma quỷ và khiến hai người được tự do. Ma quỷ cũng tin vào sự cầu nguyện nữa, vì chúng cầu xin Chúa Giê-xu đừng khiến chúng xuống vực sâu, là nơi khổ hình (*Mác* 5:7; *Lu-ca* 8:31). Điều khích lệ cần lưu ý là ma quỷ không biết Chúa Giê-xu định làm gì. Điều này ám chỉ là Sa-tan chỉ có thể biết những kế hoạch của Đức Chúa Trời khi nào Ngài tiết lộ mà thôi. Thực ra, trong Thánh Kinh không hề có chứng cứ cho thấy Sa-tan có thể đọc được tư tưởng của một tín hữu, huống chi là tư tưởng của Đức Chúa Trời.

Mác 5:1-20 thuật lại ba lời cầu xin: ma quỷ cầu xin Chúa Giê-xu cho chúng nhập vào bầy heo (c.12) dân cư nơi đó cầu xin Chúa Giê-xu rời khỏi vùng này (c. 17); và một trong hai người đã bị quỷ ám trước đây cầu xin Chúa Giê-xu cho phép người đi theo Ngài (c. 18). Chúa chúng ta đã chấp nhận hai lời cầu xin đầu nhưng không chấp nhận lời cầu xin thứ ba.

Chúa Giê-xu có quyền tiêu diệt 2.000 con heo và có thể khiến cho những người chủ của chúng phải sạt nghiệp không? Nếu họ là người Do Thái, thì họ không có quyền chăn nuôi và bán những con heo ô uế. Tuy nhiên, đây là vùng đất của dân ngoại, vì vậy những người chủ heo có lẽ là dân ngoại.

Hẳn nhiên, Chúa Giê-xu có quyền đuổi ma quỷ đến bất cứ nơi nào Ngài muốn – xuống vực sâu, vào trong bầy heo, hoặc vào bất cứ nơi nào khác mà Ngài chọn. Vậy thì tại sao lại cho chúng nhập vào bầy heo? Về một mặt, bằng cách làm điều đó, Chúa Giê-xu chứng tỏ cho tất cả những người chứng kiến rằng một phép lạ của sự giải phóng đã thực sự diễn ra. Sự tiêu diệt bầy heo cũng xác quyết với hai người bị quỷ ám rằng các tà linh đã thật sự đi khỏi. Nhưng trên hết, việc bầy heo 2.000 con bị chết chìm là một bài học thực tế sống động đối với đoàn dân đông đang chối bỏ Đấng Christ rằng, đối với Sa-tan, một con heo cũng có giá trị như một con người! Trên thực tế, Sa-tan sẽ biến một người thành một con heo! Chúa đang cảnh cáo dân cư thành này trước những quyền lực của tội lỗi và Sa-tan. Đây là một bài giảng gây ấn tượng sâu sắc chính họ nhìn thấy: “Tiền công của tội lỗi là sự chết!”

Những gã chăn heo không muốn bị quở trách vì sự thiệt mất bầy heo, vì vậy họ lập tức chạy báo cho chủ những gì đã xảy ra. Khi những người chủ đến nơi, họ sợ hãi nhìn thấy những đống thay lạ lùng đã diễn ra trong hai người bị quỷ ám. Thay vì chạy quanh trong tình trạng lơ lửng, họ đã được mặc áo quần, và ngồi xuống với tâm thần tỉnh táo. Họ là những con người mới! (II Cô-rinh-tô 5:17).

Tại sao những người chủ yêu cầu Chúa Giê-xu rời khỏi nơi ấy? Tại sao họ không mời Ngài ở lại và thực hiện những sự chữa lành tương tự cho những người khác cũng đang cần đến Ngài? Những người chủ này chỉ có một mối quan tâm chính yếu – việc làm ăn – và họ sợ rằng nếu Chúa Giê-xu ở lại lâu hơn, Ngài sẽ gây “thiệt hại” nhiều hơn cho nền kinh tế địa phương! Chúa chúng ta không ở lại nơi nào không cần đến Ngài, vì thế

Ngài đã ra đi. Những người này đã bỏ lỡ một cơ hội hiếm có!

Tại sao Chúa Giê-xu không cho phép người bị quỷ ám đã được chữa lành đi theo Ngài? Lời cầu xin của người này chắc hẳn xuất phát từ lòng yêu mến Chúa Giê-xu Christ, và ông ta đã có một lời chứng hùng hồn dường nào! Nhưng Chúa Giê-xu biết rằng chỗ của người này là ở tại nhà riêng của mình, cùng với những người ông yêu mến, nơi ông có thể làm chứng cho Đấng Christ. Đời sống Cơ Đốc nhân có kết quả phải bắt đầu tại gia đình, nơi mọi người biết chúng ta rõ nhất. Nếu chúng ta tôn cao Đức Chúa Trời tại đó, thì chúng ta có thể nghĩ đến việc dâng mình để phục vụ bất cứ nơi nào khác. Người đàn ông này trở thành một trong những nhà truyền giáo trước tiên cho dân ngoại. Chúa Giê-xu đã phải ra đi, nhưng người này ở lại đó và trung tín làm chứng cho ân sủng và quyền năng của Chúa Giê-xu Christ. Chúng ta tin rằng nhiều người trong vòng những dân ngoại đó đã tin vào Đấng Christ qua lời chứng của người này.

3. Chiến Thắng Bệnh Tật

Mác 5: 21-34

²¹ Khi Đức Chúa Jêsus lại xuống thuyền qua bờ bên kia, có đoàn dân đông nhóm họp chung quanh Ngài. Ngài đứng trên bờ biển. ²² Bấy giờ, có một người trong những người cai nhà hội tên là Giai-ru đến, thấy Đức Chúa Jêsus, bèn gieo mình nơi chân Ngài, ²³ nài xin mà rằng: Con gái nhỏ tôi gần chết; xin Chúa đến, đặt tay trên nó, để nó lành mạnh và sống. ²⁴ Đức Chúa Jêsus đi với người; đoàn dân đông cùng đi theo và lấn ép Ngài.

²⁵ Và, tại đó có một người đàn bà bị bệnh mất huyết đã mười hai năm, ²⁶ bấy lâu chịu khổ sở trong tay nhiều thầy thuốc, hao tốn hết tiền của, mà không thấy đỡ gì; bệnh lại càng nặng thêm. ²⁷ Người đã nghe tin về Đức Chúa Jêsus, bèn lấn vào đằng sau giữa đám đông, mà sờ áo Ngài. ²⁸ Vì người nói rằng: Nếu ta chỉ sờ đến áo Ngài mà thôi, thì ta sẽ được lành. ²⁹ Cùng một lúc ấy, huyết lậu liền cầm lại; người nghe trong mình đã được lành bệnh. ³⁰ Tức thì Đức Chúa Jêsus tự biết có sức mạnh đã ra từ mình, bèn xây lại giữa đám đông mà hỏi rằng: Ai đã sờ áo ta? ³¹ Môn đồ thưa rằng: Thầy thấy đám đông lấn ép thầy, thầy còn hỏi rằng: Ai sờ đến ta? ³² Ngài nhìn xung quanh mình để xem người đã làm điều đó. ³³ Người đàn bà biết sự đã xảy đến cho mình, bèn run sợ đến gieo mình dưới chân Ngài, tỏ hết tình thật. ³⁴ Đức Chúa Jêsus phán rằng: Hỡi con gái ta, đức tin con đã cứu con; hãy đi cho bình an và được lành bệnh.

Một đám đông thờ phào nhẹ nhõm khi họ thấy Chúa Giê-xu đi khỏi, nhưng một đám đông khác đang chờ đợi đón tiếp Ngài khi Ngài trở về Ca-bê-na-um. Trong đám đông thứ hai đó có hai người đặc biệt ước ao nhìn thấy Ngài – đó là Giai-ru, một người có cô con gái đang hấp hối; và một phụ nữ không rõ tên đang đau đớn vì một căn bệnh nan y. Giai-ru là người đến với Chúa Giê-xu trước tiên, nhưng chính người đàn bà này lại là người được cứu giúp trước; vì thế chúng ta sẽ bắt đầu với bà ta.

Sự tương phản giữa hai người đang cần cứu giúp này thật rõ rệt, bày tỏ lòng yêu thương và sự thương xót rộng lớn của Đấng Christ. Giai-ru là một viên quản nhà hội quan trọng, và người đàn bà này là một kẻ tầm thường, vô danh; vậy mà Chúa Giê-xu đã tiếp đón họ và cứu giúp cả hai. Giai-ru sắp mất một cô con gái đã từng đem đến cho ông mười hai năm hạnh phúc (c. 42), và người đàn bà này thì sắp mất một nỗi đau đớn đã đem lại cho bà mười hai năm sầu khổ. Là một viên quản nhà hội, Giai-ru chắc hẳn giàu có; nhưng sự giàu có của ông không thể nào cứu được người con gái đang hấp hối của mình. Người đàn bà thì lại hoàn toàn trắng tay! Bà đã chi hết tiền của cho các thầy thuốc nhưng căn bệnh vẫn còn đó. Cả Giai-ru và người đàn bà nghèo đều tìm được câu giải đáp cho nhu cầu của họ tại chân Chúa Giê-xu (cc. 22 và 33).

Người đàn bà bị bệnh mất huyết vô phương cứu chữa và căn bệnh này đang từ từ hủy phá bà. Người ta có thể hình dung sự đau đớn và áp lực về tình cảm làm hao mòn sức lực của bà ngày này sang ngày khác. Bà khổ vì bệnh, vì sự bất lực của các lương y đã đành, bà lại còn khổ nhiều hơn vì luật lệ tôn giáo thuở ấy xem bà là ô uế, ngăn trở đời sống tôn giáo và sinh hoạt xã hội của bà.

Bất chấp trở ngại, bà chen qua đoàn dân đông để đến với Chúa Giê-xu. Có thể Bà đã có những lý do để tự thuyết phục mình đừng đến gần Ngài. Bà đã có thể nói: “Mình hèn mọn quá chẳng xứng đáng cầu xin Ngài cứu giúp!” hay “Nhìn kìa, Ngài đang đi với Giai-ru, vì vậy mình sẽ không quấy rầy Ngài

lúc này đâu.” Bà đã có thể tranh luận rằng không ai từng cứu giúp bà, vậy thì tại sao phải cố gắng lần nữa? Hoặc bà đã có thể kết luận rằng thật không phải lẽ khi đến với Chúa Giê-xu như một lối thoát cuối cùng, sau khi đã nhờ vả tất cả các thầy thuốc khác. Thế nhưng, bà đã gạt mọi lý lẽ đó qua một bên và đến với Chúa Giê-xu bằng đức tin.

Bà đã có loại đức tin nào? Đức tin của bà thật yếu ớt, nhút nhát, và có lẽ phần nào mê tín. Bà cứ tự nhủ rằng mình phải rờ vào áo của Ngài để được chữa lành (xin xem *Mác* 3:10; 6:56). Bà đã từng được nghe lời tường thuật của những người khác được Chúa Giê-xu chữa lành (5:27), vì thế bà đã thực hiện nỗ lực lớn lao này để đến với Đấng Christ. Bà không thất vọng: Chúa Giê-xu trân trọng đức tin của bà, dù nó thực sự yếu ớt, và Ngài đã chữa lành bệnh cho bà.

Tại đây có một bài học thật hay cho tất cả chúng ta. Không phải mọi người đều có cùng mức độ đức tin như nhau, nhưng Chúa Giê-xu luôn đáp lại đức tin chúng ta dù cho nó có thể yếu đuối đến đâu đi nữa. Khi chúng ta tin, Ngài san sẻ năng quyền của Ngài với chúng ta và một điều gì đó sẽ xảy ra trong đời sống chúng ta. Có nhiều người khác trong đoàn dân đông ấy đang ở sát cạnh Ngài và thậm chí đang ép người vào Ngài, nhưng họ không kinh nghiệm một phép lạ nào. Tại sao vậy? Vì họ không có đức tin. Đám đông vây lấy Ngài là một việc, nhưng tin cậy Ngài lại là một việc khác hẳn.

Người đàn bà này định lẩn trốn đi và biến mất trong đám đông, nhưng Chúa Giê-xu đã quay lại và ngăn bà lại. Thật dịu dàng, Ngài gợi cho bà thuật lại một lời chứng diệu kỳ về điều Chúa đã làm cho bà. Tại sao Chúa Giê-xu lại tiếp xúc với bà cách công khai? Tại sao Ngài không để mặc cho bà ở trong tình trạng ẩn danh và tiếp tục đi theo đường riêng mình?

Một mặt, Ngài làm điều đó vì lợi ích của chính bà. Ngài muốn giúp bà nhiều hơn chứ không chỉ chữa bệnh mà thôi: Ngài mong muốn trở thành Chúa Cứu Thế và Bạn Hữu của bà nữa. Ngài muốn bà nhìn vào mặt Ngài, cảm nhận sự dịu dàng

của Ngài, và nghe được những lời lẽ xác quyết đầy yêu thương của Ngài. Khi Ngài vừa dứt lời với bà, bà kinh nghiệm được một điều gì đó hơn cả sự chữa lành về thể xác. Ngài đã gọi bà là “con gái” và cầu chúc bà lên đường bình an (c. 34). Được “ban cho bình an” mang nhiều ý nghĩa hơn là chỉ nhận được sự chữa lành thuộc thể. Chúa Giê-xu cũng đã ban cho bà sự chữa lành thuộc linh nữa!

Ngài đã tiếp xúc với bà cách công khai không chỉ vì lợi ích của bà, nhưng cũng vì lợi ích của Giai-ru nữa. Con gái ông đang gần kề cái chết và ông cần mọi sự khích lệ mà ông có thể có được. Thật tệ hại là đoàn dân đông đang cản trở sự tiến tới của họ, nhưng giờ đây người đàn bà này đã phải chen vào và khiến Chúa Giê-xu phải dừng bước! Khi một trong các bạn hữu của Giai-ru tới nơi và thông báo rằng con gái ông đã chết, chắc hẳn Giai-ru đã cảm thấy rằng mọi sự đã chấm dứt. Những lời Chúa phán với người đàn bà về đức tin và sự bình an chắc hẳn đã khích lệ Giai-ru y như đã khích lệ bà này vậy.

Cuối cùng, Chúa Giê-xu đã tiếp xúc với bà cách công khai để bà có thể có cơ hội làm chứng về Chúa và tôn vinh Ngài. “Các người Đức Giê-hô-va đã chuộc khỏi tay kẻ hà hiếp hãy nói điều đó . . . Ngài ra lệnh chữa lành họ . . . Nguyện người ta ngợi khen Đức Giê-hô-va vì sự nhân từ Ngài, và vì các công việc lạ lùng Ngài làm cho con cái loài người!” (*Thi Thiên* 107:2, 20-21). Chắc chắn một số người trong đoàn dân đông đó đã nghe lời chứng của bà và đã tin nhận Đấng Christ; và khi bà về đến nhà, bà đã biết được làm chứng cho Đấng Christ có nghĩa thế nào.

4. Chiến Thắng Sự Chết

Mác 5: 35-43

³⁵ Dương khi Ngài còn phán, có kẻ đến từ nhà người cai nhà hội mà nói với người rằng: Con gái ông đã chết rồi; còn phiền Thầy làm chi? ³⁶ Nhưng Đức Chúa Jêsus chẳng màng đến lời ấy, phán cùng cai nhà hội rằng: Đừng sợ, chỉ tin

mà thôi. ³⁷ Ngài chẳng cho ai theo mình, trừ ra Phi-e-rơ, Gia-cơ, và Giăng là em Gia-cơ. ³⁸ Khi đã đến nhà người cai nhà hội, Ngài thấy chúng làm om sòm, kẻ khóc người kêu lớn tiếng. ³⁹ Vào nhà rồi, Ngài phán cùng chúng rằng: Sao các người làm ồn ào và khóc lóc vậy? Đứa trẻ chẳng phải chết, song nó ngủ. ⁴⁰ Chúng nhạo báng Ngài. Ngài bèn đuổi chúng ra hết, đem cha mẹ đứa trẻ với những kẻ theo Ngài, cùng vào chỗ nó nằm. ⁴¹ Ngài nắm tay nó mà phán rằng: Ta-li-tha Cu-mi; nghĩa là: Hỡi con gái nhỏ, ta truyền cho mày, hãy chớ dậy. ⁴² Tức thì đứa gái chớ dậy mà bước đi, vì đã lên mười hai tuổi. Chúng rất lấy làm lạ. ⁴³ Ngài cấm ngặt chúng đừng cho ai biết sự ấy, và truyền cho đứa trẻ ăn.

Đối với Giai-ru thật không dễ dàng đến gần Chúa Giê-xu cách công khai và cầu xin Ngài cứu giúp. Các nhà lãnh đạo tôn giáo chống đối Chúa Giê-xu chắc chắn sẽ không tán đồng, và một số người cai nhà hội khác cũng vậy. Những điều mà Chúa Giê-xu đã làm và dạy dỗ trong các nhà hội đã khơi dậy lòng căm tức nơi những thầy thông giáo và những người Pha-ri-si, trong số họ một số người có lẽ là bạn hữu của Giai-ru. Nhưng Giai-ru đã ở trong tình trạng tuyệt vọng, giống như nhiều người khác khi họ đến với Chúa Giê-xu. Ông thà mất bạn hữu mình để cứu mạng đứa con gái mà ông yêu quý.

Thật thích biết bao khi nhìn xem Chúa Giê-xu tiếp chuyện với Giai-ru và đưa ông đến sự đắc thắng đầy vui mừng. Trong suốt toàn bộ sự kiện này, chính *lời phán* của Chúa chúng ta thật là quan trọng. Hãy xem xét ba lời phán của Ngài.

(1) *Lời phán đem lại đức tin (Mác 5:36)*. Vào lúc này, Giai-ru phải tin vào người bạn ông hoặc vào Cứu Chúa Giê-xu. Chắc hẳn là cả con người ông đã phản ứng cách đau thương bấn loạn khi ông nghe rằng đứa con gái yêu quý của mình đã lìa đời. Nhưng Chúa Giê-xu lại quả quyết với ông, “Đừng sợ, chỉ tin mà thôi.” Nói cách khác, “Con đã có một lượng đức tin nào đó khi con đến với Ta, và đức tin của con đã được hỗ trợ khi con nhìn thấy điều Ta đã làm cho người đàn bà ấy. Đừng bỏ cuộc! Hãy cứ tin mà thôi!”

Thật dễ dàng hơn cho Giai-ru tin cậy nơi Chúa khi con gái ông vẫn còn sống, và khi Chúa Giê-xu vẫn đang đi theo ông về

nhà. Nhưng khi Chúa Giê-xu dừng lại để chữa lành người đàn bà, và khi người bạn ông đem tin buồn đến, Giai-ru gần như mất đức tin. Chúng ta chờ quá khắc nghiệt với ông. Có thể chúng ta suy yếu đức tin và đâm ra nghi ngờ khi gặp hoàn cảnh khó khăn. Đôi lúc Đức Chúa Trời chậm trễ và chúng ta thắc mắc không hiểu vì sao. Đó là khi chúng ta cần “lời phán của đức tin” đặc biệt từ nơi Chúa, và chúng ta nhận lãnh lời ấy khi chúng ta dành thời gian suy gẫm Lời Ngài.

(2) *Lời phán đem lại hy vọng (Mác 5:39)*. Khi Chúa Giê-xu và Giai-ru đến nơi, họ thấy và nghe tiếng những người Do Thái làm nghề than khóc mướn, là những kẻ luôn được mời tới khi có người qua đời. Theo tục lệ cổ xưa họ thường kêu gào lớn tiếng, khóc lóc, và hướng dẫn gia đình cùng bạn hữu đồng than khóc. Sự hiện diện của những người than khóc mướn trong nhà là dấu chứng rằng cô bé đã thực sự lìa đời, vì gia đình rất có thể đã không gọi họ đến nếu như họ còn chút hy vọng cô bé vẫn còn sống.

“Đứa trẻ chẳng phải chết, nhưng nó ngủ!” là lời phán đầy hy vọng cho Giai-ru và vợ ông. Đối với người tín hữu, sự chết chỉ là một giấc ngủ; vì thân thể nghỉ yên cho đến khi được sống lại (*I Tê-sa-lô-ni-ca 4:13-18*). Thần linh không hề ngủ; vì trong sự chết, thần linh của người tín hữu lìa khỏi thân xác (*Gia-cơ 2:26*) và đi ở với Đấng Christ (*Phi-líp 1:20-23*). Chỉ có thân xác là ngủ, chờ đợi sự trở lại của Chúa và sự sống lại (*I Cô-rinh-tô 15:51-58*). Chân lý này là một sự khích lệ lớn lao đối với tất cả chúng ta khi có những người thân yêu và bạn bè trong Chúa đi vào cõi chết. Đó là lời đầy hy vọng của Ngài dành cho chúng ta.

(3) *Lời phán đầy yêu thương và năng quyền (Mác 5:41)*. Lòng vô tín nhạo báng Lời Đức Chúa Trời, nhưng lòng tin nắm giữ lấy Lời ấy và kinh nghiệm năng quyền của Đức Chúa Trời. Chúa Giê-xu không thu hút sự chú ý vào phép lạ này. Ngài biểu lộ sự cảm thông trước những cảm xúc của cha mẹ đứa trẻ và đau lòng trước thái độ khinh thường của những kẻ than khóc

mướn. *Talitha curni* là câu nói bằng tiếng A-ram có nghĩa là “Hỡi con gái nhỏ, hãy chớ dậy!” Chúa Giê-xu lại phán nữa, “Ta truyền cho ngươi” (với chữ *Ta* được nhấn mạnh), vì chính nhờ uy quyền của Ngài mà thần linh trở lại cùng thân xác của cô bé (*Lu-ca* 8:55). Những lời này không phải là một công thức ma thuật nào đó mà bất cứ ai cũng có thể dùng để kêu kẻ chết sống lại.

Cô bé này không chỉ sống lại, nhưng còn được chữa lành bệnh tật của mình, vì cô đã có thể ra khỏi giường và bước đi. Luôn luôn là vị Lương Y đầy yêu thương, Chúa Giê-xu truyền cha mẹ cô bé đem cho cô ít thức ăn vì sợ cô phát bệnh lại. Những phép lạ thiên thượng không hề thay thế sự chăm sóc theo lẽ thường của con người; nếu không chúng ta có thể đang thử Đức Chúa Trời.

Như với các phép lạ trước đây, Chúa Giê-xu truyền cho những người chứng kiến phải giữ yên lặng (*Mác* 1:44; 3:12). Có lẽ những kẻ than khóc đã truyền miệng rằng cô bé đã bị “trong tình trạng hôn mê” chớ không thực sự chết hẳn. Theo họ, rốt lại thì chẳng hề có phép lạ gì xảy ra cả! Tuy nhiên, đã có những người chứng kiến phép lạ ấy. Luật pháp đòi hỏi chỉ cần hai hay ba người chứng để xác minh sự thật (*Phục Truyền Luật Lệ Ký* 17:6; 19:15), nhưng đối với phép lạ này có đến năm người chứng! Chúng ta có lý do để kết luận rằng Giai-ru và vợ ông đã trở thành tín hữu của Chúa Giê-xu Christ, mặc dầu trong phần ký thuật của các sách Phúc Âm không có đề cập gì thêm về họ cả. Trọn đời mình, cô con gái này là một chứng nhân cho năng quyền của Chúa Giê-xu Christ.

Thực vậy, Người Đầy Tở của Đức Chúa Trời là Đấng chiến thắng hiểm nguy, ma quỷ, bệnh tật, và sự chết. Loạt phép lạ này là hình ảnh minh họa Chúa Giê-xu đã gặp gỡ và cứu giúp đủ mọi hạng người, từ các môn đệ riêng của Ngài đến hai người bị quỷ ám, và điều này đảm bảo với chúng ta rằng Ngài có thể cứu giúp chúng ta ngày nay.

Điều này không ám chỉ là Đức Chúa Trời phải *luôn* giải cứu

68 / Mác

dân sự Ngài khỏi hiểm nguy (xin xem *Công Vụ Các Sứ Đồ* 12:1-19) hoặc chữa lành mọi bệnh tật (xin xem *II Cô-rinh-tô* 12:1-10); nhưng nó thực sự hàm ý là Ngài nắm giữ uy quyền tối hậu và chúng ta đừng bao giờ sợ hãi điều gì. Chúng ta “nhờ Đấng yêu thương mình mà thắng hơn tội phần” (*Rô-ma* 8:37).

Ai Sẽ Tin Cậy Người Đầy Tở Của Đức Chúa Trời?

Mác 6:1-56

Charles Darwin đã nói rằng *niềm tin* là “nét khác biệt hoàn toàn nhất giữa con người và các sinh vật hạ đẳng.” Nếu nhận xét này là đúng, thì nó ám chỉ rằng nếu con người thiếu đức tin thì sẽ bị đặt ngang hàng với loài vật! Nhà hùng biện của thuyết bất khả tri. Robert Ingersoll có một quan điểm khác hẳn, vì ông đã có lần mô tả một tín hữu như “một con chim không hót trong lồng.” Có lẽ bạn sẽ đồng ý rằng lời lẽ của ông ta mô tả một kẻ *vô tin* thì tốt hơn!

Một trong những chủ đề trong phân đoạn này của *Phúc Âm Mác* là sự vô tín của những người tiếp xúc với Người Đầy Tở của Đức Chúa Trời. Tất cả những người này có mọi lý do để tin vào Chúa Giê-xu Christ, thế nhưng tất cả đều không chịu tin Ngài, kể cả các môn đệ của Ngài nữa! Khi bạn nghiên cứu chương này, hãy ghi nhớ lời cảnh cáo trong *Hê-bơ-rơ* 3:12, “Hỡi anh em, hãy giữ lấy, kẻo ai trong anh em có lòng dữ và chẳng tin mà trái bỏ Đức Chúa Trời hằng sống chẳng.” Đức Chúa Trời xem nặng tội vô tín, và chúng ta cũng cần phải như vậy.

trong những người bảo vệ khi ra về. Người bảo vệ đáp, “Thưa ông, mục đích của chúng tôi không phải là trưng bày tranh để thưởng lãm mà là để quan sát khách xem tranh.”

Một người thợ mộc là một thợ thủ công được kính trọng vào thời đó, nhưng không ai mong đợi một người thợ mộc làm những phép lạ hay dạy dỗ những chân lý thâm thúy trong nhà hội cả. Vậy thì Ngài đã nhận tất cả quyền năng và sự khôn ngoan này từ đâu? Từ Đức Chúa Trời hay từ Sa-tan? (Xin xem *Mác* 3:22). Và tại sao các anh chị em của Ngài lại không có được cùng quyền năng và sự khôn ngoan này? Hơn thế nữa, tại sao các anh chị em của Ngài lại không tin vào Ngài? Những kẻ gọi Ngài là “con trai Ma-ri” thực sự đang lăng nhục Ngài; vì vào thời đó người ta nhận diện một người bằng cách gọi người ấy là con trai của cha người ấy, chứ không phải con trai của mẹ người ấy.

Những người dân thành Na-xa-rét “vấp phạm vì cơ Ngài,” điều đó theo nghĩa đen có nghĩa là “họ vì cơ Ngài mà vấp ngã.” Từ Hy Lạp cho chúng ta từ tiếng Anh *scandalize* (*làm xúc phạm, làm nhục*). Kenneth Wuest đã viết trong quyển sách của ông tựa đề *Nghiên Cứu Lời Chúa* (Eerdmans), “Họ không thể nào giải thích về Ngài, vì thế họ đã chối bỏ Ngài.” Chúa Giê-xu chắc chắn là một “hòn đá vấp chân” đối với họ vì cơ lòng vô tín của họ (*Ê-sai* 8:14; *Rô-ma* 9:32-33; *I Phi-e-rơ* 2:8).

Hai lần trong sách Phúc Âm cho thấy Chúa Giê-xu kinh ngạc. Trong phân đoạn này, Ngài kinh ngạc trước sự vô tín của những người Do Thái, và Ngài kinh ngạc trước đức tin lớn của một thầy đội La Mã, là một người thuộc dân ngoại (*Lu-ca* 7:9). Thay vì ở lại Na-xa-rét, Chúa Giê-xu đã rời khỏi đó và lại đi khắp các thành, các làng trong vùng Ga-li-lê. Lòng Ngài vỡ tan khi Ngài nhìn thấy cảnh cùng khổn tuyệt vọng của dân chúng (*Ma-thi-ơ* 9:35-38), vì thế Ngài đã quyết định sai các môn đệ đến, cứu giúp họ với thẩm quyền và quyền năng của Ngài.

2. Sự Vô Tín Của Những Kẻ Thù Ngài

Mác 6: 7-29

⁷ Ngài bèn kêu mười hai sứ đồ, bắt đầu sai đi từng đôi, ban quyền phép trừ tà ma. ⁸ Ngài truyền cho sứ đồ đi đường đừng đem chi theo hết, hoặc bánh, hoặc bao, hoặc tiền bạc trong dây lưng, chỉ đem một cây gậy mà thôi; ⁹ chỉ mang dép, đừng mặc hai áo.

¹⁰ Ngài phán cùng sứ đồ rằng: Hễ nhà nào các người sẽ vào, hãy cứ ở đó, cho đến khi đi. ¹¹ Nếu có chỗ nào, người ta không chịu tiếp các người, và cũng không nghe các người nữa, thì hãy đi khỏi đó, và phủ bụi đã dính chân mình, để làm chứng cho họ.

¹² Vậy, các sứ đồ đi ra, giảng cho người ta phải ăn năn; ¹³ đuổi nhiều ma quỷ, xức dầu cho nhiều kẻ bệnh, và chữa cho được lành.

¹⁴ Vả, vua Hê-rốt nghe nói về Đức Chúa Jê-sus (vì danh tiếng Ngài đã nên lừng lẫy), thì nói rằng: Giảng, là người làm phép báp-têm, đã từ kẻ chết sống lại; cho nên tự người làm ra các phép lạ. ¹⁵ Người thì nói: Ấy là Ê-li; kẻ thì nói: Ấy là đáng tiên tri, như một trong các đáng tiên tri đời xưa, ¹⁶ Nhưng Hê-rốt nghe vậy, thì nói rằng: Ấy là Giăng mà ta đã truyền chém, người đã sống lại.

¹⁷ Số là, Hê-rốt đã sai người bắt Giăng, và truyền xiềng lại cầm trong ngục, bởi cơ Hê-rô-đia, vợ Phi-líp em vua, vì vua đã cưới nàng, ¹⁸ và Giăng có can vua rằng: Vua không nên lấy vợ em mình. ¹⁹ Nhân đó, Hê-rô-đia cầm Giăng, muốn giết đi. ²⁰ Nhưng không thể giết, vì Hê-rốt sợ Giăng, biết là một người công bình và thánh. Vua vẫn gìn giữ người, khi nghe lời người rồi, lòng hằng bối rối, mà vua bằng lòng nghe.

²¹ Nhưng, vừa gặp dịp tiện, là ngày sanh nhật Hê-rốt, vua đãi tiệc các quan lớn trong triều, các quan võ, cùng các người tôn trưởng trong xứ Ga-li-lê. ²² Chính con gái Hê-rô-đia vào, nhảy múa, đẹp lòng Hê-rốt và các người dự tiệc nữa. Vua nói cùng người con gái ấy rằng: Hãy xin ta điều chi người muốn, ta sẽ cho. ²³ Vua lại thể cùng nàng rằng: Bất kỳ người xin điều chi, ta cũng sẽ cho, dầu xin phân nửa nước ta cũng vậy. ²⁴ Nàng ra khỏi đó, nói với mẹ rằng: Tôi nên xin điều chi? Mẹ rằng: Cái đầu của Giăng Báp-tít. ²⁵ Tức thì nàng vội trở vào nơi vua mà xin rằng: Tôi muốn vua lập tức cho tôi cái đầu Giăng Báp-tít để trên mâm. ²⁶ Vua lấy làm buồn rầu lắm; nhưng vì cơ lời thể mình và khách dự yến, thì không muốn từ chối nàng. ²⁷ Vua liền sai một người lính thị vệ truyền đem đầu Giăng đến. ²⁸ Người ấy đi chém Giăng trong ngục; rồi để đầu trên mâm đem cho người con gái, và người con gái đem cho mẹ mình. ²⁹ Môn đồ Giăng nghe tin, đến lấy xác người chôn trong mồ.

Đầu tiên khi Chúa kêu gọi mười hai sứ đồ, mục đích của Ngài là dạy dỗ và huấn luyện họ để họ có thể giúp đỡ Ngài và có

thể thực sự thay thế Ngài khi Ngài trở về cùng Đức Chúa Cha (Mác 3:13-15). Trước khi sai họ ra đi, Ngài khẳng định lại thẩm quyền chữa lành bệnh tật và đuổi quỷ của họ (c. 7) và ban cho họ những lời chỉ dạy rõ ràng (xin xem *Ma-thi-ơ* 10:1-42 để có bản tường thuật chi tiết hơn về bài giảng này).

Ngài truyền cho họ đem theo những gì họ đã có sẵn và đừng ra ngoài mua sắm những đồ dùng đặc biệt cho những chuyến truyền giảng lưu động của mình. Họ không được mang thêm những hành lý nặng nề. (Bạn không thể nào bỏ qua tính khẩn cấp trong “bài giảng ủy thác” này). Chúa Giê-xu muốn họ được chu cấp đầy đủ, nhưng không phải đến độ không còn sống bởi đức tin nữa. Từ ngữ *cái bao* có nghĩa là “cái bao của người hành khất.” Họ dứt khoát không được xin đồ ăn hay tiền bạc.

Khi đi rao giảng từ nơi này sang nơi khác, họ sẽ đối diện cả lòng hiếu khách lẫn sự ghen ghét, cả bạn lẫn thù. Ngài nhắc nhở họ phải ở lại tại một nhà trong mỗi vùng và không được “kén chọn” là sẽ ăn gì hoặc ở đâu. Họ đến nơi đó để làm những tội tở hữu ích, chứ không phải để làm những vị khách cần được nuông chiều. Nếu một nhà hay một làng nào không tiếp đón họ, họ được Ngài cho phép công bố sự đoán phạt của Đức Chúa Trời trên những người đó. Người Do Thái có thông lệ phủ bụi dưới chân mình khi họ rời khỏi lãnh thổ của dân ngoại, nhưng đối với người Do Thái thì làm điều này với đồng bào Do Thái của mình là một việc mới lạ (*Lu-ca* 10:10-11; *Công Vụ Các Sứ Đồ* 13:51).

Từ ngữ được dịch là “sai đi” trong câu 7 là *apostello* trong tiếng Hy Lạp và do đó có từ tiếng Anh là *apostle* (sứ đồ). Từ này có nghĩa là “sai một người nào đó đi với một sứ mệnh đặc biệt là đại diện cho một người khác và làm tròn công tác của người ấy.” Chúa Giê-xu ban cho mười hai người này cả thẩm quyền của các sứ đồ lẫn khả năng thiên thượng để làm công việc mà Ngài sai họ làm. Họ không đại diện cho cá nhân mình nhưng đại diện cho Ngài trong tất cả những gì họ làm và nói.

Trước đây chúng ta đã chú ý (*Mác* 3:16-19) khi so sánh các

danh sách kể tên các sứ đồ chúng ta thấy là các tên của họ được ghi từng đôi một: Phi-e-rơ và Anh-rê, Gia-cơ và Giăng, Phi-líp và Ba-thê-lê-mi, v. v. . . Chúa Giê-xu sai họ đi từng đôi một vì nếu các tông đồ đi đây đó và làm việc chung với nhau bao giờ cũng dễ dàng hơn và an toàn hơn. “Hai người hơn một” (*Truyền Đạo* 4:9) và Luật Pháp, đã được tuân giữ trước đây, đòi hỏi phải có hai người chứng để xác minh một vấn đề (*Phục Truyền Luật Lệ Ký* 17:6; 19:15; *II Cô-rinh-tô* 13:1). Họ sẽ không chỉ giúp đỡ nhau nhưng còn học hỏi lẫn nhau nữa.

Các môn đệ đi ra và làm theo điều Chúa Giê-xu phán dạy họ làm. Điều đáng chú ý là một nhóm người tầm thường đã có thể đi ra theo cách này để đại diện cho Đức Chúa Trời Toàn Năng, và họ đã có thể biểu lộ thẩm quyền của mình bằng cách thực hiện các phép lạ. Các điều răn của Đức Chúa Trời luôn bao gồm sự ban cho tài năng từ nơi Ngài (*II Cô-rinh-tô* 3:5-6). Họ công bố Phúc Âm của Nước Trời, kêu gọi người có tội phải ăn năn, và chữa cho nhiều kẻ đau được lành (*Mác* 6:12-13; *Lu-ca* 9:6).

Những lời tường thuật về chức vụ của Đấng Christ cùng với công tác của các môn đệ Ngài (*Lu-ca* 9:7), đã vang đến tận cung của Hê-rốt An-ti-ba. Mác gọi ông ta là “vua,” vốn là danh xưng mà Hê-rốt muốn được mọi người gọi; nhưng trên thực tế, Hê-rốt vô đạo này chỉ là một vua chư hầu, cai trị một phần tư xứ sở. Khi Hê-rốt Đại đế qua đời, người La Mã chia lãnh thổ của ông cho ba con trai ông; và An-ti-ba được phong làm chư hầu của vùng Bê-rê và vùng Ga-li-lê.

Hê-rốt An-ti-ba cưới con gái của vua A-ri-tạc IV và rồi ly dị bà để có thể cưới Hê-rô-đia, vợ của em vua là Hê-rốt Phi-líp. Đó là một sự kết hiệp xấu xa trái ngược với Luật Pháp Môi-se (*Lê-vi Ký* 18:16; 20:21), và Giăng Báp-tít dũng cảm tố giác tội lỗi của vua. Khi Hê-rốt nghe về những việc làm lạ lùng của Chúa Giê-xu, ông đoán chắc rằng Giăng Báp-tít đã từ kẻ chết sống lại để ám ảnh ông và kết tội ông! Lương tâm của Hê-rốt đang khiến ông buồn bực, nhưng ông không muốn đối diện với tội lỗi mình cách thẳng thắn và ăn năn.

Tại đây, Mác chuyển hướng để giải thích Giăng Báp-tít đã bị bắt giữ và giết hại cách tàn ác và bất công như thế nào. Ngay trong đoạn văn tường thuật ngắn gọn này, chúng ta cảm thấy sự căng thẳng trong hoàng cung, vì Hê-rốt sợ Giăng, lắng nghe ông giảng cách kín nhiệm, và đang trong một tình trạng bối rối không biết phải làm gì. Mặc khác, “Hoàng hậu” Hê-rô-đia, căm ghét Giăng, muốn giết chết ông, và kiên nhẫn chờ đợi thời điểm thuận lợi nhất. Cá tính độc ác và những việc làm vô đạo của hai người này khiến chúng ta nhớ đến A-háp và Giê-sa-bên (I Các-vua 18:1-21:29).

“Ngày thuận lợi” đã đến (Mác 6:21) để Hê-rô-đia thực hiện kế hoạch của mình: ngày kỷ niệm sinh nhật của Hê-rốt. Những bữa yến tiệc trọng thể, xa hoa vừa để khoe khoang, vừa để tặng thêm lạc thú. Người Do Thái sẽ không cho phép một phụ nữ nhảy múa trước một nhóm đàn ông, và hầu hết các bà mẹ thuộc dân ngoại rất có thể sẽ ngăn cấm con gái mình làm những gì con gái của Hê-rô-đia đã làm. (Lịch sử cho chúng ta biết rằng tên của nàng là Sa-lô-mê.) Nhưng người nữ này là một phần trong kế hoạch của mẹ nàng để loại trừ Giăng Báp-tít, và Sa-lô-mê đã diễn vai trò mình thật xuất sắc.

Khi Hê-rốt nghe lời cầu xin khủng khiếp của nàng, ông “lấy làm buồn rầu lắm” (xin xem 14:34, nơi mà cùng động từ này đã được dùng nói về Chúa Giê-xu); nhưng ông ta phải giữ lời hứa của mình nếu không sẽ mất mặt trước một nhóm người đầy uy thế. Từ ngữ *lời thề* trong câu 26 thực ra ở số nhiều – “vì cơ những lời thề mình” – Hê-rốt đã nhiều lần tỏ lòng mong ước ban thưởng cho nàng vì cơ sự nhảy múa của nàng. Đây là một cách thức để ông ta tạo ấn tượng nơi các khách mời của mình, nhưng nó lại đem đến một kết quả trái với sự mong đợi của ông ta. Hê-rốt đã không đủ can đảm để làm theo lời can gián của Giăng, nhưng giờ đây ông ta lại phải làm theo lời chính mình đã nói ra! Kết quả là một người vô tội phải chết.

Điều đáng chú ý là không có bằng chứng nào cho thấy những người trong số các nhà lãnh đạo Do Thái đã làm bất cứ điều gì

để giải cứu Giăng Báp-tít sau khi ông đã bị bắt giữ. Những người bình dân xem Giăng là một tiên tri được Đức Chúa Trời sai xuống, nhưng những người lãnh đạo tôn giáo lại không vâng theo sứ điệp của Giăng (*Mác* 11:27-33). Cái chết của Giăng là cái chết đầu tiên trong ba cái chết khủng khiếp rất nổi tiếng trong lịch sử của Y-sơ-ra-ên. Hai cái chết kia là sự đóng đinh Đấng Christ và việc ném đá Ê-tiên (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 7:1-60). Để hiểu được tầm quan trọng của những biến cố này, xin xem lại những lời chú giải của *Mác* 3:22-30. Hê-rốt đã e sợ rằng những sứ điệp của Giăng sẽ gây ra một cuộc nổi loạn giữa vòng dân chúng, là điều ông ta muốn ngăn ngừa. Cũng vậy, ông ta muốn làm vừa lòng vợ mình, cho dù phải sát hại một người tin kính.

Các môn đệ của Giăng được phép đem thi hài của thầy mình đi chôn cất, rồi họ đến thuật cho Chúa Giê-xu những việc đã xảy ra (*Ma-thi-ơ* 14:12). Chắc hẳn lời tường thuật về cái chết của Giăng đã khuấy động lòng Chúa chúng ta cách sâu xa, vì Ngài biết rằng một ngày kia chính mạng sống của Ngài sẽ phải chịu hy sinh.

Chúng ta gặp lại Hê-rốt An-ti-ba một lần nữa trong các sách Phúc Âm, khi ông “xét xử” Chúa Giê-xu và hy vọng nhìn thấy Ngài thi hành một phép lạ (*Lu-ca* 23:6-12). Chúa Giê-xu thậm chí không hề nói một lời với kẻ tà tâm và giết người này, huống chi là làm hài lòng ông ta bằng một phép lạ! Chúa Giê-xu gọi Hê-rốt là một “con cáo” (*Lu-ca* 13:31-35), một hình ảnh thích hợp đối với kẻ quỷ quyệt này. Vào năm 39 S.C., Hê-rốt A-c-ríp-ba (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 12:1), cháu của Hê-rốt An-ti-ba, tố giác chú của mình với hoàng đế La Mã, và An-ti-ba bị hạ bệ và bị đi đày. “Người nào nếu được cả thiên hạ mà mất linh hồn mình, thì có ích gì?” (*Mác* 8:36).

SỰ VÔ TÍN CỦA CÁC MÔN ĐỘ NGÀI

Mác 6: 30-56

³⁰ Các sứ đồ nhóm lại cùng Đức Chúa Jêsus, thuật cho Ngài mọi điều mình đã làm và dạy. ³¹ Ngài phán cùng sứ đồ rằng: Hãy đi tẻ ra trong nơi vắng vẻ, nghỉ ngơi một chút. Vì có kẻ đi người lại đông lắm, đến nỗi Ngài và sứ đồ không có thì giờ mà ăn. ³² Vậy, Ngài và sứ đồ xuống thuyền đặng đi tẻ ra trong nơi vắng vẻ. ³³ Nhưng nhiều người thấy đi, thì nhìn biết; dân chúng từ khắp các thành đều chạy bộ đến nơi Chúa cùng sứ đồ vừa đi, và đã tới đó trước.

³⁴ Bấy giờ Đức Chúa Jêsus ở thuyền bước ra, thấy đoàn dân đông lắm, thì Ngài động lòng thương xót đến, vì như chiên không có người chăn; Ngài bèn khởi sự dạy dỗ họ nhiều điều. ³⁵ Trời đã chiều, môn đồ tới gần Ngài mà thưa rằng: Chỗ nầy là vắng vẻ, và trời đã chiều rồi; ³⁶ xin cho dân chúng về, để họ đi các nơi nhà quê và các làng gần đây đặng mua đồ ăn. ³⁷ Ngài đáp rằng: Chính các người phải cho họ ăn. Môn đồ thưa rằng: chúng tôi sẽ đi mua đến hai trăm đơ-ni-ê bánh để cho họ ăn hay sao? ³⁸ Ngài hỏi rằng: Các người có bao nhiêu bánh? Hãy đi xem thử. Môn đồ xem xét rồi, thưa rằng: Năm cái bánh và hai con cá. ³⁹ Ngài bèn truyền cho môn đồ biểu chúng ngồi xuống hết thảy từng chòm trên cỏ xanh. ⁴⁰ Chúng ngồi xuống từng hàng, hàng thì một trăm, hàng thì năm chục. ⁴¹ Đức Chúa Jêsus lấy năm cái bánh và hai con cá, ngước mắt lên trời, tạ ơn, rồi bẻ bánh ra mà trao cho môn đồ, đặng phát cho đoàn dân; lại cũng chia hai con cá cho họ nữa. ⁴² Ai nấy ăn no nê rồi; ⁴³ người ta lượm được mười hai giỏ đầy những miếng bánh và cá còn thừa lại. ⁴⁴ Và, số những kẻ đã ăn chừng năm ngàn người.

⁴⁵ Rồi Ngài liền giục môn đồ vào thuyền, qua bờ bên kia trước mình, hướng đến thành Bết-sai-đa, trong khi Ngài cho dân chúng về. ⁴⁶ Ngài lìa khỏi chúng rồi, thì lên núi mà cầu nguyện.

⁴⁷ Đến tối, chiếc thuyền đương ở giữa biển, còn Ngài thì ở một mình trên đất.

⁴⁸ Ngài thấy môn đồ chèo khó nhọc lắm, vì gió ngược. Lối canh tư đêm ấy, Ngài đi bộ trên mặt biển, ngỡ là ma, nên la lên; ⁵⁰ vì ai nấy đều thấy Ngài và sợ hoảng. Nhưng Ngài liền nói chuyện với môn đồ và phán rằng: Hãy yên lòng, ta đây, đừng sợ chi. ⁵¹ Ngài bèn bước lên trên thuyền với môn đồ, thì gió lặng. Môn đồ càng lấy làm lạ hơn nữa; ⁵² vì chẳng hiểu phép lạ về mấy cái bánh, bởi lòng cứng cõi.

⁵³ Khi Ngài và môn đồ đã qua khỏi biển, đến xứ Ghê-nê-xa-rét, thì ghé thuyền vào bờ. ⁵⁴ Vừa ở trong thuyền bước ra, có dân chúng nhận biết Ngài, ⁵⁵ chạy khắp cả miền đó, khiêng những người đau nằm trên giường, để nghe Ngài ở đâu thì đem đến đó. ⁵⁶ Ngài đến nơi nào, hoặc làng, thành, hay là chốn nhà quê, người ta đem người đau để tại các chợ, và xin Ngài cho phép mình ít nữa được rờ đến tròn áo Ngài; những kẻ đã rờ đều được lành bệnh cả.

Chúa Giê-xu đem các môn đệ Ngài đến một nơi hẻo lánh để họ có thể nghỉ ngơi sau những bận rộn mệt nhọc. Ngài muốn bàn luận với họ về chức vụ của họ và chuẩn bị họ cho sứ mệnh kế tiếp. Như Vance Havner đã nói, “Nếu bạn không tách riêng ra để nghỉ ngơi, thì bạn sẽ rời rã.” Ngay đến Người Đầy Tớ, Con Đức Chúa Trời, cũng cần thời gian để nghỉ ngơi, thông công với các bạn hữu Ngài, và tìm sự tươi mới nơi Đức Chúa Cha.

Một yếu tố khác là sự chống đối ngày càng tăng của cả những nhà lãnh đạo chính trị lẫn tôn giáo. Việc Hê-rốt sát hại Giăng Báp-tít là bằng chứng cho thấy tình thế lúc bấy giờ đang đổi thay và Chúa Giê-xu cùng các môn đệ Ngài phải thận trọng. Trong chương kế, chúng ta sẽ đối đầu với lòng ghen ghét của những nhà lãnh đạo tôn giáo Do Thái, và, dĩ nhiên, sự hăng say về chính trị của đoàn dân đông luôn là một nan đề (*Giăng* 6:15tt). Điều tốt nhất cần làm là đi khỏi nơi ấy.

Nhưng đoàn dân đông quá hăng hái sẽ không chịu để Ngài ở một mình. Họ đi theo Ngài đến miền gần Bết-sai-đa, hy vọng nhìn thấy Ngài thực hiện một số phép lạ chữa bệnh (*Lu-ca* 9:10-11; *Giăng* 6:1tt). Bất chấp sự gián đoạn đối với những kế hoạch của Ngài, Chúa đã tiếp đãi họ, dạy dỗ họ Lời Đức Chúa Trời, và chữa lành những kẻ đau. Thật đáng ngạc nhiên trước sự nhẫn nại và ân sủng của Ngài biết bao! Đây là một gương mẫu để chúng ta noi theo!

Mác ghi lại hai phép lạ Chúa Giê-xu đã thực hiện.

(1) *Nuôi 5.000 người ăn* (*Mác* 6:33-44). Chúa Giê-xu sai mười hai sứ đồ ra đi giảng đạo vì Ngài thương xót những đoàn dân đông đang cùng khổ (*Ma-thi-ơ* 9:36-38). Lần này, đoàn dân đông đang thiếu thốn Chúa đến với họ – còn các môn đệ thì muốn giải tán họ đi! Cho đến lúc này, họ vẫn chưa học biết được phải nhìn cuộc sống bằng cặp mắt của Thầy mình. Đối với họ, đoàn dân đông là một nan đề, một sự phiền toái, nhưng đối với Chúa Giê-xu, họ như những con chiên không có người chăn.

Khi D.L. Moody đang xây dựng Trường Chúa Nhật to lớn

của mình tại Chicago, trẻ em từ khắp nơi đến với ông. Chúng thường từ những ngôi nhà thờ và Trường Chúa Nhật xa xôi khác đến với ông Moody. Khi được hỏi tại sao phải đi bộ xa như thế để tham dự Trường Chúa Nhật của Moody, một cậu bé trả lời, “Bởi vì ở đó có một người đáng yêu”.

Các môn đệ có hai đề nghị để giải quyết vấn đề: hoặc cho dân chúng ra về để tự tìm lương thực cho mình, hoặc thu góp đủ tiền để mua một ít bánh chia cho mọi người. Đối với các môn đệ, họ đang ở tại một nơi không đúng chỗ vào một thời điểm không đúng lúc, và không thể làm gì được cả!

Chúa Giê-xu không nhìn vào nan đề mà xem tình cảnh lúc đó như một cơ hội để bày tỏ sự tin cậy Đức Chúa Cha và tôn vinh danh Ngài. Một nhà lãnh đạo hữu hiệu là một người nhìn thấy khả năng trong những vấn đề và sẵn sàng hành động bởi đức tin. Hành động dựa trên sự khôn ngoan của con người, các môn đệ Ngài chỉ nhìn thấy nan đề chứ không nhìn thấy khả năng. Biết bao lần dân Đức Chúa Trời đã than phiền, “Giá mà chúng ta chỉ có đủ tiền, thì chúng ta đã có thể làm được một điều gì đó!” Hai trăm đơ-ni-ê tương đương với tiền lương một năm của một người lao động trung bình! Nhưng bước đầu tiên không phải là đo lường tiềm năng kinh tế của chúng ta, mà là xác định ý muốn của Đức Chúa Trời và tin cậy Ngài sẽ thỏa mãn nhu cầu chúng ta.

Chính Anh-rê là người tìm ra đĩa bé có phần ăn trưa (Giăng 6:8-9). Chúa truyền cho dân chúng ngồi xuống theo từng nhóm có trật tự trên nền cỏ xanh (Thi Thiên 23:2; 78:19), thật là một hình ảnh trái ngược với bữa yến tiệc phủ phê, xa hoa của Hê-rốt. Chúa Giê-xu cầm lấy phần ăn trưa ít ỏi, chúc phước, bẻ ra, và trao cho các môn đệ để phân phát cho những người đang đói. Phép lạ diễn ra trong đôi tay Ngài, chứ không phải trong đôi tay họ; vì bất kỳ điều gì chúng ta dâng lên cho Chúa, Ngài đều có thể chúc phước và khiến nó nhiều lên gấp bội. Chúng ta không phải là những nhà chế tạo; chúng ta chỉ là những kẻ phân phát mà thôi.

Giăng cho chúng ta biết rằng Chúa Giê-xu đã dùng phép lạ này làm nền tảng cho một bài giảng về “bánh của sự sống” (Giăng 6:22tt). Ngài đã không thi hành phép lạ chỉ để thỏa mãn nhu cầu của con người, mặc dầu điều đó quan trọng. Ngài muốn mỗi phép lạ là một sự mạc khải về chính Ngài, một bài giảng sống động. Phần lớn, dân chúng ngạc nhiên trước các phép lạ, cảm kích sự cứu giúp Ngài dành cho họ, nhưng lại không hề nhận lãnh sứ điệp thuộc linh từ Ngài (Giăng 12:37). Họ muốn nhận quà tặng chứ không muốn nhận Đấng Ban Tặng, muốn được hưởng những phước hạnh thuộc thể chứ không muốn được sự giàu có về những phước hạnh thuộc linh.

(2) *Quả bão lạng yên* (Mác 6:45-56). Trong sự kiện này có một số phép lạ: Chúa Giê-xu đi bộ trên mặt nước, Phi-e-rơ đi bộ trên mặt nước (Mác không ký thuật điều này; xin xem *Ma-thi-ơ* 14:28-32), Chúa Giê-xu quả bão phải yên lặng, và chiếc thuyền đậu vào bờ ngay lúc Chúa Giê-xu bước lên thuyền (Giăng 6:21). Đó chắc hẳn là một “đêm đầy những điều lạ lùng” đối với *Mười Hai Sứ đồ!*

Tại sao Chúa Giê-xu buộc các môn đệ Ngài phải rời khỏi nơi đó? Bởi lẽ đám đông đang ngày càng xôn xao, và có nguy cơ tạo nên một cuộc nổi loạn trong dân chúng để tôn Chúa Giê-xu làm vua (Giăng 6:14-15). Mười hai sứ đồ chưa sẵn sàng để đương đầu loại thử nghiệm này, bởi vì những ý nghĩ của họ về Nước Trời vẫn còn tinh thần quốc gia và mang tính chính trị.

Có một nguyên do thứ hai: Ngài muốn dạy họ một bài học về đức tin để chuẩn bị họ cho công tác đang đợi chờ họ phía trước sau khi Ngài đã ra đi. Các môn đệ vừa hoàn tất một sứ mệnh rất thành công, chữa lành kẻ đau và rao giảng Phúc Âm. Họ đã dự phần trong phép lạ nuôi 5.000 người ăn. Họ đang ở trên một “đỉnh cao thuộc linh” và điều này tự nó thật nguy hiểm. Thật thú vị khi đứng trên chóp núi nếu bạn không trở nên bất cẩn và bước ra khỏi vách đá dưới chân mình!

Những phước hạnh thuộc linh phải cân xứng với những gánh nặng và những chiến đấu; nếu không, chúng ta có thể trở nên

những đứa con được nuông chiều thay vì những con trưởng thành. Vào một dịp trước đó, Chúa Giê-xu đã đưa các môn đệ vào một cơn bão sau một ngày giảng dạy đầy phấn khởi (Mác 4:35-41). Giờ đây, sau một thời gian thi hành chức vụ cách diệu kỳ, một lần nữa Ngài lại đưa họ vào một cơn bão. Trong sách *Công Vụ Các Sứ Đồ*, điều lý thú đáng lưu ý là “cơn bão” bách hại chính thức đã khởi sự sau khi các môn đệ đã chinh phục được 5.000 người cho Đấng Christ (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 4:1-4). Có lẽ trong khi đang bị giam cầm, các sứ đồ đã nhớ lại cơn bão tiếp nối sau việc nuôi 5.000 người ăn, và chắc hẳn họ đã khích lệ nhau với sự xác quyết rằng Chúa Giê-xu sẽ đến với họ và giải cứu họ.

Mỗi kinh nghiệm mới mẻ của việc thử nghiệm đòi hỏi nơi chúng ta đức tin và lòng dạn dĩ càng hơn. Trong kinh nghiệm bị bão đầu tiên đó, các môn đệ có Chúa Giê-xu trên thuyền với họ; nhưng lần này, Ngài đang ở trên núi cầu nguyện cho họ. Ngài đang dạy họ sống bởi đức tin. (Về vấn đề đó, ngay cả khi Ngài ở trên thuyền với họ, họ vẫn cứ sợ hãi!) Cảnh tượng này minh họa tình cảnh của con dân Chúa ngày nay: Chúng ta đang ở giữa thế giới đầy bão tố này, vật lộn với cuộc sống và có vẻ như sắp chìm, nhưng Ngài ở nơi vinh hiển đang cầu thay cho chúng ta. Khi giờ phút dường như đen tối nhất, Ngài sẽ đến với chúng ta – và chúng ta sẽ cập bến an toàn!

Những lượn sóng làm kinh hãi các môn đệ (kể cả các ngư phủ trong nhóm) chỉ là những bậc thang đem Chúa Giê-xu Christ đến cùng họ. Ngài chờ đợi cho đến khi tình cảnh họ thật tuyệt vọng đến nỗi họ chẳng thể làm gì để tự cứu lấy mình. Nhưng tại sao Ngài lại hành động như thế Ngài bỏ mặc họ? Bởi vì Ngài muốn họ nhận ra Ngài, tin cậy Ngài, và mời Ngài vào thuyền. Họ đã không nhận ra Ngài, nhưng thay vào đó đã sợ hãi la to lên vì họ cho rằng Ngài là một con ma!

Chúa Giê-xu đoán chắc với họ một lần nữa với lời phán của Ngài: “Hãy yên lòng; ta đây, đừng sợ chi” (Mác 6:50). Vào lúc này, Phi-e-rô xin Chúa Giê-xu cho ông đi bộ trên mặt nước; nhưng Mác bỏ qua chi tiết này. Theo truyền thuyết thì Mác viết

sách này như là người phát ngôn của Phi-e-rơ, vì thế có lẽ Phi-e-rơ dè dặt không kể lại kinh nghiệm này e rằng nó sẽ tạo cho mọi người ấn tượng không đúng. Thật dễ dàng phê phán Phi-e-rơ vì đã chìm xuống nước – nhưng bản thân bạn đã bao giờ bước ra khỏi thuyền chưa?

Các môn đệ đã thất bại trong sự thử nghiệm của mình vì họ thiếu sự sáng suốt thuộc linh và tấm lòng tiếp nhận. Phép lạ năm cái bánh và hai con cá đã không tạo được ấn tượng lâu dài trong họ. Xét cho cùng, nếu Chúa Giê-xu đã có thể khiến thức ăn tăng lên gấp bội để nuôi hàng ngàn người ăn, thì chắc chắn Ngài có thể che chở họ trong cơn bão tố. Ngay cả một môn đệ của Chúa Giê-xu Christ cũng có thể trở nên cứng lòng nếu người ấy không chịu đáp ứng lại những bài học thuộc linh mà họ phải học trong cuộc đời và chức vụ của mình.

Khi ôn lại hai phép lạ này, bạn thấy rằng Chúa Giê-xu Christ đem đến *sự chu cấp* và *sự che chở*. “Đức Giê-hô-va là Đấng chặn giữ tôi; tôi sẽ chẳng thiếu thốn gì . . . Tôi sẽ chẳng sợ tai họa nào” (*Thi Thiên 23:1,4*). Nếu chúng ta tin cậy Ngài, chúng ta sẽ luôn được đầy đủ và an ninh, dù cho hoàn cảnh có thể ra sao đi nữa. Điều quan trọng là chúng ta tin cậy nơi Ngài.

Mác kết thúc phân đoạn này với một lời ghi chú tích cực khi ông mô tả dân chúng đem bệnh nhân đến nhờ Chúa Giê-xu chữa lành. Những người này có đức tin và đức tin của họ đã được ban thưởng. Cảnh tượng này trái ngược hẳn với cảnh tượng ở Na-xa-rét nơi mà rất ít người được chữa lành vì cơ dân chúng thiếu đức tin.

“Và sự thắng hơn thế gian, ấy là đức tin của chúng ta” (*I Giăng 5:4*). Hãy tin cậy Người Đầy Tở này, Đấng không bao giờ thay đổi!

Người Đầy Tớ Giảng Dạy

Mác 7:1-8:26

Trong suốt sách Phúc Âm của mình, Mác nhấn mạnh chủ yếu vào những điều Chúa Giê-xu đã làm. Tuy nhiên, trong phân đoạn nghiên cứu này, bạn sẽ thấy Mác ký thuật lại một số *lời giảng dạy* quan trọng của Chúa. Mác cũng mô tả chức vụ của Ngài giữa vòng các dân ngoại, vốn là mối quan tâm đặc biệt đối với những độc giả La Mã. Chúng ta thấy trong phân đoạn này ba chức vụ của Chúa Giê-xu một Đấng vừa là đầy tớ, vừa là thầy.

1. Dạy Người Do Thái

Mác 7: 1-23

¹ Bấy giờ các người Pha-ri-si và mấy thầy thông giáo từ thành Giê-ru-sa-lem đến, nhóm lại cùng Đức Chúa Jê-sus, ² thấy một vài môn đồ Ngài dùng tay chưa tinh sạch mà ăn, nghĩa là không rửa tay. ³ Vả, người Pha-ri-si và người Giu-đa thường giữ lời truyền khẩu của người xưa, nếu không rửa tay cẩn thận thì không ăn; ⁴ khi họ ở chợ về, nếu không rửa cũng không ăn. Họ lại còn theo lời truyền khẩu mà giữ nhiều sự khác nữa, như rửa chén và bình bằng đất hoặc bằng đồng. ⁵ Vậy, các người Pha-ri-si và các thầy thông giáo hỏi Ngài rằng: Sao môn đồ thầy không giữ lời truyền khẩu của người xưa, dùng tay chưa tinh sạch mà ăn như vậy? ⁶ Ngài đáp rằng: Hỡi kẻ giả hình, Ê-sai đã nói tiên tri về việc các người phải lẩm, như có chép rằng:

Dân nầy lấy môi miếng tôn kính ta,
Nhưng lòng chúng nó cách xa ta lắm.

⁷ Sự chúng nó thờ lạy ta là vô ích,

Vì chúng nó dạy theo những điều răn mà chỉ bởi người ta đặt ra. ⁸ Các người bỏ điều răn của Đức Chúa Trời, mà giữ lời truyền khẩu của loài người!

⁹ Ngài cũng phán cùng họ rằng: Các người bỏ hẳn điều răn của Đức Chúa Trời, đặng giữ theo lời truyền khẩu của mình. ¹⁰ Vì Môi-se có nói: Hãy tôn kính cha mẹ người; lại nói: Ai rủa sả cha mẹ, thì phải bị giết. ¹¹ Nhưng các người nói rằng: Nếu ai nói với cha hay mẹ mình rằng: Mọi điều tôi sẽ giúp cha mẹ được, thì đã là co-ban (nghĩa là sự dâng cho Đức Chúa Trời), ¹² vậy người ấy không được phép giúp cha mẹ mình sự gì nữa; ¹³ dường ấy, các người lấy lời truyền khẩu mình lập ra mà bỏ mất lời Đức Chúa Trời. Các người còn làm nhiều việc khác nữa giống như vậy.

¹⁴ Bấy giờ, Ngài lại kêu đoàn dân mà phán rằng: Các người ai nấy hãy nghe ta và hiểu: ¹⁵ Chẳng sự gì từ ngoài người vào trong có thể làm dơ dáy người được; nhưng sự gì từ trong người ra, đó là sự làm dơ dáy người. (Câu 16: Nếu ai có tai mà nghe, hãy nghe! Câu nầy không có trong các bản cũ như.) ¹⁷ Khi Ngài vào trong nhà, cách xa đoàn dân rồi, môn đồ hỏi Ngài về lời thí dụ ấy. ¹⁸ Ngài phán rằng: Vậy chớ các người cũng không có trí khôn sao? Chưa hiểu chẳng có sự gì ở ngoài vào trong người mà làm dơ dáy người được sao? ¹⁹ Vả, sự đó không vào lòng người, nhưng vào bụng, rồi bị bỏ ra nơi kín đáo, như vậy làm cho mọi đồ ăn được sạch. ²⁰ Vậy, Ngài phán: Hễ sự gì từ người ra, đó là sự làm dơ dáy người! ²¹ Vì thật là tự trong, tự lòng người mà ra những ác tưởng, sự dâm dục, trộm cướp, giết người, ²² tà dâm, tham lam, hung ác, gian dối, hoang đàng, con mắt ganh đố, lộng ngôn, kiêu ngạo, điên cuồng. ²³ Hết thấy những điều xấu ấy ra từ trong lòng thì làm cho dơ dáy người.

Vở kịch này có bốn màn, và màn đầu là *tố cáo* (cc. 1-5). Những nhà lãnh đạo tôn giáo Do Thái giờ đây công khai thù địch với Chúa và chức vụ của Ngài. Không có gì là bất thường khi họ theo Ngài từ nơi này đến nơi khác, chỉ trông chờ dịp tiện để phê phán Ngài. Trong trường hợp này, họ cáo buộc các môn đệ vì đã không chịu thực hành nghi thức rửa tay của người Do Thái. Những việc rửa tay này chẳng liên hệ gì đến vệ sinh cá nhân, cũng chẳng được đòi hỏi trong Luật Pháp. Chúng là một phần của truyền thống mà những thầy thông giáo và những người Pha-ri-si đã truyền dạy cho dân chúng để chất thêm gánh nặng cho họ (*Ma-thi-ơ* 23:4).

Chúa đã vi phạm những truyền thống về ngày Sa-bát của họ (Mác 2:23-3:5), vì vậy người Do Thái sốt sắng kết tội Ngài khi họ thấy các môn đệ “dùng tay chưa tinh sạch” mà ăn. Tại sao một vấn đề có vẻ tầm thường như thế lại khiến cho những nhà lãnh đạo tôn giáo này khó chịu? Tại sao họ lại cảm thấy bị thúc ép phải bênh vực cho những việc rửa tay có tính cách nghi thức này? Về một mặt, những nhà lãnh đạo này phần nộ việc đó khi Chúa chúng ta công khai khích bác thẩm quyền của họ. Những nghi thức này đã được truyền lại từ cha ông họ và chứa đựng thẩm quyền tích lũy từ nhiều đời! Những người Do Thái gọi lời truyền khẩu là “hàng rào của Luật Pháp.” Không phải Luật Pháp bảo vệ cho truyền thống, mà là truyền thống bảo vệ cho Luật Pháp!

Nhưng có một điều quan trọng hơn nhiều liên quan đến vấn đề ở đây. Hễ khi nào những người Do Thái thực hành việc rửa tay này, họ tuyên bố mình dân “đặc biệt” và những người khác là “không tinh sạch”! Nếu một người Do Thái đi đến nơi họp chợ để mua thức ăn, người ấy có thể bị “ô uế” bởi một người ngoại hoặc một người Sa-ma-ri. Truyền thống này đã bắt đầu nhiều thế kỷ trước để nhắc những người Do Thái rằng họ là tuyển dân của Đức Chúa Trời và vì vậy phải giữ mình biệt riêng. Tuy nhiên, điều dùng để nhắc nhở tốt đẹp đã dần dà thoái hóa thành một nghi thức rỗng tuếch, và kết quả là sự kiêu ngạo và sự cô lập về tôn giáo mà thôi.

Những việc rửa tay này không chỉ cho thấy một thái độ sai trật đối với con người, mà cũng nói lên một quan niệm sai lầm về bản chất của tội lỗi và sự thánh khiết cá nhân. Chúa Giê-xu vạch rõ trong Bài Giảng Trên Núi rằng sự thánh khiết thật là một vấn đề của tấm lòng và thái độ bên trong chứ không phải chỉ là những hành động và những sự giao tiếp bên ngoài. Những người Pha-ri-si sùng đạo cho rằng mình thánh khiết bởi lẽ họ vâng giữ Luật Pháp và tránh sự không tinh sạch bên ngoài. Chúa Giê-xu dạy rằng một người vâng giữ Luật Pháp bên ngoài có thể vẫn vi phạm Luật Pháp *trong lòng mình*, và “sự ô uế”

bên ngoài có liên hệ rất ít với tình trạng của con người bề trong.

Vì vậy, sự xung đột không chỉ giữa chân lý của Đức Chúa Trời với truyền thống của con người mà còn giữa hai quan điểm khác nhau về tội lỗi và sự thánh khiết nữa. Sự xung đột này không phải là sự kiện bên ngoài nhưng ăn sâu vào tận cội nguồn của đức tin tôn giáo chân thật. Mỗi thế hệ mới đều phải trải qua một cuộc xung đột tương tự, vì bản chất con người có khuynh hướng nắm giữ những truyền thống cũ mòn do con người tạo ra và bỏ qua hoặc không vâng theo Lời Hằng Sống của Đức Chúa Trời. Đúng là một số truyền thống giúp ích trong việc nhắc nhở về di sản giàu có của chúng ta, hoặc chúng giống như chất keo nối kết các thế hệ với nhau, nhưng chúng ta phải thường xuyên cảnh giác, kẻo truyền thống lại thay thế cho chân lý. Thật ích lợi cho chúng ta khi xem xét những truyền thống của Hội Thánh mình trong ánh sáng của Lời Đức Chúa Trời và có đủ can đảm để thực hiện những sự đổi thay. (Xin lưu ý là từ ngữ *lời truyền dạy* trong *II Tê-sa-lô-ni-ca* 2:15 ám chỉ toàn thể lẽ đạo được các sứ đồ “truyền lại” cho các nhà lãnh đạo trong Hội Thánh. Cũng xem *II Ti-mô-thê* 2:2)

Màn kế tiếp có thể được coi là *lên án* (*Mác* 7:6-13) khi Chúa Giê-xu bênh vực các môn đệ Ngài và phơi bày sự giả hình của những kẻ tố cáo họ. Điều đầu tiên Ngài làm là trích dẫn sách tiên tri Ê-sai (*Ê-sai* 29:13), và rồi Ngài đưa vào Luật Pháp của Môi-se (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 20:12; 21:17; *Lê-vi Ký* 20:9). Làm thế nào những người Pha-ri-si lại có thể tranh cãi với Luật Pháp và các sách tiên tri được?

Bênh vực cho truyền thống của mình, những người Pha-ri-si đã làm cho bản tính của chính mình và cả bản tính của Lời Đức Chúa Trời bị tổn hại đi. Họ là những kẻ giả hình, “những người đóng kịch,” và sự thờ phượng của họ chỉ là vô ích. Sự thờ phượng thật phải xuất phát từ tấm lòng, nó phải hướng đến chân lý của Đức Chúa Trời, chứ không phải những quan niệm cá nhân của con người. Thật đáng buồn khi những người sùng kính thực hành tôn giáo của mình cách ngu dốt và càng ngày càng trở nên

ngoan cố!

Nhưng họ không chỉ đang hủy hoại bản tính của mình mà thôi; họ cũng đang hủy hoại ảnh hưởng và thẩm quyền của chính Lời Đức Chúa Trời mà họ tự nhận là đang bên vực. Hãy lưu ý một loạt những sự kiện thảm hại đã diễn ra: họ dạy dỗ các triết thuyết của mình như là Lời Đức Chúa Trời (*Mác* 7:7); bỏ qua điều răn của Đức Chúa Trời (c. 8); chối bỏ Lời Đức Chúa Trời (c. 9); cuối cùng, tước đi thẩm quyền của Lời Đức Chúa Trời (c. 13). Những kẻ tôn kính truyền thống do con người đặt ra hơn Lời Đức Chúa Trời cuối cùng đánh mất uy quyền của Lời Đức Chúa Trời trong đời sống mình. Cho dù họ có thể tỏ ra thành kính đến đâu đi nữa, nhưng lòng họ vẫn xa cách Đức Chúa Trời.

Lịch sử cho thấy những nhà lãnh đạo tôn giáo Do Thái đã đi đến chỗ tôn kính những truyền thống của họ hơn Lời của Đức Chúa Trời. *Ra-bi Eleazer* đã nói, “Người nào giải nghĩa Thánh Kinh đối lập với truyền thống thì không có phần gì trong cõi tương lai.” Tài liệu *Mishna*, một bộ sưu tập những truyền thống của người Do Thái, ghi lại rằng, “Dạy dỗ bất kỳ điều gì trái ngược với tiếng nói của những ra-bi là một sự xúc phạm lớn lao hơn cả việc phủ nhận chính lời của Thánh Kinh.” Nhưng trước khi phê phán những người bạn Do Thái của mình, có lẽ chúng ta nên xem xét “các bậc cha ông trong Hội Thánh” đang có những ảnh hưởng gì trên các Hội Thánh Cơ Đốc của chính chúng ta. Chúng ta có thể cũng phạm tội thay thế chân lý của Đức Chúa Trời với những truyền thống của con người.

Một khi Ngài đã vạch trần sự giả hình của họ, Chúa Giê-xu trở lại với Luật Pháp của Môi-se và quở trách họ đã vi phạm điều răn thứ năm. Họ có một cách thức tài tình để vi phạm Luật Pháp mà vẫn không cảm thấy tội lỗi gì. Thay vì dùng của cải mình có để nuôi nấng cha mẹ, những người Pha-ri-si đã dâng của cải ấy cho Đức Chúa Trời (“Co-ban”= “một của lễ, một quà tặng”; xin xem *Dân Số Ký* 30:1-17) rồi cho là của cải ấy giờ đây chỉ có thể được dùng cho “những mục đích thuộc linh” mà thôi.

Tuy nhiên, họ tiếp tục hưởng của cái ấy, ngay cho dù về nguyên tắc nó đã thuộc về Đức Chúa Trời rồi. Những người này tự cho là mình yêu kính Đức Chúa Trời, trong khi chẳng dành phần nào cho cha mẹ cả!

Màn thứ ba là *tuyên bố* (Mác 7:14-16). Chúa Giê-xu tuyên bố với cả đoàn dân đông rằng nguồn mạch của nếp sống thánh khiết là từ bên trong, chứ không phải từ bên ngoài. Thực ra, Ngài đang công bố rằng toàn bộ hệ thống Môi-se về thức ăn tinh sạch và không tinh sạch không còn giá trị; nhưng vào lúc đó, Ngài đã không giải thích chân lý căn bản này cho đám đông. Về sau, Ngài đã giải nghĩa điều này cách riêng tư cho các môn đệ mình.

Kẻ thù của Ngài chắc đã hiểu rõ lời công bố này. Họ nhận ra rằng Ngài đang phá đổ một trong những “bức tường” ngăn cách người Do Thái với các dân ngoại. Dĩ nhiên, Luật Pháp tự nó không bị gạt qua một bên cho đến khi Chúa Giê-xu chết trên thập tự giá (*Ê-phê-sô* 2:14-15; *Cô-lô-se* 2:14), nhưng các nguyên tắc Chúa Giê-xu tuyên bố hoàn toàn đúng trái các thời đại. Trong mọi giai đoạn của lịch sử, sự thánh khiết chân thật luôn là một vấn đề của tấm lòng, một mối tương quan đúng đắn với Đức Chúa Trời bởi đức tin. Sự tinh sạch về nghi thức là một vấn đề của sự tuân giữ bên ngoài đối với một luật lệ như là bằng chứng của đức tin ấy (*Thi Thiên* 51:6,10,16-17). Môi-se vạch rõ trong *Phục Truyền Luật Lệ Ký* rằng Đức Chúa Trời mong muốn lòng yêu mến và sự vâng lời ra từ tấm lòng, chứ không phải chỉ là sự vâng giữ bên ngoài đối với các phép tắc mà thôi (xin lưu ý *Phục Truyền Luật Lệ Ký* 6:4-5; 10:12; 30: 6, 20).

Lời giải thích của Chúa (*Mác* 7:17-23) được Ngài dạy cách riêng tư cho các môn đệ khi họ hỏi Ngài về các ẩn dụ. Lời giải thích của Ngài dường như rõ ràng đối với chúng ta, nhưng chúng ta phải nhớ rằng mười hai môn đệ này đã từng được nuôi dưỡng dưới điều luật về sự kiêng ăn thật nghiêm khắc của Do Thái giáo, theo đó tất cả các thức ăn đều được phân loại là “tinh sạch” hoặc “không tinh sạch” (*Lê-vi Ký* 11:1-47). Trên thực tế,

Công Vụ Các Sứ Đồ 10:14 cho thấy là Phi-e-rơ đã giữ luật này suốt nhiều năm, thậm chí sau khi ông đã được nghe chân lý này. Không dễ mà thay đổi những truyền thống tôn giáo đã được dạy dỗ và thực hành trong nhiều thế kỷ.

Tấm lòng con người đầy tội lỗi và sản sinh mọi loại ham muốn, ý tưởng, và việc làm xấu xa, từ giết người đến ghen tỵ (“con mắt xấu xa”). Chúa Giê-xu không có những hình ảnh minh họa về bản tính của con người như một số nhà thần học tự do và các giáo sư nhân văn học ngày nay. Ngài mô tả chính xác rằng con người là một tội nhân, không có khả năng làm chủ hoặc biến đổi bản chất của mình; và đó là lý do vì sao Chúa Giê-xu đã đến trên đất này – để chết thay cho tội nhân hư mất.

Các luật lệ về sự kiêng ăn của người Do Thái được Đức Chúa Trời ban bố để dạy tuyền dân của Ngài phân biệt điều gì là tinh sạch và điều gì là ô uế. (Chắc chắn cũng có một số nguyên do thực tế liên quan đến, chẳng hạn như sự cải thiện điều kiện vệ sinh và sức khỏe.) Không tuân giữ các luật lệ này là đã bị ô uế về nghi thức, và đó là một vấn đề bên ngoài. Thức ăn *kết thúc* trong bao tử, nhưng tội lỗi thì *bắt đầu* trong tấm lòng. Thức ăn chúng ta ăn vào được tiêu hóa và cặn bã được thải ra, nhưng tội lỗi thì tồn tại và nó sinh ra sự ô uế và sự chết.

Bài học về “chân lý chống lại truyền thống” này càng làm những nhà lãnh đạo tôn giáo Do Thái tức giận hơn và khiến họ muốn làm cho Ngài phải nín lặng đi. Sự chống đối càng gia tăng là lý do vì sao Ngài rời khỏi những nơi đông đúc và đưa các môn đệ mình vào lãnh thổ của dân ngoại.

Tuy nhiên, trước khi chấm dứt phân đoạn này, có lẽ chúng ta nên đối chiếu những truyền thống của con người với chân lý của Đức Chúa Trời.

Truyền thống của con người
 Hình thức bên ngoài-nô lệ
 Luật lệ vô nghĩa
 Sự sùng kính bên ngoài

Sự thờ ơ Lời Đức Chúa Trời
Chân lý của Đức Chúa Trời
Đức tin bên trong – Tự do
Những nguyên tắc cơ bản
Sự thánh khiết chân thật bên trong
Tôn cao Lời Đức Chúa Trời

2. Giúp Đỡ Dân Ngoại

Mác 7: 24-37, 8:1-9

²⁴ Đoạn, Ngài từ đó đi đến bờ cõi thành Ty-rơ và thành Si-đôn. Ngài vào một cái nhà, không muốn cho ai biết mình, song không thể ẩn được. ²⁵ Vì có một người đàn bà, con gái người bị tà ma ám, đã nghe nói về Ngài, tức thì vào gieo mình dưới chân Ngài. ²⁶ Đàn bà ấy là người Gờ-réc, dân Sy-rô-phê-ni-xi. Người xin Ngài đuổi quỷ ra khỏi con gái mình. ²⁷ Đức Chúa Jê-sus phán cùng người rằng: Hãy để con cái ăn no nê trước đã; vì không lẽ lấy bánh của con cái quăng cho chó. ²⁸ Song người đáp lại rằng: Lạy Chúa, hãn vậy rồi; nhưng mà chó dưới bàn ăn mấy miếng bánh vụn của con cái. ²⁹ Ngài bèn phán: Hãy đi, vì lời ấy, quỷ đã ra khỏi con gái người rồi. ³⁰ Khi người trở về nhà, thấy đứa trẻ nằm trên giường, và quỷ đã bị đuổi khỏi.

³¹ Đức Chúa Jê-sus lia bờ cõi thành Ty-rơ, qua thành Si-đôn và trải địa phận Ê-ca-bô-lơ, đến biển Ga-li-lê. ³² Người ta đem một người điếc và ngọng đến cùng Ngài, xin Ngài đặt tay trên người. ³³ Ngài đem riêng người ra, cách xa đám đông, rồi để ngón tay vào lỗ tai người, và thấm nước miếng xúc lưỡi người. ³⁴ Đoạn, Ngài ngửa mặt lên trời, thở ra mà phán cùng người rằng: Êp-pha-ta! Nghĩa là: Hãy mở ra! ³⁵ Tức thì tai được mở ra, lưỡi được thông thả, người nói rõ ràng. ³⁶ Đức Chúa Jê-sus cấm chúng chớ nói điều đó cùng ai; song Ngài càng cấm, người ta lại càng nói đến nữa. ³⁷ Chúng lại lấy làm lạ quá đỗi, mà rằng: Ngài làm mọi việc được tốt lành: Khiến kẻ điếc nghe, kẻ câm nói vậy!

8

¹ Những ngày đó, lại có một đoàn dân đông theo Đức Chúa Jê-sus. Vì chúng không có chi ăn, nên Ngài kêu các môn đồ mà phán rằng: ² Ta thương xót đoàn dân này: Vì đã ba ngày nay, không rời bỏ ta, và chẳng có gì ăn. ³ Nếu ta truyền cho nhin đói trở về nơi họ ở, dọc đường chắc sẽ kém sức, vì có mấy người đã đến từ nơi xa. ⁴ Môn đồ thưa rằng: Có thể kiếm bánh đâu được trong đồng vắng này cho chúng ăn no ư? ⁵ Ngài hỏi: Các người có bao nhiêu bánh? Thưa: Có bảy cái. ⁶ Ngài bèn biểu đoàn dân ngồi xuống đất; đoạn lấy bảy cái bánh, tạ ơn, rồi bẻ ra trao cho môn đồ để phân phát, thì môn đồ phân phát cho đoàn dân. ⁷ Môn đồ cũng có mấy con cá nhỏ; Đức Chúa Jê-sus tạ ơn rồi, cũng khiến đem phân

phát như vậy. ⁸ Ai nấy ăn no nê; rồi người ta thâu được bảy giỏ những miếng thừa. ⁹ Vả, những người ăn đó ước chừng bốn ngàn người. Đức Chúa Jêsus cho chúng về.

Mác ký thuật ba phép lạ Chúa Giê-xu đã thực hiện khi Ngài giảng dạy cho các dân ngoại trong vùng Ty-rơ và Si-đôn. Đây là trường hợp Chúa chúng ta thực sự rời khỏi xứ Palestine duy nhất được ghi lại. Ngài đang thực hành điều Ngài vừa mới dạy dỗ các môn đệ: không có sự phân biệt giữa người Do Thái và các dân ngoại, vì tất cả đều là tội nhân và cần đến Đấng Christ.

(1) *Đuổi quỷ* (Mác 7:24-30). Trong số ba mươi lăm phép lạ được ký thuật trong các sách Phúc Âm, bốn phép lạ liên quan trực tiếp đến phụ nữ: việc chữa lành cho bà gia Phi-e-rơ (Mác 1:30-31); việc kêu con trai người đàn bà góa sống lại (Lu-ca 7:11-17); việc kêu La-xa-rơ sống lại (Giăng 11:1-46); việc kêu con gái Giai-ru sống lại, chữa lành người đàn bà băng huyết (Ma-thi-ơ 9:18-26) và việc đuổi quỷ như được ký thuật ở đây.

Chúa Giê-xu đã đến miền này (cách Ca-bê-na-um khoảng bốn mươi dặm) để có thể có chút ít thì giờ riêng tư, nhưng một bà mẹ đầy lo âu đã phát hiện ra Ngài đang ở đó và đến xin Ngài cứu giúp. Có nhiều trở lực trên đường đi, thế nhưng bà đã thắng tất cả những trở lực ấy bởi đức tin và nhận được điều bà cần.

Trước hết gốc gác của bà là một trở ngại lớn: bà là một người thuộc dân ngoại còn Chúa Giê-xu lại là một người Do Thái. Bên cạnh đó, bà lại là một phụ nữ mà xã hội thời đó rất coi thường. Sa-tan đang chống lại bà vì một trong các quỷ dữ của nó đã cầm quyền trong đời sống của con gái bà. Các môn đệ chống lại bà; họ muốn Chúa Giê-xu đuổi bà đi và để cho Ngài (và cả họ) được nghỉ ngơi. Trong một lúc, ngay đến Chúa Giê-xu dường như cũng chống lại bà! Đó chẳng phải là một tình cảnh dễ dàng, thế nhưng bà đã chiến thắng vì cơ đức tin lớn của mình.

Samuel Rutherford, một mục sư rất đầy ơn người Tô Cách Lan đã chịu nhiều đau đớn vì cơ Đấng Christ, có lần đã viết cho

một người bạn: “Việc làm của đức tin là truy tìm cho được sự nhân từ của Đức Chúa Trời từ tất cả những đòn mạnh mẽ nhất của Ngài.” Đó đúng là những gì người mẹ ngoại bang này đã làm, và chúng ta ngày nay có thể học được nhiều điều nơi bà.

Khi bà thoát tiên cầu xin Ngài cứu giúp, Chúa Giê-xu thậm chí đã không đáp lời bà! Được khích lệ bởi sự yên lặng của Ngài, các môn đệ nài xin Ngài hãy đuổi bà ta đi. Khi Chúa Giê-xu truyền phán, thì không phải với người đàn bà đó, mà là với các môn đệ; và lời phán của Ngài dường như loại trừ bà hoàn toàn: “Ta chịu sai đến đây, chỉ vì các con chiên lạc mất của nhà Y-sơ-ra-ên đó thôi” (*Ma-thi-ơ* 15:24). Tuy nhiên, không một chướng ngại nào trong những điều này ngăn cản bà thôi tiếp tục khẩn khoản van nài.

Lần đầu tiên kêu xin cứu giúp, người mẹ này gọi Chúa Giê-xu là “Con cháu vua Đa-vít,” một danh xưng của người Do Thái; nhưng lần kế tiếp kêu xin cứu giúp, bà chỉ thưa, “Lạy Chúa, xin Chúa giúp tôi cùng” (*Ma-thi-ơ* 15:22, 25). Chính lúc ấy Chúa Giê-xu mới phán về việc phải nuôi con cái (tức dân Y-sơ-ra-ên) trước hết chớ không quăng bánh của chúng cho “những con chó con” ăn. Chúa Giê-xu không gọi dân ngoại là “những con chó ăn đồ bẩn thỉu” như nhiều người Do Thái kiêu căng đã gọi; Ngài đang ban cho bà hy vọng, và bà nắm chặt lấy hy vọng ấy.

Câu trả lời của bà cho thấy rằng đức tin đã chiến thắng. Bà không phủ nhận địa vị đặc biệt của “con cái” (những người Do Thái) trong chương trình của Đức Chúa Trời, bà cũng không muốn chiếm lấy địa vị đó. Bà chỉ muốn một vài mẫu ơn phước từ bàn rơi xuống là thỏa lòng rồi; vì, xét cho cùng, “Sự cứu rỗi bởi người Do Thái mà đến” (*Giăng* 4:22). Chắc hẳn câu trả lời của bà đã làm Chúa vui lòng khi bà đã nhận lấy *chính những lời phán của Ngài* và dùng làm nền tảng cho sự nài xin của mình! Bà chấp nhận địa vị mình, bà tin Lời của Ngài, và kiên trì trong sự nài xin mình. Chúa Giê-xu không chỉ thỏa mãn nhu cầu của bà, nhưng còn khen ngợi đức tin của bà nữa.

một cơ hội khác cho dân chúng trong thành Bết-sai-đa sao? Có lẽ họ sẽ tin nếu họ được nghe thế nào Chúa Giê-xu đã phục hồi thị giác của anh ta. Không, thành Bết-sai-đa đã được ban cho đủ chứng cứ, nhưng vẫn cứ từ chối không chịu tin. Thật là một điều nguy hiểm cho bất cứ ai khước từ sứ điệp của Đức Chúa Trời và làm cho lòng mình cứng cõi trong sự vô tín.

Các môn đệ học được một số bài học quý giá trong chuyến đi này, những bài học mà họ sẽ cần ghi nhớ và áp dụng trong những năm chức vụ sau đó. Chúng ta ngày nay cần học những bài học tương tự này: (1) đừng tìm kiếm dấu lạ, nhưng hãy sống bởi đức tin nơi Lời Ngài; (2) hãy tin cậy Chúa Giê-xu sẽ đáp ứng nhu cầu; (3) tránh xa men của giáo lý giả dối; (4) hãy để Chúa Giê-xu hành động như Ngài muốn, và phải biết rằng Ngài có những các hành động khác nhau.

Mác đã ký thuật các sự kiện diễn ra trong những ngày bận rộn trong chức vụ của người Đầy Tớ Đức Chúa Trời! Kế tiếp ông sẽ đưa chúng ta vào nơi “hậu trường” khi Người Đầy Tớ dạy dỗ các môn đệ Ngài và chuẩn bị họ cho sự chết của Ngài trên thập tự giá.

Những Bí Mật Của Người Đầy Tớ

Mác 8:27-9:50

Bí mật “một điều gì đó mà mỗi lần bạn chỉ nói với một người thôi.” Thỉnh thoảng, Chúa Giê-xu san sẻ “những bí mật” đặc biệt với các môn đệ Ngài, và ba người trong số họ được nêu lên ở đây. Tín hữu ngày nay cần hiểu và áp dụng những bí quyết thuộc linh này nếu đời sống của riêng họ muốn trở nên như điều Đức Chúa Trời mong muốn.

Khổ Nạn Dẫn Đến Vinh Hiển

Mác 8: 27-38 và 9:1-13

²⁷ Đức Chúa Jêsus đi khỏi đó với môn đồ mình, đến trong các làng gần thành Sê-sa-rê Phi-líp. Đọc đường, Ngài hỏi môn đồ rằng: Người ta nói ta là ai? ²⁸ Thưa rằng: Kẻ thì nói là Giăng Báp-tít; người thì nói là Ê-li; kẻ khác thì nói là một trong các đấng tiên tri. ²⁹ Ngài hỏi: Nhưng các ngươi thì nói ta là ai? Phi-e-rơ thưa rằng: Thấy là Đấng Christ. ³⁰ Đức Chúa Jêsus bèn cấm ngặt môn đồ chớ nói sự mình cùng ai hết.

³¹ Bấy giờ, Ngài khởi sự dạy môn đồ rằng Con Người phải chịu khổ nhiều, phải bị các trưởng lão, các thầy tế lễ cả, và các thầy thông giáo loại ra, phải chịu giết, sau ba ngày phải sống lại. ³² Ngài nói tỏ tường điều đó với môn đồ. Phi-e-rơ đem Ngài riêng ra, mà can gián Ngài. ³³ Nhưng Đức Chúa Jêsus xây lại ngó môn đồ, và quở Phi-e-rơ rằng: Hỡi quý Sa-tan, hãy lui ra đằng sau ta; vì người

một sự tương đương rõ rệt. Giê-rê-mi kêu gọi dân chúng ăn năn thật từ tấm lòng, và Chúa Giê-xu cũng làm điều đó. Cả hai đều bị hiểu lầm và bị chính đồng bào mình khước từ, cả hai đều lên án những nhà lãnh đạo tôn giáo giả dối và sự thờ lạy giả hình trong đền thờ, và cả hai đều bị bắt bớ bởi những kẻ cầm quyền.

Trong những lời Ngài phán và những việc Ngài làm, Chúa Giê-xu luôn chứng tỏ cho mọi người rằng Ngài là Con Đức Chúa Trời, là Đấng Mết-si-a, thế nhưng họ lại không nhận lấy sứ điệp đó. Thay vì sốt sắng tìm kiếm chân lý, người ta lại lắng nghe và làm theo ý kiến của dân chúng, y như nhiều người làm ngày nay. Họ nêu ý kiến thay vì nhận thức tội lỗi của mình, và đây là điều dẫn họ đi sai lạc. Elbert Hubbard đã định nghĩa ý kiến quần chúng là “ý kiến của số đông người bất tài bất năng, chống lại ý kiến của số ít người sáng suốt.” Hãy cảm tạ Đức Chúa Trời vì số ít người sáng suốt này!

Sự xưng nhận của Phi-e-rô thật dạn dĩ và không thỏa hiệp, và sự xưng nhận của chúng ta cũng cần phải giống như vậy: “Ngài là Đấng Christ, Con Đức Chúa Trời hằng sống!” (*Ma-thi-ơ* 16:16). Từ ngữ *Đấng Christ* có nghĩa là “Đấng chịu xúc dầu, Đấng Mết-si-a đã hứa.” Các đấng tiên tri, các thầy tế lễ, và các vị vua thấy đều được xúc dầu khi được phong chức, và Chúa chúng ta giữ cả ba chức vụ trên.

Tại sao Chúa Giê-xu lại cảnh cáo họ không được nói gì về Ngài? Một mặt, bản thân các môn đệ vẫn còn nhiều điều để học biết về Ngài và phải hiểu rõ theo Ngài thực sự có nghĩa gì. Mặt khác những nhà lãnh đạo tôn giáo Do Thái đã có định ý sẵn về Ngài, và việc công bố Ngài là Đấng Mết-si-a vào lúc này sẽ chỉ làm đảo lộn các kế hoạch của Đức Chúa Trời mà thôi. Những người bình dân muốn nhìn thấy các phép lạ của Ngài, nhưng họ ít có lòng ao ước phục tùng theo sứ điệp Ngài rao giảng. Việc công bố Ngài là Đấng Mết-si-a có thể dẫn đến một cuộc nổi dậy về chính trị sẽ chỉ gây tổn hại mà thôi.

(B) *Sự bối rối* (*Mác* 8:31-38). Giờ thì các môn đệ đã xưng nhận đức tin nơi Đấng Christ (xin xem *Giăng* 6:66-71), họ đã

sẵn sàng đón nhận “bí mật” Chúa Giê-xu muốn chia sẻ với họ: Ngài sẽ cùng đi với họ đến Giê-ru-sa-lem và tại đó Ngài sẽ chịu chết trên cây thập tự. Từ thời điểm này trở đi, Mác sẽ tập trung vào cuộc hành trình của họ đến Giê-ru-sa-lem và sẽ nhấn mạnh đến sự chết và sự phục sinh sắp tới của Chúa Giê-xu (Mác 9:30-32; 10:32-34).

Sự công bố này khiến các môn đệ sửng sờ. Nếu Ngài thực sự là Đấng Christ từ Đức Chúa Trời, như họ đã xưng nhận, thì tại sao Ngài sẽ bị những nhà lãnh đạo tôn giáo khước từ? Tại sao những nhà lãnh đạo này lại sẽ đóng đinh Ngài? Chẳng phải là Thánh Kinh Cựu Ước đã hứa rằng Đấng Mết-si-a sẽ đánh bại mọi kẻ thù nghịch của họ và thiết lập một nước vinh hiển cho dân Y-sơ-ra-ên sao? Có một điều gì đó sai trật và các môn đệ cảm thấy hoang mang.

Đúng với bản tính mình, chính Phi-e-rơ là người bộc lộ sự lo lắng của họ. Giây phút trước đó Phi-e-rơ đã được Đức Chúa Trời dẫn dắt để xưng nhận đức tin của mình nơi Chúa Giê-xu Christ (Ma-thi-ơ 16:17), nhưng liền sau đó ông lại suy nghĩ như một kẻ vô tín và đang bộc lộ những ý tưởng của Sa-tan! Đây là một lời cảnh tỉnh đối với chúng ta, khi chúng ta tranh cãi với Lời Đức Chúa Trời là chúng ta mở lối cho những sự lừa dối của Sa-tan.

Sự phản kháng của Phi-e-rơ xuất phát từ việc ông không hiểu biết ý muốn Đức Chúa Trời và từ lòng yêu Chúa sâu xa của ông. Giây phút trước Phi-e-rơ là một “tảng đá,” nhưng giây phút kế tiếp ông lại là một hòn đá vấp chân! Tiến sĩ G. Campbell Morgan đã nói, “Người nào yêu Chúa Giê-xu, nhưng lại tránh né phương pháp của Đức Chúa Trời, thì là một hòn đá vấp chân đối với Ngài.” Phi-e-rơ chưa hiểu được mối quan hệ giữa việc chịu khổ và sự vinh hiển. Cuối cùng ông cũng học được bài học này và đã nhấn mạnh trong thư tín thứ nhất của ông (xem *I Phi-e-rơ* 1:6-8; 4:13-5:10).

Tuy nhiên, hãy lưu ý rằng khi Chúa Giê-xu quở trách Phi-e-rơ, Ngài cũng “ngó các môn đệ Ngài,” vì họ đều đồng ý với

quan điểm của Phi-e-rơ! Thấm nhuần lối giải thích theo truyền thống Do Thái, họ không thể nào hiểu được thế nào Đấng Mết-si-a của họ lại có thể bị khổ và chết. Thật ra, một số Đấng tiên tri có viết về những sự chịu khổ của Đấng Mết-si-a, nhưng về sự vinh hiển của Đấng Mết-si-a thì họ viết nhiều hơn. Một số ra-bi thậm chí đã dạy rằng sẽ có hai Đấng Mết-si-a, một Đấng sẽ chịu khổ và một Đấng sẽ trị vì (xin xem I Phi-e-rơ 1:10-12). Không có gì ngạc nhiên khi các môn đệ bối rối như thế.

Nhưng vấn đề không chỉ có tính cách thần học mà còn là vấn đề thực tế, Chúa Giê-xu đã kêu gọi những người này theo Ngài, và họ biết rằng hễ điều gì xảy ra cho Ngài cũng sẽ xảy ra cho họ. Nếu có một thập tự giá dành cho *tương lai của Ngài*, thì cũng sẽ có một thập tự giá dành cho *tương lai của họ* nữa. Đó cũng đủ lý do để họ bất đồng với Ngài! Cho dù rất yêu kính Ngài, các môn đệ vẫn không biết gì về mối quan hệ thật giữa thập tự giá và mả triều thiên. Họ đang theo triết lý của Sa-tan (vinh hiển mà không phải chịu khổ) thay vì triết lý của Đức Chúa Trời (sự chịu khổ sẽ biến thành vinh hiển). Việc bạn chấp nhận triết lý nào sẽ xác định cách bạn sống và cách bạn phục vụ.

Mác 8:34 cho thấy rằng mặc dầu Chúa Giê-xu và các môn đệ Ngài đã gặp gỡ nơi riêng tư nhưng đoàn dân đông vẫn ở cách đó không xa. Chúa Giê-xu kêu dân chúng đến và truyền dạy họ điều Ngài đã dạy dỗ các môn đệ của mình: *có một giá phải trả để trở thành môn đệ thật*. Ngài biết rằng đoàn dân đông theo Ngài chỉ vì phép lạ, và hầu hết họ không sẵn sàng trả giá để trở nên những môn đệ thật.

Chúa Giê-xu nêu lên ba điều kiện để làm môn đệ thật: (1) chúng ta phải đầu phục Ngài hoàn toàn; (2) chúng ta phải đồng hóa với Ngài trong sự chịu khổ và sự chết; (3) chúng ta phải theo Ngài cách thuận phục, dù cho nơi nào Ngài dẫn chúng ta đi. Nếu chúng ta sống cho chính mình, chúng ta sẽ mất chính mình, nhưng nếu chúng ta mất chính mình vì cơ Ngài và vì cơ Phúc Âm, chúng ta sẽ tìm lại được chính mình.

Việc từ bỏ bản ngã không giống như việc ép xác khổ tu. Chúng ta từ bỏ chính mình, vì một mục đích tốt đẹp, khi chúng ta từ bỏ một số các sở thích của mình. Nhưng chúng ta từ bỏ bản ngã khi chúng ta đầu phục Đấng Christ và quyết tâm vâng theo ý muốn của Ngài. Sự dâng mình một lần đủ cả này giúp ta hàng ngày vác thập tự giá đi theo Ngài và để cái “Tôi” chết dần. Theo quan điểm của con người, chúng ta đang mất chính mình, nhưng theo cái nhìn thiên thượng, chúng ta đang tìm lại được chính mình. Khi chúng ta sống cho Đấng Christ, chúng ta trở nên giống Ngài hơn, và điều này làm nổi bật cá tính độc đáo của chúng ta.

Nhưng hãy lưu ý động cơ của việc trở nên môn đệ thật: “vì cơ Ta và vì cơ Phúc Âm” (c. 35). Đánh mất chính bạn không phải là một việc làm liêm lĩnh tuyệt vọng; đó là một hành động hiến dâng. Nhưng chúng ta không dừng lại ở đó: sự dâng hiến đời sống cá nhân sẽ dẫn đến bốn phận thực tiễn, đó là chia xẻ Phúc Âm cho một thế giới hư mất. Nếu chỉ “Vì cơ Ta” thì có thể dẫn đến chủ nghĩa biệt lập tôn giáo vị kỷ, vì thế nó phải được kèm theo điều kiện “và vì cơ Phúc Âm.” Vì chúng ta sống cho Ngài, chúng ta sống cho những người khác.

Làm môn đệ là một vấn đề được và mất, một vấn đề có liên quan đến việc hoặc chúng ta sẽ *phung phí* cuộc đời mình hay sẽ *đầu tư* đời sống mình. Hãy lưu ý lời cảnh cáo nghiêm trọng Chúa Giê-xu phán với chúng ta ở đây: một khi chúng ta đã tiêu phí cuộc sống mình, chúng ta không thể nào mua lại được! Hãy nhớ, Ngài đang dạy dỗ các *môn đệ* Ngài, những người đã xưng nhận Ngài là Con Đức Chúa Trời. Ngài không đang phán dạy họ làm thế nào để được cứu và lên thiên đàng, nhưng làm thế nào để giữ sự sống mình và tận dụng mọi cơ hội mình có trên đất. “Mất linh hồn mình” tương đương với việc bạn phí phạm đời sống mình, bỏ lỡ những cơ hội lớn lao Đức Chúa Trời ban cho để khiến đời sống bạn có giá trị. Bạn có thể “được cả thiên hạ” và thành công dưới mắt con người, thế nhưng bạn không có gì để có thể khai trình khi ra mắt Đức Chúa Trời cả. Nếu điều

đó xảy ra, thì dầu bạn thực sự có cả thiên hạ, cũng không đủ để trả giá cho Đức Chúa Trời để mua một cơ hội khác trong cuộc sống.

Có phần thưởng nào dành cho một môn đệ thật không? Thưa có: người ấy trở nên giống Đấng Christ hơn và một ngày kia được dự phần trong sự vinh hiển của Ngài. Sa-tan hứa ban vinh hiển cho bạn, nhưng cuối cùng bạn nhận lãnh sự đau đớn. Đức Chúa Trời hứa ban cho bạn sự chịu khổ, nhưng cuối cùng sự chịu khổ lại biến thành vinh hiển. Nếu chúng ta xưng nhận Đấng Christ và sống cho Ngài, một ngày kia Ngài sẽ xưng nhận chúng ta và chia xẻ vinh hiển Ngài với chúng ta.

(C) *Sự chứng thực* (Mác 9:1-8). Cần phải có đức tin để chấp nhận và thực hành bài học về việc trở nên môn đệ này, vì vậy sáu ngày sau, Chúa cho chúng ta thấy một bằng chứng đáng kinh ngạc là Đức Chúa Trời thực sự biến sự đau đớn thành ra vinh hiển. (Thời gian “độ tám ngày sau” của sách Lu-ca gồm cả ngày học bài này và ngày Chúa hóa hình, *Lu-ca* 9:28). Ngài đem Phi-e-rơ, Gia-cơ, và Giăng lên một đỉnh núi (có lẽ là Núi Hết-môn), và tại đó Ngài bày tỏ sự vinh hiển mình. Sự kiện này là một sự chứng thực sống động của những lời Ngài phán như được ký thuật lại trong *Mác* 8:38; cũng như là một sự chứng minh cho sự vinh hiển trong nước tương lai 9:1; *Giăng* 1:14; *II Phi-e-rơ* 1:12-21). Sự điệp thật rõ ràng: trước hết là sự chịu khổ, kế đến là sự vinh hiển.

Môi-se đại diện cho Luật Pháp và Ê-li đại diện các tiên tri, cả hai điều đó đã được ứng nghiệm trong Chúa Giê-xu Christ (*Hê-bơ-rơ* 1:1-2; *Lu-ca* 24:25-27). Môi-se đã qua đời và thân xác người đã được chôn cất, nhưng Ê-li đã được cất lên trời (*II Các Vua* 2:11). Khi Chúa Giê-xu trở lại, Ngài sẽ khiến thân xác của các thánh đã qua đời được sống lại và sẽ cất các thánh vẫn còn sống lên (*I Tê-sa-lô-ni-ca* 4:13-18). Chúa Giê-xu một ngày kia sẽ thiết lập nước vinh hiển của Ngài và làm trọn nhiều lời hứa đã được các đấng tiên tri truyền phán. Sự đau đớn của Đấng Christ và sự chết của Ngài sẽ không *ngăn* Đức Chúa Trời thiết

lập Nước Ngài; đúng hơn, bởi việc giải quyết vấn đề tội lỗi trong thế giới của Đức Chúa Trời, thập tự giá sẽ giúp khiến cho Nước Trời thành hiện thực.

Từ "*biến hóa*" mô tả một sự thay đổi bên ngoài xuất phát từ bên trong. Nó là từ phản nghĩa của từ "giả trang," một sự thay đổi bên ngoài không xuất phát từ bên trong. Chúa Giê-xu cho phép sự vinh hiển của Ngài phát tỏa qua toàn thể con người Ngài, và đỉnh núi trở nên một nơi thánh trong những nơi thánh khiết! Khi bạn suy gẫm sự kiện này, hãy ghi nhớ rằng Ngài đã chia xẻ sự vinh hiển này với chúng ta và hứa ban cho chúng ta một nhà vinh hiển đời đời (*Giăng 17:22-24*). Theo *Rô-ma 12:1-2*; và *II Cô-rinh-tô 3:18*, tin đồ ngày nay có thể kinh nghiệm vinh hiển của sự biến hóa tương tự này.

Ba môn đệ đã ngủ gục trong lúc Chúa Giê-xu đang cầu nguyện (*Lu-ca 9:29,32*), về sau trong vườn Ghết-sê-ma-nê họ lại phạm phải lỗi lầm này một lần nữa. Suýt nữa họ đã không nhìn thấy được Môi-se và Ê-li cùng Chúa Giê-xu trong sự vinh hiển Ngài! Lời đề nghị của Phi-e-rơ một lần nữa phản ánh cách suy nghĩ của con người chứ không phải sự khôn ngoan thiên thượng. Thật tuyệt biết bao khi ở lại trên đỉnh núi và chìm ngập trong sự vinh hiển Ngài! Nhưng việc làm môn đệ của Chúa có nghĩa là từ bỏ chính mình, vác cây thập tự, và theo Ngài; và bạn không thể làm điều đó mà lại ở trên ngọn núi đầy vinh hiển cách vị kỷ được. Có những nhu cầu cần phải đáp ứng trong thung lũng bên dưới. Nếu chúng ta mong muốn san sẻ sự vinh hiển của Đấng Christ trên đỉnh núi, chúng ta phải sẵn sàng theo Ngài vào những nơi đau khổ dưới thung lũng.

Đức Chúa Cha khiến Phi-e-rơ ngưng bật và tập trung sự chú ý của họ, không phải vào sự hiện thấy, mà vào Lời phán của Đức Chúa Trời: "Hãy nghe Người!" Ký ức về các khả tượng sẽ mờ nhạt đi, nhưng Lời bất biến của Ngài còn đến đời đời. Sự hiện thấy đầy vinh hiển tự nó không phải là một cứu cánh; đó là cách thức của Đức Chúa Trời xác chứng Lời Ngài (xin xem *II Phi-e-rơ 1:12-21*). Việc trở nên môn đệ không được xây dựng

trên những khái tượng thu hút sự chú ý của mọi người nhưng trên Lời được linh cảm và bất biến của Đức Chúa Trời. Chúng ta cũng không đặt Môi-se, Ê-li, và Chúa Giê-xu ngang hàng với nhau, như Phi-e-rơ đã gợi ý. Chỉ “một mình Chúa Giê-xu” – Lời phán của Ngài, ý muốn của Ngài, Nước của Ngài, và sự vinh hiển của Ngài mà thôi.

Ba người không được phép thuật lại cho chín môn đệ kia những gì họ đã thấy trên núi. Có lẽ điều này làm gia tăng “sự tranh cãi” trong nhóm để xem ai là người lớn nhất! Chắc chắn lời giải thích của họ sau khi Ngài sống lại đã đem đến sự khích lệ lớn lao cho các tín hữu để cùng kinh nghiệm sự chịu khổ và sự chết vì cơ Ngài.

(D) *Sự sửa đổi* (Mác 9:11-13). Các môn đệ giờ đây đã hiểu kế hoạch của Đức Chúa Trời tận tường hơn nhiều, nhưng họ vẫn còn bối rối về việc Ê-li phải đến để dọn đường cho Đấng Mết-si-a. Họ biết những lời tiên tri trong *Ma-la-chi* 3:1 và 4:5-6, và các giáo sư của họ mong đợi những lời tiên tri này được ứng nghiệm trước khi Đấng Mết-si-a hiện đến (*Giăng* 1:21). Phải chăng Ê-li đã đến rồi và họ đã không gặp được người, hay là người chưa đến? Có lẽ việc hiện ra của Ê-li trên núi là sự ứng nghiệm của lời tiên tri.

Chúa Giê-xu đã làm sáng tỏ hai sự kiện. Trước tiên, đối với những người đã tin nơi Ngài, thì “Ê-li” này là Giăng Báp-tít, vì Giăng đã thực sự dọn đường cho Ngài. Giăng đã từ chối không nhận rằng mình là Ê-li (*Giăng* 1:21, 25), nhưng người đã thực sự rao giảng trong “tâm thần và quyền phép của Ê-li” (*Lu-ca* 1:16-17). Thứ hai, sẽ có một sự hiện đến trong tương lai của Ê-li, y như *Ma-la-chi* đã dự ngôn (*Ma-thi-ơ* 17:11), trước thời gian của cơn bách hại lớn. Một số nhà nghiên cứu Kinh Thánh liên hệ điều này với *Khải Thị* 11:2-12. Dân chúng đã không chấp nhận sự rao giảng của Giăng. Nếu họ tiếp đón Giăng, thì Giăng hẳn đã phục vụ như đấng tiên tri “Ê-li” được Đức Chúa Trời sai đến; và họ cũng đã tiếp đón Chúa Giê-xu. Nhưng họ đã chối bỏ cả hai và để cho cả hai phải chịu giết hại.

2. Quyền Phép Đến Từ Đức Tin

Mác 9: 14-29

¹⁴ Đức Chúa Jêsus với ba người đến cùng các môn đồ khác, thì thấy đoàn dân rất đông vây chung quanh, và mấy thầy thông giáo đương cãi lẽ với các môn đồ ấy. ¹⁵ Cả đoàn dân nầy vừa thấy Ngài, liền lấy làm lạ, thấy đều chạy đến chào Ngài. ¹⁶ Ngài bèn hỏi rằng: Các người cãi lẽ với môn đồ về việc gì? ¹⁷ Một người trong đám đông thưa rằng: Lạy thầy, tôi đã đem con trai tôi tới cho thầy; nó bị quỷ câm ám, ¹⁸ không cứ chỗ nào quỷ ám vào thì làm cho nổi kinh phong, sôi bọt mồm, nghiến răng, rồi nó mòn môi đi; tôi đã xin môn đồ thầy đuổi quỷ ấy, song đuổi không được. ¹⁹ Đức Chúa Jêsus bèn đáp rằng: Hỡi dòng dõi chẳng tin kia, ta sẽ ở cùng các người cho đến chừng nào? Ta sẽ chịu các người cho đến khi nào? Hãy đem con đến cho ta? ²⁰ Chúng bèn đem đứa trẻ cho Ngài. Đứa trẻ vừa thấy Đức Chúa Jêsus, tức thì quỷ vật mạnh nó, nó ngã xuống đất, rồi lăn lóc sôi bọt miếng ra. ²¹ Đức Chúa Jêsus hỏi cha nó rằng: Điều đó xảy đến cho nó đã bao lâu? Người cha thưa rằng: Từ khi nó còn nhỏ. ²² Quỷ đã lấm phen quăng nó trong lửa và dưới nước, để giết nó đi; nhưng nếu thầy làm được việc gì, xin thương xót chúng tôi và giúp cho! ²³ Đức Chúa Jêsus đáp rằng: Sao người nói: Nếu thầy làm được? Kể nào tin thì mọi việc đều được cả. ²⁴ Tức thì cha đứa trẻ la lên rằng: Tôi tin; xin Chúa giúp đỡ trong sự không tin của tôi! ²⁵ Khi Đức Chúa Jêsus thấy dân chúng chạy đến đông, thì Ngài quở trách tà ma và phán cùng nó rằng: Hỡi quỷ câm và điếc, ta biểu mày phải ra khỏi đứa trẻ nầy, đừng ám nó nữa. ²⁶ Quỷ bèn la lớn tiếng lên, vật đứa trẻ mạnh lấm mà ra khỏi; đứa trẻ trở như chết vậy, nên nổi nhiều người nói rằng: Nó chết rồi. ²⁷ Nhưng Đức Chúa Jêsus nắm tay nó, nâng lên thì nó đứng dậy. ²⁸ Khi Đức Chúa Jêsus vào nhà rồi, môn đồ hỏi riêng Ngài rằng: Sao chúng tôi đuổi quỷ ấy không được? ²⁹ Ngài đáp rằng: Nếu không cầu nguyện, (Có mấy bản chép rằng: Nếu không cầu nguyện và kiêng ăn, thì v. v.) thì chẳng ai đuổi thứ quỷ ấy ra được.

Đời sống Cơ Đốc nhân là “một xứ có núi và trũng” (*Phục Truyền Luật Lệ Ký* 11:11). Trong một ngày, các môn đệ có thể trải qua sự vinh hiển của thiên đàng cùng sự tấn công của địa ngục. Khi Chúa chúng ta và ba bạn của Ngài trở lại chỗ của chín môn đệ kia, họ thấy các môn đệ này đang ở trong một tình thế khó xử: họ không thể nào giải cứu một đứa bé trai khỏi bị quỷ ám, và các thầy thông giáo lại đang cãi lẽ với họ và có lẽ thậm chí đang nhạo báng họ vì thấy họ bất lực. Như mọi khi, chính Chúa Giê-xu đã can thiệp vào để giải quyết vấn đề.

Đứa trẻ vừa điếc lại vừa câm (*Mác* 9:17, 25), và quỷ dữ đang cố gắng hết sức để hủy diệt nó. Hãy tưởng tượng thế nào cha cậu bé cố tìm cách chăm sóc con trai mình và bảo vệ nó! Chúa Giê-xu đã cho các môn đệ Ngài thẩm quyền để đuổi quỷ (6:7,13), thế nhưng chức vụ của họ đối với đứa trẻ này không hiệu quả chút nào. Không có gì phải ngạc nhiên khi Chúa buồn lòng vì họ! Đã bao lần Ngài phải buồn lòng vì cơ chúng ta thất bại trong việc sử dụng nguồn năng lực thuộc linh Ngài đã ban cho con cái Ngài.

Vì các môn đệ đã thất bại nên người cha đầy tuyệt vọng không tin chắc rằng Chúa Giê-xu có thể thành công; vì thế ông đã thưa, “Nếu thầy có thể làm được việc gì” (9:22). Tuy nhiên, người cha đủ chân thành để thú nhận sự vô tín của chính mình và cầu xin Chúa cứu giúp ông và con trai ông. Chúa Giê-xu đã đuổi được quỷ dữ và trao trả đứa trẻ về cho cha nó.

Bài học chính của phép lạ này là đức tin có năng lực thắng hơn kẻ thù (cc.19,23-24, và xin xem *Ma-thi-ơ* 17:20). Tại sao chín môn đệ đã thất bại? Bởi vì họ không quan tâm đến đời sống thuộc linh cá nhân của mình và đã xao lãng sự cầu nguyện và kiêng ăn (c. 29). Thẩm quyền mà Chúa Giê-xu đã ban cho họ chỉ hữu hiệu khi được thực thi bởi đức tin, nhưng đức tin phải được vun xới qua kỷ luật thuộc linh và sự cầu nguyện. Có thể là sự vắng mặt của Chúa, hoặc việc Ngài đem ba môn đệ thân tín theo và để họ lại phía sau đã khiến tinh thần họ không còn hăng hái và đức tin họ giảm sút đi. Sự thất bại của họ không chỉ khiến họ bối rối, mà còn làm mất đi sự vinh hiển của Chúa và tạo cơ hội để kẻ thù gièm chê nữa. Chính đức tin của chúng ta nơi Đức Chúa Trời sẽ tôn vinh Ngài (*Rô-ma* 4:20).

3. Sự Phục Vụ Dẫn Đến Sự Tôn Trọng

Mác 9: 30-50

³⁰ Đoạn, đi khỏi đó, trải qua xứ Ga-li-lê, Đức Chúa Jêsus không muốn cho ai biết. ³¹ Vì Ngài dạy các môn đồ rằng: Con người sẽ bị nộp trong tay người ta,

họ sẽ giết đi; Ngài bị giết đã ba ngày rồi, thì sẽ sống lại. ³² Nhưng môn đồ không hiểu lời ấy, lại sợ không dám hỏi Ngài.

³³ Đến thành Ca-bê-na-um, đang ở trong nhà, Ngài hỏi môn đồ rằng: Lúc đi đường, các người nói chi với nhau? ³⁴ Môn đồ đều làm thinh; vì dọc đường đã cãi nhau cho biết ai là lớn hơn bọn mình. ³⁵ Ngài bèn ngồi, kêu mười hai sứ đồ mà phán rằng: Nếu ai muốn làm đầu, thì phải làm rốt hết và làm tôi tớ mọi người. ³⁶ Đoạn, Ngài bắt một đứa trẻ để ở giữa môn đồ; rồi ẵm nó trong tay, mà phán rằng: ³⁷ Hễ ai vì danh ta tiếp một đứa trong những đứa trẻ này, tức là tiếp ta; còn ai tiếp ta, thì chẳng phải tiếp ta, bèn là tiếp Đấng đã sai ta vậy.

³⁸ Giảng thưa cùng Ngài rằng: Lạy thầy, chúng tôi từng thấy có người lấy danh thầy mà trừ quỷ, thì chúng tôi đã cấm, vì họ không theo chúng ta.

³⁹ Đức Chúa Jêsus phán rằng: Đừng cấm làm chi; vì chẳng ai cùng trong một lúc, vừa nhân danh ta làm phép lạ, vừa nói xấu ta được. ⁴⁰ Hễ ai không nghịch cùng ta là thuộc về ta. ⁴¹ Còn ai nhân danh ta mà cho các người một chén nước, vì các người thuộc về Đấng Christ, quả thật, ta nói cùng các người, người ấy sẽ không mất phần thưởng mình đâu. ⁴² Nhưng hễ ai làm cho một trong những đứa nhỏ này đã tin, phải sa vào tội lỗi, thì thà buộc cối đá lớn vào cổ nó mà bỏ xuống biển còn hơn.

⁴³ Nếu tay người làm cho người phạm tội, hãy chặt nó đi; thà rằng một tay mà vào sự sống, còn hơn đủ hai tay mà sa xuống địa ngục, trong lửa chẳng hề tắt. (Có mấy bản thêm hai câu 44 và 46 rằng: Đó là nơi sâu bọ của chúng nó chẳng hề chết, và là nơi lửa chẳng hề tắt.) ⁴⁵ Lại nếu chân người làm cho người phạm tội, hãy chặt nó đi; thà rằng què chân mà vào sự sống, còn hơn đủ hai chân mà bị quăng vào địa ngục. ⁴⁷ Còn nếu mắt người làm cho người phạm tội, hãy móc nó đi; thà rằng chỉ một mắt mà vào nước Đức Chúa Trời, còn hơn đủ hai mắt mà bị quăng vào địa ngục, ⁴⁸ đó là nơi sâu bọ của chúng nó chẳng hề chết và là nơi lửa chẳng hề tắt. ⁴⁹ Vì mỗi người sẽ bị muối bằng lửa.

⁵⁰ Muối là vật tốt, nhưng nếu muối mất mặn đi, thì lấy chi làm cho mặn lại được?

Khi Chúa Giê-xu dẫn các môn đệ đến Giê-ru-sa-lem, Ngài vừa nhắc nhở họ về những việc sẽ xảy ra cho Ngài tại đó. Cần lưu ý là Ngài cũng nhắc nhở họ về sự phục sinh của Ngài, nhưng họ không thể hiểu được điều Ngài đang phán dạy (xin xem *Ma-thi-ơ* 17:9). Họ “vô cùng lo buồn” (“đau lòng cách sâu xa” *Ma-thi-ơ* 17:23, bản NASB).

Tuy vậy, sự lo buồn đó không đủ để họ gạt qua một bên sự tranh cãi với nhau về việc ai là người lớn nhất! Sau khi họ nghe những gì Chúa Giê-xu đã phán về sự đau đớn và sự chết của

chính Ngài, bạn sẽ cho rằng rất có thể họ đã quên đi những hoạch định vĩ mô của riêng mình và tập trung vào Ngài. Có lẽ sự kiện Phi-e-rơ, Gia-cơ, và Giăng được cùng lên trên núi với Chúa Giê-xu đã thêm dầu vào những ngọn lửa tranh cạnh trong lòng họ.

Để dạy cho họ -và cả chúng ta- một bài học về sự cao trọng, Chúa Giê-xu đặt một đứa trẻ trước mặt họ và giải thích rằng cách để được làm đầu là làm rốt hết, tức là làm tôi tớ mọi người. Đứa trẻ hồn nhiên là một thí dụ về sự thuận phục và hạ mình. Một đứa trẻ tự biết là một đứa trẻ và xử sự như một đứa trẻ, thì đó là bí quyết của nó để thu hút sự yêu thương và quan tâm nơi mọi người. Đứa trẻ nào cố gắng gây ấn tượng nơi chúng ta bằng cách hành động như một người trưởng thành sẽ không được ai chú ý đến.

Sự khiêm nhường thật có nghĩa là biết chính mình, chấp nhận chính mình, trung thực với chính mình và từ bỏ chính mình vì người khác. Triết lý của thế gian là bạn “vĩ đại” nếu những người khác phục vụ bạn, nhưng sứ điệp của Đấng Christ là muốn được “vĩ đại” thì phải phục vụ người khác. Vì hai từ “đứa trẻ” và “tôi tớ” giống nhau trong tiếng A-ram nên thật dễ thấy tại sao Chúa Giê-xu liên hệ hai điều này với nhau. Nếu chúng ta có tấm lòng của một đứa trẻ, chúng ta sẽ ít gặp khó khăn khi làm tôi tớ; và nếu chúng ta có thái độ của tôi tớ, chúng ta sẽ tiếp đón con trẻ như những người đại diện của Chúa Giê-xu Christ và của Đức Chúa Cha.

Tại đây, Giăng cảm thấy cần phải bênh vực các môn đệ (Mác 9:38-41) bằng cách chỉ ra sự nhiệt thành của họ. Hãy hình dung việc bảo một người thôi đuổi quỷ khi chín môn đệ đã không giải cứu được đứa trẻ bị điếc và câm khỏi quyền lực của Sa-tan! Việc sử dụng danh Chúa Giê-xu tương tự như việc hành động dưới thẩm quyền của Ngài, vì thế các môn đệ này không có quyền ngăn cản người đó. “Nó đứng hay ngã, ấy là việc chủ nó” (Rô-ma 14:4).

Mác 9:40 cần phải được so sánh với Ma-thi-ơ 12:30, “Hễ ai

không nghịch cùng Ta là thuộc về Ta.” Cả hai câu đều cho thấy không thể có thái độ trung lập trong mối quan hệ của chúng ta với Chúa Giê-xu Christ. Vì chúng ta không thể nào trung lập được, nên nếu chúng ta không đứng với Ngài, thì chắc hẳn chúng ta nghịch cùng Ngài; còn nếu chúng ta không nghịch cùng Ngài, thì chắc hẳn chúng ta thuộc về Ngài. Người đuổi tà ma vô danh kia đang đem sự vinh hiển đến cho danh Ngài, vì vậy người đã phải *đứng với Đấng Christ* chứ không nghịch cùng Ngài được.

Nhưng không cần thiết phải thi hành những phép lạ lớn lao để chứng tỏ lòng yêu Chúa. Khi chúng ta âu yếm tiếp đón một đứa trẻ hoặc san sẻ một tách nước lạnh với lòng cảm thương là chúng ta chứng tỏ mình có tấm lòng khiêm nhường của một tôi tớ. Chúng ta đang phục vụ Đấng Christ, đó là công tác cao trọng nhất trong thế gian này (*Ma-thi-ơ 25:31-46*).

Chúa Giê-xu đã không xem nhẹ câu nói của Giăng; trên thực tế, Ngài tiếp tục giải thích mối nguy hiểm của việc gây cho người khác vấp phạm và bởi đó không phục vụ Chúa nữa (*Mác 9:42-50*). “Những đứa trẻ này” ám chỉ con cái Đức Chúa Trời là những người đi theo *Đấng Christ* và cố gắng phục vụ Ngài. Cách thức tín đồ đối xử với những người khác trong gia đình của Đức Chúa Trời là một điều hệ trọng, và Đức Chúa Trời mong muốn chúng ta “phải hòa thuận cùng nhau” (c. 50). Các môn đệ không hòa thuận với nhau, và họ cũng không hòa thuận với các môn đồ khác!

Sứ điệp nghiêm trọng về địa ngục này hàm ý khuyến cáo tất cả chúng ta đối phó với tội lỗi cách triệt để. Bất cứ điều gì trong đời sống khiến chúng ta vấp ngã, và bởi đó gây cho những người khác vấp ngã, đều phải được cất bỏ như việc cất bỏ trong phẫu thuật. Tay, chân, và mắt được xem là những phần quý giá của thân thể, thế nhưng chúng phải loại bỏ nếu chúng gây ra tội lỗi. Dĩ nhiên, Chúa không ra lệnh phải phẫu thuật về thể xác theo nghĩa đen, vì Ngài đã vạch rõ rằng tội lỗi do nơi tấm lòng (*7:20-23*). Điều Ngài đang phán dạy là tội lỗi đối với con người

bề trong giống như một ung bướu nguy hiểm đối với thân thể, và nó phải được xử lý tận gốc.

Một số người thấy kinh hoàng khi nghe từ môi miệng Chúa Giê-xu những lời lẽ đáng sợ như thế về địa ngục (xin xem *Ê-sai* 66:24). Chúa Giê-xu tin vào một chốn gọi là địa ngục, một chốn đau khổ và hình phạt đời đời (xin xem *Lu-ca* 16:23;tt). Sau khi một vị tuyên úy bảo với binh sĩ của mình rằng ông không tin vào địa ngục, một số người trong họ đề nghị là những buổi lễ của ông không còn cần thiết nữa. Xét cho cùng, nếu không có địa ngục, thì tại sao lại lo lắng về cái chết? Nhưng nếu có một địa ngục, thì vị tuyên úy này đang dẫn họ đi lạc đường! Thế nào đi chăng nữa, tốt hơn là họ ra đi mà chẳng cần đến ông ta!

Từ ngữ được dịch là “địa ngục” là *gehenna*. Nó xuất phát từ một câu Hy Bá Lai “trùng (*ge*) Hi-nôm”, một thung lũng có thật bên ngoài Giê-ru-sa-lem nơi vua A-cha gian ác thờ lạy Mô-lóc, vị thần lửa, và thậm chí thiêu con cái mình trong lửa (*II Sử ký* 28:1-3; *Giê-rê-mi* 7:31;32:35).

Một số bản cổ sao không có hai câu *Mác* 9:44,46, nguyên là hai câu này trích dẫn lại câu *Ê-sai* 66: 24. Ý của *Ê-sai* 66:24 chỉ được lặp lại trong *Mác* 9:48 của các bản cổ sao ấy thôi. Địa ngục không phải tạm thời nhưng còn đời đời (xin xem *Khải Thị* 20:10). Tội nhân cần phải tin nhận Chúa Giê-xu Christ để được cứu khỏi địa ngục đời đời. Đối với Cơ Đốc nhân, việc đem sứ điệp cứu rỗi này đến với một thế giới hư mất thật quan trọng biết bao!

Có người sẽ lập luận, “đó là một sự hy sinh quá lớn. Đối phó cách triệt để với tội lỗi sẽ khiến chúng ta phải trả giá quá đắt!” Trong *Mác* 9:49-50, Chúa Giê-xu đã dùng ý niệm về “của lễ sống” để minh họa quan điểm của Ngài (*Rô-ma* 12:1-2). Của lễ được dâng lên bàn thờ và được thiêu hóa bằng lửa. Bạn thích chịu đựng lửa địa ngục như một tội nhân hư mất hay lửa tinh luyện của Đức Chúa Trời như một của lễ dâng lên vì cơ sự vinh hiển của Ngài? Xin hãy nhớ, Sa-tan hứa ban cho bạn sự vinh hiển ngay bây giờ, nhưng sự đau đớn sẽ đến sau đó. Chúa Giê-

xu kêu gọi bạn đến sự đau đớn hiện giờ, và rồi chúng ta sẽ vui hưởng sự hiển vinh.

Người Do Thái không được phép dùng men hoặc mật trên của lễ của họ, nhưng họ phải dùng muối (*Lê-vi Ký* 2:11,13). Muối nói đến sự tinh khiết và bảo tồn. Nó được dùng trong thời Cựu Ước trong việc thiết lập các giao ước. Các môn đệ là muối của Đức Chúa Trời (*Ma-thi-ơ* 5:13), nhưng họ đang rơi vào hiểm họa mất vị mặn của mình và trở nên vô giá trị. Muối của chúng ta ngày nay được tinh chế và không mất vị mặn của nó; nhưng muối của thời đó chứa những chất bẩn và có thể mất vị mặn. Một khi bạn đã đánh mất đặc tính Cơ Đốc nhân quý giá ấy, làm thế nào bạn có thể phục hồi lại được?

Thay vì quở trách những người khác, lẽ ra các môn đệ nên xét lại tấm lòng của chính mình! Thật dễ đánh mất “vị mặn” của chúng ta và trở nên vô dụng đối với Đức Chúa Trời. Cơ Đốc nhân sẽ *kinh nghiệm* ngọn lửa thử thách và bắt bớ (*I Phi-e-rơ* 1:6-7; 4:12) và họ cần đứng chung với nhau, dù cho ai là người lớn nhất đi nữa! Tinh thần dẫn thân và phẩm chất là những điều cần yếu, nếu chúng ta muốn tôn vinh Ngài và sống hòa thuận với nhau.

Ba bài học Chúa Giê-xu đã phán dạy trong phân đoạn này thật căn bản đối với đời sống Cơ Đốc nhân ngày nay. Nếu chúng ta đầu phục Ngài, thì sự chịu khổ sẽ đưa đến sự vinh hiển, đức tin sẽ phát sinh năng quyền, và sự hy sinh phục vụ của chúng ta sẽ dẫn đến sự tôn trọng. Mặc dầu bản tính nóng nảy và đôi lúc phạm lỗi lầm, Phi-e-rơ đã hiểu được sứ điệp này và đã viết: “Đức Chúa Trời ban mọi ơn đã gọi anh em đến sự vinh hiển đời đời của Ngài trong Đấng Christ, thì sau khi anh em tạm chịu khổ, chính Ngài sẽ làm cho anh em trọn vẹn, vững vàng và thêm sức cho. Nguyên xin quyền năng về nơi Ngài, đời đời vô cùng” (*I Phi-e-rơ* 5:10).

Những Nghịch Lý Trong Lời Dạy Của Người Đầy Tớ

Mác 10:1-53

Là một Giáo sư đại tài, Chúa chúng ta dùng nhiều phương pháp khác nhau để chia sẻ Lời Đức Chúa Trời: các biểu tượng, phép lạ, hình bóng, ẩn dụ, châm ngôn, và những lối nói nghịch lý. Nghịch lý là một câu nói dường như mâu thuẫn với chính nó nhưng lại diễn tả một lẽ thật hoặc nguyên lý giá trị. “Khi tôi yếu đuối, ấy là lúc tôi mạnh mẽ” là một lối nói nghịch lý (*II Cô-rinh-tô* 2:10; xin cũng xem *II Cô-rinh-tô* 6:8-10). Nhiều khi cách tốt nhất để nêu lên một chân lý là dùng nghịch lý. Chương này cho thấy Chúa dùng những nghịch lý. Ngài đã có thể giảng những bài thật dài; nhưng thay vào đó, Ngài lại dạy chúng ta năm bài học quan trọng có thể được diễn tả trong năm câu nói ngắn gọn súc tích, có tính cách nghịch lý.

1. Hai Sẽ Trở Nên Một

Mác 10: 1-12

¹ Đức Chúa Jêsus từ đó mà đi, qua bờ cõi xứ Giu-đê, bên kia sông Giô-đanh. Đoàn dân đông lại nhóm họp cùng Ngài, Ngài dạy dỗ chúng y như lệ thường.

² Các người Pha-ri-si bèn đến gần hỏi để thử Ngài rằng: Người nam có phép để

Những Nghịch Lý Trong Lời Dạy Của Người Đầy Tớ / 119

vợ mình chẳng? ³ Ngài trả lời rằng: Vậy chớ Môi-se dạy các người điều chi? ⁴ Họ thưa rằng: Môi-se có cho phép viết tờ để và cho phép để vợ. ⁵ Đức Chúa Jêsus phán rằng: Ấy vì cơ lòng các người cứng cõi, nên người đã truyền mạng nầy cho. ⁶ Nhưng từ lúc đầu sáng thế, Đức Chúa Trời làm ra một người nam và một người nữ. ⁷ Vì cơ đó, người nam lìa cha mẹ mình mà dính dứ với vợ; ⁸ và hai người cùng nên một thịt mà thôi. Như thế, vợ chồng chẳng phải là hai nữa, mà chỉ là một thịt. ⁹ Vậy, người ta không nên phân rẽ những kẻ mà Đức Chúa Trời đã phối hiệp.

¹⁰ Khi ở trong nhà, môn đồ lại hỏi Ngài về việc ấy; ¹¹ Ngài phán rằng: Ai để vợ mình mà cưới vợ khác, thì phạm tội tà dâm với người; ¹² còn nếu người đàn bà bỏ chồng mình mà lấy chồng khác, thì cũng phạm tội tà dâm.

Chúa Giê-xu hoàn tất chức vụ của Ngài tại Ga-li-lê, rời khỏi Ca-bê-na-um, và đến địa phận bên kia sông Giô-đanh, và đang trên đường đến thành Giê-ru-sa-lem (c. 32). Vùng này do Hê-rốt An-ti-ba cai quản, điều này có thể giải thích vì sao những người Pha-ri-si đã cố gài bẫy Ngài bằng cách nêu một câu hỏi về việc ly dị. Hãy nhớ rằng, Giảng Báp-tít đã bị giết hại vì ông rao giảng chống lại tội ngoại tình của Hê-rốt (*Mác* 6:14-29).

Nhưng câu hỏi gài bẫy của họ vượt quá phạm vi chính trị vì việc ly dị hồi ấy là một đề tài gây ra sự tranh luận rất lớn giữa vòng những ra-bi Do Thái. Dù Chúa Giê-xu trả lời cách nào đi nữa, chắc hẳn Ngài đã làm một số người phật ý, và điều này có thể tạo nên cơ hội để bắt giữ Ngài. Những động tác ở đây cho thấy những người Pha-ri-si “không ngừng hỏi Ngài,” khiêu khích Ngài hờ hênh nói một điều với hy vọng khiến Ngài sơ hở trong lời nói.

Vào thời đó có hai quan điểm xung đột nhau về việc ly dị, và quan điểm của bạn tùy thuộc vào cách bạn hiểu từ “*ô uế*” trong *Phục Truyền Luật Lệ Ký* 24:1-4. Những môn đệ của Ra-bi Hillel hoàn toàn phóng khoáng trong cách diễn giải của họ và cho phép một người nam ly dị vợ mình vì bất cứ lý do gì, chẳng hạn như làm khét thức ăn. Nhưng trường phái của Ra-bi Shimmai thì không diễn dịch quá rộng như thế và dạy rằng từ “*ô uế*” chỉ nhằm nói đến tội thất tiết trước khi kết hôn. Nếu một người

chồng mới lấy vợ khám phá rằng vợ mình không còn trinh tiết, thì người ấy có thể ly dị nàng.

Như vẫn thường làm, Chúa Giê-xu không quan tâm đến những cuộc tranh luận đang diễn ra nhưng chú tâm vào Lời Đức Chúa Trời, trong trường hợp này, là Luật Pháp của Môi-se trong *Phục Truyền Luật Lệ Ký* 24:1-4. Khi nghiên cứu phân đoạn này, điều quan trọng là cần lưu ý hai sự kiện. Trước tiên, chính người nam ly dị vợ, chứ không phải người vợ ly dị chồng; vì phụ nữ không có quyền này tại xứ Y-sơ-ra-ên (phụ nữ La Mã thì có quyền ly dị). Thứ nhì, “tờ giấy ly dị” chính thức được trao cho người vợ để công bố tình trạng của nàng và để đảm bảo với bất cứ người chồng tương lai nào rằng nàng thực sự được tự do để tái hôn. Ngoài việc cho nàng tờ giấy ly dị này, yêu cầu duy nhất khác là nàng không được trở về với người chồng ban đầu nếu người chồng thứ nhì lại ly dị nàng. Giữa vòng những người Do Thái, vấn đề không phải là “một người vợ đã bị ly dị có thể kết hôn một lần nữa không?” bởi vì việc tái hôn được cho phép và thậm chí được mong đợi như vậy. Vấn đề quan trọng là, “Những lý do hợp pháp để một người nam ly dị vợ là gì?”

Luật pháp Môi-se không cho tội ngoại tình là lý do để ly dị; vì tại Y-sơ-ra-ên, những người nam và người nữ phạm tội ngoại tình đều bị ném đá cho đến chết (*Phục Truyền Luật Lệ Ký* 22:22; *Lê-vi Ký* 20:10 cũng xin xem *Giăng* 8:1-11). Dù giải thích cách nào đi nữa, chữ “ô ức” trong *Phục Truyền Luật Lệ Ký* 24:1 vẫn không thể nào được hiểu là tội ngoại tình được.

Chúa Giê-xu giải thích rằng Môi-se đã ban luật định về sự ly dị vì cơ tình trạng tội lỗi của tấm lòng con người. Luật pháp bảo vệ người vợ bằng cách ngăn trở người chồng không được hấp tấp ly dị nàng và ngược đãi nàng như một món đồ trong nhà không được ưa chuộng nhưng phải đối xử với nàng như một con người. Không có tờ giấy ly dị, một phụ nữ có thể dễ dàng trở nên một người bị xã hội ruồng bỏ và bị đối xử như một kỵ nữ. Không người nam nào mong muốn cưới nàng, và nàng sẽ bị bỏ rơi không ai bảo vệ và phải chịu nghèo túng cơ cực.

Bằng cách ban bố điều răn này cho Y-sơ-ra-ên, Đức Chúa Trời không chấp nhận, cũng không cổ vũ việc ly dị. Đúng hơn, Ngài đang tìm cách ngăn trở và khiến cho những người nam phải gặp khó khăn hơn khi đuổi vợ mình đi. Ngài đặt ra những quy luật thích đáng xoay quanh việc ly dị hầu cho những người vợ sẽ không trở thành nạn nhân của những ý thích bốc đồng nơi những người chồng.

Kể đó Chúa đem họ xa hơn thời Môi-se đến phần kỹ thuật của sự sáng tạo đầu tiên (*Sáng Thế Ký* 1:27; 2:21-25). Xét cho cùng, buổi ban đầu, chính Đức Chúa Trời đã thiết lập hôn nhân; và Ngài có quyền đặt ra các luật lệ. Theo Thánh Kinh, hôn nhân là giữa một người nam và một người nữ, chứ không phải hai người nam hoặc hai người nữ; và mối quan hệ trong hôn nhân là thánh khiết và bền chặt. Đó là sự hiệp một thân thiết nhất trong dòng dõi loài người, vì hai người trở nên một thịt.

Trong khi yếu tố thuộc linh có tầm quan trọng trong hôn nhân, thì ở đây nhấn mạnh hôn nhân là một sự hiệp nhất về thể xác: hai người trở nên một *thịt*, chứ không phải một tâm linh. Vì hôn nhân là một sự hiệp nhất về thể xác, nên chỉ có nguyên nhân thuộc thể mới có thể phá vỡ nó được – hoặc là sự chết (*Rô-ma* 7:1-3) hoặc là sự gian dâm (*Ma-thi-ơ* 5:32; 19:9). Mác không kể đến “điều khoản ngoại lệ” tìm thấy trong *Ma-thi-ơ*, nhưng ông cũng không nói rằng sự chết phá vỡ sự hiệp nhất trong hôn nhân.

Một cách riêng tư, Chúa đã giải thích vấn đề rõ hơn cho các môn đệ Ngài đang thắc mắc, những người mà đến lúc này đã tin chắc rằng lập gia đình là một việc nguy hiểm. Tái hôn sau khi ly dị, *trừ ra vì lý do tà dâm*, sẽ khiến người ấy thành ra phạm tội ngoại tình, và đây là một việc nghiêm trọng. Hãy lưu ý là Chúa Giê-xu bao gồm cả những người nữ trong lời cảnh cáo của Ngài, điều này chắc chắn nâng cao địa vị của họ trong xã hội và đem lại cho họ sự bình đẳng về trách nhiệm với nam giới. Các ra-bi đã không tiến xa đến như vậy.

Mác 10:9 cảnh cáo chúng ta rằng *loài người* không thể nào

phân rẽ những kẻ đã được kết hợp trong hôn nhân, *nhưng Đức Chúa Trời thì có thể*. Vì Ngài đã thiết lập hôn nhân, nên Ngài có quyền đặt ra các luật lệ. Một cuộc ly dị có thể hợp pháp dựa theo các luật lệ của chúng ta nhưng vẫn không phải lẽ trong cái nhìn của Đức Chúa Trời. Ngài mong đợi những người đã kết hôn thực hành phải cam kết với nhau (c. 7) và sống chung thủy. Quá nhiều người xem ly dị như “một phương cách dễ dàng để giải quyết vấn đề,” và không xem trọng những lời họ đã thề hứa với nhau và với Chúa.

2. Người Trưởng Thành Phải Giống Như Con Trẻ

Mác 10:13-16

¹³ Người ta đem những con trẻ đến cùng Ngài, dặng Ngài rờ chúng nó; nhưng môn đồ trách những kẻ đem đến. ¹⁴ Đức Chúa Jêsus thấy vậy, bèn giận mà phán cùng môn đồ rằng: Hãy để con trẻ đến cùng ta, đừng cấm chúng nó; vì nước Đức Chúa Trời thuộc về những kẻ giống như con trẻ ấy.

¹⁵ Quả thật, ta nói cùng các ngươi, ai chẳng nhận lấy nước Đức Chúa Trời như một đứa trẻ, thì chẳng được vào đó bao giờ. ¹⁶ Ngài lại bồng những đứa trẻ ấy, đặt tay trên chúng nó mà chúc phước cho.

Trước tiên là hôn nhân, kế tiếp là con cái; đó là một trật tự hợp lý. Không giống như nhiều “con người hiện đại” ngày nay, người Do Thái vào thời đó xem con cái như một phước hạnh chứ không phải một gánh nặng, một báu vật từ Đức Chúa Trời chứ không phải một cửa nợ (*Thi Thiên 127:1-128:6*). Việc son sẻ đem đến cho hai vợ chồng sự buồn rầu và nhục nhã.

Các bậc cha mẹ có tục lệ đem con cái mình đến cho các rabi để được chúc phước, vì vậy, thật hợp lý khi họ đem các con trẻ đến cùng Chúa Giê-xu. Một số còn bồng ẵm trên tay (*Lu-ca 18:15*) một số khác đã biết đi; và Ngài tiếp đón tất cả những con trẻ này.

Tại sao các môn đệ quở trách dân chúng và cố giữ không cho con trẻ đến gần Chúa Giê-xu? (Xin xem *Ma-thi-ơ 15:23* và

Mác 6:36 để có thêm những thí dụ về sự cứng lòng của các môn đệ.) Có lẽ họ cho rằng họ đang phục vụ Ngài bằng cách giúp Ngài không phải phí phạm thời giờ và sức lực. Nói cách khác, *họ không xem con trẻ là quan trọng!* Thái độ của họ thật đáng ngạc nhiên, vì Chúa Giê-xu đã dạy họ phải tiếp đón các con trẻ trong danh Ngài và cẩn thận không được gây cho bất cứ ai trong bọn chúng vấp ngã (*Mác 9:36*). Một lần nữa, họ quên đi những gì Ngài đã dạy họ.

Cụm từ *rất không hài lòng (giận)* là quá nhẹ. Chúa chúng ta thật sự nổi giận khi Ngài công khai quở các môn đệ của mình vì đã ngăn trở. Kế đó Ngài tuyên bố rằng con trẻ là những gương mẫu tốt về Nước Thiên Đàng hơn là người trưởng thành. Chúng ta bảo con trẻ hãy xử sự như những người trưởng thành, nhưng Chúa Giê-xu bảo những kẻ trưởng thành hãy bắt chước con trẻ!

Tại sao con trẻ là một mẫu mực? Vì sự tùy thuộc vào những người khác cách khiêm nhường, tính dễ tiếp thu, sự chấp nhận chính mình và vị trí của chúng trong cuộc sống. Dĩ nhiên, Chúa Giê-xu đang phán về một đứa trẻ hồn nhiên, chứ không phải một đứa trẻ đang cố gắng hành động như một người lớn. Một đứa trẻ thích thú nhiều điều nhưng không thể giải thích được nhiều. Con trẻ sống bằng đức tin. Bởi đức tin chúng chấp nhận số phận của mình, tin cậy người khác sẽ chăm sóc chúng và giúp đỡ chúng.

Chúng ta bước vào Nước của Đức Chúa Trời bởi đức tin, giống như các con trẻ: bất lực, không thể nào tự cứu lấy mình, hoàn toàn nhờ cậy vào sự thương xót và ân sủng của Đức Chúa Trời. Chúng ta hưởng được Nước Đức Chúa Trời bởi đức tin, tin rằng Đức Chúa Cha yêu thương chúng ta và sẽ chăm lo cho những nhu cầu hàng ngày của chúng ta. Một đứa trẻ làm gì khi nó bị thương tích hoặc gặp một khó khăn gì? Nó kể ngay cho cha mẹ! Thật là một tấm gương cho chúng ta noi theo trong mối tương quan giữa chúng ta với Cha Thiên Thượng của mình! Vâng, Đức Chúa Trời muốn chúng ta trở nên như con trẻ, chứ không phải trẻ con!

Ở đây không hề có gợi ý là Chúa Giê-xu làm phép báp-têm cho những con trẻ này, vì thậm chí Chúa Giê-xu cũng chẳng làm phép báp-têm cho người nào (*Giăng* 4:1-2). Nếu các môn đệ đã từng quen với việc làm phép báp-têm cho trẻ con, thì chắc hẳn họ sẽ không đuổi đoàn dân đông đi. Chúa Giê-xu đã bằng những con trẻ quý báu này trong vòng tay yêu thương của Ngài và chúc phước cho chúng – và chắc hẳn đó là một phước hạnh lớn biết bao!

3. Kẻ Đầu Sẽ Trở Nên Rốt

Mác 10: 17-31

¹⁷ Ngài đang ra đi, có một người chạy lại, quì trước mặt Ngài, mà hỏi rằng: Thưa thầy nhân lành, tôi phải làm chi cho được hưởng sự sống đời đời?

¹⁸ Đức Chúa Jê-sus phán rằng: Sao người gọi ta là nhân lành? Chỉ có một Đấng nhân lành, là Đức Chúa Trời. ¹⁹ Người biết các điều răn: Đừng phạm tội tà dâm; đừng giết người; đừng trộm cướp; đừng làm chứng dối; đừng làm gian; hãy hiếu kính cha mẹ. ²⁰ Người thưa rằng: Lạy thầy, tôi đã giữ mọi điều đó từ khi còn nhỏ.

²¹ Đức Chúa Jê-sus ngó người mà yêu, nên phán rằng: Người còn thiếu một điều. Hãy đi, bán hết gia tài mình, bố thí cho kẻ nghèo khổ, chắc sẽ được của báu ở trên trời, rồi hãy đến mà theo ta.

²² Song nét mặt người nầy rầu rĩ về lời đó, đi ra rất buồn bã, vì có nhiều của lắm.

²³ Bấy giờ Đức Chúa Jê-sus ngó xung quanh mình, mà phán cùng môn đồ rằng: Kẻ giàu vào nước Đức Chúa Trời khó là dường nào! ²⁴ Môn đồ lấy mấy lời đó làm lạ. Nhưng Đức Chúa Jê-sus lại phán rằng: Hỡi các con, những kẻ cậy sự giàu có vào nước Đức Chúa Trời khó là dường nào! ²⁵ Con lạc đà chui qua lỗ kim còn dễ hơn người giàu vào nước Đức Chúa Trời.

²⁶ Môn đồ lại càng lấy làm lạ, nói cùng nhau rằng: Vậy thì ai được cứu?

²⁷ Đức Chúa Jê-sus ngó môn đồ mà rằng: Sự đó loài người không thể làm được, nhưng Đức Chúa Trời thì chẳng thế; vì Đức Chúa Trời làm mọi sự được cả.

²⁸ Phi-e-rơ liền thưa cùng Ngài rằng: Nầy, chúng tôi đã bỏ hết mà đi theo thầy.

²⁹ Đức Chúa Jê-sus đáp rằng: Quả thật, ta nói cùng các người, chẳng một người nào vì ta và Tin lành từ bỏ nhà cửa, anh em, chị em, cha mẹ, con cái, đất ruộng, ³⁰ mà chẳng lãnh được đương bây giờ, trong đời nầy, trăm lần hơn về những nhà cửa, anh em, chị em, mẹ con, đất ruộng, với sự bất bớ, và sự sống đời trong đời sau. ³¹ Nhưng có nhiều kẻ đầu sẽ nên rốt; có kẻ rốt sẽ nên đầu.

Trong tất cả những người đã từng đến dưới chân Chúa Giê-xu, đây là người duy nhất ra đi, tâm thần bại hoại hơn khi mới đến.

Vậy mà người này đã nhận quá nhiều đặc ân! Đó là một chàng trai trẻ (*Ma-thi-ơ* 19:22) rất giàu có. Chàng được những người khác tôn trọng, vì giữ một chức quan nào đó, có lẽ tại một tòa án địa phương (*Lu-ca* 18:18). Chắc hẳn chàng có tư cách và đạo đức, và trong lòng chàng khát khao những điều thuộc linh khiến chàng phải chạy đến với Chúa Giê-xu và quỳ dưới chân Ngài. Về mọi mặt, đây là một chàng trai lý tưởng; và khi Chúa Giê-xu nhìn thấy chàng thì yêu mến.

Tuy có nhiều phẩm chất tốt đẹp, chàng trai trẻ này lại có cái nhìn rất nông cạn về những điều thuộc linh. Chắc hẳn chàng đã có một quan điểm cạn cợt về sự cứu rỗi, vì chàng cho rằng mình có thể làm một điều gì đó để có được hoặc xứng đáng hưởng sự sống đời đời. Đây là một niềm tin phổ biến vào thời đó giữa vòng những người Do Thái (*Giăng* 6:28), và cũng rất phổ biến ngày nay. Hầu hết những người chưa được cứu nghĩ rằng Đức Chúa Trời một ngày kia sẽ cộng các việc lành và các việc xấu của họ lại; và nếu các việc lành của họ nhiều hơn các việc xấu, họ sẽ được vào thiên đàng.

Bên cạnh phương pháp dùng các việc lành để đạt đến sự cứu rỗi này là một quan điểm nông cạn về tội lỗi, về con người, về Kinh Thánh, về Chúa Giê-xu Christ, và về sự cứu rỗi. Tội lỗi là sự phản loạn chống nghịch lại một Đức Chúa Trời thánh khiết. Đó không chỉ là một hành động; đó là một thái độ bên trong tôn cao con người và coi thường Đức Chúa Trời. Phải chăng chàng trai trẻ này thực sự nghĩ rằng mình có thể làm một vài việc lành về tôn giáo và tính số mình với một Đức Chúa Trời thánh khiết?

Chàng trai trẻ này có một cái nhìn nông cạn về Chúa Giê-xu Christ. Chàng gọi Ngài là "Thầy nhân lành," cho chúng ta có ấn tượng rằng chàng đang cố gắng dâng bóst Chúa. Các ra-bi Do Thái không cho phép áp dụng từ *nhân lành* với họ. Chỉ có Đức Chúa Trời là nhân lành, và từ này phải được dành riêng cho một mình Ngài thôi. Chúa Giê-xu không phủ nhận Ngài là Đức Chúa Trời; đúng hơn, Ngài đang khẳng định điều đó. Ngài chỉ muốn chắc chắn rằng chàng trai này thực sự biết điều mình đang nói

và sẵn sàng chấp nhận những trách nhiệm liên quan tới điều đó.

Điều này giải thích vì sao Chúa Giê-xu muốn chàng trai này chú ý vào Luật Pháp của Môi-se: Ngài muốn chàng nhìn thấy chính mình là một tội nhân quì trước một Đức Chúa Trời thánh khiết. Chúng ta không thể được cứu khỏi tội lỗi bởi việc giữ Luật Pháp (*Ê-phê-sô* 2:8-10; *Ga-la-ti* 2:16-21). Luật Pháp là một tấm gương soi cho chúng ta thấy mình ô nhơ thế nào, nhưng tấm gương không thể nào rửa sạch chúng ta được. Một mục đích của Luật Pháp là đem tội nhân đến với Đấng Christ (*Ga-la-ti* 3:24), giống như trong trường hợp của chàng trai này. Luật Pháp có thể đem tội nhân đến với Đấng Christ, nhưng Luật Pháp không thể nào làm cho tội nhân được giống *Đấng Christ*. Chỉ ân sủng mới có thể làm điều đó mà thôi.

Vị quan trẻ không nhìn thấy chính mình là một tội nhân bị kết án trước mặt Đức Chúa Trời thánh khiết. Chàng có một cái nhìn cạn cợt về Luật Pháp của Đức Chúa Trời, vì chàng đo lường sự vâng lời chỉ bởi những việc làm bên ngoài chứ không bởi những thái độ bên trong. Đối với những việc làm của chàng, chàng không chỗ trách được (xin xem *Phi-líp* 3:6); nhưng thái độ bên trong của chàng không phải là không đáng chê trách, vì chàng trai này tham lam. Chàng có thể đã giữ một số điều răn, nhưng lại vấp phải điều răn sau cùng: “Người chớ tham lam!” Tham lam là một tội lỗi đáng sợ; nó tinh tế và khó nhận ra, thế nhưng nó có thể khiến cho một người phá vỡ tất cả những điều răn khác. “Vì sự tham tiền bạc là cội rễ của mọi điều ác” (*I Ti-mô-thê* 6:10).

Nhìn vào chàng trai trẻ này, bạn sẽ kết luận rằng chàng ta có đủ mọi thứ, nhưng Chúa Giê-xu phán rằng chàng đang thiếu một điều: *một đức tin sống động nơi Đức Chúa Trời*. Tiền bạc là thần tượng của chàng; chàng tin cậy nó, tôn thờ nó, và nhờ nó mà có được mọi sự. Đạo đức và tư cách tốt đẹp của chàng chỉ che đậy một tấm lòng tham lam mà thôi.

Những lời chỉ dẫn của Chúa chúng ta trong *Mác* 10:21 không

nhằm áp dụng cho mọi người mong muốn trở nên môn đệ Ngài, vì Chúa Giê-xu đang nói đến những nhu cầu cá biệt của vị quan trẻ giàu có này. Chàng ta giàu có, vì thế Chúa Giê-xu phán bảo chàng bán hết tài sản mình mà ban phát cho kẻ nghèo khó. Chàng là một quan chức, vì thế Chúa Giê-xu bảo chàng phải vác cây thập tự và theo Ngài, và đó là một kinh nghiệm của sự hạ mình. Chúa Giê-xu hứa ban cho chàng món quà của sự sống đời đời, nhưng chàng gạt bỏ sự ban tặng ấy. Thật khó mà nhận lãnh một món quà khi tay bạn luôn bị buộc chặt quanh tiền bạc và những gì tiền bạc có thể mua được. Từ Hy Lạp được dịch là “rầu rĩ, buồn bã” nói lên hình ảnh của những đám mây đen vần vũ. Chàng trai bước ra khỏi ánh mặt trời và đi vào một cơn bão táp! Chàng muốn được hưởng sự cứu rỗi theo những giới hạn mình đặt ra, và cuối cùng đầy thất vọng.

Các môn đệ lấy làm đau buồn trước lời tuyên bố của Chúa về của cải, vì hầu hết người Do Thái đều cho rằng việc có nhiều của cải là chứng cứ về sự chúc phước đặc biệt của Đức Chúa Trời. Nhiều người ngày nay vẫn còn giữ mãi sai lầm này, bất chấp sứ điệp của sách Gióp, gương mẫu của Đấng Christ của các sứ đồ, và lời dạy rõ ràng của Tân Ước. Trong trường hợp của chàng trai trẻ này, của cải chàng có *đã cướp mất khỏi nguồn* phước hạnh lớn lao nhất của Đức Chúa Trời, đó là sự sống đời đời. Ngày nay, của cải tiếp tục làm cho nhiều người giàu trở nên nghèo và những kẻ đầu trở nên rốt (xin xem *I Cô-rinh-tô* 1:26-31).

Tiền bạc là một tội tở tuyệt diệu nhưng là một ông chủ đáng kinh khiếp. Nếu bạn có tiền bạc, hãy biết ơn Chúa và sử dụng nó cho sự vinh hiển của Đức Chúa Trời; nhưng nếu tiền bạc làm chủ bạn, hãy cẩn thận! Thật tốt khi có những thứ mà tiền bạc có thể mua được, miễn là bạn đừng đánh mất những gì tiền bạc không thể nào mua được. Sự đảm bảo rất lỏng lẻo của tiền bạc đã làm cho mảnh đất lòng của chàng trai trẻ này nghẹt ngòi đến độ không thể nhận lãnh hạt giống tốt của Lời Đức Chúa Trời để được cứu rỗi (*Ma-thi-ơ* 13:22). Một ngày kia chàng sẽ gạt lấy

những cay đắng.

Tuy nhiên, phản ứng của Phi-e-rơ cho thấy là trong chính tấm lòng của ông có một vài vấn đề chưa được sáng tỏ. “Vậy thì chúng tôi sẽ được chi?” (*Ma-thi-ơ* 19:27). Câu nói này bộc lộ một cái nhìn thương mại về đời sống Cơ Đốc nhân: “Chúng tôi đã từ bỏ mọi sự vì cơ Chúa; giờ đây, chúng tôi sẽ nhận được gì để bù đắp lại?” Hãy đối chiếu những lời của Phi-e-rơ với những câu nói của ba bạn Hê-bơ-rơ trong *Đa-ni-ên* 3:16-18, và với lời chứng sau đó của Phi-e-rơ trong *Công Vụ Các Sứ-đô* 3:6. Chắc hẳn ông đã trải qua một quá trình dài từ chỗ “Tôi sẽ nhận được gì?” đến “Những gì tôi có, tôi sẽ ban cho!”

Chúa Giê-xu xác quyết với các môn đệ Ngài rằng không người nào đi theo Ngài sẽ phải mất những gì thực sự quan trọng, hoặc trong đời này hoặc trong đời hầu đến. Đức Chúa Trời sẽ ban thưởng cho mỗi người. Tuy nhiên, chúng ta phải biết rõ động cơ của mình là đúng đắn: “Vì cơ Ta và vì cơ Phúc Âm” (xin xem *Mác* 8:35). R. J. LeTourneau, nhà tư bản công nghiệp Cơ Đốc nổi tiếng của thế kỷ trước đã từng nói, “Nếu bạn ban cho vì điều đó có lợi, thì nó sẽ chẳng mang lại lợi lộc đâu!” Nếu chúng ta hy sinh chỉ để nhận lãnh một sự ban thưởng, phần thưởng ấy sẽ chẳng bao giờ đến cả.

Hãy lưu ý là Chúa Giê-xu cũng hứa “những sự bất bớ” nữa. Ngài đã bảo trước với các môn đệ những việc cả người Do Thái lẫn dân ngoại sẽ làm cho Ngài tại Giê-ru-sa-lem, và giờ đây Ngài cho họ biết rằng họ sẽ có phần trong sự bất bớ. Đức Chúa Trời làm cho các phước hạnh cân xứng với những chiến trận, qua đó giúp những con trai và con gái của Ngài trở nên trưởng thành hơn.

Đối với công chúng, vị quan giàu có đứng đầu và các môn đệ nghèo khó đứng cuối. Nhưng Đức Chúa Trời thấy mọi việc trong cái nhìn của cõi đời đời – và những kẻ đầu trở nên rốt trong khi những kẻ rốt lại trở nên đầu! Những ai tự cho mình là đầu sẽ là rốt trước mắt Đức Chúa Trời, nhưng những ai tự cho mình là rốt sẽ được ban thưởng như là đầu! Đây là điều thật

khích lệ cho các môn đồ chân thật!

4. Đầy Tớ Sẽ Là Kẻ Cai Trị

Mác 10: 32-45

³² Đức Chúa Jê-sus và môn đồ đương đi đường lên thành Giê-ru-sa-lem, Ngài thì đi trước; các môn đồ thất kinh, và những người đi theo đều sợ hãi. Ngài lại đem mười hai sứ đồ đi cùng mình ra mà phán về những việc phải xảy đến cho mình, rằng: ³³ Này, chúng ta lên thành Giê-ru-sa-lem. Con người sẽ bị nộp cho các thầy tế lễ cả cùng các thầy thông giáo; họ sẽ định Ngài phải bị tử hình, và giao Ngài cho dân ngoại. ³⁴ Người ta sẽ nhạo báng Ngài, nhổ trên Ngài, đánh đập Ngài mà giết đi; sau ba ngày, Ngài sẽ sống lại.

³⁵ Bấy giờ, Gia-cơ và Giăng, hai con trai Xê-bê-đê, đến gần Ngài mà thưa rằng: Lạy thầy, chúng tôi muốn thấy làm thành điều chúng tôi sẽ xin.

³⁶ Ngài hỏi rằng: Các người muốn ta làm chi cho? ³⁷ Thưa rằng: Khi thấy được vinh hiển, xin cho chúng tôi một đĩa ngồi bên hữu, một đĩa bên tả.

³⁸ Nhưng Đức Chúa Jê-sus phán rằng: Các người không biết điều mình xin. Các người có uống chén ta uống, và chịu được phép báp-têm ta chịu chăng? ³⁹ Thưa rằng: Được. Đức Chúa Jê-sus phán rằng: Các người sẽ uống chén ta uống, và sẽ chịu phép báp-têm ta chịu; ⁴⁰ nhưng chỉ như ngồi bên hữu và bên tả ta thì không phải tự ta cho được: Ấy là thuộc về người nào mà điều đó đã dành cho.

⁴¹ Mười sứ đồ kia nghe sự xin đó, thì giận Gia-cơ và Giăng. ⁴² Nhưng Đức Chúa Jê-sus gọi họ mà phán rằng: Các người biết những người được tôn làm đầu cai trị các dân ngoại, thì bất dân phải phục mình, còn các quan lớn thì lấy quyền thế trị dân. ⁴³ Song trong các người không như vậy; trái lại, hễ ai muốn làm lớn trong các người, thì sẽ làm đầy tớ; ⁴⁴ còn ai trong các người muốn làm đầu, thì sẽ làm tôi mọi mọi người. ⁴⁵ Vì Con người đã đến không phải để người ta hầu việc mình, song để hầu việc người ta, và phó sự sống mình làm giá chuộc cho nhiều người.

Chúa Giê-xu dẫn các môn đồ hướng về Giê-ru-sa-lem. Khi Mác tường thuật lại cuộc hành trình của Ngài đến đồi Gô-gô-tha, chắc hẳn ông đã suy gẫm nhiều về “Những Bài Ca Của Người Đầy Tớ” trong Ê-sai 42:1-53:12. Và, “Vì Chúa Giê-hô-va sẽ giúp ta, nên ta chẳng bị mắc cỡ: vậy ta làm cho mặt ta cứng như đá, vì biết mình sẽ chẳng có điều chi xấu hổ” (Ê-sai 50:7). Chúng ta không thể không thán phục lòng can đảm của Người Đầy Tớ Đức Chúa Trời khi Ngài tiến bước lên đồi Gô-gô-tha, và chúng ta càng phải yêu quý Ngài biết bao vì Ngài

đã làm điều đó vì chúng ta.

Chúng ta phải cố gắng để hiểu sự bối rối và khiếp sợ của những kẻ theo Ngài, vì đây là một kinh nghiệm khó khăn bất ngờ đối với họ chứ không phải là những điều họ đã chuẩn bị để đối phó. Mỗi một lời tuyên bố mới về sự chết của Ngài chỉ làm tăng thêm sự bối rối của họ. Trong hai lời tuyên bố đầu tiên (Mác 8:31; 9:31), Chúa Giê-xu đã cho họ biết trước *những điều* sẽ xảy ra; nhưng hiện nay Ngài cho họ biết *nhiều khổ hình* của Ngài sẽ diễn ra *nơi đâu* – trong thành thánh Giê-ru-sa-lem! Trong lời tuyên bố thứ ba này, Ngài cũng nói đến phần mà các dân ngoại sẽ dự vào trong sự thương khó và sự chết của Ngài, và lần thứ tư, Ngài hứa rằng Ngài sẽ sống lại (xin lưu ý 9:9). Ngài đã báo cho các môn đệ biết sự thật sẽ xảy ra, nhưng họ không thể nào hiểu nổi điều đó.

Trong ánh sáng của lời Chúa tuyên bố về sự chết của Ngài, chúng ta ngỡ ngàng và xấu hổ khi đọc đến việc Gia-cơ và Giăng cầu xin được ngồi bên hữu và bên tả Ngài. Làm thế nào họ và mẹ của họ (*Ma-thi-ơ* 20:20-21) lại có thể nhẫn tâm và ích kỷ đến như vậy? Phi-e-rơ đã đáp lại lời tuyên bố đầu tiên của Ngài bằng cách tranh cãi với Ngài; sau lời tuyên bố thứ hai, các môn đệ đáp lại bằng cách tranh luận với nhau ai sẽ là lớn nhất (*Mác* 9:30-34). Những người này dường như mù lòa trước ý nghĩa của thập tự giá.

Sa-lô-mê và hai con trai bà đang đòi những điều Chúa Giê-xu đã hứa là, trong nước tương lai, các môn đệ sẽ ngồi trên mười hai ngôi với Cứu Chúa Giê-xu. (Xin xem *Ma-thi-ơ* 19:28. Vì Mác đang viết đặc biệt cho các dân ngoại, ông không kể đến lời hứa này.)

Về phần họ cần phải có một lượng đức tin lớn để đòi hỏi lời hứa này, đặc biệt vì Chúa Giê-xu vừa mới nhắc nhở họ về sự chết sắp xảy đến cho Ngài. Cả ba người đều thuận ý với nhau (*Ma-thi-ơ* 18:19), và có Lời Chúa khích lệ, vì thế không có lý do gì Chúa Giê-xu lại không ban cho họ điều họ cầu xin.

Ngọai trừ một việc: họ đang cầu xin cách vị kỷ, và Đức

Chúa Trời không đáp lại những lời cầu nguyện vị kỷ (*Gia-cơ* 4:2-3). Nếu Ngài đáp lời, thì sự đáp lời đó chỉ có thể là kỷ luật chúng ta và dạy chúng ta cách thức cầu xin trong ý muốn Ngài (*Thi Thiên* 106:15; *I Giăng* 5:14-15). Gia-cơ, Giăng, và Sa-lô-mê đã không nhận ra rằng *phải trả một giá nào đó để nhận được sự đáp lời cầu xin*. Để ban cho họ điều họ cầu xin, Chúa Giê-xu phải chịu khổ và chịu chết. Tại sao Ngài lại phải trả một giá lớn lao như thế chỉ để họ có thể hưởng được sự ngời trên ngời mà chẳng trả giá gì? Đó có phải là cách để tôn vinh Đức Chúa Trời chăng?

Chúa Giê-xu so sánh việc Ngài sắp chịu khổ và chịu chết với việc uống một chén đắng (*Mác* 14:32-36) và việc kinh nghiệm một phép báp-têm (*Lu-ca* 12:50 xin cũng xem *Thi Thiên* 41:7; 69:2,15). Đó sẽ là một kinh nghiệm đau thương – thế mà Gia-cơ và Giăng nói là có thể cùng nếm trải điều đó với Chúa Giê-xu! Hai vị này nào hiểu được những gì mình đã nói, vì một thời gian sau, khi đã thực sự dự phần trong phép báp-têm và trong chén đắng ấy, thì Gia-cơ là người đầu tiên trong số các môn đệ bị tuận đạo (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 12:1-2) còn Giăng thì kinh nghiệm sự bách hại lớn lao.

Vì lời cầu xin của họ bắt nguồn từ sự khôn ngoan thế tục, chứ không phải sự khôn ngoan từ trời, Gia-cơ và Giăng đã khơi dậy lòng căm tức của các môn đệ khác và đem đến tình trạng bất hòa chia rẽ cho cả nhóm (xin xem *Gia-cơ* 3:13-4:1). Chắc hẳn họ không vui vì đã không nghĩ đến việc cầu xin cho được làm đầu! Một lần nữa, Chúa Giê-xu cố gắng dạy dỗ họ việc trở nên một “người quan trọng” trong Nước Đức Chúa Trời có nghĩa gì (xin xem *Mác* 9:33-37).

Giống như nhiều người ngày nay, các môn đệ đang phạm sai lầm của việc học theo những tấm gương sai trật. Thay vì học theo gương Chúa Giê-xu, họ lại đang ao ước sự vinh quang và uy quyền của những bậc cầm quyền La Mã, là những người yêu thích địa vị và quyền hành. Trong khi không có gì sai trật với việc mong mỗi sự vĩ đại, chúng ta phải thận trọng cách

chúng ta định nghĩa “sự vĩ đại” như thế nào và tại sao chúng ta lại muốn có được nó. Chúa Giê-xu phán, “Hễ ai muốn làm lớn trong các người, thì sẽ làm đầy tớ; còn ai trong các người muốn làm đầu, thì sẽ làm tôi mọi mọi người” (Mác 10:43-44).

Mẫu mực của Đức Chúa Trời trong Thánh Kinh là một người trước hết phải là một đầy tớ trước khi Đức Chúa Trời cất nhắc người ấy lên thành một người cai trị. Điều này đúng với Giô-sép, Mô-i-se, Giô-suê, Đa-vít, Ti-mô-thê, và cả đến chính Chúa chúng ta nữa (Phi-líp 2:1-11). Nếu chúng ta không biết vâng theo các mệnh lệnh như thế nào, thì chúng ta không có quyền ra lệnh. Trước khi một người hành xử thẩm quyền, người ấy phải biết việc vâng phục thẩm quyền có ý nghĩa ra sao. Nếu Chúa Giê-xu Christ đã theo mẫu mực này trong việc hoàn tất công tác cứu chuộc vĩ đại, thì chắc chắn không có khuôn mẫu nào khác để chúng ta noi theo cả.

5. Những Kẻ Nghèo Trở Nên Giàu

Mác 10: 46-52

⁴⁶ Kế đó, Đức Chúa Jê-sus và môn đồ đến thành Giê-ri-cô. Ngài và môn đồ cùng một đoàn dân đông đang từ đó lại đi, thì có một người ăn mày mù tên là Ba-ti-mê, con trai của Ti-mê, ngồi bên đường. ⁴⁷ Vì đã nghe nói ấy là Đức Chúa Jê-sus, người Na-xa-rét, người vùng la lên mà rằng: Hỡi Đức Chúa Jê-sus, con vua Đa-vít, xin thương tôi cùng! ⁴⁸ Có nhiều kẻ rầy người, biểu nín đi; song người lại kêu lớn hơn nữa rằng: Hỡi con vua Đa-vít, xin thương tôi cùng! ⁴⁹ Đức Chúa Jê-sus dừng lại phán rằng: Hãy kêu người đến. Chúng kêu người mù đến, mà nói rằng: Hãy vững lòng, đứng dậy, Ngài gọi người. ⁵⁰ Người mù bỏ áo ngoài, bước tới đến cùng Đức Chúa Jê-sus. ⁵¹ Đức Chúa Jê-sus bèn cất tiếng phán rằng: Người muốn ta làm chi cho người? Người mù thưa rằng: Lạy thầy, xin cho tôi được sáng mắt. ⁵² Đức Chúa Jê-sus phán: Đi đi, đức tin người đã chữa lành người rồi. ⁵³ Tức thì người mù được sáng mắt, và đi theo Đức Chúa Jê-sus trên đường.

Một đoàn dân đông trên đường đi dự lễ Vượt Qua theo Chúa Giê-xu và các môn đệ Ngài đến thành Giê-ri-cô, cách Giê-ru-sa-lem chừng mười tám dặm. Thực ra có hai thành tên Giê-ri-

cô: thành cũ hiện nay đã đổ nát, và thành mới cách đó một dặm nơi Đại đế Hê-rốt và những kẻ kế nghiệp ông xây dựng một cung điện mùa đông thật hoang phí. Điều này có thể giúp giải thích điều có vẻ mâu thuẫn giữa *Mác* 10:46 và *Lu-ca* 18:35.

Có hai người ăn xin mù đang ngồi bên đường (*Ma-thi-ơ* 20:30), một trong hai người tên là Ba-ti-mê. Cả *Mác* và *Lu-ca* đều tập trung vào Ba-ti-mê vì anh ta lớn tiếng hơn người kia. Hai người ăn mày đã nghe tin là Giê-xu người Na-xa-rét, Đấng chữa bệnh, đang đi ngang qua; họ cố hết sức mình để thu hút sự chú ý của Ngài hầu cho họ có thể nhận được sự cứu giúp đầy thương xót của Ngài và được chữa lành.

Ban đầu, đám đông cố tìm cách bắt họ phải im lặng, nhưng khi Chúa Giê-xu dừng lại và cho đòi hai người đến, đám đông lại khích lệ họ! Những người tuyệt vọng không để cho đám đông ngăn họ đến với Chúa Giê-xu (xin xem *Mác* 5:25-34). Ba-ti-mê quăng bỏ áo ngoài để nó khỏi bị vướng chân và vội vàng chạy đến Chúa. Chắc hẳn một số người đi dự lễ hoặc các môn đệ đã giúp đỡ ông.

“Người muốn Ta làm gì cho người?” có vẻ như một câu hỏi lạ kỳ để hỏi một người mù. (Cũng câu hỏi này Ngài đã hỏi Gia-cơ, Giăng, và Sa-lô-mê, c. 36.) Nhưng Chúa Giê-xu muốn tạo cơ hội để người mù này nói lên ý kiến và bày tỏ đức tin của mình. Ông thật sự tin Chúa Giê-xu có thể làm gì cho mình?

Khi Ba-ti-mê gọi Chúa Giê-xu là “Chúa,” ông dùng danh xưng *Ra-bô-ni*, có nghĩa là “Thầy của tôi.” Chỉ có một người khác trong các sách Phúc Âm dùng từ này là Ma-ri (*Giăng* 20:16). Người ăn xin đã hai lần gọi Ngài là “Con vua Đa-vít,” một danh xưng của dân Do Thái chỉ về Đấng Mết-si-a, nhưng “*Ra-bô-ni*” là một từ bày tỏ đức tin cá nhân.

Ma-thi-ơ cho chúng ta biết rằng Chúa Giê-xu động lòng thương xót và rẽ vào mắt họ (*Ma-thi-ơ* 20:34), và lập tức họ được chữa lành. Do lòng biết ơn Chúa Giê-xu, hai người đã nhập vào đoàn người đi dự lễ và khởi sự hưởng về Giê-ru-sa-

lem, theo chân Chúa Giê-xu. Đây là phép lạ chữa bệnh sau cùng được ký thuật trong Mác, và chắc hẳn nó phù hợp với chủ đề “Người Đầy Tở” của sách Mác. Chúng ta nhìn thấy Chúa Giê-xu Christ, Đầy Tở Chịu Khổ của Đức Chúa Trời, đang trên đường bước lên thập tự giá, thế mà Ngài cũng đã dừng chân để phục vụ hai người ăn xin mù! Tình yêu của Ngài, sự thương xót của Ngài, và ân sủng của Ngài thật sâu rộng biết bao!

Đầy Tớ Tại Giê-ru-sa-lem

Mác 11:1-12:44

Giê-ru-sa-lem vào mùa lễ Vượt Qua là sự vui mừng của những người Do Thái và là nỗi bực mình của những người La Mã. Hàng ngàn người Do Thái mộ đạo từ khắp nơi trên thế giới đổ về Thành Thánh, lòng tràn đầy hứng khởi và nhiệt thành dân tộc. Dân cư thành Giê-ru-sa-lem tăng lên gấp ba lần trong suốt kỳ lễ, khiến cho quân lính La Mã cần phải cảnh giác canh phòng đặc biệt. Họ đề phòng khả năng một số người thuộc đảng cách mạng Do Thái nhiệt thành có thể tìm cách ám sát các viên chức La Mã hoặc kích động một cuộc nổi dậy, và luôn luôn có thể xảy ra những cuộc tranh luận giữa vòng các nhóm tôn giáo Do Thái khác nhau.

Người Đầy Tớ của Đức Chúa Trời bước vào cảnh trạng này không đầy một tuần trước khi Ngài bị đóng đinh bên ngoài tường thành. Trong phân đoạn này, chúng ta thấy Đầy Tớ của Đức Chúa Trời đang thi hành chức vụ trong ba vai trò chính thức khác nhau.

1. Người Đầy Tớ Là Vua

Mác 11: 1-11

¹ Khi tới gần thành Giê-ru-sa-lem, bên làng Bê-pha-giê và làng Bê-tha-ni, ngang núi Ô-li-ve, Đức Chúa Jê-sus sai hai môn đồ đi, ² và phán rằng: Hãy đi

đến làng ngay trước mặt các người; vừa khi vào đó, thấy một con lừa con đương buộc, chưa có ai cỡi; hãy mở nó ra, dắt về cho ta. ³ Hoặc có ai hỏi các người rằng: Vì sao làm điều đó? hãy đáp lại: Chúa cần dùng nó, tức thì họ sẽ cho dắt lừa về đây. ⁴ Hai người đi, thì thấy lừa con đương buộc ở ngoài trước cửa, chỗ đường quẹo, bèn mở ra. ⁵ Có mấy kẻ trong những người ở đó hỏi rằng: Các người mở lừa con đó làm chi? ⁶ Hai người trả lời theo Đức Chúa Jê-sus đã dặn; thì họ để cho đi.

⁷ Hai người dắt lừa con về cho Đức Chúa Jê-sus, lấy áo mình trải trên nó; rồi Ngài cỡi lên. ⁸ Nhiều người trải áo mình trên đường; lại có kẻ rải nhánh cây chặt trong đồng ruộng. ⁹ Người đi trước kẻ theo sau đều la lên rằng: Hô-sa-na! Đáng khen ngợi cho Đấng nhân danh Chúa mà đến! ¹⁰ Phước cho nước đến, là nước vua Đa-vít, tổ phụ chúng ta! Hô-sa-na ở trên nơi rất cao!

¹¹ Đức Chúa Jê-sus vào thành Giê-ru-sa-lem, đến nơi đền thờ; đoạn, liếc mắt xem mọi sự chung quanh, thì trời đã tối, Ngài bèn ra, đặng đi tới làng Bê-tha-ni với mười hai sứ đồ.

Trên con đường Chúa Giê-xu đi, khách lữ hành đến Bê-tha-ni trước và kế đó là làng Bê-pha-giê, cách Giê-ru-sa-lem chừng hai dặm. Địa điểm này ở độ cao khoảng 2.600 bộ (khoảng 870 m), và từ đó bạn có một quang cảnh ngoạn mục của Thành Thánh. Chúa sắp làm một việc mà trước đây Ngài chưa bao giờ làm, một việc mà Ngài đã nhiều lần cảnh cáo không được ai làm cho Ngài: giờ đây Ngài sắp cho phép những kẻ theo Ngài bày tỏ công khai lòng tôn kính đối với Ngài.

Chúa Giê-xu sai hai người trong các môn đệ đến làng Bê-pha-giê để đem con lừa con về để sử dụng vào công việc sắp tới. Ngày nay ai cũng cho lừa chỉ là một con vật tầm thường để tải hàng thôi, nhưng vào thời đó, nó được xem là một con vật thích hợp cho một vị vua dùng (*I Các-vua* 1:33). Chúa chúng ta cần con vật này để có thể làm trọn lời tiên tri về Đấng Mết-si-a chép trong *Xa-cha-ri* 9:9. Mác không trích dẫn hay đề cập đến câu này vì ông đang viết chủ yếu cho các độc giả dân ngoại.

Trong việc làm trọn lời tiên tri này, Chúa Giê-xu hoàn thành hai mục đích: (1) Ngài công bố chính Ngài là Vua Y-sơ-ra-ên và là Đấng Mết-si-a, và (2) Ngài có ý thách thức những nhà lãnh

đạo tôn giáo. Điều này đưa đến âm mưu bắt giữ Ngài, xét xử Ngài và đóng đinh Ngài. Những nhà lãnh đạo Do Thái đã quyết định không bắt giữ Ngài trong suốt kỳ lễ, nhưng Đức Chúa Trời đã có ý định. Chiên Con của Đức Chúa Trời phải chịu chết vào lễ Vượt Qua.

Nhiều người Do Thái yêu nước từ đoàn người đi dự lễ nô nống gia nhập vào cuộc diễn hành công bố Chúa Giê-xu là Vua, là Con vua Đa-vít nhân danh Chúa mà đến. Những vị khách từ vùng Ga-li-lê nổi bật nhất trong cuộc diễn hành, cùng với những người đã chứng kiến việc kêu La-xa-rô từ kẻ chết sống lại (*Giăng* 12:12-18). Có người cho rằng đoàn người đã la to "Hô-sa-na!" vào Chúa Nhật lễ Lá cũng chính là những người đã gào thét "Hãy đóng đinh Hắn!" vào Thứ Sáu Tuần Thánh, nhưng điều này không đúng. Số người muốn đóng đinh Ngài phần lớn đến từ xứ Giu-đê và thành Giê-ru-sa-lem, trong khi những người Do Thái vùng Ga-li-lê thì cảm thương với Ngài và chức vụ của Ngài.

Khi tiếp đón một vị vua, người ta thường có tục trải áo ngoài của mình trên đường, rồi rải thêm những cành cây lên trên (*II Các-Vua* 9:13). Tiếng la "Hô-sa-na!" có nghĩa là "Xin hãy cứu ngay giờ này!" và xuất phát từ *Thi Thiên* 118:25-26. Dĩ nhiên, Chúa Giê-xu biết rằng dân chúng đang trích dẫn từ một *Thi Thiên* nói về Đấng Mết-si-a (xin xem *Thi Thiên* 118:22-23 với *Ma-thi-ơ* 21:42-44 và *Công Vụ Các Sứ Đồ* 4:11), nhưng Ngài cho phép họ cứ làm điều đó và la to như vậy. Ngài đang công khai khẳng định địa vị Con vua Đa-vít của Ngài.

Những người La Mã đang nghĩ gì khi họ nhìn xem cuộc diễn hành có không khí lễ hội này? Người La Mã rất thành thạo về những cuộc diễn hành và những buổi lễ hội trọng thể. Chúng ta gọi biến cố này là "Sự Vào Thành Cách Khải Hoàn," nhưng không người La Mã nào muốn gọi như thế. Một "Cuộc Khải Hoàn Của La Mã" theo nghi thức quả là một cảnh tượng ngoạn mục! Khi một vị tướng La Mã trở về La Mã sau một cuộc toàn thắng kẻ thù, vị ấy được tiếp đón bằng một cuộc diễn hành với

tất cả những nghi thức vô cùng trọng thể. Trong cuộc diễu hành vị tướng ấy sẽ trưng bày những chiến lợi phẩm của mình và các tù nhân có tiếng mình đã bắt được. Vị tướng thắng trận cưỡi một cỗ xe ngựa bằng vàng, các thầy tế lễ đốt hương để tôn vinh ông, và dân chúng la to tên ông và ca tụng ông. Cuộc diễu hành kết thúc tại hí trường nơi dân chúng tiêu khiển bằng cách xem các tù nhân đánh nhau với những con thú dữ. Đó là “Cuộc Khải Hoàn Của La Mã.”

Sự vào thành khải hoàn của Chúa chúng ta không giống như thế chút nào, nhưng lại là một cuộc khải hoàn thật sự. Ngài là Vị Vua và Cứu Chúa đã được xúc dầu của Đức Chúa Trời, nhưng chiến thắng của Ngài có tính cách thuộc linh chứ không phải về quân sự. Một vị tướng La Mã phải giết ít nhất 5.000 địch quân để xứng đáng gọi là Cuộc Khải hoàn; nhưng trong vài tuần lễ sau đó, Phúc Âm đã “chinh phục” khoảng 5.000 người Do Thái và biến cải cuộc đời họ (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 4:4). “Cuộc khải hoàn” của Đấng Christ là chiến thắng của tình yêu đối với hận thù, chân lý đối với sai lầm, và sự sống đối với sự chết.

Sau khi nhìn vào khu vực đền thờ nơi Ngài sẽ trở lại ngày hôm sau, Chúa Giê-xu đã rời khỏi thành và qua đêm tại làng Bê-tha-ni, nơi an toàn hơn và yên tĩnh hơn. Chắc hẳn Ngài đã dành thời gian để cầu nguyện với các môn đệ Ngài, cố gắng chuẩn bị họ cho tuần lễ đầy gay go đang chờ phía trước.

2. Người Đầy Tớ Là Đấng Xét Xử

Mác 11: 12-26

¹² Sáng ngày, khi đã lìa làng Bê-tha-ni rồi, thì Ngài đói. ¹³ Vừa thấy đàng xa một cây vả có lá, Ngài đến đó xem hoặc có chi chẳng; song, tới gần rồi, chỉ thấy có lá mà thôi, vì bấy giờ không phải mùa vả. ¹⁴ Ngài bèn cất tiếng phán cùng cây vả rằng: Chẳng hề có ai ăn trái của mày nữa! Các môn đồ đều nghe lời ấy.

¹⁵ Đoạn, đến thành Giê-ru-sa-lem; Đức Chúa Jê-sus vào đền thờ, đuổi những kẻ buôn bán ở đó, lại lật đổ bàn những người đổi bạc, và ghế những kẻ bán bồ câu. ¹⁶ Ngài cấm không cho ai được đem đồ gì đi ngang qua đền thờ.

¹⁷ Rồi Ngài dạy dỗ chúng mà rằng: Há chẳng có lời chép: Nhà ta sẽ gọi là nhà

cầu nguyện của muôn dân hay sao? Nhưng các người đã làm thành cái hang trộm cướp. ¹⁸ các thầy tế lễ cả và các thầy thông giáo nghe mấy lời, bèn kiếm cách diệt Ngài; vì họ sợ Ngài, tại cả đoàn dân cảm động sự dạy dỗ của Ngài lắm.

¹⁹ Đến chiều, Ngài và môn đồ ra khỏi thành.

²⁰ Sáng hôm sau, khi đi ngang qua, thấy cây vả đã khô cho tới rễ; ²¹ bấy giờ Phi-e-rơ nhớ lại chuyện đã qua, thưa cùng Ngài rằng: Thầy, coi kìa! Cây vả thấy đã rủa nay khô đi rồi. ²² Đức Chúa Jê-sus cất tiếng phán rằng: Hãy có đức tin đến Đức Chúa Trời. ²³ Quả thật, ta nói cùng các người, ai sẽ biểu hòn núi này rằng: Phải cất mình lên, và quăng xuống biển, nếu người chẳng nghi ngại trong lòng, nhưng tin chắc lời mình nói sẽ ứng nghiệm, thì điều đó sẽ thành cho. ²⁴ Bởi vậy ta nói cùng các người: Mọi điều các người xin trong lúc cầu nguyện, hãy tin đã được, tất điều đó sẽ ban cho các người.

²⁵ Khi các người đứng cầu nguyện, nếu có sự gì bất bình cùng ai, thì hãy tha thứ, để Cha các người ở trên trời cũng tha lỗi cho các người. (Có mấy bản thêm câu 26 rằng: Song nếu không tha lỗi cho người ta, thì Cha các người ở trên trời cũng sẽ không tha lỗi cho các người.)

Việc Chúa quả cây vả và dẹp sạch đền thờ là những hành động có tính cách tượng trưng để minh họa tình trạng thuộc linh đáng buồn của dân tộc Y-sơ-ra-ên. Bất chấp nhiều đặc quyền và cơ hội ban cho mình, Y-sơ-ra-ên về bề ngoài thì không kết quả (cây vả) và bề trong thì lại bại hoại (đền thờ). Chúa Giê-xu đến không phải để đoán xét (*Giăng 3:17*), thế nhưng đến một lúc đây lại là điều duy nhất Đức Chúa Trời có thể làm (*Giăng 12:35-41*).

Rủa sả cây vả (*Mác 11:12-14, 20-26*). Cây vả ra lá vào tháng Ba hoặc tháng Tư và bắt đầu ra trái vào tháng Sáu, và ra đợt thứ nhì vào tháng Tám và có thể một đợt thứ ba vào tháng Mười Hai. Có lá có nghĩa là có trái cho dù đó là trái còn sót lại từ mùa trước. Ngài đã đi đến cây vả và tự mình xem xét mọi việc.

Nếu Ngài có quyền năng để làm cây vả chết đi, tại sao Ngài không dùng quyền năng ấy để khiến nó sống lại và làm cho nó ra trái? Ngoài việc làm cho bầy heo chết đuối (*Mác 5:13*), đây là trường hợp duy nhất Chúa chúng ta dùng quyền năng diệu kỳ của Ngài để hủy diệt thiên nhiên. Ngài làm điều này vì Ngài muốn dạy chúng ta hai bài học quan trọng.

Trước tiên là bài học về *sự thất bại*: Y-sơ-ra-ên đã thất bại không thể kết quả cho Đức Chúa Trời. Trong Cựu Ước, cây vả được gắn liền với dân tộc Y-sơ-ra-ên (*Giê-rê-mi* 8:13; *Nê-hê-mi* 3:12; *Ô-sê* 9:10). Giống như cây vả Chúa chúng ta đã rửa sả, Y-sơ-ra-ên “không có gì ngoài ra lá.” Hãy lưu ý là cây vả đã khô “đến tận rễ” (*Mác* 11:20). Ba năm trước, Giăng Báp-tít đã đặt một cái búa kề rễ cây (*Ma-thi-ơ* 3:10), nhưng những nhà lãnh đạo tôn giáo không hề chú ý sứ điệp của người. Hễ khi nào một cá nhân hoặc một nhóm tín hữu “khô hạn” về tâm linh, thì thường là từ gốc rễ. Có thể có nhiều lá được người ta ngưỡng mộ, nhưng không có trái để mọi người có thể hưởng được.

Các môn đệ có lẽ liên hệ phép lạ này với ẩn dụ mà Chúa Giê-xu đã phán dạy vài tháng trước đó (*Lu-ca* 13:1-9), và họ sẽ nhìn thấy trong phép lạ này một bức tranh sống động về sự đoán xét của Đức Chúa Trời đối với Y-sơ-ra-ên. Họ cũng có thể nhớ lại *Mi-chê* 7:1-6 công bố rằng Đức Chúa Trời đang tìm kiếm “trái vả đầu mùa” từ dân Ngài. Đấng Christ vẫn đang tìm kiếm kết quả từ dân Ngài, và đối với chúng ta không kết quả tức là tội lỗi (*Giăng* 15:16). Chúng ta phải cẩn thận vun xới rễ thuộc linh của mình chứ không nghỉ yên trên “lá” mà thôi.

Chúa Giê-xu cũng dùng phép lạ này để dạy chúng ta một bài học về đức tin. Sáng hôm sau, khi các môn đệ thấy cây vả đã chết, Chúa Giê-xu phán, “Hãy có đức tin đến Đức Chúa Trời,” có nghĩa là “Hãy luôn tin cậy Đức Chúa Trời; hãy sống trong một thái độ nương cậy nơi Ngài.” Trong tâm trí của người Do Thái, một ngọn núi biểu thị một điều gì mạnh mẽ và không thể đổi dời được, một nan đề, một trở ngại (*Xa-cha-ri* 4:7). Chúng ta chỉ có thể dời những ngọn núi này bởi việc tin cậy Đức Chúa Trời mà thôi.

Dĩ nhiên, đây không phải là bài học duy nhất Chúa Giê-xu từng dạy về sự cầu xin; và chúng ta phải cẩn thận đừng tách rời nó khỏi phần còn lại của Thánh Kinh. Sự cầu xin phải trong ý muốn của Đức Chúa Trời (*I Giăng* 5:14-15), và người cầu xin phải đang ở trong sự yêu thương của Đức Chúa Trời (*Giăng*

15:7-14). Sự cầu xin không phải là một biện pháp khẩn cấp chúng ta hướng đến khi gặp một nan đề. Sự cầu nguyện thật là một phần của mối tương giao thường xuyên của chúng ta với Đức Chúa Trời và một phần của sự thờ phượng Đức Chúa Trời.

Chúng ta cũng không nên diễn giải *Mác* 11:24 là, “Nếu các người hết sức cầu nguyện và *thật lòng tin*, thì Đức Chúa Trời phải đáp lại những lời cầu xin của các người, cho dù các người cầu xin điều gì đi nữa.” Loại đức tin ấy không phải là đức tin nơi Đức Chúa Trời; đó là loại đức tin vì cảm xúc, không phải là đức tin đúng nghĩa. Đức tin thật nơi Đức Chúa Trời phải dựa trên Lời Ngài (*Rô-ma* 10:17; *Giăng* 15:7), và Lời Ngài bày tỏ ý muốn của Ngài cho chúng ta. Có người đã từng nói rằng mục đích của sự cầu nguyện không phải là để ý muốn con người được thực hiện trên thiên đàng, mà là để ý muốn Đức Chúa Trời được thực hiện trên đất này.

Sự cầu nguyện thật bao gồm sự tha thứ cũng như đức tin. Tôi phải ở trong mối tương giao với cả Cha tôi trên trời lẫn anh em tôi dưới đất nếu tôi muốn Đức Chúa Trời đáp lại những lời cầu xin của tôi (xin xem *Ma-thi-ơ* 5:21-26; 6:14-15; 18:15-35). Từ đầu tiên trong “Lời cầu nguyện của Chúa” là *chúng tôi* – Lạy Cha *chúng tôi* ở trên trời” chứ không phải “Lạy Cha tôi ở trên trời.” Mặc dầu Cơ Đốc nhân có thể cầu nguyện trong nơi riêng tư, nhưng không Cơ Đốc nhân nào từng cầu nguyện một mình cả; vì tất cả con dân của Đức Chúa Trời đều là một phần của đại gia đình trên toàn thế giới hiệp nhất lại để tìm kiếm phước hạnh của Đức Chúa Trời (*Ê-phê-sô* 3:14-15). Sự cầu nguyện kéo chúng ta đến gần với nhau.

Không phải chúng ta không kiếm được phước hạnh của Đức Chúa Trời bởi việc tha thứ cho nhau. Tinh thần tha thứ của chúng ta là một chứng cứ rằng tấm lòng chúng ta trọn lành trước mặt Đức Chúa Trời và chúng ta muốn vâng theo ý muốn Ngài, và điều này khiến Đức Chúa Cha có thể nghe chúng ta và nhậm lời chúng ta (*Thi Thiên* 66:18). Đức tin biểu lộ bằng tình yêu thương (*Ga-la-ti* 5:6). Nếu tôi có đức tin nơi Đức Chúa Trời, tôi

cũng sẽ có tình yêu thương đối với anh em mình nữa.

Đẹp sạch đền thờ (Mác 11:15-19). Chúa Giê-xu đã dẹp sạch đền thờ trong chuyến viếng thăm vào lễ Vượt Qua đầu tiên của Ngài (*Giăng* 2:13-22), nhưng kết quả chỉ nhất thời thôi. Chẳng bao lâu sau, các nhà lãnh đạo tôn giáo lại cho phép những kẻ đổi bạc và những người mua bán trở lại. Các thầy tế lễ nhận được phần của mình, và dầu sao, những dịch vụ này là một sự tiện lợi đối với những người Do Thái hành hương đến Giê-ru-sa-lem để thờ phượng. Hãy giả định một người Do Thái từ nước khác đến, mang theo con sinh tế của chính mình, và sau đó khám phá rằng nó bị khước từ vì cơ một tí vít nào đó thì sao? Tỉ lệ tiền luôn thay đổi, vì thế những người đối ngoại tệ đang làm ơn cho các khách hành hương, cho dù những người lái buôn đang kiếm một số tiền lời thật lớn. Thật dễ dàng để họ hợp lý hóa toàn bộ công việc làm ăn này.

“Nơi họp chợ tôn giáo” này được dựng lên trong phần sân dành cho các dân ngoại, là nơi duy nhất người Do Thái đáng lý ra phải sử dụng vào công tác truyền giáo thiêng liêng của mình. Nếu một người ngoại đến viếng thăm đền thờ và nhìn thấy những gì người Do Thái đang làm *trong danh của Đức Chúa Trời chân thật*, người ấy sẽ không bao giờ tin được những điều họ dạy dỗ. Người Do Thái không thể cho phép có các thần tượng bằng gỗ và đá trong đền thờ của họ, nhưng những thần tượng vẫn có mặt tại đó. Phần sân dành cho các dân ngoại lẽ ra phải là một nơi để cầu nguyện, nhưng lại là một nơi để bóc lột và trục lợi.

Mác đặc biệt đề cập tới những người bán bồ câu. Bồ câu là một trong số rất ít của tế lễ mà những người nghèo có khả năng sắm sửa (*Lê-vi Ký* 14:22). Đó là của tế lễ Giô-sép và Ma-ri đã đem đến khi họ dâng con trẻ Giê-xu trong đền thờ (*Lu-ca* 2:24). Cả đến những người nghèo cũng là nạn nhân của những kẻ buôn bán tại đền thờ, và điều này tự nó chắc hẳn đã làm cho Chúa Giê-xu đau lòng, vì Ngài luôn thương xót kẻ nghèo khổ (xin xem *Mác* 12:41-44).

Chúa Giê-xu đã trích dẫn hai câu Thánh Kinh để bênh vực cho những việc Ngài làm – Ê-sai 56:7 và Giê-rê-mi 7:11. Cùng lúc đó, Ngài đã vạch trần tội lỗi của những nhà lãnh đạo tôn giáo. Người Do Thái xem đền thờ chủ yếu là một nơi để dâng tế lễ, nhưng Chúa Giê-xu thấy đó là một nơi để cầu nguyện. Sự cầu nguyện thật tự nó đã là một tế lễ dâng lên cho Đức Chúa Trời (*Thi Thiên* 141:1-2). Chúa Giê-xu đã có một cái nhìn thuộc linh về tôn giáo của người Do Thái, trong khi những nhà lãnh đạo thì đề xướng một quan điểm có tính cách truyền thống đã bị rối rắm bởi những luật lệ và phép tắc.

Campbell Morgan chỉ rõ rằng “một cái hang trộm cướp” là nơi bọn trộm cướp chạy đến *khi chúng muốn ẩn trốn*. Những thầy tế lễ cả và những thầy thông giáo đang sử dụng đền thờ và những dịch vụ tôn giáo của đền thờ để “che đậy” tội lỗi và sự giả hình của mình. Cả hai tiên tri Ê-sai (*Ê-sai* 1:10-17) và Giê-rê-mi (*Giê-rê-mi* 7:1-16) đều đã cảnh cáo dân Chúa trong thời của họ rằng sự hiện diện của đền thờ vật chất không hề bảo đảm sự chúc phước từ Đức Chúa Trời. Chính những gì dân chúng làm tại đền thờ *xuất phát từ tấm lòng họ* mới thật sự quan trọng. Dân Chúa đã không chú ý đến lời cảnh cáo của các đấng tiên tri và của Chúa chúng ta nữa.

Khi các thầy thông giáo và thầy tế lễ cả nghe thuật về những việc làm của Chúa chúng ta, họ luôn cố tìm cách bắt Ngài (xin xem *Mác* 14:1-2). Giu-đa sẽ giải quyết vấn đề này cho họ. Trước khi chúng ta vội vàng lên án những nhà lãnh đạo tôn giáo Do Thái về tội lỗi của họ, chúng ta cần phải xem xét những công tác phục vụ Chúa của chính mình để xem liệu chúng ta có thể đang biến sứ điệp Phúc Âm thành một món hàng mua bán chằng. Những người ngoại trong xã hội chúng ta đang sống có cho rằng nhà thờ của chúng ta thực sự là những ngôi nhà cầu nguyện không? Tất cả các dân tộc có được tiếp đón tại đó chằng? Là những thuộc viên trong Hội Thánh chúng ta có đến nhà thờ vào những ngày Chúa Nhật nhằm cố gắng che đậy tội lỗi của mình không? Chúng ta “đi nhà thờ” để giữ tiếng tăm mình hay

để thờ phượng và tôn vinh Đức Chúa Trời? Nếu Cứu Chúa Giê-xu sẽ hiện đến trong ngôi nhà thờ phượng của chúng ta, Ngài sẽ thực hiện những đổi thay nào?

3. Người Đầy Tớ Là Đáng Tiên Tri

Mác 11: 27-33 và 12:1-44

²⁷ Chúa và môn đồ trở lại thành Giê-ru-sa-lem. Ngài đang đi dạo trong đền thờ, thì các thầy tế lễ cả, các thầy thông giáo, và các trưởng lão tới gần Ngài, ²⁸ mà hỏi rằng: Thấy lấy quyền phép nào làm những điều ấy, hoặc ai đã cho thầy quyền phép làm những điều ấy? ²⁹ Đức Chúa Jê-sus phán rằng: Ta cũng hỏi các người một câu; hãy trả lời cho ta, thì ta sẽ nói cho các người biết ta làm những điều đó bởi quyền phép nào. ³⁰ Phép báp-têm của Giăng đến bởi trên trời hay là bởi người ta? Hãy trả lời cho ta đi. ³¹ Vả, họ bàn với nhau như vậy: Nếu chúng ta nói: Bởi trên trời, thì người sẽ nói rằng: Vậy, sao các người không tin lời Giăng? ³² Bằng chúng ta nói trái lại: Bởi người ta? Họ sợ dân chúng, vì ai nấy đều tin Giăng thật là Đáng tiên tri.

³³ Nên họ thưa lại cùng Đức Chúa Jê-sus rằng: Chúng tôi không biết. Đức Chúa Jê-sus bèn phán cùng họ rằng: Ta cũng không nói cho các người biết ta nhờ quyền phép nào mà làm những điều ấy.

12

¹ Đức Chúa Jê-sus khởi phán thí dụ cùng họ rằng: Một người kia trồng vườn nho, rào chung quanh, ở trong đào một cái hầm ép rượu, và dựng một cái tháp; đoan, cho mấy người làm nghề trồng nho thuê, mà lìa bốn xứ. ² Tới mùa, chủ vườn sai một đầy tớ đến cùng bọn trồng nho, đặt thâu lấy phần hoa lợi vườn nho nơi tay họ. ³ Nhưng họ bắt đầy tớ mà đánh, rồi đuổi về tay không. ⁴ Người lại sai một đầy tớ khác đến; nhưng họ đánh đầu nó và chưỡi rửa nữa. ⁵ Người còn sai đứa khác đến, thì họ giết đi; lại sai nhiều đứa khác nữa, đứa thì bị họ đánh, đứa thì bị họ giết. ⁶ Chủ vườn còn đứa con trai một rất yêu dấu, bèn sai đi lần cuối cùng, mà nói rằng: Chúng nó sẽ kính vì con ta! ⁷ Nhưng bọn trồng nho đó bàn với nhau rằng: Thằng này là con kế tự; hê, ta hãy giết nó, thì phần gia tài nó sẽ về chúng ta. ⁸ Họ bắt con trai ấy giết đi, ném ra ngoài vườn nho. ⁹ Vậy thì chủ vườn nho sẽ làm thế nào? Người sẽ đến giết bọn trồng nho đó, rồi lấy vườn nho lại mà cho người khác. ¹⁰ Các người há chưa đọc lời Kinh thánh

này:

Hòn đá bị thợ xây nhà bỏ ra,

Đã trở nên đá góc nhà;

¹¹ Ấy là công việc của Chúa,

Và là việc rất lạ trước mắt chúng ta,

hay sao? ¹² Những người đó bèn tìm cách bắt Ngài, vì biết rõ rằng Ngài phán thí dụ ấy chỉ về mình; song sợ dân chúng, nên bỏ Ngài mà đi.

¹³ Kế đó, họ sai mấy người thuộc về phe Pha-ri-si và đảng Hê-rốt đến, để bắt lỗi Ngài trong lời nói. ¹⁴ Vậy, mấy người ấy đến, thưa Ngài rằng: Lạy thầy, chúng tôi biết thầy là người thật, không sợ gì ai; vì thầy không xem bề ngoài người ta, nhưng dạy đạo Đức Chúa Trời theo mọi lẽ thật. Có nên nộp thuế cho Sê-sa hay không? Chúng tôi phải nộp hay là không nộp? ¹⁵ Nhưng Ngài biết sự giả hình của họ, thì phán rằng: Các người thử ta làm chi? Hãy đem cho ta xem một đồng đơ-ni-ê. ¹⁶ Họ đem cho Ngài một đồng, Ngài bèn phán rằng: Hình và hiệu nầy của ai? Họ trả lời rằng: Của Sê-sa. ¹⁷ Đức Chúa Jê-sus phán rằng: Vật chi của Sê-sa hãy trả lại cho Sê-sa, còn vật chi của Đức Chúa Trời hãy trả lại cho Đức Chúa Trời. Họ đều lấy làm lạ về Ngài.

¹⁸ Các người Sa-đu-sê, là những kẻ vẫn nói rằng không có sự sống lại, đến gần mà hỏi Ngài rằng: ¹⁹ Thưa thầy, Môi-se đã ban cho chúng tôi luật nầy: Nếu một người kia có anh em qua đời, để vợ lại, không con, thì người kia phải lấy vợ góa đó để đặng nối dòng dõi cho anh em mình. ²⁰ Vả, có bảy anh em. Người thứ nhất cưới vợ, rồi chết, không có con. ²¹ Người thứ hai lấy vợ góa ấy, sau chết, cũng không có con; rồi đến người thứ ba cũng vậy.

²² Trong bảy người, chẳng ai để con lại. Sau hết, người đàn bà cũng chết.

²³ Lúc sống lại, đàn bà đó là vợ ai trong bảy anh em? Vì hết thấy đều đã lấy người làm vợ. ²⁴ Đức Chúa Jê-sus đáp rằng: Há chẳng phải các người lầm, vì không biết Kinh Thánh, cũng không hiểu quyền phép Đức Chúa Trời sao? ²⁵ Vì đến lúc người ta từ kẻ chết sống lại, thì chẳng cưới vợ, chẳng lấy chồng; nhưng các người sống lại đó ở như thiên sứ trên trời vậy. ²⁶ Còn về những người người trong bụi gai rằng: Ta là Đức Chúa Trời của Áp-ra-ham, Đức Chúa Trời của Y-sác, Đức Chúa Trời của Gia-cốp, các người há chưa đọc đến sao? ²⁷ Ngài chẳng phải là Đức Chúa Trời của kẻ chết, mà là của kẻ sống! Thật các người lầm to.

²⁸ Bấy giờ, có một thầy thông giáo nghe Chúa và người Sa-đu-sê biện luận với nhau, biết Đức Chúa Jê-sus đã khéo đáp, bèn đến gần hỏi Ngài rằng: Trong các điều răn, điều nào là đầu hết? ²⁹ Đức Chúa Jê-sus đáp rằng: Nầy là điều đầu nhất: Hỡi Y-sơ-ra-ên, hãy nghe, Chúa, Đức Chúa Trời chúng ta, là Chúa có một. ³⁰ Người phải hết lòng, hết linh hồn, hết trí khôn, hết sức mà kính mến Chúa là Đức Chúa Trời người. (Có nhiều bản cũ thêm rằng: Đó là điều răn thứ nhất; còn điều thứ hai đây cũng vậy.) ³¹ Nầy là điều thứ hai: Người phải yêu kẻ lân cận như mình. Chẳng có điều răn nào lớn hơn hai điều đó. ³² Thầy thông giáo trả lời rằng: Thưa thầy, thầy nói phải, hợp lý lắm, thật Đức Chúa Trời là có một, ngoài Ngài chẳng có Chúa nào khác nữa; ³³ thật phải kính mến Chúa hết lòng, hết trí, hết sức, và yêu kẻ lân cận như mình, ấy là hơn mọi của lễ thiêu cùng hết thấy các của lễ. ³⁴ Đức Chúa Jê-sus thấy người trả lời như người khôn,

thì phán rằng: Người chẳng cách xa nước Đức Chúa Trời đâu. Rồi không ai dám hỏi Ngài nữa.

³⁵ Đức Chúa Jêsus đương dạy dỗ trong đền thờ, bèn cất tiếng phán những lời này: Sao các thầy thông giáo nói Đấng Christ là con Đa-vít? ³⁶ Chính Đa-vít đã cảm Đức Thánh Linh mà nói rằng:

Chúa phán cùng Chúa tôi:

Hãy ngồi bên hữu ta,

Cho đến chừng nào ta để kẻ thù nghịch ngươi làm bệ dưới chân ngươi.

³⁷ Vì chính Đa-vít xưng Ngài bằng Chúa, thì lẽ nào Ngài là con vua ấy? Đoàn dân đông vui lòng mà nghe Ngài.

³⁸ Trong lúc dạy dỗ, Ngài lại phán rằng: Hãy giữ mình về các thầy thông giáo, là kẻ ưa mặc áo dài đi chơi, thích người ta chào mình giữa chợ. ³⁹ muốn ngồi cao nhưt trong các nhà hội cùng trong các đám tiệc, ⁴⁰ nuốt các nhà đàn bà góa, mà làm bộ đọc lời cầu nguyện dài. Họ sẽ bị phạt càng nặng hơn nữa.

⁴¹ Đức Chúa Jêsus ngồi đối ngang cái rương đựng tiền dâng, coi dân chúng bỏ tiền vào thế nào. ⁴² Có lắm người giàu bỏ nhiều tiền; cũng có một mù góa nghèo kia đến bỏ hai đồng tiền ăn một phần tư xu. ⁴³ Ngài bèn kêu môn đồ mà phán rằng: Quả thật, ta nói cùng các ngươi, mù góa nghèo này đã bỏ tiền vào rương nhiều hơn hết thầy những người đã bỏ vào. ⁴⁴ Vì mọi kẻ khác lấy của dư mình bỏ vào, còn mù này nghèo cực lắm, đã bỏ hết của mình có, là hết của có để nuôi mình.

Vào những ngày sau đó, những người đại diện tôn giáo và chính trị bất ngờ tấn công Chúa Giê-xu khi Ngài giảng dạy tại đền thờ, cố gắng gài bẫy Ngài bằng những câu chất vấn của họ. Ngài trả lời bốn câu hỏi, và rồi đặt cho họ một câu hỏi khiến họ phải im lặng mãi mãi.

Câu hỏi về thẩm quyền (Mác 11:27-12:12). Là những người chính thức bảo vệ Luật Pháp, các thành viên thuộc toà công luận vừa có quyền vừa có trách nhiệm phải điều tra bất cứ ai tự xưng là được Đức Chúa Trời sai đến kể cả Chúa Giê-xu (xin xem *Phục Truyền Luật Lệ Ký* 18:15-22). Tuy nhiên, những người này không có đầu óc cởi mở và động cơ chân thật. Họ không tìm kiếm chân lý; nhưng tìm kiếm chứng cứ để diệt Ngài (Mác 11:18). Chúa Giê-xu biết điều họ đang làm, vì thế Ngài đáp lời chất vấn của họ bằng một câu hỏi khác và phơi bày sự giả hình của họ.

Tại sao lại đưa họ quay trở về với Giảng Báp-tít? Vì một lý

do rất chính đáng: Đức Chúa Trời không dạy chúng ta chân lý mới mẻ nếu chúng ta khước từ chân lý Ngài đã bày tỏ rồi. Nguyên tắc căn bản này được bày tỏ trong *Giăng* 7:17 “Nếu ai khứng làm theo ý muốn của Đức Chúa Trời thì sẽ biết đạo lý Ta có phải là bởi Đức Chúa Trời hay là Ta nói theo ý Ta.” “Sự vâng lời là tiếng nói của sự hiểu biết thuộc linh,” nhà truyền đạo người Anh F.W. Robertson đã nói. Những nhà lãnh đạo tôn giáo Do Thái đã không chấp nhận những điều *Giăng* dạy dỗ, thế thì Đức Chúa Trời cần phải phán dạy thêm điều gì với họ nữa? Nếu họ đã vâng theo sứ điệp của *Giăng*, rất có thể họ đã vui mừng quy phục quyền năng của Đấng Christ, vì *Giăng* đã đến để giới thiệu Đấng Mết-si-a cho dân tộc này.

Những nhà lãnh đạo Do Thái đã rơi vào tình trạng tiến thoái lưỡng nan do chính mình gây ra. Họ không hỏi “Điều gì đúng?” hay “Điều gì phải?” mà lại hỏi “Điều gì an toàn?” Đây là cách đặt vấn đề của những kẻ giả hình ưa thích làm đẹp lòng đám đông. Đó chắc hẳn không phải là cách đặt vấn đề của Chúa Giê-xu (*Mác* 12:14) hay của *Giăng* Báp-tít (*Ma-thi-ơ* 11:7-10). Không phải Chúa Giê-xu từ chối trả lời câu hỏi của họ nhưng Ngài chỉ không chịu chấp nhận và tán thành sự giả hình của họ. Không phải Ngài tránh né vấn đề nhưng Ngài trung thực.

Trước khi họ có cơ hội thoát khỏi nơi đó, Ngài kể cho họ một ẩn dụ cho thấy *tội lỗi của họ đang dẫn họ đi đến đâu*. Họ đã để cho *Giăng* Báp-tít bị giết hại, nhưng chẳng bao lâu nữa họ sẽ đòi đóng đinh Con Đức Chúa Trời!

Vườn nho là một hình ảnh quen thuộc của Y-sơ-ra-ên (*Ê-sai* 5:1-7; *Thi-Thiên* 80:8-16). Theo *Lê-vi* Ký 19:23-25, một người làm vườn sẽ không ăn trái cho đến năm thứ năm, mặc dầu chúng ta không chắc người Do Thái có vâng giữ luật này vào thời đó không. Để bảo vệ quyền sở hữu của mình trên đất đai, sản vật nơi các tá điền, cho dù chỉ là một ít rau trồng xen kẽ giữa những cây nho. Còn các tá điền thì không chịu nộp cho chủ bất cứ hoa lợi gì: họ muốn đoạt vườn nho cho riêng mình. Điều đó cũng giải thích vì sao người chủ tiếp tục sai các đầy tớ đến cùng họ

để duy trì thẩm quyền và chủ quyền.

Nếu các câu *Mác* 12:2-5 được hiểu là ba năm không được ăn trái, thì chính vào năm thứ tư người Con yêu dấu đã được sai đến. Đây là năm mà trái được dâng lên cho Đức Giê-hô-va (*Lê-vi Ký* 19:24), và điều này khiến cho việc sai người Con đến lại có ý nghĩa hơn. Nếu các tá điền tiêu diệt người con kế tự, họ sẽ có trọn quyền san đoạt tài sản; vì thế họ quăng người con ra ngoài (xin xem *Hê-bơ-rơ* 13:12-13) và giết đi. Họ muốn thủ lợi và thậm chí muốn giết người con để hoàn thành mục đích gian ác của mình (*Giăng* 11:47-53).

Chúa Giê-xu hỏi, “Vậy thì chủ vườn nho sẽ làm thế nào?” Những nhà lãnh đạo trả lời câu hỏi này là tự kết tội mình (*Ma-thi-ơ* 21:41), và rồi Chúa Giê-xu nhắc lại câu trả lời của họ như một lời tuyên án oai nghiêm từ Đấng Phán Xét. Nhưng trước khi họ có thể kháng cáo, Ngài đã trích dẫn một lời tiên tri về Đấng Mết-si-a trong *Thi Thiên* 118:22-23 mà họ từng biết. Chúng ta đã gặp cùng *Thi Thiên* này lúc Ngài vào thành cách khải hoàn (*Mác* 11:9-10). Ai cũng biết “Hòn Đá” là biểu tượng chỉ về Đấng Mết-si-a (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 17:6; *Đ a-ni-ên* 2:34; *Xa-cha-ri* 4:7; *Rô-ma* 9:32-33; *I Cô-rinh-tô* 10:4 và *I Phi-e-rơ* 2:6-8). Người Đầy Tớ là Đấng Đoán Xét đã công bố một lời tuyên án hai tội cùng một lúc: họ không chỉ khước từ Con, nhưng họ cũng đã chối bỏ Hòn Đá nữa! Chỉ có thể có một hậu quả dành cho họ mà thôi – đó là sự phán xét (*Ma-thi-ơ* 22:1-14).

Câu hỏi liên quan đến trách nhiệm (*Mác* 12:13-17). Một sự đe dọa chung buộc hai kẻ thù phải liên kết với nhau, đó là những người Pha-ri-si và những người thuộc đảng Hê-rốt. Những kẻ thuộc đảng Hê-rốt ủng hộ gia đình của Hê-rốt cùng những người La Mã là kẻ ủy quyền cai trị cho họ. Tuy nhiên, những người Pha-ri-si xem đảng Hê-rốt là những kẻ gian ác chiếm đoạt ngôi của vua Đa-vít; vì dầu sao, Hê-rốt là một người Ê-dôm chứ không phải một người Do Thái. Những người Pha-ri-si cũng phản đối loại thuế thân mà những người La Mã đã đánh trên Giu-đa, và họ căm ghét chính sự hiện diện của La Mã trên

xứ sở họ.

Sự liên minh tạm thời của họ là một cái bẫy, vì dù Chúa Giê-xu trả lời câu hỏi của họ thế nào đi nữa, thì Ngài vẫn gặp rắc rối, không với La Mã thì với đảng Hê-rốt! Nhưng Chúa Giê-xu đã chuyển cuộc tranh luận từ chính trị sang nguyên tắc và khiến những kẻ giả hình phải rơi vào bẫy của chính họ. Chúng ta có thể nêu câu trả lời của Chúa đại khái như thế này: “Hình của Sê-sa được khắc trên những đồng tiền của người, vì vậy chúng phải được đúc bởi thẩm quyền của người. Sự kiện các ông sở hữu những đồng tiền này và dùng chúng cho thấy rằng các ông nghĩ chúng có một giá trị nào đó. Vì thế, các ông đang chấp nhận thẩm quyền của Sê-sa, nếu không các ông sẽ không dùng tiền của người! Nhưng đừng quên rằng các ông đã được dựng nên theo hình ảnh của Đức Chúa Trời và do đó cũng phải sống dưới thẩm quyền của Đức Chúa Trời nữa.”

Có lần tôi trao đổi thư từ ngắn với một người phản đối lời giải thích của tôi về *Rô-ma* 13:1-14. Ông ta nói rằng mọi nhà cầm quyền đều thuộc về ma quỷ và Cơ Đốc nhân không được khuất phục trước thẩm quyền của “các thế lực đang cai trị.” Tôi chỉ cho ông thấy rằng ngay việc ông dùng dịch vụ thư tín của nước Mỹ đã là một sự chấp nhận thẩm quyền của nhà nước rồi. Tiền bạc ông dùng mua giấy và tem cũng đến từ “các thế lực đang cai trị.” Đối với vấn đề đó, chính sự tự do ông có để phát biểu ý kiến của mình là một cái quyền được đảm bảo bởi chính nhà cầm quyền vậy!

Từ ngữ dịch là “trả lại” trong *Mác* 12:17 có nghĩa là “trả một món nợ, hoàn lại.” Chúa Giê-xu xem những loại thuế là món nợ mà người công dân phải trả cho các dịch vụ được thực hiện. Ngày nay những dịch vụ này bao gồm sở cứu hỏa, sở cảnh sát, quốc phòng, lương bổng cho các viên chức điều hành công việc nhà nước, những chương trình đặc biệt lo cho người nghèo và những người bị yếu kém, v. v. . . Cá nhân người công dân Cơ Đốc có thể không tán đồng với cách thức nhà nước sử dụng tất cả số tiền nộp thuế của mình, và người ấy có thể biểu lộ điều

đó bằng tiếng nói và lá phiếu của mình, nhưng người ấy phải chấp nhận sự kiện là Đức Chúa Trời đã lập nên nhà cầm quyền vì cơ lợi ích của chúng ta (*Rô-ma* 13:1-14; *I Ti-mô-thê* 2:1-6; *I Phi-e-rơ* 2:13-17). Cho dù chúng ta không thể tôn trọng những cá nhân trong chức vụ, chúng ta vẫn phải tôn trọng chức vụ đó.

Câu hỏi về cõi đời đời (*Mác* 12:18-27). Đây là chỗ duy nhất trong sách Mác đề cập tới những người thuộc phe Sa-đu-sê. Nhóm người này chỉ chấp nhận Luật Pháp Môi-se là có thẩm quyền về mặt tôn giáo, vì thế, nếu một giáo điều nào không được năm sách đầu của Cựu Ước bảo vệ thì họ sẽ không chấp nhận giáo điều đó. Họ không tin vào sự hiện hữu của linh hồn, sự sống sau sự chết, sự sống lại, sự phán xét sau cùng, các thiên sứ, hay ma quỷ (xin xem *Công Vụ Các Sứ Đồ* 23:8). Đa số những người Sa-đu-sê là những thầy tế lễ và giàu có. Họ tự cho mình là “những nhà quý tộc tôn giáo” của Do Thái giáo và có khuynh hướng xem thường mọi người khác.

Họ đặt ra một câu hỏi cho Chúa Giê-xu, dựa trên luật lệ về hôn nhân được chép trong sách *Phục Truyền Luật Lệ Ký* 25:7-10. Giả dụ rằng có một người đàn bà có cả bảy người chồng trong suốt cuộc đời bà, tất cả đều là anh em của nhau, và tất cả những người chồng này đều đã chết. Họ lập luận rằng, “Nếu như có một sự sống lại trong tương lai, thì bà này phải sống đời đời với cả bảy người chồng hay sao?” Luận cứ này xem ra rất hoàn hảo.

Những người Sa-đu-sê cho rằng mình khôn ngoan, nhưng không ngờ Chúa Giê-xu đã cho thấy họ ngu dốt về hai điều: quyền năng của Đức Chúa Trời và chân lý của Thánh Kinh. Sự sống lại không phải là việc hoàn trả sự sống trở lại như chúng ta hiểu; đó là việc bước vào một sự sống mới khác hẳn sự sống dưới trần thế. Chính Đức Chúa Trời, Đấng đã tạo dựng các thiên sứ và sẽ ban cho chúng ta thân thể mới để sống đời sống mới ở trên trời (*I Cô-rinh-tô* 15:38tt). Chúa Giê-xu không phán rằng chúng ta sẽ trở nên các thiên sứ hoặc giống như các thiên sứ về mọi mặt, vì con cái Đức Chúa Trời thì cao trọng hơn các thiên

sứ (*Giăng* 17:22-24; *I Giăng* 3:1-2). Ngài phán rằng trong thân thể sống lại của chúng ta, chúng ta sẽ không có phái tính như các thiên sứ; và vì thế hôn nhân sẽ không còn tồn tại nữa. Trong Nước đời đời, nơi thân thể mới của chúng ta trở nên toàn hảo và không có sự chết, sẽ không còn cần đến hôn nhân, sự sinh sôi nảy nở, và sự duy trì nòi giống nữa.

Những người Sa-đu-sê cũng ngu dốt về Thánh Kinh. Họ tự cho là chấp nhận thẩm quyền của Môi-se, nhưng họ không chú ý đến sự dạy dỗ Môi-se về đời sau. Một lần nữa, Chúa chúng ta đã trở lại với Thánh Kinh (xin lưu ý *Mác* 2:25; 10:19; 12:10). Trong trường hợp này trở lại đoạn Kinh Thánh về bụi gai cháy (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 3:1-22). Đức Chúa Trời không phán cùng Môi-se rằng Ngài đã là (thời quá khứ) Đức Chúa Trời của Áp-ra-ham, Y-sác, và Gia-cốp. Ngài phán, “Ta là (thời hiện tại) Đức Chúa Trời của Áp-ra-ham, và Đức Chúa Trời của Y-sác, và Đức Chúa Trời của Gia-cốp.” Các vị tộc trưởng vẫn đang sống khi Đức Chúa Trời phán những lời này với Môi-se; do đó, Môi-se thực sự dạy rằng có sự sống sau cái chết.

Câu hỏi về thứ tự ưu tiên (*Mác* 12:28-34). Người thách thức kế tiếp là một thầy thông giáo vốn cũng là một người Pha-ri-si (xin xem *Ma-thi-ơ* 22:34-35). Những thầy thông giáo đã quyết định rằng người Do Thái bị buộc phải vâng giữ 613 giới luật trong Luật Pháp, gồm 365 điều phải tránh và 248 điều phải làm. Một trong những điều họ ưa thích thực hành nhất là tranh luận điều nào là lớn nhất trong các điều răn thiên thượng này.

Chúa trích dẫn *Phục Truyền Luật Lệ Ký* 4:4-5, là lời tuyên xưng hệ trọng về đức tin mà ngay đến ngày nay những người Do Thái sùng kính vẫn đọc thuộc lòng mỗi sáng và tối. Nó được gọi là “Kinh Shema” xuất phát từ chữ đầu tiên của lời tuyên xưng vốn có nghĩa là “nghe.” Kế đó Ngài trích dẫn *Lê-vi Ký* 19:18 là câu nhấn mạnh tình yêu thương đối với kẻ lân cận mình. Chúa Giê-xu cho thấy tình yêu là điều quan trọng nhất trong cuộc sống, vì “yêu thương là sự làm trọn Luật Pháp” (*Rô-ma* 13:8-10). Nếu chúng ta yêu Đức Chúa Trời, chúng ta sẽ

kinh nghiệm tình yêu thương của Ngài trong lòng mình và sẽ bộc lộ tình yêu thương ấy với những người khác. Chúng ta không sống bằng các luật lệ mà bằng những mối tương quan, một mối tương quan khăng khít với Đức Chúa Trời giúp chúng ta có thể có một mối tương quan khăng khít với những người khác.

Khi bắt đầu cuộc đối thoại này, thầy thông giáo chỉ là công cụ của những người Pha-ri-si là kẻ đang cố gắng tìm chứng cứ chống lại Chúa Giê-xu (xin lưu ý *Ma-thi-ơ* 22:35). Nhưng sau khi nghe câu trả lời của Chúa chúng ta, thầy thông giáo này đứng đó và dám khen ngợi lời đáp của Ngài. Lời Chúa phán đã chạm đến lòng của ông ta và ông đang bắt đầu thông hiểu thuộc linh sâu xa hơn đối với đức tin mà trước đó ông cho rằng mình đã hiểu. Ngay cả Thánh Kinh Cựu Ước cũng dạy rằng có nhiều điều đối với tôn giáo Do Thái hơn là việc dâng của lễ và tuân giữ các luật lệ (xin xem *I Sa-mu-ên* 15:22; *Thi Thiên* 51:16-17; 141:1-2; *Giê-rê-mi* 7:22-23; *Ô-sê* 6:6; *Mi-chê* 6:6-8).

Một người “chẳng cách xa Nước Đức Chúa Trời” có nghĩa gì? Nó có nghĩa là người ấy đang đối diện chân lý cách chân thành chứ không quan tâm đến việc bênh vực cho một “đường lối đảng phái” nào hay cả đến những thành kiến cá nhân. Điều này có nghĩa là người ấy đang thử nghiệm đức tin của mình bởi những gì Lời của Đức Chúa Trời phán chứ không phải những gì một phe nhóm tôn giáo đòi hỏi. Những người gắn với Nước Trời có can đảm ủng hộ cho những gì đúng, cho dù họ phải mất một số bạn bè và tạo nên một số kẻ thù mới.

Câu hỏi về nguồn gốc (*Mác* 12:35-37). Giờ đây đến lượt Chúa chúng ta nêu câu hỏi, và Ngài tập trung vào câu hỏi quan trọng nhất: Đấng Mết-si-a là ai? “Về Đấng Christ, các người nghĩ thế nào? Ngài là Con ai?” (*Ma-thi-ơ* 22:42). Đây là một câu hỏi quan trọng hơn nhiều so với những câu hỏi kẻ thù của Ngài đã hỏi Ngài, vì nếu chúng ta nhầm lẫn về Chúa Cứu Thế Giê-xu, chúng ta cũng nhầm lẫn về sự cứu rỗi. Điều này có nghĩa là chúng ta đi đến chỗ kết án linh hồn của chính mình (*Giăng* 3:16-21; 8:24; *I Giăng* 2:18-23).

Chúa Giê-xu trích dẫn *Thi Thiên* 110:1 và bảo họ giải thích làm thế nào con của Đa-vít lại cũng có thể là Chúa của Đa-vít được. Những người Do Thái tin rằng Đấng Mết-si-a sẽ là con của Đa-vít (*Giăng* 7:41-42), nhưng cách duy nhất con của Đa-vít cũng có thể là Chúa của Đa-vít nếu Đấng Mết-si-a là *Đức Chúa Trời đến trong thân xác con người*. Dĩ nhiên, câu trả lời là sự hoai thai diệu kỳ và sự sinh hạ Chúa chúng ta bởi một nữ đồng trinh (*Ê-sai* 7:14; *Ma-thi-ơ* 1:18-25; *Lu-ca* 1:26-38).

Phân đoạn này kết thúc bằng hai lời cảnh cáo của Chúa: một lời cảnh cáo đối với sự kiêu ngạo của những thầy thông giáo (*Mác* 12:38-40) và một lời cảnh cáo đối với sự kiêu ngạo của những kẻ giàu (cc. 41-44). Nếu một người “quan trọng” chỉ vì bộ đồng phục người ấy mặc, danh hiệu người ấy mang, hay chức vụ người ấy giữ, thì “tầm quan trọng” của người ấy là giả tạo. Chính *cá tính* của một người khiến cho người ấy có giá trị, và không ai có thể ban cho bạn cá tính được: bạn phải tự mình phát huy nó khi bạn bước đi với Đức Chúa Trời.

Có mười ba cái rương hình loa kèn xung quanh những bức tường của phần sân dành cho phụ nữ, và tại đây người ta bỏ tiền dâng của mình vào. Những người giàu phô trương nhiều qua việc dâng tiền của họ (xin xem *Ma-thi-ơ* 6:1-4), nhưng Chúa Giê-xu khước từ họ và những thứ họ dâng. Điều quan trọng không phải là *phần của dâng* mà chính là *tỉ lệ dâng*: những kẻ giàu dâng hiến từ của dư thừa mình có, nhưng người đàn bà góa nghèo đã dâng hết của mình có. Đối với những người giàu, những thứ họ dâng là một sự đóng góp nhỏ nhoi, nhưng đối với người đàn bà góa này, phần dâng của bà là sự hiến dâng chân thật của trọn đời sống bà.

Kiêu ngạo trong cách sống và kiêu ngạo trong cách dâng là những tội lỗi chúng ta phải tránh xa bằng mọi giá. Thật đáng buồn là những nhà lãnh đạo đã nường vào một hệ thống tôn giáo là điều sẽ qua đi, còn những người bình dân lại vui sướng lắng nghe Chúa Giê-xu và vâng theo Lời phán của Ngài.

n thuộc về nhóm người nào?

Người Đầy Tớ Tiết Lộ Tương Lai

Mác 13:1-37

Người Do Thái tự hào về đền thờ của họ, cho dù nó được xây cất bởi dòng họ Hê-rốt nhằm xoa dịu người Do Thái. Chúa Giê-xu nói đến giá trị phải có của đền thờ (*Mác 11:15-17*), nhưng các môn đệ Ngài bị thu hút bởi sự nguy nga tráng lệ của kiến trúc đền thờ. Hãy tưởng tượng họ đau buồn biết bao khi Chúa Giê-xu báo trước cho họ rằng tòa nhà họ rất ưa thích ngắm nhìn này một ngày kia sẽ bị phá đổ. Những nhà lãnh đạo Do Thái đã làm cho nó ô uế; Chúa Giê-xu sẽ rời khỏi nơi đó và để nó ra hoang phế (*Ma-thi-ơ 23:38*). Và người La Mã sẽ tàn phá.

Khi đã tách xa khỏi đoàn dân đông, các môn đệ của Chúa Giê-xu hỏi Ngài khi nào biến cố quan trọng này sẽ diễn ra và trước khi biến cố bùng nổ có điều gì tiên báo không. Những câu hỏi của họ cho thấy sự hiểu biết lời tiên tri của họ hoàn toàn mơ hồ. Họ cho rằng sự hủy phá đền thờ xảy ra đồng thời với thời kỳ cuối cùng và sự trở lại của Chúa (*Ma-thi-ơ 24:3*). Nhưng câu hỏi của họ tạo cho Chúa Giê-xu cơ hội để rao giảng một sứ điệp tiên tri thường được gọi là “Bài giảng trên Núi Ô-li-ve” (*Ma-thi-ơ 24:1-25:46; Lu-ca 21:5-36*).

Khi chúng ta nghiên cứu bài giảng quan trọng này, chúng ta

phải tuân theo những nguyên tắc chỉ đạo thực tiễn. Trước tiên, chúng ta phải nghiên cứu bài giảng này trong ánh sáng của phần còn lại trong Thánh Kinh, đặc biệt là sách *Đa-ni-ên*. Những lời Thánh Kinh có tính cách tiên tri hòa hợp nhau nếu chúng ta xem xét bao quát những gì Đức Chúa Trời đã mặc khải.

Thứ nhì, chúng ta phải nhìn thấy sự áp dụng thực tiễn của bài giảng này. Chúa Giê-xu không giảng bài giảng này để thỏa mãn sự hiếu kỳ của các môn đệ Ngài, hoặc để làm sáng tỏ ý nghĩ mơ hồ của họ. Ít nhất bốn lần Ngài đã phán “Hãy giữ mình!” (*Mác* 13:5,9,23,33) và Ngài kết thúc lời giảng dạy bằng lời khuyên, “Hãy tỉnh thức!” Việc nghiên cứu bài giảng này có thể giúp chúng ta hiểu tận tường hơn những biến cố trong tương lai, nhưng chúng ta không được phạm sai lầm trong việc định ra ngày giờ đó! (c. 32)

Thứ ba, khi nghiên cứu, chúng ta phải ghi nhớ “bối cảnh Do Thái” của bài giảng. Bài giảng trên Núi Ô-li-ve phát sinh từ một số câu hỏi do bốn người Do Thái nêu lên cho một ra-bi Do Thái, về tương lai ngôi đền thờ của người Do Thái. Những lời cảnh cáo về “những Christ giả” sẽ đặc biệt liên quan đến người Do Thái (cc. 5-6; 21-22). Lời cảnh cáo về tòa án và những cuộc xét xử của người Do Thái (c. 9) cũng liên quan đến họ. Người Do Thái đặc biệt cảm kích khi nhắc đến “đấng tiên tri Đa-ni-ên” và lời khuyên phải trốn khỏi xứ Giu-đê (c. 14).

Cuối cùng, chúng ta phải nhớ rằng chương này mô tả về thời kỳ được xem là “Thời kỳ Tai họa” (xem câu 19, 24, cũng xem *Ma-thi-ơ* 24:21,29). Các tiên tri trong Cựu Ước đã viết về giai đoạn này và gọi đó là “kỳ tai hại của Gia-cốp” (*Giê-rê-mi* 30:7), một ngày thịnh nộ (*Sô-phô-ni* 1:15-18), và một thời kỳ giận dữ và sửa phạt (*Ê-sai* 26:20-21). Như chúng ta sẽ thấy, chính tiên tri Đa-ni-ên là đấng ban cho chúng ta “chìa khóa” để giúp chúng ta hiểu thấu đáo hơn sự liên tục của các biến cố.

Trong *Mác* 13:1-37, Chúa Giê-xu mô tả ba giai đoạn trong thời kỳ Tai Họa này: (1) giai đoạn khởi đầu (cc. 5-13), (2) giai đoạn giữa (cc.14-18), và (3) các biến cố dẫn đến giai đoạn cuối

cùng (cc. 19-27). Kế đó Ngài kết thúc bằng hai ẩn dụ giục giã tín hữu phải tỉnh thức và giữ mình (cc. 28-37). Sách Phúc Âm theo Ma-thi-ơ thì chi tiết hơn nhưng có những nét chính cơ bản giống nhau: sự khởi đầu của các tai họa (*Ma-thi-ơ* 24:4-14), giai đoạn giữa của Thời Kỳ Tai Họa (24:15-28) và giai đoạn cuối cùng (24:29-31), sự áp dụng điển đạt bằng ẩn dụ để kết thúc (24:32-44).

Nhiều người nghiên cứu lời tiên tri tin rằng tín hữu trong thời kỳ hiện nay của Hội Thánh sẽ được Đấng Christ cất về trời trước khi Thời Kỳ Tai Họa bắt đầu (*I Tê-sa-lô-ni-ca* 4:13-5:11; *Khải Thị* 3:10-11). Vào lúc chấm dứt Thời Kỳ Tai Họa, họ sẽ trở lại trên đất cùng với Đấng Christ và được đồng trị với Ngài (*Khải Thị* 19:11-20:6).

1. Nửa Giai Đoạn Đầu Của Thời Kỳ Tai Họa

Mác 13: 5-13

⁵ Đức Chúa Jêsus khởi phán rằng: Hãy giữ mình kẻo có ai lừa dối các người chăng. ⁶ Có nhiều kẻ sẽ lấy danh ta mà đến, xưng rằng: Chính ta là Đấng Christ! Họ sẽ dỗ dành nhiều người. ⁷ Khi các người nghe nói về giặc và nghe tiếng đồn về giặc, thì đừng bối rối: Những sự ấy phải xảy đến; nhưng chưa là cuối cùng. ⁸ Vì dân nầy sẽ đẩy lên nghịch cùng dân khác, nước nọ nghịch cùng nước kia; cũng sẽ có động đất nhiều nơi, và đói kém. Đó chỉ là đầu sự khốn khổ mà thôi. ⁹ Còn các người, phải giữ mình; họ sẽ nộp các người trước tòa án; các người sẽ bị đánh trong các nhà hội, và vì cơ ta, sẽ đứng trước mặt các quan tổng đốc và các vua, để làm chứng trước mặt họ. ¹⁰ Nhưng trước hết Tin lành phải được giảng ra cho khắp muôn dân đã. ¹¹ Và, khi họ điệu các người đi nộp, chớ có ngại trước về điều mình sẽ nói, nhưng đến giờ đó, hãy nói theo lời sẽ ban cho; vì ấy không phải các người nói, bèn là Đức Thánh Linh vậy. ¹² Bấy giờ, anh sẽ nộp em cho phải chết, cha sẽ nộp con; con cái sẽ đẩy lên nghịch cùng cha mẹ mình mà làm cho phải chết. ¹³ Các người sẽ bị mọi người ghen ghét vì danh ta; song ai cứ bền lòng đến cuối cùng, người ấy sẽ được cứu.

Những chữ trọng tâm nằm ở cuối câu 8: “đó là đầu sự khốn khổ mà thôi.” Từ được dịch là “những sự khốn khổ” có nghĩa là “cơn đau đẻ,” ám chỉ rằng thế gian lúc bấy giờ sẽ giống như một người đàn bà trong cơn đau đẻ (xin xem *Ê-sai* 13:6-8;

Giê-rê-mi 4:31; 6:24; 13:21; 22:20-23; *I Tê-sa-lô-ni-ca* 5:3).
 CƠN “đau đẽ” sẽ đến thành linh, gia tăng dần, và đưa đến một
 thời kỳ khốn khổ và tai họa kinh khiếp cho toàn thế giới.

(A) “*Đừng để bị lừa dối.*” Chúa Giê-xu liệt kê những điều
 không được xem là “các dấu hiệu” của việc Ngài đến. Đúng
 hơn, chúng là những dấu hiệu cho thấy rằng “cơn đau đẽ” của
 Thời Kỳ Đại Nạn chỉ mới bắt đầu. Những dấu hiệu này là: sự
 thành công của các Christ giả (cc.5-6), các dân tộc dấy nghịch
 nhau (cc.7-8), những sự náo động của cõi thiên nhiên (c. 8b),
 và những sự bách hại tôn giáo (cc.9-13). Những dấu hiệu này
 đã luôn xảy ra với chúng ta, nhưng vì cơ những biến cố này
 được ví sánh với “cơn đau đẽ,” Chúa chúng ta có thể đang phán
 rằng sự gia tăng nhanh chóng của những sự kiện này sẽ rất
 đáng kể.

Các Mết-si-a giả. Những trang sách sử đầy những câu chuyện
 đáng buồn về các Mết-si-a giả, các tiên tri giả, cùng những tín
 hữu hăng say nhưng bị họ lừa dối. Chúa Giê-xu cảnh cáo về
 các tiên tri giả (*Ma-thi-ơ* 7:15-20). Phao-lô (*Công Vụ Các Sứ*
Đồ 20:28-31), và Giăng cũng đã cảnh cáo như vậy (*I Giăng*
 4:1-6). Bản chất con người dường như yêu thích lời giả dối và
 không chịu tin những bài học đặc giá trong quá khứ. Mark Twain
 đã nói rằng khi sự dối trá đã chạy khắp thế giới thì chân lý chỉ
 mới rục rịch mang giày. Những kẻ mù lừa thuộc linh thật dễ
 nghe theo những nhà lãnh đạo nổi tiếng và khờ khạo chấp nhận
 những giải pháp sai lầm cho các vấn đề trong đời sống. Chúa
 Giê-xu cảnh cáo các môn đệ Ngài đừng để bị lừa dối bởi những
 kẻ phỉnh gạt này, và lời cảnh cáo ấy có giá trị đến ngày nay.

Những xung đột chính trị. Ngài cũng cảnh cáo chúng ta đừng
 bối rối bởi những cuộc xung đột chính trị giữa vòng các dân
 tộc. Đế quốc La Mã đã hưởng hòa bình suốt nhiều năm, nhưng
 điều đó sẽ chẳng kéo dài. Khi đế quốc này suy tàn và chủ
 nghĩa dân tộc phát triển, điều không thể tránh được là các dân
 tộc sẽ xung đột nhau. Nền “hòa bình La Mã” (Pax Romana) sẽ
 vĩnh viễn qua đi.

Những tai ương. Chiến tranh thường để lại sự đói kém tiếp nối theo sau (*II Các Vua* 25:2-3; *Ê-xê-chi-ên* 6:11). Sự đói kém cũng do việc con người lạm dụng môi trường sống, hoặc nó có thể do Đức Chúa Trời đem đến như một sự đoán phạt (*I Các Vua* 17:1). Thường xuyên có những trận động đất, và một số người cho đây là chứng cứ của sự thịnh nộ từ Đức Chúa Trời (*Khải Thị* 6:12; 8:5; 11:13; 16:18). Vì những thiên tai do nhiều nguyên nhân gây ra, nên thật nguy hiểm khi xem chúng “những dấu hiệu của các thời kỳ” các giáo điều cứng nhắc.

(B) “*Đừng ngã lòng!*” Các tín hữu không những phải đề phòng những kẻ phỉ báng, nhưng họ cũng phải *tự giữ mình* (*Mác* 13:9-13). Tại sao? Vì họ sẽ đối diện sự chống đối và bắt bớ ngày càng gia tăng từ nhà cầm quyền (cc. 9-11) lẫn từ những kẻ lân cận mình (cc. 12-13). Điều quan trọng là tín đồ biết dùng những kinh nghiệm này như những cơ hội để làm chứng cho Chúa Giê-xu Christ. Sự bắt bớ sẽ bắt đầu tại các tòa án Do Thái ở địa phương, nhưng nó sẽ chuyển lên các tòa án cao hơn, nơi những quan tổng đốc và các vua sẽ ngồi xét xử. Bạn có thể thấy sự việc diễn tiến tương tự được ký thuật trong sách *Công Vụ Các Sứ Đồ* (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 4:1-5:42; 7:1-60; 12:1-25; 16:1-40; 21:1-28:31).

Nhưng sự bắt bớ sẽ đưa đến kết quả là đạo Chúa rao truyền khắp nơi! Các tín hữu sẽ chịu khổ vì *cớ Ngài* và theo cách đó sẽ công bố Phúc Âm của Ngài. “Chúng tôi càng gia tăng gấp bội bất cứ khi nào chúng tôi bị các ông tàn hại,” Tertullian đã nói với những kẻ bắt bớ mình. “Huyết của những Cơ Đốc nhân là hạt giống đạo!” Tôi không cho rằng việc đem Phúc Âm đến cho mọi dân tộc (*Mác* 13:10) là một *điều kiện* cho việc trở lại của Chúa chúng ta, nhưng đó chắc chắn là mệnh lệnh của Đấng Christ cho dân Ngài (*Ma-thi-ơ* 28:19-20). Sự “cuối cùng” ở đây có nghĩa là “sự cuối cùng của thời kỳ,” tức là thời kỳ tai họa.

Đối với những “người bình dân” này thật không dễ dàng khi phải đối diện với tòa án, các quan tổng đốc và các vua; nhưng Chúa Giê-xu đoan chắc với họ rằng Đức Thánh Linh sẽ hành

động qua họ bất cứ khi nào họ có cơ hội làm chứng (*Mác* 13:11). Phân đoạn này không nên được dùng như một lời bào chữa hay một chỗ nương tựa cho những nhà truyền đạo thiếu chuẩn bị cẩn thận. Nhưng là một sự khích lệ đối với tất cả mọi tín hữu thành thật muốn làm chứng cho Đấng Christ và tôn vinh Ngài (*Giăng* 14:26; *Công Vụ Các Sứ Đồ* 4:8). Nếu chúng ta đang bước đi trong Thánh Linh, chúng ta sẽ không gặp khó khăn trong việc làm chứng cho Đấng Christ khi cơ hội đến (*Giăng* 15:26-27).

Nhà cầm quyền bắt bớ đã đành, nhưng tại sao bạn bè và những người thân trong gia đình lại tạo nên khó khăn cho các tín hữu? (Xin xem *Mi-chê* 7:4; *Giăng* 15:18-27). Bạn sẽ cho rằng các gia đình người Do Thái đặc biệt trung thành với nhau. Nhưng đức tin Cơ Đốc bị cả người Do Thái lẫn các dân ngoại xem là dị giáo và một sự phạm thượng. Mỗi ngày hai lần, những người Do Thái chính thống đều khẳng định, “Hỡi Y-sơ-ra-ên! hãy nghe: Giê-hô-va Đức Chúa Trời chúng ta là Giê-hô-va có một không hai!” (*Phục Truyền Luật Lệ Ký* 6:4). Người Do Thái nào nói “Chúa Giê-xu là Chúa!” đã phạm tội lộng ngôn và đáng bị xử tử. La Mã trông mong các công dân của mình tuyên xưng “Sê-sa là chúa!” nếu không phải gánh chịu hậu quả. Do đó, các gia đình và bạn hữu sẽ bị dằn co giữa lòng trung thành với “đức tin lâu đời” của họ, giữa dân tộc và tấm lòng đối với những người thân yêu.

Nguyên nhân thực sự của việc bắt bớ được nêu trong *Mác* 13:13, “vì cơ danh Ta.” Nếu chúng ta đồng hóa với Chúa Giê-xu Christ, chúng ta có thể chờ đợi thế gian đối xử với chúng ta theo cách họ đã đối xử với Ngài (*Giăng* 15:20tt). Bạn có thể thuộc về đủ loại giáo phái huyền bí ngày nay mà chẳng phải chịu nhiều sự chống đối từ gia đình và bè bạn, nhưng giây phút bạn xưng nhận danh Chúa Giê-xu và chia sẻ Phúc Âm, người ta sẽ bắt đầu chống đối bạn. Danh của Ngài vẫn còn bị con người ghen ghét.

Đừng hiểu câu 13 là một điều kiện để được cứu, vì nó áp

dụng chủ yếu cho các chứng nhân trong suốt thời kỳ đại nạn. Dù một người sống trong thời kỳ nào đi nữa, nếu người ấy thật sự được sinh lại, Đức Chúa Trời sẽ yêu mến người (*Giăng* 13:1; *Rô-ma* 8:35-38) và gìn giữ người (*Giăng* 10:27-29; *Rô-ma* 8:29-34). Vì “sự cuối cùng” trong *Mác* 13:7 có nghĩa là “sự cuối cùng của thời kỳ,” điều đó có thể là điều được nói đến trong câu 13. Trong suốt Thời Kỳ Tai Họa, các tín hữu thật sẽ chứng tỏ đức tin bằng sự trung tín của mình. Họ sẽ không chịu khuất phục trước những áp lực vô thần của tà giáo (*Khải Thị* 13:1-18).

2. Giữa Thời Kỳ Đại Nạn

Mác 13:14-18

¹⁴ Khi các người sẽ xem thấy sự tàn nát gồm ghiếc lập ra nơi không nên lập (ai đọc phải để ý), bấy giờ những kẻ ở trong xứ Giu-dê hãy trốn lên núi;

¹⁵ ai ở trên mái nhà chớ xuống, và chớ vào trong nhà mà chuyên bắt luận vật gì;

¹⁶ ai ở ngoài đồng chớ trở về lấy áo xống mình. ¹⁷ Trong những ngày đó, khốn cho đàn bà có thai cùng đàn bà cho con bú! ¹⁸ Hãy cầu nguyện cho điều đó chớ xảy ra lúc mùa đông.

Cụm từ “sự tàn nát gồm ghiếc” ra từ sách *Đa-ni-ên* ám chỉ việc các dân ngoại làm ô uế đền thờ của người Do Thái bởi việc thờ lạy hình tượng. Đối với người Do Thái, tất cả các thần tượng đều là một sự gồm ghiếc (*Phục Truyền Luật Lệ Ký* 29:17; *II Các Vua* 16:3). Đền thờ Do Thái giáo đã bị ô uế vào năm 167 T.C bởi vua Sy-ri là Antiochus IV (cũng gọi là “Epiphanes,” nghĩa là “vinh quang”) khi ông ta rưới huyết của con heo trên bàn thờ. Sự kiện này đã được báo trước trong *Đa-ni-ên* 11:31. Đền thờ cũng bị ô uế bởi người La Mã vào năm 70 S.C. khi họ chiếm giữ và hủy phá thành Giê-ru-salem. Tuy nhiên, những biến cố này chỉ là những sự thấy trước của “sự tàn nát gồm ghiếc” cuối cùng được tiên đoán trong *Đa-ni-ên* 9:27 và 12:11.

Để hiểu *Đa-ni-ên* 9:24-27 chúng ta phải nhớ rằng lịch Do Thái dựa vào một loạt những con số bảy. Ngày thứ bảy trong

tuần là ngày Sa-bát, và tuần lễ thứ bảy sau lễ Vượt Qua là lễ Ngũ Tuần. Tháng thứ bảy có lễ Thối Kèn, Ngày Đại lễ Chuộc Tội, và lễ Lều Tạm. Năm thứ bảy là năm Sa-bát, và sau bảy năm Sa-bát là Năm Hân Hỉ.

Đa-ni-ên xem bảy tuần lễ, hay từng thời kỳ bảy năm, được Chúa định cho người Do Thái và cho thành Giê-ru-sa-lem thánh của họ. Khoảng thời gian 490 năm này (70 tuần-năm) bắt đầu với sắc lệnh của vua A-t-ta-xét-xe vào năm 445 T.C. cho phép người Do Thái trở về xứ sở và xây dựng lại thành Giê-ru-sa-lem (*Ê-xơ-ra* 1:1-4). Tại sao thành này phải được xây dựng lại? Bởi vì 483 năm sau (7 x 69), Đấng Mết-si-a sẽ hiện đến tại thành này và phó sự sống Ngài vì cơ tội nhân.

Giờ đây chúng ta phải làm một số bài toán đơn giản. Hầu hết các sử gia đều đồng ý rằng Chúa Giê-xu giáng sinh vào năm 5 T.C.; vì Đại đế Hê-rốt lúc bấy giờ vẫn còn sống, và ông qua đời vào Tháng Ba, năm 4 T.C. Nếu Chúa chúng ta chịu chết vào khoảng tuổi 33, lúc đó sẽ vào khoảng năm 27 hoặc 28 S.C., và từ khi sắc lệnh này được ban hành năm 445 T.C cho đến khi Chúa chết là 483 năm (69 tuần-năm).

Chúng ta đã tính được 483 trong số 490 năm của Đa-ni-ên, nhưng còn về bảy năm còn lại thì sao? *Đa-ni-ên* 9:27 quy chúng vào thời kỳ Tai Họa mà chúng ta đang nghiên cứu. (Xin lưu ý là *Đa-ni-ên* 9:26 cũng tiên đoán sự hủy phá thành Giê-ru-sa-lem – bởi tay người La Mã, những nhà chú giải kết luận vậy – nhưng hai biến cố này không được lẫn lộn.) “Kỳ tai họa của Gia-cốp” sẽ kéo dài bảy năm.

Nhưng điều gì báo hiệu sự khởi đầu của thời kỳ bảy năm kinh khiếp này? Việc ký kết của một giao ước giữa dân tộc Y-sơ-ra-ên và “vua hầu đến” (*Đa-ni-ên* 9:26). “Vua” này là kẻ độc tài thế giới sắp đến mà chúng ta thường gọi là “Antichrist.” Trong sách *Khải Thị*, hắn được gọi là “Con Thú” (*Khải Thị* 13:1-14:20). Hắn sẽ đồng ý bảo vệ Y-sơ-ra-ên khỏi nhiều kẻ thù của họ trong bảy năm, và sẽ cho phép người Do Thái xây dựng lại đền thờ của họ và khôi phục lại nghi thức tế lễ và các của lễ cổ

xưa của họ. Người Do Thái đã chối bỏ Đấng Mết-si-a thật của mình nhưng sẽ chấp nhận một đấng Mết-si-a giả (*Giăng* 5:43). Tuy nhiên, sau ba năm rưỡi, Antichrist sẽ phá vỡ giao ước này, xâm chiếm đền thờ, dựng ảnh tượng của chính mình lên, và buộc thế giới phải thờ lạy Sa-tan (xin xem *Khải Thị* 13:1-18; *II Tê-sa-lô-ni-ca* 2:1-12). Đây là “sự tàn nát gồm ghê tởm” của Đa-ni-ên, và nó sẽ mở ra nửa thời kỳ tai họa sau cùng, một thời kỳ được mệnh danh là “Cơn Đại Nạn” (*Ma-thi-ơ* 24:21). Hãy chú ý trong *Mác* 13:14 phần trong ngoặc đơn của Mác là dành cho các độc giả vào một thời kỳ trong tương lai, chứ không phải những thánh giả khi Chúa Giê-xu rao giảng sứ điệp này. Sứ điệp này sẽ có ý nghĩa đặc biệt đối với họ khi họ nhìn thấy những biến cố này xảy ra.

Chúa Giê-xu ban một lời cảnh cáo đặc biệt cho các tín hữu tại Giê-ru-sa-lem và xứ Giu-đê: “Hãy trốn khỏi thành càng nhanh càng tốt!” Lời cảnh cáo tương tự này có thể áp dụng khi La Mã tấn công thành Giê-ru-sa-lem vào năm 70 S.C. (Xin xem *Lu-ca* 21:20-24 và hãy nhớ rằng *Đa-ni-ên* 9:26 đã tiên đoán sự xâm chiếm này.) Những điều xảy ra vào năm 70 S.C. báo trước những điều sẽ xảy ra trong giai đoạn giữa của Thời Kỳ Tai Họa. Tiến Sĩ Harry Rimmer đã từng nói, “Những biến cố sắp đến ngã bóng phía trước chúng ta. Trong tương lai đã có sẵn những báo hiệu của quá khứ!” Những lời cảnh cáo trong *Mác* 13:14-18 đều không áp dụng cho tín hữu ngày nay, nhưng cũng thực sự nhắc nhở chúng ta rằng dân Đức Chúa Trời trong mọi thời đại phải nhận biết Lời tiên tri và phải luôn luôn sẵn sàng vâng lời Đức Chúa Trời.

3. Nửa Giai Đoạn Cuối Của Thời Kỳ Tai Họa

Mác 13: 19-37

¹⁹ Vì trong những ngày ấy có tai nạn, đến nỗi từ ban đầu Đức Chúa Trời dựng nên trời đất cho đến bây giờ chưa hề có như vậy, và về sau cũng sẽ chẳng hề có nữa. ²⁰ Nếu Chúa chẳng giảm bớt các ngày ấy, thì không có sinh vật nào được cứu; song vì cơ những kẻ Ngài đã chọn, nên Ngài đã giảm bớt các ngày ấy. ²¹

Khi ấy, dẫu có ai bảo các người rằng: Kia, Đấng Christ ở đây, hay là: Ngài ở đó, thì chớ tin. ²² Những christ giả, tiên tri giả sẽ nổi lên, làm những dấu lạ phép lạ, nếu có thể được thì họ cũng dễ đánh chính những người được chọn. ²³ Hãy giữ lấy, ta đã nói trước cho các người cả.

²⁴ Trong những ngày ấy, sau kỳ tai nạn, mặt trời sẽ tối tăm, mặt trăng chẳng chiếu sáng nữa, ²⁵ các ngôi sao sẽ tự trên trời rớt xuống, và thế lực các tầng trời sẽ rung động. ²⁶ Bấy giờ người ta sẽ thấy Con Người lấy đại quyền đại vinh ngự đến trên đám mây; ²⁷ Ngài sẽ sai các thiên sứ đặt nhóm những kẻ được chọn ở bốn phương, từ đầu cùng đất cho đến đầu cùng trời.

²⁸ Hãy nghe lời thí dụ về cây vả. Vừa khi nhánh nó trở nên non và nứt lộc, thì biết mùa hạ gần tới. ²⁹ Cũng một lẽ ấy, khi các người thấy các điều đó xảy đến, hãy biết Con Người đã tới gần, ở nơi cửa. ³⁰ Quả thật, ta nói cùng các người, đòng dôi nầy chẳng qua trước khi mọi sự kia xảy tới. ³¹ Trời đất sẽ qua đi, song lời ta không bao giờ qua đâu.

³² Về ngày và giờ đó, chẳng ai biết chi hết, các thiên sứ trên trời, hay là Con cũng chẳng biết nữa; song chỉ Cha mà thôi. ³³ Hãy giữ mình, tỉnh thức; vì các người chẳng biết kỳ đó đến khi nào. ³⁴ Ấy cũng như một người kia đi đường xa, bỏ nhà, giao cho đầy tớ mỗi đứa cai quản một việc, và cũng biểu đứa canh cửa thức canh. ³⁵ Vậy, các người hãy thức canh, vì không biết chủ nhà về lúc nào, hoặc chiều tối, nửa đêm, lúc gà gáy, hay là sớm mai, ³⁶ e cho người về thành linh, gặp các người ngủ chãng. ³⁷ Điều mà ta nói cùng các người, ta cũng nói cho mọi người: Hãy tỉnh thức!

Trong Sách *Khải Thị*, nửa giai đoạn cuối của Thời Kỳ Tai Họa được gọi là “cơn thanh nộ của Đức Chúa Trời” (*Khải Thị* 14:10,19; 15:1,7; 16:1,19; 19:15). Trong suốt thời gian này, Đức Chúa Trời sẽ đoán xét thế gian và chuẩn bị dân Y-sơ-ra-ên cho sự hiện đến của Đấng Mết-si-a. Đó sẽ là một thời kỳ đoán xét cao nhất mà thế gian chưa bao giờ chứng kiến hoặc sẽ chẳng bao giờ được chứng kiến một lần nữa. Trong sự đoán xét này, Đức Chúa Trời sẽ thực hiện các mục đích của Ngài và chuẩn bị cho sự hiện đến của Đấng Đắc Thắng (*Khải Thị* 19:11tt).

Ngay cả trong cơn thanh nộ của Ngài, Đức Chúa Trời vẫn thương xót (*Ha-ba-cúc* 3:2) và vì cơ những kẻ Ngài đã chọn, Ngài giảm bớt những ngày của Thời Kỳ Tai Họa. (Những “kẻ được chọn” ám chỉ dân Y-sơ-ra-ên và các dân ngoại trở lại tin trong suốt Thời Kỳ Tai Họa. Xin xem *Khải Thị* 14:1-20) “Giảm

bớt các ngày ấy” có nghĩa là Ngài giới hạn chúng là ba năm rưỡi đã định và dừng lại đúng thời hạn.

Sự lừa dối của Sa-tan sẽ tiếp tục cho đến cuối cùng, và các Christ giả cùng các tiên tri giả sẽ dẫn người ta đi lạc đường. Trên thực tế, thậm chí chúng sẽ làm các phép lạ nữa (*Ma-thi-ơ* 7:21-23; *II Tê-sa-lô-ni-ca* 2:9-12; *Khải Thị* 13:13-14). Những phép lạ này lừa dối mọi người đến nỗi ngay cả những kẻ được chọn cũng bị cám dỗ tin vào những lời dối gạt của chúng. Tự chúng, các phép lạ này không phải là một dấu chứng của sự kêu gọi và sự phê chuẩn từ thiên thượng (*Phục Truyền Luật Lệ Ký* 13:1-5). Sự thử nghiệm cuối cùng là Lời của Đức Chúa Trời.

Thời kỳ Tai Họa sẽ lên cao điểm với sự xuất hiện của những dấu hiệu kinh hãi trên trời và sự hỗn loạn khắp nơi trên đất (*Luca* 21:25-26). Những dấu hiệu này, đã được các đấng tiên tri báo trước (*Ê-sai* 13:10; 34:4; *Giô-ên* 2:10; 3:15), sẽ mở đường cho sự hiện đến của Chúa Giê-xu Christ trên đất này. Đó sẽ là một sự tỏ lộ của vinh hiển lớn lao Ngài (xin xem *Dân Số Ký* 7:13-14; *Mác* 8:38) khi Ngài đến để thiết lập sự cai trị của Ngài trên đất (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 1:11; *Khải Thị* 1:7).

Mác 13:27 mô tả sự tụ họp lại của dân Y-sơ-ra-ên từ các dân tộc mà họ đã bị tản lạc khắp thế giới (*Phục Truyền Luật Lệ Ký* 30:3-6; *Ê-sai* 11:12; *Giê-rê-mi* 31:7-9). Họ sẽ nhìn thấy Đấng Mết-si-a và tin cậy Ngài, và cả dân tộc sẽ được lập lại trong sự thánh khiết và vinh hiển (*Xa-cha-ri* 12:9-13:1; 14:4-11). Việc có một tương lai vinh hiển cho dân Y-sơ-ra-ên được Phao-lô nêu lên trong *Rô-ma* 11:1-36.

Chúa Giê-xu không muốn các môn đệ Ngài quá bị thu hút vào những lời tiên tri về tương lai đến nỗi xao lãng trách nhiệm của mình trong hiện tại; vì thế Ngài kết thúc Bài Giảng trên Núi Ô-li-ve bằng hai ẩn dụ. (*Ma-thi-ơ* 25:1-46 có thêm ba ẩn dụ khác – những người nữ đồng trinh, các ta lạng, và sự chia chẻi với dê ra trong ngày phán xét sau cùng.) Hãy lưu ý rằng ẩn dụ đầu tiên (*Mác* 13:28-31) chú trọng việc biết rằng sự hiện đến của Ngài đã gần kề, trong khi ẩn dụ thứ hai nhấn mạnh việc

không biết thời gian Ngài trở lại. Điều này có mâu thuẫn không? Không mâu thuẫn chút nào, vì hai ẩn dụ được phán với hai nhóm người khác nhau – ẩn dụ thứ nhất phán với các thánh đồ của Thời kỳ Tai Họa, và ẩn dụ thứ hai, với tất cả các tín hữu thuộc mọi thời đại.

Cây vả có một sự gắn bó đặc biệt với dân tộc Y-sơ-ra-ên (xin xem *Mác* 11:12-14, nhưng hãy lưu ý là *Lu-ca* 21:29 thêm vào mấy chữ “và các cây khác”). Hầu hết các loại cây tại xứ Palestine lá thường xanh và không thay đổi theo mùa. Cây vả thì không như thế; nó là một trong những cây ra lá muộn nhất vào mùa xuân, vì vậy các chồi non của nó là một dấu hiệu cho biết mùa hạ thật gần rồi.

Là tín hữu Cơ Đốc ngày nay, chúng ta không đang tìm kiếm “những dấu hiệu” về sự hiện đến của Ngài; nhưng đang tìm kiếm chính Ngài! Nhưng những người sống trong suốt Thời Kỳ Tai Họa sẽ có thể nhìn thấy những việc này xảy ra và sẽ biết rằng việc hiện đến của Ngài gần rồi. Sự biết chắc này sẽ giúp họ chịu đựng (*Mác* 13:13) và trở thành những chứng nhân đắc lực.

Chúng ta nghĩ đến một “thế hệ” như một nhóm người sống vào cùng một thời trong lịch sử. Nhưng Chúa Giê-xu nói đến “thế hệ” nào trong câu 30? Không phải là thế hệ lúc ấy đang sống tại xứ Giu-đê, bởi lẽ họ không nhìn thấy “tất cả mọi điều này” thật sự xảy ra. Có lẽ Ngài muốn nói đến thế hệ đang sống trong Thời Kỳ Tai Họa. Nhưng vì Thời Kỳ Tai Họa chỉ trải qua bảy năm, tại sao lại đề cập đến cả một thế hệ? Vậy nên phải hiểu là nhiều thế hệ khác nhau cùng sống chung trong suốt mọi giai đoạn của lịch sử.

Từ Hy Lạp được dịch là “thế hệ” cũng có thể có nghĩa là “đồng dõi, dòng họ, gia đình.” Vào nhiều dịp, Chúa Giê-xu đã dùng từ này để ám chỉ dân tộc Do Thái (*Mác* 8:12,38; 9:19) và đó có thể là cách Ngài dùng từ này trong *Mác* 13:30. Dân tộc được chọn, tuyển dân của Đức Chúa Trời, sẽ được bảo toàn cho đến cuối cùng và Đức Chúa Trời sẽ làm trọn những lời Ngài đã

hứa với họ. Lời Ngài sẽ không bao giờ qua đi (*Giô-suê* 21:45; *I Các Vua* 8:56; *Ma-thi-ơ* 24:35). Là tín hữu chúng ta không dựa vào các dấu hiệu nhưng dựa trên Lời bất biến của Ngài, “lời chắc chắn của các đấng tiên tri” (*II Phi-e-rơ* 19-21).

Ấn dụ về cây vả cảnh cáo các thánh đồ trong Thời Kỳ Tai Họa phải tỉnh thức và nhận biết “những dấu hiệu của các thời kỳ.” Nhưng ấn dụ về người quản gia cảnh tỉnh *tất cả chúng ta ngày nay* (*Mác* 13:37) phải thức canh, vì chúng ta không biết lúc nào Ngài sẽ trở lại đem chúng ta về trời (*I Cô-rinh-tô* 15:51-52). Giống như người quản gia trong câu chuyện, trước khi Chúa từ biệt chúng ta về trời, Ngài ban cho mỗi chúng ta công tác để thực hiện. Ngài trông mong chúng ta trung tín trong lúc Ngài vắng mặt và đang làm việc khi Ngài trở lại. Lời khuyên nhủ của Ngài là “Hãy giữ mình, tỉnh thức và cầu nguyện.”

Từ “thức canh” có nghĩa là tỉnh táo, cảnh giác, không ngủ. Tại sao chúng ta phải tỉnh thức? Vì không ai biết được khi nào Chúa Giê-xu Christ sẽ trở lại. Khi còn ở tại thế trong sự hạ mình, Chúa Giê-xu không biết ngày hoặc giờ nào Ngài sẽ trở lại. Cả đến thiên sứ cũng không biết được. Thế gian chưa được cứu nhạo báng chúng ta vì chúng ta cứ tiếp tục giữ mãi “hy vọng phước hạnh” này, nhưng Ngài sẽ trở lại như Ngài đã hứa (*II Phi-e-rơ* 3:1-18). Nhiệm vụ của chúng ta là trung tín và phục vụ Ngài, chứ không phải nghiên cứu hay bàn cãi về những chi tiết còn kín nhiệm của lời tiên tri.

Sự thức canh không liên quan gì đến việc lên thiên đàng. Đó thuần túy chỉ là việc làm đẹp lòng Ngài, nghe lời khen ngợi đầy yêu thương của Ngài, và nhận lãnh sự ban thưởng của Ngài (*Ma-thi-ơ* 25:14-30). Ngài đã sắm sẵn một chỗ cho tất cả những kẻ thuộc về Ngài (*Giăng* 14:1-6). Chúng ta lên thiên đàng vì cơ ân sủng của Ngài, chứ không phải vì những việc lành của mình (*Ê-phê-sô* 2:8-10).

Những Cơ Đốc nhân đã đọc sách Phúc Âm của Mác phải chịu đựng sự khùng bố kinh khiếp của La Mã (*I Phi-e-rơ* 4:12tt), và sứ điệp đặc biệt này chắc hẳn đã đem lại sự yên ủi và sức

mạnh cho họ. Nếu Đức Chúa Trời có thể giúp đỡ dân Ngài làm chứng trong suốt Cơ Đại Nạn, là sự bắt bớ kinh khiếp hơn hết, thì chắc chắn Ngài cũng có thể làm cho vững mạnh các thánh đồ trong Đế Quốc La Mã khi họ đối diện sự thử thách khốc liệt xảy đến với mình.

Trong khi Cơ Đốc nhân ngày nay không kinh nghiệm những sự khốn khổ mô tả trong chương này, nhưng chúng ta phải dự phần trong sự chịu bắt bớ và tai họa trong thế gian này trước khi Chúa trở lại (*Giăng* 16:33; *Công Vụ Các Sứ Đồ* 14:22). Nhưng những lời cảnh cáo của sứ điệp này trong *Mác* 13:1-37 có thể được ứng dụng trong đời sống riêng của chúng ta: “Hãy giữ mình kẻo có ai lừa dối các ngươi chăng” (c. 5, 23) “Hãy giữ mình để các ngươi không ngã lòng và bỏ cuộc” (c. 9) “Hãy giữ mình, tỉnh thức và cầu nguyện” (c. 33).

“Điều mà Ta nói cùng các ngươi, Ta cũng nói cho mọi người: Hãy tỉnh thức!” (c. 37).

Người Đầy Tớ Chịu Khổ

Mác 14:1-15:20

Trong lúc hàng ngàn người hành hương trong dịp lễ Vượt Qua sửa soạn cho những thú vui trong kỳ lễ, Chúa Giê-xu lại chuẩn bị cho sự xét xử và chịu đóng đinh. Ngài đã kiên quyết đi đến thành Giê-ru-sa-lem (*Lu-ca 9:51*), kiên quyết làm theo ý chỉ của Đức Chúa Cha. Người Đầy Tớ đã “vâng phục cho đến chết, thậm chí chết trên cây thập tự” (*Phi-líp 2:8*).

Hãy theo bước chân Ngài trong suốt những ngày giờ của tuần lễ cuối cùng, và rồi bạn sẽ kinh ngạc khi nhìn thấy những phản ứng của đủ mọi hạng người đối với Chúa Giê-xu Christ.

1. Tại Bê-tha-ni – Được Tôn Quý

Mác 14:1-11

¹ Hai ngày trước lễ Vượt Qua và lễ ăn bánh không men, các thầy tế lễ cả cùng các thầy thông giáo tìm mưu để bắt Đức Chúa Jê-sus và giết đi. ² Vì họ nói rằng: Chẳng nên làm việc này trong ngày lễ, sợ sanh sự xôn xao trong dân chúng.

³ Đức Chúa Jê-sus ở tại làng Bê-tha-ni, trong nhà Si-môn là kẻ phung. Ngài đương ngồi bàn ăn, có một người đàn bà vào, đem một cái bình bằng ngọc, đựng đầy dầu cam tòng thật rất quý giá, đập bể ra mà đổ dầu thơm trên đầu Đức Chúa Jê-sus. ⁴ Có vài người nổi giận nói cùng nhau rằng: Sao xài phí dầu thơm ấy như

vậy? ⁵ Vì có thể bán dầu đó được hơn ba trăm đơ-ni-ê, mà bố thí cho kẻ khó khăn. Vậy, họ oán trách người. ⁶ Nhưng Đức Chúa Jê-sus phán rằng: Hãy để mặc người; sao các người làm rầy người mà chi? Người đã làm một việc tốt cho ta. ⁷ Vì các người hằng có kẻ khó khăn ở cùng mình, khi nào muốn làm phước cho họ cũng được; nhưng các người chẳng có ta ở luôn với đâu. ⁸ Người đã làm điều mình có thể làm được, đã xúc xác ta trước để chôn. ⁹ Quả thật, ta nói cùng các người, trong khắp cả thế gian, hễ nơi nào Tin Lành nầy được giảng ra, việc người đã làm cũng sẽ được nhắc lại để nhớ đến người.

¹⁰ Bấy giờ, Giu-đa Ích-ca-ri-ốt là một trong mười hai sứ đồ, đến nơi các thầy tế lễ cả, để nộp Đức Chúa Jê-sus cho. ¹¹ Họ vui lòng mà nghe, và hứa cho nó tiền bạc; rồi Giu-đa tìm dịp tiện để nộp Ngài.

Sự kiện này diễn ra sáu ngày trước lễ Vượt Qua, tức vào ngày Thứ Sáu trước khi Chúa vào thành cách khải hoàn (*Giăng* 12:1). Bằng cách đặt câu chuyện này giữa những lời tường thuật về âm mưu bắt giữ Chúa Giê-xu, Mác đối chiếu sự đối gạt của Giu-đa và những nhà lãnh đạo với lòng yêu kính và trung thành của Ma-ri. Sự xấu xa của tội lỗi nơi họ khiến cho vẻ đẹp của sự hy sinh nơi Ma-ri càng có ý nghĩa hơn.

Cả Mác lẫn Ma-thi-ơ đều không nêu tên người phụ nữ này, nhưng *Giăng* cho chúng ta biết rằng đó chính là Ma-ri tại làng Bê-tha-ni, chị em của Ma-thê và La-xa-rô (*Giăng* 11:1-2). Ma-ri được nhắc đến ba lần trong chuyện kể của các sách Phúc Âm; và mỗi lần, bà đều ngồi dưới chân Chúa Giê-xu (*Lu-ca* 10:38-42; *Giăng* 11:31-32; 12:1-8). Ma-ri có một mối thâm giao với Chúa khi bà ngồi dưới chân Ngài và lắng nghe Lời Ngài. Bà là một gương mẫu tốt đẹp cho tất cả chúng ta noi theo.

Việc Ma-ri xúc dầu cho Chúa không nên bị nhầm lẫn với một sự kiện tương tự được ghi lại trong *Lu-ca* 7:36-50. Người phụ nữ vô danh trong nhà của Si-môn người Pha-ri-si là một kỹ nữ đã ăn năn đang biểu lộ lòng yêu kính của mình đối với Đấng Christ vì cơ Ngài đã khoan nhân tha thứ những tội lỗi của bà. Trong nhà của Si-môn người được chữa lành bệnh phong, Ma-ri đã biểu lộ lòng yêu kính của mình đối với Đấng Christ vì Ngài sắp phải lên thập tự giá để chịu chết thế cho bà. Bà sửa soạn cho việc chôn xác Chúa khi bà xúc dầu cho đầu Ngài

(Mác 14:3) và chân Ngài (Giăng 12:3). Bà bày tỏ lòng yêu mến đối với Chúa Giê-xu trong khi Ngài vẫn đang còn sống.

Bà đã dâng lên cho Chúa là một lễ vật thật đắt giá. Dầu cam tùng hương được nhập từ Ấn Độ, và một chai dầu nguyên rất có thể trị giá tương đương với tiền thu nhập một năm của một người lao động bình thường. Ma-ri dâng hiến cách thật hào phóng và đầy lòng yêu thương. Bà không hổ thẹn khi công khai bày tỏ lòng yêu kính của mình đối với Đấng Christ.

Hành vi tôn kính Chúa của bà đem lại ba kết quả.

Trước hết, cả nhà đều sức nức hương thơm của dầu cam tùng (Giăng 12:3 xin cũng lưu ý *II Cô-rinh-tô* 2:15-16). “Hương thơm thuộc linh” luôn tỏa ngát trong nhà nào mà Chúa Giê-xu được yêu mến và tôn thờ.

Thứ nhì, các môn đệ, do Giu-đa dẫn đầu, lên án Ma-ri vì đã phí phạm tiền của mình! Thoạt nghe thì Giu-đa có vẻ sùng kính khi nói về những người nghèo khổ, nhưng thực tế ông chỉ muốn chiếm đoạt số tiền cho bản thân mình! (Giăng 12:4-6). Ngay cả trong phòng cao, sáu ngày sau đó các môn đệ vẫn cho rằng Giu-đa quan tâm đến việc cứu giúp những người nghèo thiếu (Giăng 13:21-30). Thật thú vị là từ ngữ được dịch là “phí phạm” trong Mác 14:4 lại được dịch là “sự hư mất” trong Giăng 17:12 và áp dụng cho Giu-đa! Giu-đa đã lên án Ma-ri vì “phí phạm tiền,” nhưng hẳn lại bỏ phí cả đời mình!

Thứ ba, Chúa Giê-xu khen ngợi Ma-ri và chấp nhận quà tặng đầy ý nghĩa của bà. Ngài biết tấm lòng của Giu-đa và hiểu vì sao các môn đệ khác lại làm theo gương xấu của ông. Ngài cũng biết tấm lòng của Ma-ri và vội vàng bênh vực cho bà (*Rô-ma* 8:33-39). Dù cho những người khác có thể nói gì về sự thờ phượng và phục vụ của chúng ta, điều quan trọng nhất là chúng ta làm đẹp lòng Chúa. Sự kiện những người khác hiểu lầm và phê phán chúng ta không thể khiến chúng ta thôi bày tỏ lòng yêu mến của mình đối với Đấng Christ. Điều chúng ta cần quan tâm là sự tán đồng của Ngài mà thôi.

Khi Ma-ri dâng hiến điều tốt nhất của mình dưới chân Chúa

Giê-xu, bà khiến cho một “làn sóng phước hạnh” bắt đầu và liên tục dâng trào cho đến ngày nay. Bà là một nguồn phước cho Chúa Giê-xu khi bà san sẻ lòng yêu kính của mình, và bà là một nguồn phước cho gia đình mình khi hương thơm lan tỏa ra. Nếu không vì cơ Ma-ri thì ngôi làng Bê-tha-ni của bà có lẽ đã không còn được nhớ đến. Hội Thánh ban đầu đã được phước khi nghe thuật lại việc làm này của bà và, vì cơ những lời ký thuật trong ba sách Phúc Âm, Ma-ri đã trở nên một nguồn phước cho cả thế giới – và vẫn còn là nguồn phước cho đến ngày nay! Lời báo trước của Chúa chắc chắn đã được ứng nghiệm.

Ma-ri dâng hiến điều tốt nhất của mình bởi đức tin và lòng yêu thương; Giu-đa dâng điều xấu nhất trong sự vô tín và lòng ghen ghét. Giu-đa đã giúp đỡ những nhà lãnh đạo Do Thái có thể bắt giữ Chúa Giê-xu mà không gây ra một cuộc bạo động trong suốt kỳ lễ. Giu-đa đã bán Thầy mình với giá của một tên nô lệ (xin xem *Xuất Ê-díp-tô Ký* 21:32), một hành động bội phản thấp hèn nhất trong lịch sử.

2. Trong Phòng Cao – Bị Phản Bội

Mác 14: 12-26

¹² Ngày thứ nhất về lễ ăn bánh không men, là ngày giết chiên con làm lễ Vượt Qua, các môn đồ thưa cùng Đức Chúa Jêsus rằng: Thầy muốn chúng tôi đi dọn cho thầy ăn lễ Vượt Qua tại đâu? ¹³ Ngài sai hai môn đồ đi, và dặn rằng: Hãy vào thành, sẽ gặp một người xách vò nước; cứ theo sau, ¹⁴ hãy người vào nhà nào, các người sẽ nói cùng chủ nhà ấy rằng: Thầy phán: Cái phòng ta sẽ dùng ăn lễ Vượt Qua với môn đồ ta ở đâu? ¹⁵ Chính kẻ đó sẽ chỉ cho các người một cái phòng lớn trên lầu có đồ đạc sẵn sàng, hãy dọn tại đó cho chúng ta. ¹⁶ Vậy, hai môn đồ đi ra mà vào thành, gặp mọi điều như lời Ngài đã phán, rồi dọn lễ Vượt Qua.

¹⁷ Buổi chiều, Ngài đến với mười hai sứ đồ. ¹⁸ Đang ngồi ăn, Đức Chúa Jêsus phán rằng: Quả thật, ta nói cùng các người, trong vòng các người có một kẻ ngồi ăn cùng ta, sẽ phản ta. ¹⁹ Các môn đồ bèn buồn rầu lắm, cứ lần lượt mà thưa cùng Ngài rằng: Có phải tôi chăng? ²⁰ Ngài đáp rằng: Ấy là một trong mười hai người, là người thò tay vào mâm cùng ta. ²¹ Vì Con người đi, y như lời đã chép về Ngài; song khốn cho kẻ phản Con người! Thà nó chẳng sanh ra thì hơn.

²² Khi đang ăn, Đức Chúa Jêsus lấy bánh, tạ ơn, đoạn bẻ ra trao cho các môn

đồ, mà phán rằng: Hầy lấy, nầy là thân thể ta. ²³ Ngài lại cầm chén, tạ ơn, rồi trao cho các môn đồ, và ai nấy đều uống. ²⁴ Ngài phán rằng: Nầy là huyết ta, huyết của sự giao ước đổ ra cho nhiều người. ²⁵ Quả thật, ta nói cùng các ngươi, ta không uống trái nho nầy nữa, cho đến ngày ta sẽ uống trái nho mới trong nước Đức Chúa Trời.

²⁶ Khi đã hát thơ thánh rồi, Chúa và môn đồ đi ra đặng lên núi Ô-li-ve.

Chiên con lễ Vượt Qua được chọn vào ngày thứ mười của tháng Nisan (khoảng Tháng Ba, tháng Tư của chúng ta), được xem xét kỹ xem có tí vít gì không, và rồi bị giết chết vào ngày thứ mười bốn của tháng này (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 12:3-6). Con chiên phải bị giết chết trong khuôn viên đền thờ và bữa tối được ăn trong phạm vi giới hạn của thành Giê-ru-sa-lem. Đối với người Do Thái, lễ Vượt Qua là để kỷ niệm một chiến thắng trong quá khứ, nhưng Chúa Giê-xu lập nên một bữa ăn mới để kỷ niệm sự chết của Ngài.

Phi-e-rơ và Giăng lo chuẩn bị bữa ăn tối (*Lu-ca* 22:8). Thật không khó khi nhận ra một người nam xách vò nước vì phụ nữ thường làm công việc này. Người này có phải là cha của Giăng Mác không? Có phải Chúa Giê-xu ăn lễ Vượt Qua trong một phòng cao tại nhà của Giăng Mác không? Đây là những sự phỏng đoán thú vị, nhưng chúng ta không có bằng chứng để có thể khẳng định như thế. Tuy nhiên, chúng ta thật sự biết rằng nhà của Giăng Mác là một nơi nhóm họp thông công của các tín hữu tại Giê-ru-sa-lem (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 12:12).

Lễ Vượt Qua đầu tiên gồm có thịt chiên quay, bánh không men, và rau đắng (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 12:8-10). Con chiên nhắc người Do Thái nhớ đến huyết được bôi lên mày cửa tại xứ Ai Cập để giữ cho thiên sứ không giết chết con đầu lòng của họ. Bánh nhắc họ nhớ đến việc họ hối hả rời khỏi xứ Ai Cập (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 12:39), và rau đắng nói đến nỗi khổ của họ khi còn là nô lệ của Pha-ra-ôn. Trong những thế kỷ nối tiếp, người Do Thái đã thêm vào nghi thức này việc uống bốn chén rượu nho pha với nước.

Đối với người Do Thái một ngày mới bắt đầu khi mặt trời

lặn, nên khi Chúa Giê-xu cùng các môn đệ họp nhau tại phòng cao là vào ngày Thứ Sáu. Đây là lễ Vượt Qua cuối cùng của Ngài, và vào hôm ấy, Ngài sẽ làm trọn ý nghĩa của lễ Vượt Qua bằng cách chết trên cây thập tự như Chiên Con không tì vết của Đức Chúa Trời (*Giăng* 1:29; *I Cô-rinh-tô* 5:7; *I Phi-e-rơ* 2:21-24).

Giữa *Mác* 14:17 và 18 là những chi tiết về việc rửa chân các môn đệ và bài học về sự khiêm nhường (*Giăng* 13:1-20). Sau bài học ấy, Chúa Giê-xu rất đỗi buồn bực và cho biết là một trong các môn đệ là kẻ phản bội. Lời tuyên bố này khiến tất cả các môn đệ đều sững sốt trừ ra Giu-đa, là kẻ đã biết rằng Chúa Giê-xu đang nói về mình. Cho đến giây phút cuối cùng, Chúa Giê-xu vẫn không tiết lộ cho các môn đệ khác biết chân tướng của kẻ phản bội Ngài, vì Ngài muốn cho Giu-đa mọi cơ hội để xoay khỏi tội lỗi. Thậm chí Ngài cũng đã rửa chân cho Giu-đa nữa! Giá mà Phi-e-rơ đã biết sự thật về Giu-đa, thì rất có thể ông đã giết Giu-đa rồi.

Một số người cố gắng bênh vực cho Giu-đa bằng cách lập luận rằng hẳn phản bội Chúa Giê-xu để thúc bách Ngài bày tỏ năng quyền của mình và lập nên nước Do Thái. Những người khác cho rằng Giu-đa chỉ là một kẻ tội tở đã ngoan ngoãn làm trọn Lời phán của Đức Chúa Trời. Giu-đa không phải là một kẻ tuận đạo cũng không phải là một người máy. Giu-đa đã tự mình có những quyết định riêng nhưng, trong khi làm như vậy, đã làm ứng nghiệm Lời Đức Chúa Trời, và không thể nào được xem như một anh hùng ("phải có một người nào đó phản bội Chúa Giê-xu!") hoặc một nạn nhân đáng thương của một tiền định tàn nhẫn. Giu-đa bị hư mất vì nguyên do tương tự như hàng triệu người đang hư mất ngày nay: Giu-đa không ăn năn các tội lỗi mình, không tin nơi Chúa Giê-xu Christ (*Giăng* 6:64-71; 13:10-11). Nếu bạn chưa từng được sinh lại, thì một ngày kia bạn sẽ ước ao là mình đừng được sinh ra trên đời thì hơn.

Không ai trong các môn đệ khác thực sự nghĩ mình là kẻ phản bội, vì câu hỏi của họ hàm ý một câu trả lời phủ định:

“Không phải tôi đâu” các môn đệ này đã thường tranh cãi nhau về việc ai trong vòng họ là người lớn nhất, nhưng giờ đây họ lại đang bàn luận xem ai trong họ là kẻ hèn hạ nhất. Không khí càng nặng nề hơn khi Chúa Giê-xu phán rằng kẻ phản Ngài thậm chí đã từng ngồi chung bàn ăn bánh với Ngài! Ở Đông phương, bẻ bánh với một người nào đó có nghĩa là mặc nhiên kết tình bằng hữu và tin cậy lẫn nhau. Thật là một hành động phản bội đê tiện nhất nếu cùng bẻ bánh rồi phản bội lại chủ mình. Tuy nhiên, ngay cả điều này cũng là sự ứng nghiệm Lời Đức Chúa Trời đã phán (*Thi Thiên* 41:9).

Giu-đa đang ngồi trong chỗ danh dự bên tả Chúa chúng ta, trong khi Giăng đang nghiêng người bên hữu Ngài (*Giăng* 13:23). Chúa Giê-xu đưa cho Giu-đa miếng bánh đã nhúng trong rau đắng, là hành động của một người chủ đối với một người khách đặc biệt. Ngay đến điều này cũng không khiến cho lòng Giu-đa tan vỡ, vì sau khi Giu-đa cầm lấy miếng bánh, Sa-tan liền chiếm hữu lòng hắn. Giu-đa bèn rời khỏi Phòng Cao để đi sắp đặt lần chót việc bắt Chúa Giê-xu. Nhưng cả đến lúc đó các môn đệ cũng không biết sự thật về Giu-đa (*Giăng* 13:27-30) và họ sẽ không khám phá ra sự thật này cho đến khi họ gặp lại sau đó trong vườn Ghết-sê-ma-nê.

Sau khi Giu-đa đi rồi, Chúa Giê-xu thiết lập điều mà các Cơ Đốc nhân thường gọi là “Bữa Tiệc của Chúa” hay “Lễ Tiệc Thánh.” (Chữ *Lễ Tiệc Thánh* – *Eucharist* – ra từ một từ ngữ Hy Lạp có nghĩa là “cảm tạ.”) Sau khi uống chén thứ ba của lễ Vượt Qua, Chúa Giê-xu lấy một trong những ổ bánh không men, chúc phước, bẻ ra, và nói với các môn đệ, “Đây là thân thể Ta.” Đoạn Ngài lấy chén thứ tư cũng là chén cuối cùng của lễ Vượt Qua, chúc phước, và ban chén ấy cho họ, nói rằng, “Đây là huyết Ta” (xin xem *I Cô-rinh-tô* 11:23-26).

Bánh và rượu nho là hai món thông thường được dùng hầu như trong mỗi bữa ăn, nhưng Chúa Giê-xu ban cho chúng một ý nghĩa mới mẻ kỳ diệu. Khi Chúa Giê-xu phán “Đây là thân thể Ta” và “Đây là huyết Ta,” Ngài không hóa bánh hoặc rượu

nho ra thành bất cứ món gì khác. Khi các môn đệ ăn bánh, đó vẫn là bánh; khi họ uống rượu nho, đó vẫn là rượu nho. Tuy nhiên, Chúa ban một ý nghĩa mới cho bánh và rượu, hầu cho, từ giờ phút ấy trở đi, họ sẽ dùng bánh và rượu để kỷ niệm sự chết của Ngài.

Vậy thì, Chúa Giê-xu đã hoàn tất điều gì qua sự chết của Ngài? Trên thập tự giá, Chúa Giê-xu đã làm trọn Giao Ước Cũ và thiết lập một Giao Ước Mới (*Hê-bơ-rơ* 9:1-10:39). Giao Ước Cũ đã được thông qua bởi huyết của các con sinh tể, nhưng Giao Ước Mới được thông qua bởi huyết của chính Con Đấng Chúa Trời. Giao Ước Mới trong huyết Ngài sẽ thực hiện những gì các của lễ trong Giao Ước Cũ không thể nào làm trọn – cất tội lỗi đi và tẩy sạch tấm lòng cùng lương tâm của người tín hữu. Chúng ta không được cứu khỏi tội lỗi mình bởi việc tham gia vào một nghi thức tôn giáo, nhưng bởi việc tin nhận Chúa Giê-xu Christ làm Cứu Chúa của mình.

Mệnh lệnh của Chúa chúng ta là, “Hãy làm điều này để nhớ đến Ta” (*I Cô-rinh-tô* 11:24-25). Từ ngữ được dịch là “nhớ” hàm nhiều ý nghĩa hơn là “tưởng nhớ,” vì bạn có thể làm một điều gì đó để tưởng nhớ một người đã qua đời – thế nhưng Chúa Giê-xu vẫn đang sống! Từ này có ý nói đến một sự dự phần hiện tại trong một biến cố quá khứ. Vì Chúa Giê-xu vẫn đang sống, khi chúng ta kỷ niệm lễ Tiệc Thánh, bởi đức tin chúng ta được thông công với Ngài (*I Cô-rinh-tô* 10:16-17). Đây không phải là một tác động huyền hoặc do bánh và chén tạo nên mà là một kinh nghiệm thuộc linh do việc chúng ta nhận biết rõ Đấng Christ và ý nghĩa của lễ Tiệc Thánh (*I Cô-rinh-tô* 11:27-34).

Điều cuối cùng Chúa Giê-xu và các môn đệ Ngài đã làm tại Phòng Cao là hát thánh ca kỷ niệm lễ Vượt Qua dựa trên *Thi Thiên* 115:1-118:29. Hãy hình dung việc Chúa chúng ta ca hát khi thập tự giá đang chờ đợi mình trong vài giờ nữa!

3. Trong Vườn – Bị Lià Bỏ

Mác 14: 27-52

²⁷ Đức Chúa Jêsus phán cùng môn đồ rằng: Hết thầy các người sẽ gặp dịp vấp phạm; vì có chép rằng: Ta sẽ đánh kẻ chân chiên, thì bầy chiên sẽ tan lạc. ²⁸ Nhưng khi ta sống lại rồi, ta sẽ đi đến xứ Ga-li-lê trước các người. ²⁹ Phi-e-rô thưa rằng: Dầu mọi người vấp phạm vì cơ thầy, nhưng tôi chẳng hề làm vậy. ³⁰ Đức Chúa Jêsus đáp rằng: Quả thật, ta nói cùng người, hôm nay, cũng trong đêm nay, trước khi gà gáy hai lượt, người sẽ chối ta ba lần. ³¹ Nhưng Phi-e-rô lại thưa cách quả quyết hơn rằng: Dầu tôi phải chết cùng thầy, tôi cũng chẳng chối thầy đâu. Hết thầy các môn đồ khác cũng đều nói như vậy.

³² Kế đó, đi đến một nơi kia, gọi là Ghết-sê-ma-nê, Đức Chúa Jêsus phán cùng môn đồ rằng: Các người hãy ngồi đây, đợi ta cầu nguyện. ³³ Ngài bèn đem Phi-e-rô, Gia-cơ và Giăng đi, thì Ngài khởi sự kinh hãi và sầu não.

³⁴ Ngài phán cùng ba người rằng: Linh hồn ta buồn rầu lắm cho đến chết; các người hãy ở đây, và tỉnh thức. ³⁵ Rồi Ngài đi một chỗ xa hơn, sắp mình xuống đất mà cầu nguyện rằng nếu có thể được, xin giữ nầy qua khỏi mình. ³⁶ Ngài rằng: A-ba, lạy Cha, mọi việc Cha làm được cả; xin Cha cất chén nầy khỏi con; nhưng không theo điều con muốn, mà theo điều Cha muốn.

³⁷ Rồi Ngài trở lại, thấy ba người ngủ; bèn phán cùng Phi-e-rô rằng: Si-môn, ngủ ư! Người không thức được một giờ sao? ³⁸ Hãy tỉnh thức và cầu nguyện, để các người khỏi sa vào chước cám dỗ; tâm thần thì muốn lắm, mà xác thịt thì yếu đuối. ³⁹ Ngài lại đi lần nữa, và cầu nguyện y như lời trước. ⁴⁰ Ngài trở lại, thấy môn đồ còn ngủ, vì con mắt đã đờ quá; và không biết trả lời cùng Ngài thế nào.

⁴¹ Ngài trở lại lần thứ ba, phán cùng môn đồ rằng: Bây giờ các người ngủ và nghỉ ngơi ư! Thôi, giờ đã tới rồi; nầy, Con Người hầu bị nộp trong tay kẻ có tội. ⁴² Hãy chớ dậy, đi hê; kia, đũa phản ta đã đến gần. ⁴³ Ngài đương còn phán, tức thì Giu-đa, là một trong mười hai sứ đồ thoát đến với một toán đồng cầm gươm và gậy, bởi các thầy tế lễ cả, các thầy thông giáo, và các trưởng lão phái đến. ⁴⁴ Vả, đũa phản Ngài đã cho chúng dấu hiệu nầy: Hễ tôi hôn ai, ấy là người đó; hãy bắt lấy và điệu đi cho cẩn thận. ⁴⁵ Vậy, khi Giu-đa đến rồi, liền lại gần Ngài mà nói rằng: Lạy thầy! Rồi nó hôn Ngài. ⁴⁶ Chúng bèn tra tay bắt Đức Chúa Jêsus. ⁴⁷ Có một người trong những kẻ ở đó rút gươm ra, đánh một đũa đầy tớ của thầy cả thượng phẩm, chém đứt tai đi. ⁴⁸ Đức Chúa Jêsus cất tiếng phán cùng chúng rằng: Các người đem gươm và gậy đến bắt ta như ta là kẻ trộm cướp. ⁴⁹ Ta hằng ngày ở giữa các người, giảng dạy trong đền thờ, mà các người không bắt ta; nhưng điều ấy xảy đến, để lời Kinh Thánh được ứng nghiệm. ⁵⁰ Bây giờ, mọi người đều bỏ Ngài và trốn đi cả.

⁵¹ Có một người trẻ tuổi kia theo Ngài, chỉ có cái khăn bằng gai trùm mình; chúng bắt người. ⁵² Nhưng người bỏ khăn lại, ở trường chạy trốn khỏi tay chúng.

Trên đường đến Vườn Ghết-sê-ma-nê (“bàn ép dầu”), Chúa Giê-xu cảnh cáo các môn đệ rằng hết thầy họ đều sẽ lia bỏ Ngài; nhưng rồi Ngài quả quyết với họ rằng Ngài sẽ gặp lại họ tại xứ Ga-li-lê sau khi Ngài sống lại. Thậm chí Ngài cũng trích dẫn *Xa cha-ri* 13:7 – “Ta sẽ đánh kẻ chăn, thì bầy chiên sẽ tan lạc” – để hỗ trợ cho lời cảnh cáo của Ngài. Tâm trí và tấm lòng của họ không thể nào tiếp thu và ghi nhớ những lời phán của Ngài, nên chỉ ba ngày sau đó, họ đã không tin những lời tường thuật về sự sống lại của Ngài! Và chính thiên sứ cũng phải đặc biệt nhắc nhở họ hãy đến xứ Ga-li-lê để gặp Ngài (*Mác* 16:6-7). Nếu họ đã lắng nghe lời Ngài phán và tin lời ấy, rất có thể họ đã tránh được nhiều nỗi lo âu; và Phi-e-rơ rất có thể đã không chối Chúa.

Câu trích dẫn từ *Xa-cha-ri* cho các môn đệ biết phải làm gì khi những người Do Thái đến bắt Chúa Giê-xu: *Hãy tản lạc!* Chính vào giờ phút Ngài bị bắt, Chúa Giê-xu đã phán, “Hãy để cho những kẻ này (các môn đệ) đi” (*Giăng* 18:8). Như vậy, Ngài đã bảo các môn đệ phải rời khỏi nơi này. Tôi đã từng đọc nhiều bài giảng hùng hồn trách Phi-e-rơ vì đã “theo Chúa xa xa,” nhưng các bài này không để ý đến điểm chính yếu. Ông không có nhiệm vụ phải đi theo chút nào! Nếu ông đã vâng theo lời Chúa, rời khỏi nơi này, rất có thể ông đã không dùng gươm mình tấn công một người và cũng đã không chối Chúa ba lần.

Phi-e-rơ dường như khó mà áp dụng các mệnh lệnh của Chúa Giê-xu cho chính mình. Các môn đệ khác có thể lia bỏ Ngài, còn Phi-e-rơ vẫn sẽ trung thành và, nếu cần thiết, sẽ đồng tù đồng chết với Ngài. Dĩ nhiên, các môn đệ khác đã lặp lại lời nói khoác của Phi-e-rơ; vì thế ông không phải là người tự tin duy nhất trong cả nhóm. Cuối cùng, tất cả nhóm họ đều đã thất bại.

Khi sắp trải qua nỗi đau thương, hầu hết mọi người đều mong muốn có ai đó bên cạnh mình, cùng giúp san sẻ gánh nặng với mình. Thường xuyên trong chức vụ mục sư của tôi, tôi đã từng

ngồi với các bệnh nhân tại bệnh viện, chờ đợi vị bác sĩ giải phẫu cho biết quyết định. Là một con người bằng xương bằng thịt, Chúa Giê-xu mong được có người bên cạnh khi Ngài đối diện với thập tự giá, và Ngài đã chọn Phi-e-rơ, Gia-cơ, và Giăng là những người đã cùng đi theo Ngài đến nhà của Giai-ru (*Mác* 5:37) và lên trên Núi Hóá Hình (9:2). Ba kinh nghiệm này được mô tả trong *Phi-líp* 3:10 “Cho đến nỗi tôi được biết Ngài (Núi Hóá Hình), và quyền phép sự sống lại của Ngài (nhà của Giai-ru), và sự thông công thương khó của Ngài” (Vườn Ghết-sê-ma-nê).

Sự chiến đấu của Chúa chúng ta trong Vườn Ghết-sê-ma-nê chỉ có thể hiểu được trong ánh sáng của những gì sẽ xảy đến với Ngài trên thập tự giá: Ngài sẽ trở nên tội lỗi vì chúng ta (*II Cô-rinh-tô* 5:21) và gánh lấy sự rủa sả của Luật Pháp (*Ga-la-ti* 3:13). Không phải sự đau đớn về thể xác hầu như đã khiến Ngài chìm ngập trong “đau khổ và buồn rầu,” mà là sự chờ đợi việc bị Cha Ngài lìa bỏ (*Mác* 15:34). Đây là “chén đắng” mà Ngài sẽ uống (*Giăng* 18:11). Theo *Hê-bơ-rơ* 5:7-9, Ngài đã nài xin để được cứu, không phải “khỏi sự chết” mà là *ra khỏi sự chết*; đó là, được sống lại từ trong kẻ chết; và Đức Chúa Cha đã nhậm lời cầu xin của Ngài.

“A-ba” là một từ trong tiếng A-ram có nghĩa là “cha.” Nó biểu lộ mối quan hệ thân thiết giữa Chúa chúng ta với Cha Ngài. Các tín hữu ngày nay có lẽ sẽ không dùng danh xưng này trước mặt mọi người, nhưng nó thực sự thuộc về chúng ta vì chúng ta thuộc về Ngài (*Rô-ma* 8:15; *Ga-la-ti* 4:6). Xin lưu ý là Chúa Giê-xu không bảo Đức Chúa Cha phải làm gì; Ngài hoàn toàn tin cậy nơi ý chỉ của Đức Chúa Trời. Ba lần Ngài đã cầu nguyện về vấn đề này, và mỗi lần Ngài đều vâng phục ý muốn của Cha mình trong sự đầu phục đầy yêu thương.

Ba môn đệ đang làm gì? Họ đang ngủ! Và Phi-e-rơ đã thề rằng ông sẽ cùng chết với Chúa mình – thế nhưng ông đã không tỉnh thức với Ngài! Chúa Giê-xu đã quở trách các môn đệ và nhẹ nhàng cảnh tỉnh họ. “Hãy tỉnh thức và cầu nguyện” là

lời khuyên thường được lặp đi lặp lại trong Thánh Kinh (*Nê-hê-mi* 4:9; *Mác* 13:33; *Ê-phê-sô* 6:18, *Công Vụ Các Sứ Đồ* 4:2). Nó có nghĩa là, “Hãy tỉnh táo khi bạn cầu nguyện! Hãy giữ cặp mắt thuộc linh của bạn mở ra, vì kẻ thù đang ở gần!”

Lần thứ ba Chúa chúng ta trở lại chỗ các môn đệ đang ngủ gục, Ngài phán, “Bây giờ các ngươi ngủ và nghỉ ngơi ư? Thôi (đã đủ rồi), giờ đã tới rồi” (*Mác* 14:41). Đó chính là giờ Chúa phải chịu hy sinh, khi Ngài sẽ chịu chết vì cơ tội lỗi của thế gian. Vào giây phút đó, Giu-đa và kẻ trông coi đền thờ đến để bắt Chúa Giê-xu, và Giu-đa đã hôn Chúa Giê-xu nhiều lần làm dấu hiệu cho biết Ngài chính là kẻ cần bắt giữ. Thật giả hình biết bao!

Sự kiện Giu-đa đem theo một toán đông người cầm gươm và gậy như thế cho thấy rằng cả hấn lẫn các nhà lãnh đạo tôn giáo đều thật sự không hiểu về Chúa Giê-xu. Chúng cho là Chúa Giê-xu sẽ tìm cách lẩn trốn, hoặc là những kẻ theo Ngài sẽ chống cự lại, hoặc là có thể Ngài sẽ làm một phép lạ. Những lời Chúa chúng ta phán trong *Mác* 14:49 chứng tỏ Ngài đã sẵn sàng rồi, chúng đã toan bắt Ngài nhiều lần trước đó nhưng giờ của Ngài chưa đến.

Phi-e-rơ đã làm một việc đại dột bằng cách tấn công Man-chu (*Giăng* 18:10), vì chúng ta không chiến đấu trong chiến trận thuộc linh với những vũ khí thuộc thể (*II Cô-rinh-tô* 10:3-5). Ông đã dùng không đúng vũ khí, vào một thời điểm sai trật, nhằm mục đích sai trật, với động cơ sai trật. Nếu Chúa Giê-xu không chữa lành cho Man-chu, thì rất có thể Phi-e-rơ cũng đã bị bắt; và có thể đã có bốn cây thập tự trên đôi Gò-gô-tha.

Vào lúc này, các môn đệ đều lia bỏ Chúa Giê-xu và chạy trốn, kể cả một thanh niên vô danh đã vào trong vườn và đã chứng kiến việc bắt giữ Ngài. Đây có phải là Giăng Mác không? Chúng ta không biết, nhưng vì sách Phúc Âm Mác là sách duy nhất trong bốn Sách Phúc Âm ký thuật lại sự kiện này, nên có thể là tác giả đã viết về chính mình. Nếu Phòng Cao ở trong nhà của Giăng Mác, thì có lẽ Giu-đa đã dẫn quân lính đến đó

trước hết. Giảng Mác có thể đã vội vã khoác áo ngoài vào và đi theo đám người này tới vườn. Quân lính có thể đã cố tìm cách bắt ông, vì thế ông đã chạy trốn.

Các môn đệ bị tản lạc và Người Đầy Tớ giờ đây đơn độc một mình, “nhưng Ta không ở một mình, vì Cha ở cùng Ta” (Giăng 16:32). Chẳng bao lâu, cả đến Cha Ngài cũng sẽ lìa bỏ Ngài!

4. Tại Dinh Thầy Tế Lễ Thượng Phẩm – Bị Chối Bỏ

Mác 14: 53-72

⁵³ Chúng điệu Đức Chúa Jêsus đến nơi thầy cả thượng phẩm, có hết thầy thầy tế lễ cả, trưởng lão, và thầy thông giáo nhóm họp tại đó. ⁵⁴ Phi-e-rô theo sau Ngài xa xa, cho đến nơi sân trong của thầy cả thượng phẩm; rồi ngồi với quân lính gần đồng lửa mà sưởi. ⁵⁵ Và, các thầy tế lễ cả, cùng cả tòa công luận đều tìm chứng gì để nghịch cùng Đức Chúa Jêsus đặng giết Ngài, song không kiếm được chi hết. ⁵⁶ Vì có nhiều kẻ làm chứng đối nghịch cùng Ngài; nhưng lời họ khai chẳng hiệp nhau. ⁵⁷ Bấy giờ có mấy người đứng lên làm chứng đối nghịch cùng Ngài rằng: ⁵⁸ chúng tôi có nghe người nói: Ta sẽ phá đền thờ này bởi tay người ta cất lên, khôi ba ngày ta sẽ cất một đền thờ khác không phải bởi tay người ta cất. ⁵⁹ Song về điều này, lời chứng của họ cũng chẳng hiệp nhau nữa.

⁶⁰ Khi ấy, thầy cả thượng phẩm đứng dậy giữa hội đồng, tra hỏi Đức Chúa Jêsus mà rằng: Người chẳng đối đáp chi hết về những điều các kẻ này cáo người sao? ⁶¹ Nhưng Đức Chúa Jêsus làm thinh, không trả lời chi hết. Thầy cả thượng phẩm lại hỏi: Ấy chính người là Đấng Christ, Con Đức Chúa Trời đáng ngợi khen phải không? ⁶² Đức Chúa Jêsus phán rằng: Ta chính phải đó; các người sẽ thấy Con người ngồi bên hữu quyền phép Đức Chúa Trời, và ngự giữa đám mây trên trời mà đến. ⁶³ Bấy giờ thầy cả thượng phẩm xé áo mình ra mà rằng: Chúng ta có cần kiếm chứng gì khác nữa làm chi? ⁶⁴ Các người có nghe lời lộng ngôn chẳng? Các người nghĩ thế nào: Ai nấy đều đoán Ngài đáng chết. ⁶⁵ Có kẻ nhổ trên Ngài, đập mặt Ngài lại, đấm Ngài, và nói với Ngài rằng: Hầy nói tiên tri đi! Các lính canh lấy gậy đánh Ngài.

⁶⁶ Phi-e-rô đương ở dưới nơi sân, có một đầy tớ gái của thầy cả thượng phẩm đến, ⁶⁷ thấy Phi-e-rô đương sưởi, ngo người mà rằng: Người trước cũng ở với Jêsus Na-xa-rét! ⁶⁸ Nhưng người chối rằng: Ta không biết, ta không hiểu người nói chi. Đoạn, người bước ra tiền sảnh, thì gà gáy. ⁶⁹ Đầy tớ gái đó thấy người, lại nói cùng những người ở đó rằng: Người này cũng là bọn đó. ⁷⁰ Nhưng người lại chối một lần nữa. Khỏi một chập, những kẻ đứng đó nói cùng Phi-e-rô rằng: Chắc thật, người cũng là bọn đó, vì người là người Ga-li-lê. ⁷¹ Người bèn rửa mặt mà rằng: Ta chẳng hề quen biết với người mà các người nói đó! ⁷² Tức thì gà gáy

lần thứ hai; Phi-e-rơ bèn nhớ lại lời Đức Chúa Jê-sus đã phán rằng: Trước khi gà gáy hai lượt, người sẽ chối ta ba lần. Người tưởng đến thì khóc.

Phiên tòa Do Thái và cả La Mã đều gồm ba giai đoạn. Việc xử án Do Thái trước hết do An-ne, nguyên là thầy tế lễ thượng phẩm, xét xử (*Giăng* 18:13-24). Kế đó chuyển đến tòa công luận để nghe những lời chứng (*Mác* 14:53-65), rồi chuyển đến một buổi họp vào lúc sớm mai để chung kết việc định tội (15:1). Chúa Giê-xu kế đó được giải nộp cho Phi-lát (*Mác* 15:1-5; *Giăng* 18:28-38), Phi-lát nộp Ngài cho Hê-rốt (*Lu-ca* 23:6-12), đoạn Hê-rốt trả Ngài về cho Phi-lát (*Mác* 15:6-15; *Giăng* 18:39-19:6). Phi-lát nhượng bộ trước tiếng la hét của đám đông và giao Chúa Giê-xu để đem đi đóng đinh.

Vào lúc quân lính tới dinh của thầy tế lễ thượng phẩm, Phi-e-rơ và Giăng, không chú ý đến những lời cảnh cáo lập đi lập lại của Chúa, đã đi theo đám đông và thậm chí đã vào tận sân trong. Đêm ấy Chúa Giê-xu đã đổ mồ hôi “như những giọt máu lớn” (*Lu-ca* 22:44), nhưng Phi-e-rơ thì đang lạnh và ngồi bên ngọn lửa của kẻ thù! Cả hai môn đệ không thể nào chứng kiến sự xét xử cụ thể, nhưng ít ra họ cũng đủ gần để nhìn thấy kết quả (*Ma-thi-ơ* 26:58; *Giăng* 18:15).

Sau khi tra hỏi và lắng nhục Chúa Giê-xu, An-ne trao Chúa Giê-xu lại cho con rể mình là thầy tế lễ thượng phẩm Cai-phe. Tòa công luận đã nhóm họp lại và những kẻ làm chứng đã sẵn sàng. Cần phải có hai người chứng trước khi bị cáo có thể bị công bố là có tội và đáng phải chết (*Phục Truyền Luật Lệ Ký* 17:6). Nhiều kẻ đã làm chứng nghịch cùng Chúa Giê-xu, nhưng vì họ không đồng ý nhau, nên lời chứng của họ không có giá trị. Thật đáng buồn biết bao khi một nhóm nhà lãnh đạo tôn giáo lại khuyến khích dân chúng làm chứng dối, và ngay trong suốt một mùa lễ thánh đặc biệt như vậy!

Suốt thời gian bị vu cáo, Chúa chúng ta không nói lời nào (*Ê-sai* 53:7; I *Phi-e-rơ* 2:23). Nhưng khi thầy tế lễ thượng phẩm bắt Ngài thề, Chúa Giê-xu phải đáp lời, và Ngài làm chứng rõ

ràng rằng Ngài thật sự là Con Đức Chúa Trời. Danh hiệu “Con Người” chỉ về Đấng Mết-si-a (*Da-ni-ên* 7:13), và các thành viên của hội đồng hiểu chính xác điều Chúa Giê-xu đang nói: Ngài đang tự xưng là Đức Chúa Trời đến trong thân xác con người! Dĩ nhiên, lời xưng nhận này đối với người Do Thái là phạm thượng, và họ công bố Ngài có tội và đáng tử hình. Vì Tòa Công Luận thông thường không bỏ phiếu về những vụ án tử hình vào ban đêm, nên hội đồng nhóm họp lại sớm mai hôm sau và chính thức tuyên án (*Mác* 15:1).

Trong lúc Chúa Giê-xu đang bị chế nhạo và lăng nhục, Phi-e-rơ đang ở sâu trong bên dưới, cố tìm cách tránh né để khỏi bị đám đông nhận diện. Nếu ông đã chú ý những lời cảnh cáo của Chúa, rất có thể ông đã tránh được sự cám dỗ phải chối Thầy mình ba lần. Ông là một sự cảnh tỉnh cho tất cả chúng ta, vì, xét cho cùng, nếu một sứ đồ đã từng bước đi với Đấng Christ lại chối Chúa của mình, thì chúng ta có khá hơn không nếu lâm vào hoàn cảnh tương tự? Các tín hữu La Mã đọc Sách Phúc Âm của Mác chắc chắn học được nhiều điều từ lời tường thuật này, vì chẳng bao lâu chính mình họ cũng sẽ bước vào lò lửa bách hại.

Trước hết, một trong những đấng tớ gái của thầy cả thượng phẩm nói với Phi-e-rơ, và ông chối không biết gì về Chúa Giê-xu. Rồi gà gáy. Một người tớ gái khác chỉ Phi-e-rơ ra cho một số người đứng gần bên, và một lần nữa Phi-e-rơ lại chối không biết Chúa Giê-xu. Cuối cùng, một người kết tội ông cũng đã từng là một trong các môn đệ, và một số kẻ đứng gần cũng nói vào như vậy; nhưng Phi-e-rơ kiên quyết chối không hề biết Chúa Giê-xu, và thậm chí còn rửa mà thề nữa. Tức thì gà gáy lần thứ hai và lời báo trước của Chúa đã ứng nghiệm (xin xem *Mác* 14:30).

Tuy nhiên, không phải tiếng gà gáy đã cáo trách Phi-e-rơ, mà chính vì ông đã nhớ lại lời Đấng Christ đã phán. Lúc nào Lời Chúa cũng xuyên thấu vào lòng và đem đến sự ăn năn thật. Phi-e-rơ suy nghĩ về những điều Chúa Giê-xu đã phán và những

việc bản thân ông đã làm; và rồi, trên đường đến nơi Phi-lát xử án, Chúa Giê-xu đã xây mặt lại ngó Phi-e-rơ. Chắc hẳn đó là một cái nhìn đầy yêu thương, nhưng một tình yêu *đã bị thương tổn* (Lu-ca 22:61). Tấm lòng tan vỡ, Phi-e-rơ vội vã đi ra ngoài và khóc lóc đắng cay.

Trước khi đoán xét Phi-e-rơ quá nghiêm khắc, chúng ta cần xét lại đời sống của chính mình. Bao nhiêu lần chúng ta đã chối Chúa và đánh mất cơ hội chia sẻ Phúc Âm với những người khác? Liệu chúng ta có nói khi cần phải lắng nghe, tranh cãi khi cần phải vâng lời, ngủ nghỉ khi cần phải cầu nguyện, và chiến đấu khi cần phải chịu phục tùng, giống như Phi-e-rơ không? Ít ra Phi-e-rơ đã đau buồn và khóc lóc về những tội lỗi của mình, và Chúa đã thực sự tha thứ cho ông. Sau khi sống lại, Chúa Giê-xu đã gặp gỡ Phi-e-rơ cách riêng tư (Lu-ca 24:34) và kể đó Ngài đã giúp Phi-e-rơ xưng nhận tội lỗi mình trước mặt mọi người khi Ngài gặp lại các môn đệ tại xứ Ga-li-lê (Giăng 21:1-25).

5. Tại Tòa Án Của Phi-lát – Bị Kết Tội

Mác 15: 1-20

¹ Vừa lúc ban mai, các thầy tế lễ cả bàn luận với các trưởng lão, các thầy thông giáo cùng cả tòa công luận; khi đã trời Đức Chúa Jê-sus rồi, thì giải nộp cho Phi-lát. ² Phi-lát hỏi Ngài rằng: Ấy chính người là Vua dân Giu-đa phải không? Đức Chúa Jê-sus đáp rằng: Thật như lời. ³ Các thầy tế lễ cả cáo Ngài nhiều điều. ⁴ Phi-lát lại tra gạn Ngài, mà rằng: Người chẳng đối đáp chi hết sao? Hãy coi họ cáo tội người biết bao nhiêu! ⁵ Nhưng Đức Chúa Jê-sus chẳng trả lời chi nữa, nên nổi Phi-lát lấy làm lạ.

⁶ Và, hễ đến ngày lễ Vượt Qua, quan vốn quen thói tha cho dân một tên tù, tù theo dân xin. ⁷ Bấy giờ có một đứa tên là Ba-ra-ba bị tù với kẻ làm loạn, vì trong khi nổi loạn, chúng nó phạm tội giết người. ⁸ Đoàn dân đã lên, bèn xin Phi-lát làm cho mình theo như lệ thường. ⁹ Phi-lát trả lời rằng: Các người muốn ta tha Vua dân Giu-đa cho chăng? ¹⁰ Vì người biết rõ các thầy tế lễ cả đã nộp Ngài bởi lòng ghen ghét. ¹¹ Nhưng các thầy tế lễ cả xui dân xin người tha tên Ba-ra-ba cho mình thì hơn. ¹² Phi-lát lại cất tiếng hỏi rằng: Vậy thì các người muốn ta dùng cách nào xử người mà các người gọi là Vua dân Giu-đa? ¹³ Chúng lại kêu lên rằng: Hãy đóng đinh nó vào thập tự giá! ¹⁴ Phi-lát nói cùng chúng rằng:

Song người nầy đã làm điều ác gì? Chúng lại kêu lớn tiếng hơn rằng: Hãy đóng đinh nó vào thập tự giá! ¹⁵ Phi-lát muốn cho đẹp lòng dân, bèn tha tên Ba-rab-a; và sai đánh đòn Đức Chúa Jê-sus, rồi giao Ngài cho chúng đem đóng đinh trên cây thập tự.

¹⁶ Lính điệu Đức Chúa Jê-sus vào sân trong, tức là trong chỗ trường án; và nhóm cả cơ binh lại đó. ¹⁷ Họ choàng cho Ngài một cái áo điều, và đội trên đầu Ngài một cái mũ bằng gai họ đã đương, ¹⁸ rồi chào Ngài rằng: Kính lạy Vua dân Giu-đa! ¹⁹ Lại lấy cây sậy đánh đầu Ngài, nhổ trên Ngài, và quì xuống trước mặt Ngài mà lạy. ²⁰ Khi họ đã nhạo cười Ngài như vậy rồi, thì cởi áo điều ra, mặc áo của Ngài lại cho Ngài, và đem ra để đóng đinh trên cây thập tự.

Ngay khi buổi họp sớm mai vừa xong, và lời tuyên án đã chính thức phán quyết, các nhà lãnh đạo Do Thái giải Chúa Giê-xu nộp cho Tổng Đốc La Mã là Phi-lát. Tổng Đốc thường ở tại Sê-sa-rê, nhưng ông ta có lệ đến tại Giê-ru-sa-lem mỗi năm để dự lễ. Sự hiện diện của ông ta làm hài lòng một số người Do Thái, và ông ta cũng có thể sẵn sàng ra tay nếu có biến động gì xảy ra giữa vòng hàng ngàn người lũ lượt kéo về Giê-ru-sa-lem. Các tổng đốc La Mã xử án vào buổi sớm mai, vì thế ông ta đã hoàn toàn sẵn sàng khi chúng đem tù nhân đến.

Hội đồng Do Thái phải làm cho Phi-lát tin rằng Chúa Giê-xu đã phạm trọng tội tử hình (*Giăng* 18:31-32). Dầu thối nát về chính trị, nhiều viên chức La Mã vẫn tôn trọng và đã cố gắng xét xử công bình các phạm nhân. Hơn nữa, Phi-lát không thực sự ưa thích người Do Thái và không hề có ý định ủng hộ họ chút nào. Ông ta biết rằng những nhà lãnh đạo Do Thái không quan tâm đến công lý; họ chỉ muốn báo thù thôi (*Mác* 15:10).

Giăng thuật lại cho chúng ta những chi tiết đầy đủ nhất về việc xét xử của người La Mã, và khi bạn kết hợp những phần kỹ thuật của bốn sách Phúc Âm, bạn khám phá rằng Phi-lát đã nhiều lần phát biểu ông ta không thấy Chúa Giê-xu có tội lỗi gì cả (*Giăng* 18:38; *Lu-ca* 23:14; *Giăng* 19:4; *Lu-ca* 23:22; *Ma-thi-ơ* 27:24). Nhược điểm của ông ta là thiếu can đảm để bênh vực cho điều mình tin. Ông ta muốn tránh một cuộc nổi loạn (*Ma-thi-ơ* 27:24), vì thế ông ta “muốn cho đẹp lòng dân” (*Mác*

15:15). Ông không theo “đúng luật” mà chỉ muốn yên thân, không muốn dân chúng quấy nhiễu.

Hội đồng Do Thái chỉ trình lên cho Phi-lát một trường hợp tử hình duy nhất: Chúa Giê-xu đã tự xưng là vua và Ngài đã khích động dân chúng. Họ cố tìm cách gán cho Ngài là một nhà cách mạng nguy hiểm đang ngấm ngầm làm suy yếu uy quyền của La Mã. Khi Phi-lát tra gạn Chúa Giê-xu, Ngài chỉ lặng thinh, nhưng các thầy tế lễ cả cứ kiện cáo Ngài và cố tìm cách làm cho viên tổng đốc mất kiên nhẫn.

Phi-lát nghĩ là ông ta có thể tránh né sự quyết định bằng cách giao Chúa Giê-xu cho Hê-rốt, vua xứ Ga-li-lê (*Lu-ca* 23:6-12), nhưng Hê-rốt chỉ sai giải Chúa Giê-xu trả lại cho Phi-lát sau khi nhạo báng Ngài. Kế đó viên tổng đốc để cho dân chúng trọn quyền chọn lựa – Giê-xu người Na-xa-rét, hay Ba-na-ba, tên sát nhân nổi loạn – vì nghĩ rằng dân chúng sẽ vì vô tư mà xin tha cho Chúa Giê-xu. Nhưng các thầy tế lễ cả đã cẩn thận xui giục đám đông (*Mác* 15:11) và họ đã xin tha cho Ba-na-ba và đóng đinh Chúa Giê-xu.

Tiếp đó viên tổng đốc đã thử một mưu mẹo thứ ba: ông ta sai đánh đòn Chúa Giê-xu, hy vọng là hình ảnh tên tù đang chịu đau đớn phần nào sẽ gợi lên sự thương xót nơi họ (c.15, *Giăng* 19:1tt). Nhưng kế hoạch này không kết quả gì. Dân chúng càng kêu gào hơn đòi đóng đinh Ngài. Viên tổng đốc phải nhượng bộ và giao Chúa Giê-xu để đem đi đóng đinh.

Kế đó là sự nhạo báng đầy sỉ nhục của quân lính, khi chúng đánh Ngài, nhổ trên Ngài, và cúi xuống giả bộ tôn kính Ngài để chế giễu. Bọn lính La Mã chắc chắn sẽ cười nhạo người Do Thái nào tự xưng là vua! “Chúng tôi không có vua nào khác ngoài Sê-sa!” (*Giăng* 19:12-15). Chúa chúng ta yên lặng chịu đau đớn và không kháng cự lại, một bài học mà các độc giả của Mác sẽ cần phải học khi họ đối diện sự bách hại chính thức sau đó (*I Phi-e-rơ* 2:21-24).

Nhưng tội ác của con người đối với Con Đức Chúa Trời vẫn chưa hết. Giờ đây họ đem Ngài ra phía ngoài thành và đóng

đình Ngài trên một cây thập tự, và Người Đầy Tớ chịu chết vì
cớ tội lỗi của chính những kẻ đang đóng đình Ngài.

Người Đầy Tớ Hoàn Tất Công Tác

Mác 15:21-16:20

Cecil Rhodes dâng hiến đời mình cho việc bành trướng nước Anh tại Nam Phi, cùng với việc tạo lập một gia tài bằng kim cương. Khi qua đời ông chưa đầy năm mươi tuổi, và những lời cuối cùng của ông là, “Việc đã xong quá ít, việc còn lại quá nhiều.”

Chúa Giê-xu đã nói với Đức Chúa Cha; “Con đã tôn vinh Cha trên đất, làm xong công việc Cha giao cho làm” (*Giăng 17:4*). Thật tuyệt diệu nếu tất cả chúng ta đều có thể trình dâng công việc mình như vậy khi chúng ta đạt đến đích hành trình của cuộc sống. Việc nhận biết rằng chúng ta đã hoàn tất công việc Chúa và tôn vinh danh Ngài chắc chắn sẽ khiến chúng ta nhìn lại phía sau với sự cảm tạ và hưởng tới trước với sự nôn nóng và mong đợi.

Bốn sự kiện được mô tả trong phân đoạn cuối của sách Mác này đem lại cho chúng ta đỉnh cao của nội dung Phúc Âm và nền tảng lịch sử cho sứ điệp của Phúc Âm (*I Cô-rinh-tô 15:1-8*).

1. Cái Chết Của Người Đầy Tở

Mác 15: 21-41

²¹ Có một tên Si-môn kia, người thành Sy-ren, là cha A-léc-xan-đơ và Ru-phu, ở ngoài ruộng về, đi ngang qua đó; họ bắt phải vác cây thập tự. ²² Họ đem Đức Chúa Jê-sus đến nơi kia, gọi là Gô-gô-tha, nghĩa là chỗ Sọ. ²³ Họ cho Ngài uống rượu hòa với một dục; song Ngài không uống. ²⁴ Khi đóng đinh Ngài trên cây thập tự rồi, họ chia áo xống Ngài cho nhau, bắt thăm để biết ai được gì. ²⁵ Lúc đóng đinh Ngài, là giờ thứ ba. ²⁶ Án Ngài có ghi vào cái bảng rằng: VUA DÂN GIU-ĐA. ²⁷ Cũng có hai đứa ăn cướp bị đóng đinh với Ngài, một đứa tại cây thập tự bên hữu Ngài, một đứa tại cây thập tự bên tả. (Có nhiều bản thêm câu 28 rằng: Như vậy được ứng nghiệm lời Kinh thánh rằng: Ngài đã bị kể vào hàng kẻ dữ.)

²⁹ Những kẻ đi ngang qua đó chế báng Ngài, lắc đầu mà nói rằng: Ê! Người là kẻ phá đền thờ, và cất lại trong ba ngày, ³⁰ hãy cứu lấy mình, xuống khỏi cây thập tự đi! ³¹ Các thầy tế lễ cả và các thầy thông giáo cũng nói với nhau như vậy, mà nhạo cười Ngài rằng: Hấn đã cứu kẻ khác; mà cứu mình không được! ³² Hỡi Đấng Christ, Vua dân Y-sơ-ra-ên, bây giờ hãy xuống khỏi cây thập tự, để cho chúng ta thấy và tin! Hai đứa bị đóng đinh cùng Ngài cũng nhieếc móc Ngài nữa.

³³ Đến giờ thứ sáu, khắp đất đều tối tăm mù mịt cho tới giờ thứ chín. ³⁴ Đến giờ thứ chín, Đức Chúa Jê-sus kêu lớn tiếng rằng: Ê-lô-i, Ê-lô-i, lam-ma-sa-bách-ta-ni? nghĩa là: Đức Chúa Trời tôi ơi, Đức Chúa Trời tôi ơi, sao Ngài lia bỏ tôi? ³⁵ Có mấy người đứng đó nghe vậy, thì nói rằng: Coi kia, hấn kêu Ê-li. ³⁶ Có một người trong bọn họ chạy lấy bông đá thấm đầy giấm, để trên đầu cây sậy, đưa cho Ngài uống, mà nói rằng: Hãy để chúng ta coi thử Ê-li có đến đem hấn xuống chăng! ³⁷ Nhưng Đức Chúa Jê-sus kêu một tiếng lớn, rồi trút linh hồn.

³⁸ Màn trong đền thờ xé ra làm đôi từ trên chí dưới. ³⁹ Thầy đội đứng đối ngang Ngài, thấy Ngài trút linh hồn như vậy, thì nói rằng: Người nầy quả thật là Con Đức Chúa Trời. ⁴⁰ Lại có những đàn bà đứng xa xa mà xem. Trong số ấy có Ma-ri Ma-đơ-len, Ma-ri là mẹ Gia-cơ nhỏ, và Giô-sê, cùng Sa-lô-mê, ⁴¹ là ba người đã theo hầu việc Ngài khi Ngài ở xứ Ga-li-lê; cũng có nhiều đàn bà khác nữa, là những người đã theo Ngài lên thành Giê-ru-sa-lem.

Ba giờ đặc biệt được đề cập trong phân đoạn này của sách Mác: giờ thứ ba (c.25), giờ thứ sáu (c. 33) và giờ thứ chín (c. 33-34). Người Do Thái tính giờ từ 6:00 sáng và 6:00 tối, vì thế giờ thứ ba tức là 9:00 sáng, giờ thứ sáu tức giữa trưa, và giờ thứ chín tức 3:00 chiều. Mác theo hệ thống giờ của người Do Thái, trong khi Sứ đồ Giăng thì dùng giờ của La Mã trong sách

Phúc Âm của mình. Điều này có nghĩa là “giờ thứ sáu” trong *Giăng* 19:14 là 6:00 sáng.

Giờ thứ ba (*Mác* 15:21-32). Theo luật định, tội nhân phải vác cây thập tự của mình, hoặc ít nhất là thanh gỗ đứng của cây thập tự, đến nơi hành hình, và Chúa Giê-xu không được miễn trừ. Ngài rời khỏi trường án của Phi-lát vác theo cây thập tự của mình (*Giăng* 19:16-17), nhưng Ngài không thể nào vác tiếp được; vì thế quân lính “bắt” Si-môn thành Sy-ren vác cây thập tự thay cho Ngài. Các viên chức La Mã có quyền “cưỡng bách” người ta phải phục dịch, và cách họ sử dụng quyền hạn này làm cho người Do Thái căm tức (*Ma-thi-ơ* 5:41).

Khi thấy tất cả những điều mà Chúa chúng ta đã gánh chịu từ lúc Ngài bị bắt, hẳn bạn không lấy làm ngạc nhiên khi thấy Ngài kiệt sức. Ngài có quyền lực sai khiến cả vạn thiên sứ nhưng Ngài lại sẵn lòng gánh chịu đau đớn vì cơ chúng ta. Có một mục đích cao cả hơn phía sau hành động này: nạn nhân vác cây thập tự vì bị xét là có tội, còn *Chúa chúng ta thì không hề phạm tội*. Chúng ta là những người có tội, và Si-môn đã vác cây thập tự đó vì cơ chúng ta. Si-môn Phi-e-rơ nói khoác rằng ông sẽ đồng tù đồng chết với Chúa Giê-xu (*Lu-ca* 22:33), nhưng chính Si-môn người Sy-ren, chứ không phải Si-môn Phi-e-rơ, lại là người đến để phụ giúp Thầy.

Trong một bức thư thân tình gửi cho mẹ ông, Harry Truman đã viết, “Con đã đến Tòa Bạch Ốc để thăm Tổng Thống rồi lại khám phá ra rằng con là Tổng Thống.” Si-môn đã đến Giê-ru-sa-lem để dự lễ Vượt Qua (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 2:10; 6:9) và cuối cùng ông đã gặp được Chiên Con lễ Vượt Qua! Chúng ta có lý do chính đáng để tin rằng Si-môn tin nơi Đấng Christ và trở về nhà đưa hai con trai mình đến với Chúa. Chắc hẳn các độc giả La Mã của Mác đều biết A-léc-xan-đơ và Ru-phu (*Rô-ma* 16:13) và có lẽ họ cũng đã biết Si-môn.

Gô-gô-tha là một từ Hy Bá Lai có nghĩa là “cái sọ,” mặc dù không nơi nào trong nguyên văn giải thích vì sao chỗ này lại được gọi như thế. Các du khách đến Xứ Thánh ngày nay được

đưa đến thăm đôi “Gô-gô-tha của xứ Gordon,” là nơi quả có hình dạng của một cái sọ, nhưng các hướng dẫn viên còn chỉ thêm một địa điểm khác trong khu vực Nhà Thờ Mộ Thánh. Chúng ta không biết vị trí chính xác nơi Chúa chúng ta đã bị đóng đinh, nhưng điều đó không quan trọng. Ngài đã bị đóng đinh bên ngoài thành, nơi bị chối bỏ (*Hê-bơ-rơ* 13:12-13) và Ngài đã chịu chết vì cơ tội lỗi của thế gian.

Theo thông lệ thì các nạn nhân được cho uống một thứ chất lỏng làm cho mê đi để giảm bớt cơn đau (*Châm Ngôn* 31:6), nhưng Chúa chúng ta từ chối không chịu uống. Về một mặt, Ngài muốn hoàn toàn làm chủ ý thức mình khi Ngài làm theo ý chỉ của Đức Chúa Cha và hoàn tất công tác cứu chuộc. Ngài sẽ chịu trọn vẹn sự đau đớn của mình vì cơ chúng ta và không muốn đi con đường tắt. Ngài từ chối uống chén cảm thương để Ngài có thể uống chén đắng của tội lỗi con người (*Ma-thi-ơ* 26:36-43). Thật là một gương mẫu cho chúng ta noi theo khi chúng ta làm theo ý muốn Đức Chúa Trời và chia xẻ “sự thông công trong sự thương khó của Ngài” (*Phi-líp* 3:10).

Không tác giả Phúc Âm nào mô tả cho chúng ta việc đóng đinh, mà điều đó cũng chẳng cần thiết nữa. Mục đích của họ không phải là gợi cho chúng ta lòng thương xót mà là xác quyết đức tin của chúng ta. Nhiều người trong số các độc giả của họ có thể đã chứng kiến những cảnh đóng đinh, vì thế bất cứ chi tiết nào cũng sẽ không cần thiết. Việc đóng đinh là một việc làm thật đáng ghê tởm đến độ nó không được đề cập tới trong xã hội văn minh, không hơn gì ngày nay chúng ta bàn đến phòng hơi ngạt hay ghế điện chút nào. Đóng đinh là một trong những hình thức xử tử kinh khiếp nhất từng được con người nghĩ ra, biết thế là đủ chẳng cần phải mô tả thêm. Hãy đọc *Thi Thiên* 22:1-31 để hiểu thấu một số nỗi đau thương mà Chúa chúng ta phải gánh chịu khi Ngài bị treo trên cây thập tự.

Nạn nhân thường mang một tấm bảng công bố tội phạm của mình. Phi-lát đã viết lên tấm bảng mà Chúa Giê-xu mang và

sau đó nó được treo lên trên cây thập tự: “Giê-xu người Na-xa-rét, là Vua dân Giu-đa.” Các nhà lãnh đạo Do Thái phản đối, nhưng Phi-lát đã giữ vững lập trường của mình (*Giăng* 19:19-22). Có thể là nội dung của tấm bảng này trước hết đã khơi dậy những hy vọng của tên cướp có lòng ăn năn (*Lu-ca* 23:39-43). Có thể hẳn ta đã lý luận: “Nếu tên Ngài là Giê-xu, thì Ngài chính là Đấng Christ. Nếu Ngài ra từ Na-xa-rét, thì Ngài sẽ đứng về phía những kẻ bị khước từ (*Giăng* 1:46). Nếu Ngài có một vương quốc, thì có lẽ còn có chỗ cho mình!”

Quân lính tại nơi hành hình không chỉ làm bốn phận mình, nhưng chúng cũng làm ứng nghiệm lời tiên tri khi chúng bắt thăm chia nhau áo xống của Chúa (*Thi Thiên* 22:18). Sự kiện Con Đức Chúa Trời vô tội bị đặt ở giữa hai tên tội phạm cũng làm ứng nghiệm lời tiên tri (*Ê-sai* 53:12 và xin xem *Lu-ca* 22:37). Từ ngữ dùng cho “những tên trộm” được diễn tả là *kẻ trộm cướp* trong *Giăng* 18:40 nhằm ám chỉ Ba-ra-ba, vì thế có lẽ hai tên này là đồng bọn trong nhóm nổi loạn của hắn.

Dường như không thể tin được rằng những nhà lãnh đạo tôn giáo lại ghen ghét Chúa Giê-xu đến nỗi họ đi ra tận đồi Gô-gô-tha để nhạo báng Ngài. Thomas Carlyle gọi sự nhạo báng là “ngôn ngữ của ma quỷ,” và trong trường hợp này, định nghĩa đó chắc hẳn là đúng. Những kẻ ăn không ngồi rồi đi ngang qua chỉ quá hăng say bắt chước theo gương xấu của những người lãnh đạo mình, vì thế bên cạnh sự đau thương, Chúa chúng ta còn phải gánh chịu sự chế giễu của họ. Họ chế nhạo Ngài là Tiên tri (*Mác* 15:29), là Đấng Christ (c.31), và là Vua (c. 32). Câu nói châm biếm của họ “Hắn đã cứu kẻ khác!” có thể đã khích lệ một tên trộm cướp tin nơi Ngài. Tên trộm cướp này có thể đã lý luận, “Nếu Ngài đã cứu những kẻ khác, thì Ngài cũng có thể cứu ta”. Vì thế Đức Chúa Trời cũng dùng cả cơn giận của loài người để ngợi khen Ngài (*Thi Thiên* 76:10).

Giờ thứ sáu (*Mác* 15:33). Vào giữa trưa, một màn tối lạ lùng bao phủ khắp đất, và mọi tạo vật đều cảm thương với Đấng Tạo Hóa khi Ngài chịu đau đớn. Đây thực sự là một phép lạ chứ

không phải một hiện tượng thiên nhiên nào đó, chẳng hạn như một cơn bão cát hay một hiện tượng nhật thực. Không thể nào có hiện tượng nhật thực trong suốt thời kỳ trăng tròn vào lễ Vượt Qua. Bằng sự tối tăm này, Đức Chúa Trời đang phán với dân chúng một điều gì đó.

Về một mặt, người Do Thái chắc chắn sẽ nhớ đến lễ Vượt Qua đầu tiên. Tai vạ thứ chín tại xứ Ai Cập là một sự tối tăm trong ba ngày, tiếp theo sau là tai vạ cuối cùng, sự chết của con đầu lòng (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 10:22-11:9). Sự tối tăm tại đồi Gô-gô-tha là một lời tuyên bố rằng Con Đầu lòng và Yêu Dấu của Đức Chúa Trời, Chiên Con của Đức Chúa Trời, đang phó mạng sống Ngài vì cơ tội lỗi của thế gian. Đó cũng là một lời tuyên bố rằng sự phán xét sắp đến và con người cần phải sửa soạn cho sự phán xét này.

Giờ thứ chín (Mác 15:34-41). Chúa chúng ta đã thốt lên bảy câu nói trên thập tự giá, trong đó có ba câu trước khi sự tối tăm bao phủ: “Lạy Cha, xin tha cho họ, vì họ không biết mình làm điều gì” (*Lu-ca* 23:24), “Hôm nay người sẽ được ở với Ta trong nơi Ba-ra-đi” (*Lu-ca* 23:43) và “Hỡi đờn bà kia, đó là con của người! . . . Đó là mẹ người!” (*Giăng* 19:26-27). Khi sự tối tăm đến, trên thập tự giá của Ngài hoàn toàn lặng yên, vì đó là lúc mà Ngài bị khiến trở nên tội lỗi vì cơ chúng ta (*II Cô-rinh-tô* 5:21).

Vào giờ thứ chín, Chúa Giê-xu biểu lộ sự thống khổ của linh hồn Ngài khi từ trên thập tự giá Ngài kêu lên, “Đức Chúa Trời tôi ôi, Đức Chúa Trời tôi ôi, sao Ngài lìa bỏ tôi?” (xem *Thi Thiên* 22:1). Sự tối tăm tiêu biểu cho sự đoán phạt Chúa Giê-xu kinh nghiệm khi Đức Chúa Cha lìa bỏ Ngài. Như vẫn thường xảy ra, dân chúng không hiểu lời phán của Ngài; họ cho là Ngài đang gọi tiên tri Ê-li. Không chỉ có sự tối tăm bao phủ khắp đất, nhưng cả sự tối tăm trong tâm trí và tấm lòng của dân chúng (*II Cô-rinh-tô* 4:3-6; *Giăng* 3:16-21; 12:35-41).

Kế đó Chúa Giê-xu nói, “Ta khát” (*Giăng* 19:28), và hành động tử tế của tên lính khi đưa cho Ngài uống một ngụm giấm

(xin xem *Thi Thiên* 69:21) thêm sức để Ngài thốt lên hai câu tuyệt diệu nữa: “Mọi việc đã được trọn!” (*Giăng* 19:30) và “Hỡi Cha, tôi giao linh hồn lại trong tay Cha” (*Lu-ca* 23:46 và xin xem *Thi Thiên* 31:5). Chúa Giê-xu đã không bị sát hại mà thực ra Ngài tự nguyện phó sự sống mình vì cơ chúng ta (*Giăng* 10:11,15, 17-18). Ngài không phải là một người tuận đạo; Ngài là một tế lễ tự nguyện vì cơ tội lỗi của thế gian.

Hai biến cố nổi bật đã xảy ra lúc Ngài tắt hơi: có một trận động đất (*Ma-thi-ơ* 27:51) và bức màn trong đền thờ bị xé làm hai. Bức màn đã phân cách con người với Đức Chúa Trời, nhưng giờ đây, nhờ sự chết của Ngài, Chúa Giê-xu đã mở ra cho toàn thế giới một “con đường sống và mới” (*Hê-bơ-rơ* 10:12-22 xin cũng xem *Giăng* 14:6). Đã từng có một cơn động đất tại núi Si-na-i khi Luật Pháp được ban bố (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 19:16-18), nhưng giờ đây Luật Pháp đã được làm trọn trong Chúa Giê-xu Christ và sự rửa sả của nó đã được cất đi (*Rô-ma* 10:4; *Ga-la-ti* 3:10-14). Qua sự hy sinh của Ngài, Chúa Giê-xu đã trả giá cho sự tự do khỏi Luật Pháp, và cả sự tự do khỏi toàn bộ hệ thống tế lễ nữa.

Thật thú vị khi đọc lời chứng của thầy đội La Mã, đặc biệt khi bạn suy nghĩ là lời phát biểu của ông ta đã có thể khiến ông gặp phiền phức với người Do Thái và người La Mã. Chúa Giê-xu Christ là Con Đức Chúa Trời là một trong những chủ đề quan trọng của sách Mác (*Mác* 1:1, 11; 3:11; 5:7; 9:7; 14:61-62). Điều này khiến cho địa vị tối tở của Ngài càng có ý nghĩa hơn (*Phi-líp* 2: 1-11).

Thật cảm động khi quan sát những người đàn bà đứng gần bên thập tự giá cho đến giờ phút chót. Giăng cũng đã có mặt tại đó, nhưng ông đã đưa Ma-ri, mẹ của Chúa, về nhà riêng của mình để có thể chăm sóc cho bà (*Giăng* 19:25-27). Những người đàn bà trung tín là những người cuối cùng tại thập tự giá vào ngày Thứ Sáu và là những người đầu tiên nơi phần mộ vào ngày Chúa Nhật. Thật tương phản với các môn đệ đã từng tự phụ rằng họ sẽ chết vì Ngài! Hội Thánh của Chúa Giê-xu Christ

thật chịu ơn sự hy sinh và tận hiến của những người nữ đầy lòng tin.

2. Việc Chôn Cất Người Đầy Tở

Mác 15: 42-47

⁴² Bấy giờ là ngày sắm sửa, nghĩa là hôm trước ngày Sa-bát; khi đã chiều tối, ⁴³ có một người tên là Giô-sép, ở thành A-ri-ma-thê, là nghị viên tòa công luận có danh vọng, cũng trông đợi nước Đức Chúa Trời. Người bạo gan đến Phi-lát mà xin xác Đức Chúa Jê-sus. ⁴⁴ Phi-lát lấy làm lạ về Ngài chết mau như vậy, bèn đòi thầy đội đến mà hỏi thử Ngài chết đã lâu chưa. ⁴⁵ Vừa nghe tin thầy đội trình, thì giao xác cho Giô-sép. ⁴⁶ Người đã mua vải liệm, cất xác Đức Chúa Jê-sus xuống khỏi cây thập tự, dùng vải liệm vấn lấy Ngài, rồi để xác trong huyết đã đục trong hòn đá lớn, đoạn, lăn một hòn đá chặn cửa huyết lại. ⁴⁷ Và, Ma-ri Ma-đơ-len cùng Ma-ri mẹ Giô-sê, đều thấy chỗ táng Ngài.

Người Do Thái phân biệt hai buổi tối: “buổi chiều tối,” từ 3 đến 6:00, và “buổi tối,” sau 6:00, là khởi đầu của ngày mới. Điều này giải thích vì sao cả Ma-thi-ơ (*Ma-thi-ơ 27:57*) và Mác đều có thể gọi buổi chiều muộn ngày Thứ Sáu là “buổi tối.” Điều quan trọng là nơi hành hình phải nhanh chóng được dẹp sạch, vì ngày Sa-bát của người Do Thái sắp bắt đầu, và ngày Sa-bát đó là một “ngày trọng thể” vì cơ lễ Vượt Qua (*Giăng 19:31*).

Đức Chúa Trời khiến một thành viên của Tòa Công luận rất giàu có là Giô-sép A-ri-ma-thê sẵn sàng lo cho thi hài Chúa Giê-xu (*Ma-thi-ơ 27:57*). Người này được sự trợ giúp của Ni-cô-đem, cũng là một thành viên của hội đồng (*Giăng 19:38-42*). Chúng ta không được nghĩ rằng hai người này bất ngờ quyết định chôn xác Chúa Giê-xu, vì việc họ làm đòi hỏi sự chuẩn bị kỹ càng.

Trước tiên, Giô-sép đã phải chuẩn bị ngôi mộ trong một khu vườn gần nơi Chúa Giê-xu chịu chết. Ngôi mộ này chắc không phải dành cho Giô-sép, vì một người giàu có như ông lẽ ra đã không chọn để được chôn gần một nơi hành hình. Hai người

này cũng phải sẵn sẵn thật nhiều hương liệu (*Giăng* 19:39) và điều này không thể nào thực hiện được khi các cửa hiệu đều đã đóng cửa để dự lễ Vượt Qua. Và tất cả mọi việc này phải được thực hiện mà không để cho hội đồng hay biết.

Dường như rõ rệt là Đức Chúa Trời đã sẵn sẵn hai người này và hướng dẫn họ trong những việc họ làm. Ni-cô-đem đã đến gặp riêng Chúa Giê-xu (*Giăng* 3:1-16) và thậm chí đã bênh vực Ngài trước hội đồng (*Giăng* 7:45-53). Tôi tin rằng Giô-sép và Ni-cô-đem đã cùng tra cứu Thánh Kinh với nhau và, được dẫn dắt bởi Đức Thánh Linh, đã khám phá rằng Chiên Con sẽ chịu chết tại lễ Vượt Qua. Có thể là họ đang ẩn nấp trong ngôi mộ mới khi Chúa Giê-xu chịu chết. Thật là một vấn đề đơn giản đối với Giô-sép khi đến gặp Phi-lát để xin phép lấy xác Chúa Giê-xu, và đối với Ni-cô-đem khi canh giữ xác Ngài cho đến khi chính thức được phép tháo xác Ngài xuống. Nếu hai người này đã không hành động cách dạn dĩ, thì thân xác Chúa Giê-xu có thể đã bị vất bỏ như rác rưởi rồi.

Điều quan trọng là thân xác Ngài phải được chuẩn bị cho việc chôn cất hầu cho những tấm vải liệm xác Ngài có thể được bỏ lại trong phần mộ (*Giăng* 20:1-10). Cũng vậy, cách thức Ngài được chôn chứng tỏ rằng Chúa Giê-xu thật sự đã chết trên thập tự giá, vì những viên chức La Mã rất có thể đã không cho phép tháo xác Ngài khỏi thập tự giá nếu không có bằng chứng là Chúa Giê-xu đã chết rồi.

3. Sự Sống Lại Của Người Đầy Tớ

Mác 16: 1-18

¹ Ngày Sa-bát qua rồi, Ma-ri Ma-đơ-len, Ma-ri mẹ Gia-cô, cùng Sa-lô-mê mua thuốc thơm để đi xức xác Đức Chúa Jê-sus. ² Ngày thứ nhất trong tuần lễ, sáng sớm, mặt trời mới mọc, ba người đến nơi mộ, ³ nói cùng nhau rằng: Ai sẽ lăn hòn đá lấp cửa mộ ra cho chúng ta? ⁴ Khi ngó xem, thấy hòn đá đã lăn ra rồi; và, hòn đá lớn lắm. ⁵ Đoạn, họ vào nơi mộ, thấy một người trẻ tuổi ngồi bên hữu, mặc áo dài trắng, thì thất kinh. ⁶ Song người nói cùng họ rằng: Đừng sợ chi, các người tìm Đức Chúa Jê-sus Na-xa-rét, là Đấng đã chịu đóng đinh; Ngài

sống lại rồi, chẳng còn ở đây; hãy xem nơi đã táng xác Ngài. ⁷ Nhưng hãy đi nói cho các môn đồ Ngài và cho Phi-e-rơ rằng Ngài đi đến xứ Ga-li-lê trước các người; các người sẽ thấy Ngài tại đó, như Ngài đã phán cùng các người vậy. ⁸ Các bà ấy ra khỏi mồ, trốn đi, vì run sợ sùng sốt; chẳng dám nói cùng ai hết, bởi kinh khiếp lắm. (Có hai bản cũ nhất, về sách Tin Lành theo Mác, thì đến đây là hết.)

⁹ (Vả, Đức Chúa Jê-sus đã sống lại buổi sớm mai ngày thứ nhất trong tuần lễ, thì trước hết hiện ra cho Ma-ri Ma-đơ-len, là người mà Ngài đã trừ cho khỏi bảy quỷ dữ. ¹⁰ Người đi đem tin cho những kẻ theo Ngài khi trước, và nay đang tang chế khóc lóc. ¹¹ Nhưng các người ấy vừa nghe nói Ngài sống, và người từng thấy Ngài, thì không tin.

¹² Kế đó, Đức Chúa Jê-sus lấy hình khác hiện ra cho hai người trong bọn môn đồ đang đi đường về nhà quê. ¹³ Hai người nấy đi báo tin cho các môn đồ khác, nhưng ai nấy cũng không tin.

¹⁴ Sau nữa, Ngài hiện ra cho mười một sứ đồ đang khi ngồi ăn, mà quở trách về sự không tin và lòng cứng cõi, vì chẳng tin những kẻ từng thấy Ngài đã sống lại.

¹⁵ Ngài phán cùng các sứ đồ rằng: Hãy đi khắp thế gian, giảng Tin Lành cho mọi người. ¹⁶ Ai tin và chịu phép báp-têm, sẽ được rỗi; nhưng ai chẳng tin sẽ bị đoán phạt. ¹⁷ Vậy những kẻ tin sẽ được các dấu lạ nầy: Lấy danh ta mà trừ quỷ; dùng tiếng mới mà nói; ¹⁸ bắt rắn trong tay; nếu uống giống chi độc, cũng chẳng hại gì; hễ đặt tay trên kẻ đau, thì kẻ đau sẽ lành.

Chúa Giê-xu Christ đã “bị nộp vì tội lỗi chúng ta, và sống lại vì sự xưng công bình của chúng ta” (*Rô-ma* 4:25). Một Đấng Cứu Chuộc đã chết không thể nào cứu được ai. Sự sống lại của Chúa Giê-xu Christ từ trong kẻ chết là một phần quan trọng của sứ điệp Phúc Âm y như sự chết hy sinh của Ngài trên thập tự giá (*I Cô-rinh-tô* 15:1-8). Thật vậy, trong sách *Công Vụ Các Sứ Đồ*, Hội Thánh làm chứng chủ yếu về sự sống lại của Ngài (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 1:22; 4:2, 33).

Sự sống lại chứng minh rằng Chúa Giê-xu Christ quả thật như lời Ngài tự nhận, là Con Đức Chúa Trời (*Rô-ma* 1:4). Ngài đã báo trước cho các môn đệ rằng Ngài sẽ sống lại từ trong kẻ chết, nhưng họ đã không hiểu thấu được ý nghĩa của chân lý này (*Mác* 9:9-10, 31; 10:34). Ngay cả những người đàn bà đến nơi mộ phần từ lúc tờ mờ sáng cũng không trông mong gặp được Ngài đang sống. Thật thế, họ đã mua các thứ hương thơm để hoàn tất việc xức dầu cho xác Ngài mà Giô-sép và

Ni-cô-đem đã làm quá vội vàng.

Khi kết hợp những lời tường thuật trong các sách Phúc Âm, bạn có thể lập lại thứ tự sau đây về những lần hiện ra của Chúa phục sinh vào ngày đầu tiên trong tuần lễ ấy: (1) với Ma-ri Ma-đơ-len (*Giăng* 20:11-18 và *Mác* 16:9-11), (2) với những người đàn bà khác (*Ma-thi-ơ* 28:9-10), (3) với Phi-e-rơ (*Lu-ca* 24:34 và *I Cô-rinh-tô* 15:5), (4) với hai người trên đường về Em-ma-út (*Mác* 16:12 và *Lu-ca* 24:13-32) và (5) với mười người trong các môn đệ trên Phòng Cao (*Mác* 16:14 và *Giăng* 20:19-25).

Trời vẫn còn mờ mờ khi Ma-ri Ma-đơ-len, Ma-ri mẹ của Gia-cơ, Sa-lô-mê, và Gian-nơ (*Lu-ca* 224:10) khởi sự đi đến mộ Chúa (*Giăng* 20:1) và họ đến đó vào lúc mờ sáng (*Lu-ca* 24:1). Điều ngạc nhiên đầu tiên của họ là nhìn thấy hòn đá đã lăn ra khỏi cửa mộ (*Ma-thi-ơ* 28:2-4) để họ có thể bước vào trong mộ. Điều ngạc nhiên thứ hai là việc gặp gỡ hai thiên sứ trong phần mộ (*Lu-ca* 24:4, *Mác* chỉ tập trung vào một thiên sứ); và điều ngạc nhiên thứ ba là việc nghe lời các thiên sứ truyền lại. Tất nhiên những người đàn bà đã rất đổi kinh ngạc!

Lời truyền lại của các thiên sứ là Chúa Giê-xu không có ở đó: Ngài đã sống lại từ kẻ chết, và Ngài hiện đang đi trước họ đến xứ Ga-li-lê nơi Ngài sẽ gặp lại họ. Những người đàn bà là những sứ giả đầu tiên loan báo sứ điệp Phục Sinh vinh hiển! Xin lưu ý là có một từ khích lệ đặc biệt dành cho Phi-e-rơ (*Mác* 16:7), và xin hãy nhớ là *Mác* đã viết sách Phúc Âm của mình với sự trợ giúp của Phi-e-rơ.

Ma-ri Ma-đơ-len chạy đi báo cho Phi-e-rơ và Giăng những điều bà đã khám phá (*Giăng* 20:2-10), và rồi bà nấn ná nơi cửa mộ sau khi họ đã đi khỏi. Chính vào lúc đó Chúa Giê-xu đã hiện ra cho bà (*Giăng* 20:11-18). Qua cuộc đối thoại của bà với Chúa Giê-xu, dường như là Ma-ri chưa hoàn toàn hiểu được những điều hai vị thiên sứ vừa nói, nhưng bà là tín hữu đầu tiên nhìn thấy Đấng Christ phục sinh. *Mác* 16:8 có thể có ý là tất cả những người đàn bà đều trốn đi, nhưng câu 9 nói rõ rằng chính mình Ma-ri đã gặp Chúa Giê-xu.

Sau khi hiện ra cho Ma-ri, Chúa Giê-xu đã gặp những người người đều tin. Hãy đối chiếu *Mác* 16:13 với *Lu-ca* 24:33-35. Rõ ràng là có sự chia rẽ trên Phòng Cao cho đến khi chính Chúa Giê-xu hiện ra với họ.

Nhưng khi Ngài hiện ra, Ngài quả trách họ về sự không tin do lòng họ cứng cõi (xin xem *Mác* 6:52; 8:17). Ngài đang vạch ra rằng những lời chứng về sự sống lại của Ngài có thể và cần phải được tin cậy. Cụm từ “Mười một người” trong 16:14 chỉ có nghĩa là các “Sứ đồ,” vào lúc đó chỉ có mười người đang ngồi ăn với nhau, vì Thô-ma đang vắng mặt (*Giăng* 20:19-25).

Trước khi Ngài thăng thiên bốn mươi ngày sau đó, Chúa đã ban nhiều mệnh lệnh cho những kẻ theo Ngài (*Giăng* 20:21; 21:15-17; *Ma-thi-ơ* 28:18-20; *Lu-ca* 24:27-29; *Công Vụ Các Sứ Đồ* 1:4-8). Mệnh lệnh Mác rao truyền có lẽ là một phần của Đại Mệnh Lệnh mà Chúa Giê-xu đã truyền phán trên một hòn núi tại xứ Ga-li-lê (*Ma-thi-ơ* 28:16-20).

Trong mệnh lệnh này Chúa Giê-xu vạch ra sứ điệp và chức vụ của chúng ta, và rồi hỗ trợ bằng thẩm quyền mà chỉ một mình Ngài có thể ban cho. Sứ điệp đó là nội dung của Phúc Âm, Tin Tức Tốt Lành về sự cứu rỗi bởi đức tin nơi Chúa Giê-xu Christ. Chức vụ đó là chia sẻ sứ điệp này cho toàn thế giới.

Đọc *Mác* 16:15-16 cách nông cạn có thể đưa đến lời giải thích rằng tội nhân phải chịu báp-têm để được cứu. Thế nhưng không thể hiểu như thế khi bạn chú ý rằng điểm nhấn mạnh là *niềm tin*. Nếu một người không tin, người ấy bị kết tội, ngay cho dù người ấy đã chịu báp-têm rồi (xin xem *Giăng* 3:16-18,36). Điều trông mong trong Hội Thánh ban đầu là các tín hữu sẽ chịu báp-têm (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 2:41; 10:44-48).

Khi Đức Chúa Trời ra lệnh cho Môi-se thách thức Pha-ra-ôn tại Ai Cập, Ngài ban cho ông các phép lạ đặc biệt để thi hành như là những ủy nhiệm thiên thượng, chứng minh rằng ông được sai đến bởi Đức Chúa Trời (*Xuất Ê-díp-tô* Ký 4:1-9). Điều này cũng đúng đối với một số đấng tiên tri (*I Các Vua* 18:1-46; *II Các Vua* 2:14-25). Các sứ đồ cũng được ban cho những “dấu

lạ” đặc biệt để làm cho vững mạnh sứ điệp họ rao giảng ra (*Hê-bơ-rơ* 2:3-4; *II Cô-rinh-tô* 12:12; *Công Vụ Các Sứ Đồ* 19:11-12). Tự chúng, các phép lạ không chứng minh rằng một người đã được Đức Chúa Trời sai đến, vì sứ điệp cũng phải phù hợp với Lời của Đức Chúa Trời (xin xem *II Tê-sa-lô-ni-ca* 2:1-17; *Khải Thị* 13:1-18).

Hầu hết các dấu lạ kể ra ở đây đã thật sự xảy ra vào thời các sứ đồ và được ghi lại trong sách *Công Vụ Các Sứ Đồ*. Điều gần gũi nhất chúng ta có đối với việc bắt rắn là kinh nghiệm của Phao-lô tại cù lao Man-tơ (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 28:3-6), nhưng chúng ta không có sự ký thuật nào trong Kinh Thánh về việc người nào uống thứ gì độc và vẫn còn sống. Hẳn là Đức Chúa Trời đã thực hiện nhiều điều diệu kỳ cho những người thuộc riêng về Ngài mà chúng ta không hề biết, nhưng chúng ta sẽ học biết về những điều đó trên thiên đàng.

Thật đáng buồn khi những người có thiện chí nhưng không được dạy dỗ lại đòi những dấu lạ này cho cá nhân mình và rồi chết vì cơ rắn cắn hay ngộ độc. Dĩ nhiên, lời bào chữa là họ không có đủ đức tin! Nhưng phạm làm điều chi không bởi đức tin thì điều đó là tội lỗi (*Rô-ma* 14:23) do đó, lẽ ra họ đã không nên làm điều đó.

Bắt rắn chỉ để chứng tỏ đức tin của mình tức là bị khuất phục trước loại cám dỗ mà Sa-tan đã dùng để thử đem Chúa Giê-xu trên nóc đền thờ (*Ma-thi-ơ* 4:5-7): “Hãy gieo mình xuống đi và xem thử Đức Chúa Trời có sẽ giữ gìn ngươi chăng.” Nó muốn chúng ta “phô trương” đức tin của mình và ép buộc Đức Chúa Trời thi hành những phép lạ không cần thiết. Chúa Giê-xu từ chối thử Đức Chúa Trời, và chúng ta cần phải theo gương Ngài. Đúng vậy, Đức Chúa Trời chăm sóc con cái Ngài khi, trong ý muốn Ngài, họ đang rơi vào những nơi nguy hiểm; nhưng Ngài không bị buộc phải chăm lo cho chúng ta khi chúng ta ngu dại ra khỏi ý muốn của Ngài. Chúng ta được kêu gọi để sống bởi đức tin, chứ không phải sống trong may rủi, và để tin cậy Đức Chúa Trời, chứ không phải để thử Ngài.

đàn bà khác khi họ đang trên đường đi báo cho các môn đệ cuộc nói chuyện của họ với Chúa Giê-xu (*Ma-thi-ơ* 28:9-10). Vào lúc đầu, những người đàn bà này vừa vui mừng vừa sợ, nhưng sau khi gặp Đấng Christ phục sinh, họ tìm gặp các môn đệ và chia sẻ tin mừng đó (*Ma-thi-ơ* 28:8). Nghe sứ điệp là một việc còn gặp gỡ Đấng Christ phục sinh cách cá nhân lại hoàn toàn là một việc khác. Khi bạn gặp gỡ Ngài, bạn có một điều gì đó để chia sẻ với những người khác.

Điểm nhấn mạnh trong *Mác* 16:9-14 là sự vô tín của các môn đệ là những kẻ đang than khóc thay vì vui mừng trước tin mừng ấy. Phải chăng vì họ có thành kiến đối với lời chứng của những người đàn bà? Có lẽ vậy, vì lời chứng của một người nữ không được tòa án Do Thái chấp nhận. Nhưng ngay cả khi hai môn đệ ở làng Em-ma-út làm chứng lại, không phải tất cả mọi

4. Sự Thăng Thiên Của Người Đầy Tớ

Mác 16: 19-20

¹⁹ Đức Chúa Jêsus phán như vậy rồi, thì được đem lên trời, ngồi bên hữu Đức Chúa Trời. ²⁰ Về phần các môn đồ, thì đi ra giảng đạo khắp mọi nơi, Chúa cùng làm với môn đồ, và lấy các phép lạ cặp theo lời giảng mà làm cho vững đạo).

Phúc Âm của Mác tương đương với phân đoạn Kinh Thánh tuyệt diệu về người Đầy Tớ trong *Phi-líp* 2:1-11

Ngài đã đến như một Tội Tớ (*Phi-líp* 2:1-7) - *Mác* 1:1-13:37

Ngài đã chết trên cây thập tự (*Phi-líp* 2:8) - *Mác* 14:1-15:47

Ngài đã được tôn cao cách hiển vinh (*Phi-líp* 2:9) - *Mác* 16:1-20

Cả Phao-lô và Mác đều nhấn mạnh nhu cầu đối với con dân Đức Chúa Trời là phải rao giảng sứ điệp ra cho tất cả các dân tộc (*Phi-líp* 2:10-11; *Mác* 16:15-16) và có thêm lời xác quyết rằng Đức Chúa Trời hành động trong họ và qua họ (*Phi-líp* 2:12-13; *Mác* 16:19-20).

Sự thăng thiên của Chúa chúng ta đánh dấu sự hoàn tất của

chức vụ Ngài trên đất và sự bắt đầu của chức vụ mới của Ngài trên trời với tư cách Thầy Tế Lễ Thượng Phẩm và Đấng Cầu Thay cho con dân Ngài (*Hê-bơ-rơ* 7:10; *I Giăng* 2:1-3). “Bên hữu Đức Chúa Trời” là vị trí nói lên sự tôn trọng và uy quyền (*Thi Thiên* 110:1; *I Phi-e-rơ* 3:22). Chúa chúng ta giống như Mên-chi-xê-đéc, Vua Công Chính và Vua Bình An (*Sáng Thế Ký* 14:17-19; *Hê-bơ-rơ* 7:2).

Một trong những chức vụ của Ngài trên thiên đàng là ban quyền năng để con dân Ngài có thể làm thành ý muốn của Ngài (*Hê-bơ-rơ* 13:21). Vì lẽ đó Phúc Âm của Người Đầy Tớ kết thúc với sự nhắc nhở phải hành động cũng như Ma-thi-ơ, Phúc Âm của Vị Vua, kết thúc bằng sự kêu gọi phải lưu tâm đến thẩm quyền lớn lao của Ngài. Bởi Thánh Linh Ngài, Chúa mong muốn hành động trong chúng ta (*Phi-líp* 2:12-13) với chúng ta (*Mác* 16:20) và vì cơ chúng ta (*Rô-ma* 8:28).

Các sứ đồ và các đấng tiên tri đã lập nền cho Hội Thánh (*Ê-phê-sô* 2:20) vì thế công tác của họ đã hoàn tất và các dấu lạ của chức vụ sứ đồ đã ngưng. Nhưng Chúa vẫn không ngừng hành động, và Ngài vẫn đang hành động trong và qua con dân Ngài để cứu một thế giới đang hư mất. Chúa Giê-xu, Người Đầy Tớ - Con Đức Chúa Trời đã về trời, nhưng Ngài vẫn còn con dân Ngài trên đất là những người có thể trở nên những đầy tớ của Ngài.

Thật là một đặc ân khi có Chúa đang làm việc với chúng ta!

Cơ hội và nghĩa vụ đem Phúc Âm đến cho toàn thế giới thật cao cả biết bao!

“Vì Con người đã đến không phải để người ta hầu việc mình, nhưng để hầu việc người ta, và phó sự sống mình làm giá chuộc cho nhiều người” (*Mác* 10:45).

Bạn đang phục vụ – hay bạn đang mong đợi người khác phục vụ mình?

Phúc Âm Mác Cho Bạn Biết Về “Người Đầy Tố Của Đức Chúa Trời” Và Khích Lệ Bạn Nhiệt Thành Phục Vụ Chúa Và Tha Nhân

Phúc Âm Mác trình bày Chúa Cứu Thế Giê-xu trong hình ảnh “Người Đầy Tố Đâu Khố” của Đức Chúa Trời đến trần gian không phải để được phục vụ nhưng để phục vụ đến nỗi cuối cùng kết thúc cuộc đời phục vụ bằng sự hi sinh trên thập tự giá. Qua Phúc Âm Mác, chúng ta thấy một Chúa Cứu Thế luôn bận rộn trong công tác phục vụ nhằm đáp ứng nhu cầu thể xác lẫn tâm linh của mọi hạng người.

Qua từng chương của Phúc Âm Mác, Warren W. Wiersbe không những làm nổi bật cuộc đời Chúa Cứu Thế Giê-xu như là gương mẫu cho chúng ta trong công tác phục vụ, nhưng còn khích lệ mỗi chúng ta trở nên những đầy tớ nhiệt thành phục vụ Chúa và tha nhân.

Warren W. Wiersbe

Tiến sĩ Warren W. Wiersbe là giáo sư Kinh Thánh nổi tiếng trên các làn sóng phát thanh. Ông từng làm mục sư tại Hội Thánh Moody Church, Chicago và giáo sư về môn giảng luận tại Trường viện Grand Rapids Baptist Seminary. Ông đã viết trên 100 cuốn sách, trong đó bộ Giải Nghĩa Kinh Thánh này - BE SERIES - đã ấn hành trên 4 triệu bản.

văn phẩm nguồn sống

Vietnam Ministries, Inc.

P.O. Box 4568, Anaheim, CA 92803

(714) 758-VPNS 758-8767

Fax: (714) 535-3943